

TUẦN 25

**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 25
TỪ NGÀY 04/03 – 08/03/2024**

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy
HAI (04/03)	1	73	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Chương trình “Lời nhắn nhủ yêu thương”
	2	169	Tiếng Việt	Đọc: Vườn của ông tôi
	3	121	Toán	Số lần xuất hiện của một sự kiện
	4	49	Khoa học	Chế độ ăn uống cân bằng (Tiết 3)
	5	49	Thể dục	Bài 6: Bật nhảy quay các hướng.
	6	97	Tiếng Anh	- REVIEW 3 - FLUENCY TIME 3
	7	64	Ôn Toán	Số lần xuất hiện của một sự kiện
	8	25	Đạo đức	Bài 7: Duy trì quan hệ bạn bè (Tiết 3)
BA (05/03)	1	170	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn
	2	171	Tiếng Việt	Viết: Trả bài viết đoạn văn nêu ý kiến
	3	122	Toán	Luyện tập
	3	49	LS -ĐL	Bài 21: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên (tiết 1)
	5			
	6	74	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Lập kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương với những người thân trong gia đình.

				- Thực hành thể hiện sự gắn kết yêu thương với những người thân trong gia đình.
	7	25	Công nghệ	Bài 9. Lắp ghép mô hình rô -bốt - Tiết 1
	8	45	Ôn TV	Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn
TU (06/03)	1	172	Tiếng Việt	Đọc: Trong lời mẹ hát (Tiết 1)
	2	50	Thể dục	Bài 6: Bật nhảy quay các hướng.
	3	173	Tiếng Việt	Đọc: Trong lời mẹ hát (Tiết 2)
	4	123	Toán	Luyện tập chung
	5	25	Âm nhạc	Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 3 Vận dụng
	6	98	Tiếng Anh	- REVIEW 3 - FLUENCY TIME 3
	7	50	Khoa học	Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 1)
	8	46	Ôn TV	Nói và nghe: Truyền thống Uống nước nhớ nguồn
NĂM (07/03)	1	100	Tiếng Anh	- REVIEW 3 - FLUENCY TIME 3
	2	100	Tiếng Anh	- REVIEW 3 - FLUENCY TIME 3
	3	174	Tiếng Việt	Viết: Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc
	4	124	Toán	Khái niệm về phân số
	5			

	6		Năng khiếu	
	7	65	Ôn Toán	Luyện tập chung
	8	16	KNS	Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3
SÁU (08/03)	1	175	Tiếng Việt	Nói và nghe: Truyền thống Uống nước nhớ nguồn
	2	125	Toán	Luyện tập
	3	50	LS-ĐL	Bài 21: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên (tiết 2)
	4	75	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Báo cáo kết quả thực hiện những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương với những người thân trong gia đình.
	5			
	6	25	Mĩ thuật	Bài 12: Trang trí đồ vật
	7	25	Tin học	Bài 12B: Phần mềm luyện tập gõ bàn phím
	8	66	Ôn Toán	Luyện tập

Thứ hai, ngày 4 tháng 3 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ

TIẾT 1 - SINH HOẠT DƯỚI CỜ: CHƯƠNG TRÌNH “LỜI NHẮN NHỮ YÊU THƯƠNG”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần
- Học sinh tích cực, lắng nghe TPT nhận xét để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.
- Học sinh thể hiện được tình cảm của mình đối với người thân trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị ghế ngồi.

2. Học sinh:

- Trang phục chỉnh tề, ghế ngồi dự khai giảng.
- Chuẩn bị tiết mục văn nghệ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: Học sinh vui vẻ, chuẩn bị tốt tiết chào cờ đầu tuần. - Cách tiến hành:	
- Yêu cầu học sinh chuẩn bị ghế. - Tổ chức học sinh xếp hàng. - GV theo dõi hỗ trợ các em.	- HS lấy ghế ra sân. - HS nghiêm túc xếp hàng ngồi ngay ngắn, trật tự..
2. Sinh hoạt dưới cờ: Phần nghi lễ: - Mục tiêu: + Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần. + Học sinh nghiêm túc khi tham gia chào cờ. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia chào cờ cùng cả trường.	- HS tham gia chào cờ nghiêm túc.

<p>* Chào cờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở HS giữ trật tự, tập trung chú ý và nêu được ít nhất một điều ấn tượng về các hoạt động trong buổi chào cờ - GV yêu cầu hs đứng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục. - Quan sát, nhận xét. - Yêu cầu hs nghiêm túc tham gia chào cờ, hát quốc ca. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đứng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục. - Hát quốc ca.
<p>2. Nhận xét công tác tuần qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh tiếp thu và phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS lắng nghe TPT tổng kết kết quả đạt được 1 tuần qua, nhận xét những mặt đạt và chưa đạt. Nêu nội quy nhà trường. - Lắng nghe thầy HT nhận xét tuần qua và đưa ra phương hướng tuần tới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập: Chương trình “Lời nhắn nhủ yêu thương”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh thể hiện được tình cảm của mình đối với người thân trong gia đình. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỗ trợ HS trong việc trưng bày sản phẩm tranh và chia sẻ về việc làm thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình khi tham gia triển lãm. - GV tổ chức cho HS tham gia triển lãm tranh của nhà trường và nhắc các em quan sát, ghi lại cảm nhận về bức tranh yêu thích trong triển lãm. Lưu ý: GV nhắc HS tham gia triển lãm một cách lịch sự: xem tranh, cảm nhận, học hỏi và không sờ vào tranh; không chạy nhảy làm rơi tranh khỏi giá,... - GV tổ chức cho HS ghi lại, chia sẻ cảm xúc về bức tranh em yêu thích và những điều em học được để 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trưng bày sản phẩm. - HS tham gia triển lãm tranh

tạo sự gắn kết với người thân trong gia đình sau khi tham quan triển lãm.

- Kết thúc, dặn dò.

- HS lắng nghe.

Tiếng Việt

CHỦ ĐỀ: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Bài 13: VƯỜN CỦA ÔNG TÔI (3 tiết)

Tiết 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Vườn của ông tôi.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời trò chuyện và lời kể, lời chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bà và cháu trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua lời nói, cử chỉ, hành động, tình cảm,....
- Hiểu được nội dung câu chuyện Vườn của ông tôi: Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông, người đã làm nên khu vườn đó.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết thể hiện tình nghĩa, lòng biết ơn đối với người thân cũng như mọi người xung quanh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết thể hiện tình nghĩa, lòng biết ơn đối với người thân cũng như mọi người xung quanh.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Gọi học sinh đọc một đoạn trong bài Chàng trai làng Phù Ủng và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.	- Học sinh đọc bài và trả lời câu hỏi. - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Vườn của ông tôi. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời trò chuyện và lời kể, lời chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bà và cháu trong câu chuyện. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài,	- HS lắng nghe giáo viên đọc.

nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.

- GV HD đọc:

+ Về giọng đọc: *Đọc diễn cảm với ngữ điệu chung. Trầm ấm và tình cảm. Nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh. um tùm, cao vút, mọc tít ở ngoài ngõ) hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.(nhớ đến ông, tự hình dung ra ông, tưởng tượng, không thể phai nhạt, đỡ nhớ). Nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả, gợi cảm xúc của các nhân vật.*

+ Về từ ngữ: Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (*xòà xuống, uốn nó xuống, lời chỉ dẫn, cây cao vút, giữa quãng cách,*)

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV chia đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến cho cá ăn sung.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến như khi ông còn sống.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến khoai sọ.

+ Đoạn 4: Tiếp theo đến còn mãi xanh tươi.

+ Đoạn 5: Phần còn lại.

- GV Gọi học sinh đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ ngữ, từ khó: *lụi, hình dung, mẫu đơn, dành dành, xòà, cao vút, ngải cứu, vun xới,.....*

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS theo dõi GV chia đoạn.

- HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp.

- HS đọc từ ngữ, lời giải nghĩa và một

<p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu:</p> <p><i>Dù chỉ hoàn toàn là những tưởng tượng/ nhưng bóng hình ông/ không thể phai nhạt/ khi vườn cây/ còn mãi xanh tươi//.</i></p> <p><i>Đêm giao thừa nào/ bà tôi/ cũng làm một mâm cơm cúng/ đặt lên bẻ nước/ để mời ông về/ vui với con cháu/ và để cho cây vườn/ đỡ nhớ://</i></p>	<p>số từ khó.</p> <p>- HS đọc câu theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm với ngữ điệu trầm ấm và tình cảm. Nhấn giọng ở những từ ngữ tả, thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.</p> <p>- Gọi HS đọc nối tiếp các đoạn của bài đọc</p> <p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).</p> <p>- GV theo dõi sửa lỗi cho học sinh.</p> <p>- Tổ chức thi đọc diễn cảm trước lớp:</p> <p>+ GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.</p> <p>+ GV nhận xét tuyên dương</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm.</p> <p>- 5 HS đọc nối tiếp.</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn.</p> <p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>+ Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.</p> <p>+ HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua lời nói, cử chỉ, hành động, tình cảm,....</p>	

+ Hiểu được nội dung câu chuyện Vườn của ông tôi: Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông, người đã làm nên khu vườn đó.

- Cách tiến hành:

3.1. Tìm hiểu bài.

- Tổ chức học sinh đọc câu hỏi, thảo luận và trả lời.

- GV hỗ trợ giúp đỡ học sinh (Gợi ý, nhắc nhở, rèn học sinh kỹ năng trả lời câu hỏi: đủ ý, rõ nội dung, tròn câu văn,...)

Câu 1: Lần đầu về quê, bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về những cây nào trong vườn.

Câu 2: Theo em, qua lời giới thiệu của bà, bạn nhỏ hiểu được điều gì về vườn cây?

Câu 3: Vì sao hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân?

Câu 4: Đóng vai bạn nhỏ, nói 1 - 2 câu nhận

- HS thực hiện theo hướng dẫn.

- Lần đầu về quê bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về nhiều loại cây. Mít, nhãn, sung, chuối, cau, khế, dứa, măng, mướp, dưa chuột, mướp đắng, mướp, mướp đắng,...

- Cây nào trong vườn cũng gợi nhớ về ông; Cây trong vườn luôn gợi kỷ niệm về ông; Vườn của ông luôn được bà chăm sóc chu đáo. Vườn cây của ông luôn được bà yêu quý, giữ gìn.;.....

- Hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân vì vườn cây luôn xanh tốt, luôn gợi cảnh ông chăm sóc vườn cây; Vì vườn cây, ông trông luôn gợi hình bóng ông; Vì người thân luôn nhớ công ơn của ông: ông đã trồng nên một vườn cây xanh tốt;....

- Vườn của ông mình có rất nhiều cây ăn quả. Cây mít, cây sung, cây khế lúc nào cũng chi chít quả; Vườn cây của ông tớ có đủ các loại nào là cây ăn quả

<p>xét về vườn cây của ông.</p> <p>Câu 5: Nếu là bạn nhỏ trong câu chuyện, em sẽ làm gì để giữ gìn vườn cây của ông được nguyên vẹn đúng như khi ông còn sống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương học sinh. - GV yêu cầu HS suy nghĩ và nêu nội dung chính của bài. - GV nhận xét, kết luận nội dung chính của bài đọc: <i>Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông, người đã làm nên khu vườn đó.</i> 	<p><i>nào là cây bóng mát, nào là cây hoa; Cây trong vườn đều do ông tôi trồng, bà tôi bảo có những cây ông trồng khi tôi còn bé tí;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Em sẽ chăm chỉ vun xới, tưới nước cho từng cây trong vườn. Sẽ tỉa cành bắt sâu cho các loại cây hoa. Sẽ rào lại xung quanh để bảo vệ chúng,...</i> - HS lắng nghe. - HS nêu nội dung bài (theo cảm nhận và sự hiểu biết của mình). - HS nhắc lại nội dung chính của bài học.
<p>3.2. Luyện đọc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm và đọc mẫu. - Tổ chức học sinh luyện đọc theo nhóm. - Tổ chức đọc diễn cảm trước lớp. - Đánh giá, nhận xét, tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe hướng dẫn. - Luyện đọc trong nhóm. - Đại diện nhóm đọc trước lớp. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết thể hiện tình nghĩa, lòng biết ơn đối với người thân cũng như mọi người xung quanh. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng chia sẻ, thể hiện tình cảm, lòng biết ơn đối với người thân cũng như mọi người xung quanh. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia chia sẻ cảm nhận, thể hiện tình cảm đối với người thân.
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 9: LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT

Bài 51: SỐ LẦN XUẤT HIỆN CỦA MỘT SỰ KIỆN (TIẾT 1).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

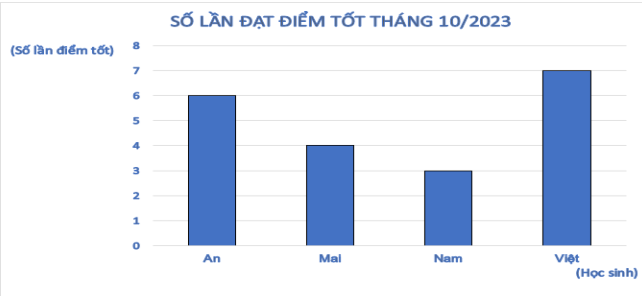
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bộ đồ dùng dạy học toán 4.

- Xúc xắc. Bóng hoặc bút, viên bi màu với 2 loại màu khác nhau.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh										
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>											
<p>Cho học sinh quan sát biểu đồ và trả lời các câu hỏi.</p>  <table border="1"><caption>SỐ LẦN ĐẠT ĐIỂM TỐT THÁNG 10/2023</caption><thead><tr><th>Học sinh</th><th>Số lần đạt điểm tốt</th></tr></thead><tbody><tr><td>An</td><td>6</td></tr><tr><td>Mai</td><td>4</td></tr><tr><td>Nam</td><td>3</td></tr><tr><td>Việt (Học sinh)</td><td>7</td></tr></tbody></table> <p>- Tháng 10/2023 có bao nhiêu bạn đạt điểm tốt, đó là những bạn nào?</p> <p>- Bạn nào có số lần đạt điểm tốt cao nhất?</p> <p>- Bạn nào có số lần đạt điểm tốt thấp nhất?</p> <p>- Trung bình mỗi bạn có bao nhiêu lần đạt điểm tốt?</p> <p>- Nhận xét tuyên dương học sinh</p>	Học sinh	Số lần đạt điểm tốt	An	6	Mai	4	Nam	3	Việt (Học sinh)	7	<p>Học sinh thực hiện.</p> <p>- Có 4 bạn (An, Mai, Nam, Việt)</p> <p>- Bạn Việt.</p> <p>- Bạn Nam.</p> <p>- Trung bình mỗi bạn có 5 lần đạt điểm tốt $(6 + 4 + 3 + 7) : 4 = 5$ (lần)</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
Học sinh	Số lần đạt điểm tốt										
An	6										
Mai	4										
Nam	3										
Việt (Học sinh)	7										

- Giới thiệu vào bài mới.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:

Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện

- Cách tiến hành:

- Tổ chức cho học sinh quan sát tranh phân khám phá và mời học sinh nói (mô tả) những gì thấy được trong bức tranh.



- Các bạn đang làm gì?

- Trong tranh bạn Việt lần lượt thực hiện 20 lần quay. Bạn Nam quan sát xem khi chiếc vòng quay dừng lại thì mũi tên chỉ vào phần màu nào rồi ghi lại kết quả vào vở.

- Theo em có mấy sự kiện có thể xảy ra khi quay vòng quay ?

- Tổ chức cho học sinh quan sát và đọc kết quả bảng thống kê kiểm đếm của bạn Nam.

Phần màu đỏ	
Phần màu vàng	

Giáo viên kết luận: Như vậy có 9 lần mũi tên dừng lại ở phần màu đỏ và 11 lần mũi

- Học sinh quan sát bức tranh và mô tả.

- Trong tranh có vòng quay đỏ - vàng. Với 2 phần màu đỏ, 2 phần màu vàng xếp xen kẽ nhau và một cái mũi tên. Ngăn giữa các phần có một cái đinh để bảo vệ mũi tên sẽ không chỉ vào khoảng cách giữa 2 phần cạnh nhau.

- Bạn Việt có vẽ vừa thực hiện một vòng quay Nam đang ghi chép gì đó?

- Có hai sự kiện có thể xảy ra: Mũi tên dừng lại ở phần màu vàng Và mũi tên dừng lại ở phần màu đỏ.

- Có 9 lần phần mũi tên dừng ở phần màu đỏ.

- Có 11 lần phần mũi tên dừng ở phần màu xanh.

- Học sinh lắng nghe.

tên dừng lại ở phần màu vàng.

3. Thực hành.

Bài tập 1:

- Quan sát tranh minh họa bài tập 1 và hãy cho biết các sự kiện có thể xuất hiện khi Rô-bốt lấy 1 quả bóng từ trong chiếu hộp ?

- Tổ chức học sinh thực hành: Lấy 1 quả bóng ra khỏi hộp, quan sát màu, ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm rồi trả lại bóng vào hộp thực hiện 10 lần như vậy.

- Mời Các nhóm chia sẻ kết quả hoạt động.

+ Có bao nhiêu lần lấy được bóng xanh? Có bao nhiêu lần lấy được bóng vàng?

+ Sự kiện nào xuất hiện nhiều lần hơn?

Bài tập 2: Giúp đỡ di chuyển bằng cách gieo hai xúc xắc và tính tích số chấm ở các mặt trên của xúc xắc.

- Giáo viên cho học sinh nhắc lại cách nhận biết số chẵn, số lẻ.

- Các sự kiện nào có thể xuất hiện khi ta gieo hai xúc xắc và tính tích số chấm ở các mặt trên của xúc xắc ?

- giáo viên hướng dẫn và tổ chức học sinh thực hành.

- Quan sát tranh và trả lời: Có 2 sự kiện có thể xảy ra. Rô-bốt lấy được 1 quả bóng màu xanh và Rô-bốt lấy được 1 quả bóng màu vàng.

- Học sinh thực hành (theo nhóm 4) lấy 1 quả bóng ra khỏi hộp, quan sát màu, ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm

Bóng xanh	
Bóng vàng	

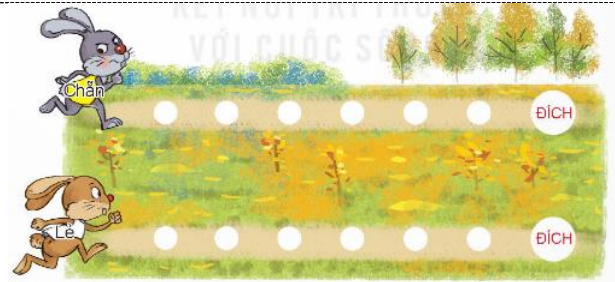
- Các nhóm trình bày. Chia sẻ kết quả hoạt động.

- Học sinh nhắc lại: Chẵn x lẻ = chẵn,
lẻ x chẵn = chẵn, chẵn x chẵn = chẵn,
lẻ x lẻ = lẻ.

- Có hai sự kiện có thể xảy ra là: Nhận được tích là số chẵn và nhận được tích là số lẻ.

- Học sinh thực hành theo nhóm: Gieo xúc xắc, tính tích số chấm ở các mặt trên của xúc xắc và ghi lại kết quả.

- Tổ chức các nhóm báo cáo kết quả.



- Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng các cho học sinh thực hành lấy các viên bi xanh, đỏ trong hộp và ghi lại kết quả kiểm đếm số lần xuất hiện của bi xanh và bi vàng.

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia thực hành.

- HS lắng nghe để vận dụng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Khoa học

CHỦ ĐỀ 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 24: CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG CÂN BẰNG (Tiết 2+3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát và ghi nhớ được các nhóm thức ăn ở Tháp dinh dưỡng của trẻ em.
- Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày.
- Nêu được ở mức độ đơn giản về chế độ ăn uống cân bằng.
- Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào Tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà, ở trường.
- Rèn luyện thói quen thực hiện chế độ ăn uống cân bằng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện chế độ ăn uống cân bằng theo nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm về chế độ ăn uống cân bằng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập, phối hợp với gia đình thực hiện chế độ ăn uống cân bằng.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức múa hát bài “Tâm hồn ăn uống” - Nhạc và lời Gia Hân để khởi động bài học.- GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát và các hoạt động múa, hát mà các bạn thể hiện trước lớp.+ Vì sao phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn khác nhau?- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát.- HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.- HS trả lời- HS lắng nghe.
2. Hoạt động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày.+ Nêu được ở mức độ đơn giản về chế độ ăn uống cân bằng.+ Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào Tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà, ở trường.- Cách tiến hành:	
Hoạt động 2: Ăn uống cân bằng, lành mạnh.	

HD 2.1. Tháp dinh dưỡng(nhóm 4)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các tầng của sơ đồ “ Tháp dinh dưỡng” và thực hiện theo nội dung của SGK



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả

- GV nhận xét chung, chốt lại các nhóm thức ăn trong tháp dinh dưỡng.

- HS đọc yêu cầu và thực hiện theo nhóm 4

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét.

Tháp dinh dưỡng gồm: muối, đường, chất béo, đạm, các loại quả, rau xanh và lương thực.

+ **Nhóm lương thực:** bánh mì, gạo, khoai tây, khoai lang, mì, bắp,...Nhóm thực phẩm này nên ăn đủ từ 150-250g/ ngày

+**Nhóm rau củ quả:** 150-250g gồm các loại rau: bắp cải, xúp lơ,.., các loại củ quả: chuối, ngò, khoai, cà chua,..

+**Sữa và các sản phẩm từ sữa:** từ 400 -600ml / ngày

+**Nhóm thực phẩm bổ sung đạm:** gồm sữa, sữa chua, phô mai, thịt nạc, gia cầm, cá, trứng, hạt và

<p>- GV mời HS nhắc lại</p> <p>+ Ngoài việc ăn theo tháp dinh dưỡng các em cần làm gì nữa?</p> <p>+ Hoạt động thể lực mỗi ngày em làm những gì?</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, nhắc nhở cần thực hiện theo tháp dinh dưỡng.</p>	<p>nhóm họ đậu 25g/ ngày</p> <p>+ Nhóm dầu, mỡ: gồm các chất béo mỗi ngày dưới 15g</p> <p>+Nhóm đường, muối: cần hạn chế trong khẩu phần ăn hàng ngày. Đường dưới 15g/ ngày, muối dưới 4g/ ngày</p> <p>Các loại thực phẩm sẽ được biểu diễn theo hình kim tự tháp với đỉnh tháp tượng trưng cho nhóm thực phẩm cần hạn chế ăn và đáy tháp là nhóm thực phẩm cho phép ăn nhiều</p> <p>- 2-3 HS nhắc lại tháp dinh dưỡng</p> <p>+ Hoạt động thể lực 60 phút/ngày. Uống đủ 1300- 1500ml nước mỗi ngày</p> <p>+ Đi bộ, chạy nhảy, múa hát,...</p> <p>+ HS lắng nghe</p>
<p>HĐ 2.2: Làm việc theo cặp</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu trong SGK</p>	<p>- HS đọc yêu cầu trong SGK</p>

2. Dựa vào Tháp dinh dưỡng, hãy cho biết:
- Bữa ăn nào trong hình 4 đã cân bằng, lành mạnh? Vì sao?
 - Cần thêm hoặc bớt thức ăn trong khay như thế nào để có bữa ăn cân bằng, lành mạnh?



- GV mời HS trình bày, nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét và chốt ý: Để có bữa ăn cân bằng, lành mạnh ta cần bổ sung đầy đủ các loại nhóm thức ăn theo tháp dinh dưỡng quy định.

- Đại diện một số cặp trình bày, mỗi em nêu một khay

+ Khay 4a có sự cân bằng, lành mạnh vì đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng..

+ Khay 4b không có rau, củ nên thiếu vitamin, nhiều đồ chiên rán. Khay 4b bớt đồ chiên rán, bổ sung thêm rau, củ quả,..

HD 2.3. Làm việc cả lớp

- GV mời HS trả lời các câu hỏi:
- + Những thức ăn đồ uống nào chứa nhiều đường cần ăn ít, chứa nhiều muối cần ăn hạn chế?

- HS lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời

+ Các loại thực phẩm có chứa nhiều đường như bánh kẹo, sữa có đường, nước ngọt,... cần ăn ít, các thức ăn chứa nhiều muối như thức ăn nhanh, đồ hộp, đồ ăn vặt,... chứa nhiều muối cần ăn hạn chế.

+ Những thức ăn nào không cần sử dụng thêm

+ Thức ăn không cần sử dụng thêm gia vị chấm khi ăn: rau củ xào, thịt xào,...

gia vị chấm khi ăn?

+Thói quen ăn uống hằng ngày của em đã lành mạnh chưa? Vì sao?

+ Em cần thay đổi gì để các bữa ăn lành mạnh?

- GV nhận xét, khen ngợi

- GV mời HS đọc thông tin bổ sung

+ HS tự trình bày, nhận xét, bổ sung

+ HS nêu

+ HS đọc thông tin bổ sung

HD 2.4. Làm việc cá nhân

- GV yêu cầu HS thực hiện theo các câu hỏi trong SGK

+ Liệt kê các thức ăn, đồ uống em đã ăn hai ngày gần đây ở nhà, ở trường theo gợi ý sau:

1. Liệt kê các thức ăn, đồ uống em đã ăn hai ngày gần đây ở nhà, ở trường theo gợi ý sau:

Ngày	Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa phụ	Bữa tối
Ngày thứ nhất	1 bánh mì 1 quả trứng rán	1 bát cơm 1 miếng thịt gà rán 1 bát canh rau	1 hộp sữa chua	1 bát cơm 2 miếng đậu phụ 4 miếng thịt lợn 1 nửa bát canh rau
?	?	?	?	?

- GV mời một vài em trình bày, soi bài làm của em đó.

+ Dựa vào sơ đồ “Tháp dinh dưỡng” đối chiếu với các bữa ăn trong 2 ngày ở trên và nhận xét các bữa ăn trong ngày đã cân bằng, lành mạnh chưa vì sao?

+ Em cần thay đổi điều gì về thói quen ăn uống để các bữa ăn cân bằng lành mạnh và có lợi cho sức khỏe?

Tổng kết:

- HS đọc và thực hiện theo yêu cầu

- HS trình bày, nhận xét

- HS đối chiếu, cho ý kiến

<p>- Qua các nội dung, em cho biết: Để đảm bảo chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh cần làm gì?</p> <p>+ GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV mời một vài em nhắc lại.</p>	<p>- HS nêu, bạn khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- HS trả lời cá nhân theo hiểu biết:</p> <p>+ Ăn đủ bữa và:</p> <p>+ Phối hợp nhiều loại thức ăn</p> <p>+ Ăn rau xanh, quả chín và uống đủ nước.</p> <p>+ Sử dụng hợp lí thức ăn có nguồn gốc động vật và thực vật.</p> <p>+ Sử dụng ít muối và đường</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Tâm sự cùng hoa”</p> <p>+ GV chuẩn bị một số hoa bằng giấy màu.</p> <p>+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt trong thời gian 2 phút.</p> <p>+ Các nhóm thi nhau đưa ra những thức ăn mình cần bổ sung để có chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh. Sau 2 phút, nhóm nào có</p>	<p>- Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.</p> <p>- HS tham gia trò chơi</p>

nhiều bạn được lên nhóm đó thắng cuộc.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà thực hiện chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

BÀI 48: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Củng cố phép nhân, chia cho số có một, hai chữ số trong phạm vi lớp triệu.
- Củng cố cách Tính nhẩm được phép nhân, phép chia với 10, 100, 1000. Tính nhẩm được phép nhân, phép chia với số tròn chục, tròn trăm (có hai, ba chữ số)
- Củng cố cách Tính chu vi, diện tích của hình vuông, hình chữ nhật.
- Vận dụng làm các bài tập và bài toán thực tế có liên quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên*: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. *Học sinh*: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động: (3-5')</p> <p>- GV tổ chức trò chơi</p> <p>Gv nêu bài toán: Người ta lấy 42l xăng đem chia vào 6 thùng. Bốn thùng như thế thì chứa bao nhiêu lít xăng?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p> <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 37, 38 Vở Bài tập Toán.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>Tóm tắt:</p> <p>6 thùng: 42l</p> <p>4 thùng: ? lít</p> <p>Bài giải:</p> <p>Một thùng chứa số lít xăng là:</p> $42 : 6 = 7 \text{ (l)}$ <p>Bốn thùng chứa số lít xăng là:</p> $7 \times 4 = 28 \text{ (l)}$ <p>Đáp số: 28 l xăng.</p> <p>- HS nêu kết quả bài</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào</p>

<p>- GV cho Hs làm bài trong 15 phút.</p> <p>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p> <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>* Bài 1: Tính nhẩm (Làm việc cá nhân)</p> <p>- GV yêu cầu học sinh đọc toán</p> <p>- Hướng dẫn học sinh làm bài trên vở</p> <p>a) $52\ 613 \times 10$ b) $235\ 400 : 100$</p> <p> $8\ 482 \times 100$ $943\ 700 : 10$</p> <p> $9\ 358 \times 100$ $74\ 000 : 1000$</p> <p>- GV gọi HS nêu cách làm và thực hiện vào vở</p> <p>H: Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000 ta làm như thế nào?</p> <p>H: Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn.... Cho 10, 100, 1000..... ta làm như thế nào?</p>	<p>vở.</p> <p>- Hs làm bài</p> <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- Học sinh làm</p> <p>a) $52\ 613 \times 10 = 526\ 130$</p> <p>$8\ 482 \times 100 = 848\ 200$</p> <p>$9\ 358 \times 100 = 935\ 800$</p> <p>b) $235\ 400 : 100 = 2\ 354$</p> <p>$943\ 700 : 10 = 94\ 370$</p> <p>$74\ 000 : 1000 = 74$</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000 ta chỉ việc thêm một, hai, ba ... chữ số không vào bên phải chữ số đó.</p> <p>- Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000.... ta chỉ việc bỏ bớt một, hai, ba, ... chữ</p>
--	---

- GV nhận xét, tuyên dương

→ *Gv chốt củng cố* về cách tính nhân các số với 10, 100, 1000,....

* **Bài 2:** Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} 81\ 207 \times 6 \\ 3\ 512 \times 54 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 41\ 072 : 8 \\ 159\ 200 : 67 \end{array}$$

- Gọi HS đọc yêu cầu bài toán.

- Gọi HS trình bày kết quả

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn.

- GV nhận xét tuyên dương.

→ *Gv chốt củng cố* cách nhân, chia với số có 1, 2 chữ số

* **Bài 3:** Điền S, Đ vào ô trống

- GV gọi HS đọc đề.

- GV yêu cầu HS phân tích đề theo nhóm đôi.

+ Đề bài cho biết gì? Cần tính gì?

số 0 ở bên phải chữ số đó.

- Hs lắng nghe rút kinh nghiệm

- HS đọc yêu cầu.

- HS trình bày

$$\begin{array}{r} \times 81207 \\ \hline 6 \\ \hline 487242 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 41072 \overline{) 8} \\ 10 \overline{) 5134} \\ 27 \\ 32 \\ 0 \end{array}$$
$$\begin{array}{r} \times 3512 \\ \hline 54 \\ \hline 14048 \\ 17560 \\ \hline 189648 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 159200 \overline{) 67} \\ 252 \overline{) 2376} \\ 510 \\ 410 \\ 8 \end{array}$$

- HS đọc

- HS TL CH.

+ Muốn điền được kết quả đúng sai ta phải làm như thế nào?

- Muốn tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật ta làm như thế nào?

- Yêu cầu HS đọc bài làm ở vở.

- Gọi HS đọc bài làm và giải thích cách làm.

- GV nhận xét

* **Bài 4:** Khối 4 của trường Tiểu học Hòa Bình gồm 6 lớp, mỗi lớp có 35 học sinh và 3 lớp, mỗi lớp có 32 học sinh. Hỏi trung bình mỗi khối lớp có bao nhiêu học sinh?

- GV yêu cầu HS đọc bài toán

- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì ?

Chu vi mảnh vườn trồng hoa hồng là: $(16 + 10) \times 2 = 52$ (m)

Chu vi mảnh vườn trồng hoa cúc là: $13 \times 4 = 52$ (m)

Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng là: $16 \times 10 = 160$ (m²)

Diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc là: $13 \times 13 = 169$ (m²) Vậy ta có kết quả sau:

a) Chu vi của hai mảnh vườn bằng nhau. Đ

b) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bằng diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc. S

c) Diện tích mảnh vườn trồng hoa hồng bé hơn diện tích mảnh vườn trồng hoa cúc. Đ

- HS nhận xét

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện đọc yêu cầu bài toán

- HS TL

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc duy trì mối quan hệ bạn bè trong xã hội.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, nắm bắt nội dung, chia sẻ trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có suy nghĩ, hành động tích cực để duy trì mối quan hệ bạn bè

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức múa hát bài “ <i>Lớp chúng ta đoàn</i> ”	- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo

<p><i>kết</i>” – Nhạc sĩ Mộng Lân để khởi động bài học.</p> <p>- GV đưa câu hỏi:</p> <p><i>a. Tập thể lớp trong bài hát trên là một lớp học như thế nào?</i></p> <p><i>b. Các thành viên trong lớp đã làm gì để tạo nên một lớp học như thế?</i></p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới: <i>Trong cuộc sống của chúng ta ai cũng có bạn bè. Bạn bè đóng một vai trò quan trọng. Các em cùng học tập, vui chơi, cùng chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn cùng với bạn của mình. Chính những điều đó tạo nên một tình bạn đẹp. Nhưng làm thế nào để nuôi dưỡng quan hệ bạn bè đó được bền lâu? Cô và các em cùng tìm hiểu qua bài hôm nay: Bài 10. Em nuôi dưỡng quan hệ bạn bè(Tiết 1)</i></p>	<p>nhịp điệu bài hát.</p> <p>- HS suy nghĩ và trả lời:</p> <p><i>a. Tập thể lớp trong bài hát trên là một lớp học: vui vẻ, đoàn kết.</i></p> <p><i>b. Để tạo nên một lớp học như thế, các thành viên trong lớp đã: quý mến nhau, luôn thi đua học chăm, quyết tâm đoàn kết.</i></p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ HS biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè.</p> <p>+ Nhận biết cách thức duy trì mối quan hệ bạn bè</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi (Sinh hoạt nhóm đôi)</p> <p>- GV kể câu chuyện “<i>Bốn năm công bạn đến trường</i>” (video).</p> <p>- GV mời một vài HS đọc/kể tóm tắt câu chuyện.</p> <p>- GV mời HS thảo luận nhóm 4, cùng nhau trao</p>	<p>- HS theo dõi, lắng nghe.</p>

đôi và trả lời 2 câu hỏi sau:

a. Em có nhận xét gì về tình bạn của hai nhân vật trong câu chuyện trên ?

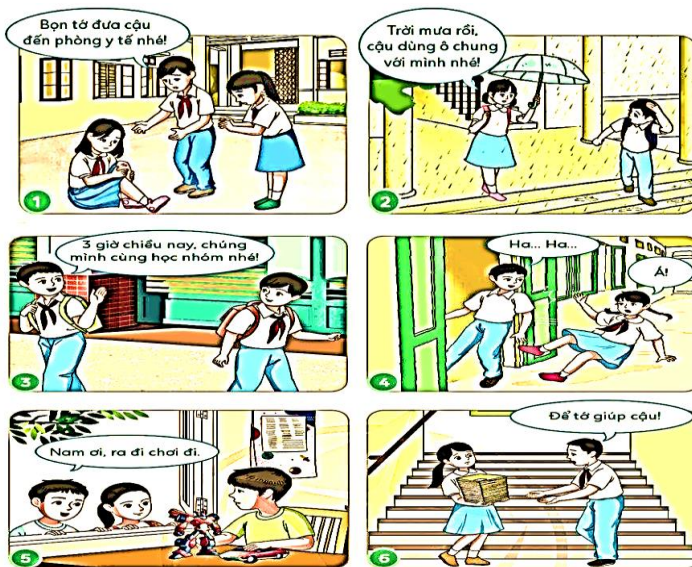
b. Theo em, tình bạn đẹp sẽ mang lại ý nghĩa gì đối với mỗi người?

- GV mời HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, kết luận: Khi đã là bạn bè, chúng ta cần **Bạn bè cần phải đoàn kết, giúp đỡ nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn.**
- GV tuyên dương HS.

Hoạt động 2: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi. (Làm việc chung cả lớp)

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện.
- GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng quan sát tranh và trả lời.

a. Tranh nào thể hiện việc làm nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè?



- GV mời HS khác nhận xét.

- HS tóm tắt nội dung truyện.

- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời các câu hỏi.

a. Em có nhận xét về tình bạn của hai nhân vật trong câu chuyện trên: Đó là một tình bạn đẹp.

b. Theo em, tình bạn đẹp sẽ mang lại ý nghĩa đối với mỗi người: Làm cho những người bạn trở nên vui vẻ hơn, có cuộc sống tốt đẹp hơn.

- HS khác nhận xét.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Lớp đọc thầm

- HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Các tranh 1,2,3,5,6 thể hiện việc làm nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè.

+ Tranh 1: Giúp bạn khi bạn bị ngã.

+ Tranh 2: Trời mưa, cho bạn đi cùng ô để bạn không bị ướt.

+ Tranh 3: Cùng nhau học nhóm.

+ Tranh 5: rủ bạn chơi cùng.

+ Tranh 6: Bê đồ giúp bạn.

- GV nhận xét, tuyên dương.

b. Em hãy nêu một số việc làm khác nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè. (sinh hoạt nhóm 2)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu đề bài.

- GV mời HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau trao đổi và đưa ra một số việc làm khác nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè.

- GV mời các nhóm trình bày.

- GV mời các nhóm khác nhận xét.

- GV kết luận: **Để duy trì và giữ gìn tình bạn luôn bền chặt, chúng ta cần tôn trọng bạn, kể cả khi bạn có những điều khác biệt với mình; luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bạn, sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn, động viên, khích lệ để bạn không ngừng cố gắng, quan tâm đến thói quen, sở thích của bạn...**

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau trao đổi và đưa ra một số việc làm khác nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè.

+ Viết bài giúp bạn khi bạn bị ốm.

+ Cho bạn mượn đồ dùng (bút mực, bút chì, thước kẻ, sách, vở...) khi bạn chẳng may để quên ở nhà.

+ Cùng nhau trực nhật cùng bạn.

+ Cùng nhau trao đổi, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn.

+ rủ bạn cùng chơi đá cầu.

+ Đến thăm khi bạn ốm.

+ Cho bạn xem chung sách nếu không may bạn quên.

- Các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS vẽ bông hoa tình bạn, các cánh hoa sẽ là các cách để duy trì tình bạn rồi trang trí bông hoa tình bạn, trưng bày tại góc sản phẩm sáng tạo của lớp, góc học tập cá nhân.



- GV yêu cầu cả lớp về nhà sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát về tình bạn để tiết 2 cùng nhau chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

- HS thực hiện.

- Học sinh lắng nghe yêu cầu để về nhà thực hiện.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Thứ ba ngày 5 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN, NƠI CHỖ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết ý nghĩa, dấu hiệu hình thức của trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.
- Biết nhận diện trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng nhận diện trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc câu văn sau và trả lời các câu hỏi: - Trong lớp, em luôn chăm chú nghe thầy, cô giảng bài. - Hôm qua, em cùng bố mẹ về quê chơi. + Tìm trạng ngữ trong các câu trên. + Cho biết mỗi trạng ngữ bổ sung thông tin gì cho câu? - Nhận xét tuyên dương. - Giới thiệu vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và trả lời câu hỏi: + Trong lớp (bổ sung thông tin về nơi chốn) + Hôm qua (bổ sung thông tin về thời gian) - Lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết ý nghĩa, dấu hiệu hình thức của trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn. + Tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. 	

- Cách tiến hành:

*** Tìm hiểu về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.**

Bài 1:

- Gọi học sinh đọc nội dung bài tập 1, xác định yêu cầu.

- Hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập.

- Nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh.

Bài 2.

- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài tập

- Hướng dẫn mẫu cho học sinh:

(Khi nào/Bao giờ) các loài hoa đua nhau khoe sắc?

Hoặc có thể đặt câu hỏi theo cách:

Các loài hoa đua nhau khoe sắc (Khi nào/Bao giờ)?

- Đọc bài tập, xác định yêu cầu: Bài tập yêu cầu tìm trạng ngữ trong mỗi câu và cho biết trạng ngữ bổ sung thông tin gì cho câu.

- Học sinh làm việc cá nhân sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.

Câu	Trạng ngữ	Ý nghĩa của trạng ngữ
a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.	Mùa xuân	Bổ sung thông tin về thời gian.
b. Dưới chân đê, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.	Dưới chân đê	Bổ sung thông tin về nơi chốn.
c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	Tháng Ba	Bổ sung thông tin về thời gian.
d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	Trước nhà	Bổ sung thông tin về nơi chốn.

- Lắng nghe.

- Đọc và nêu yêu cầu bài tập (*Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ ở bài tập 1*)

- Theo dõi hướng dẫn mẫu và thực hiện bài tập theo nhóm đôi.

+ (**Ở đâu**) đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ?

+ (**Khi nào/Bao giờ**) hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc?

+ (**Ở đâu**) bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp?

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh trình bày. Nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh. - Giáo viên kết luận kiến thức về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn qua nội dung bài tập và ghi nhớ. + Trạng ngữ chỉ thời gian bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời câu hỏi Khi nào? Bao giờ? + Trạng ngữ chỉ nơi chốn bổ sung thông tin về địa điểm diễn ra sự việc nêu trong câu; trả lời câu hỏi Ở đâu? - Gọi học sinh đọc nội dung ghi nhớ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày kết quả. - Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức. - Đọc nội dung ghi nhớ.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tìm được trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn, xếp vào nhóm thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài tập. - Giáo viên giải nghĩa từ “Tháng Chạp” tháng 12 âm lịch. - Cho học sinh làm bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và nêu yêu cầu của bài tập. - Học sinh làm bài tập theo nhóm đôi

<p>- Gọi học sinh trình bày, giáo viên nhận xét kết luận.</p>	<p>(trên phiếu học tập)</p> <table border="1" data-bbox="899 226 1521 432"> <thead> <tr> <th data-bbox="899 226 1214 327">Trạng ngữ chỉ thời gian</th> <th data-bbox="1214 226 1521 327">Trạng ngữ chỉ nơi chốn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="899 327 1214 432">Tháng Chạp, Vào ngày Tết</td> <td data-bbox="1214 327 1521 432">Ở góc vườn, Khắp gian phòng</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Trình bày kết quả hoạt động.</p>	Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ nơi chốn	Tháng Chạp, Vào ngày Tết	Ở góc vườn, Khắp gian phòng
Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ nơi chốn				
Tháng Chạp, Vào ngày Tết	Ở góc vườn, Khắp gian phòng				
<p>Bài tập 4: Tìm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn thay cho ô vuông.</p> <p>- Nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện (Hoạt động theo nhóm thi đua tìm các trạng ngữ phù hợp thay cho dấu “,” ở mỗi câu, nhóm nào tìm được nhiều trạng ngữ trong thời gian quy định sẽ chiến thắng)</p> <p>- Yêu cầu các nhóm trình bày.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương học sinh.</p>	<p>- Lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.</p> <p>- Trình bày kết quả hoạt động.</p> <p>a) <i>Trên cành cây, trong vòm cây, trong vườn, ngoài vườn, trên bầu trời, mùa xuân,....</i>bầy chim hót líu lo.</p> <p>b) <i>Mùa hè, vào ngày hè, tháng sáu, trên sân trường,....</i>hoa phượng nở đỏ rực.</p> <p>c) <i>Sáng sớm, buổi sáng, trên sông, lúc hoàng hôn,....</i>đoàn thuyền nối đuôi nhau ra khơi.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>				
<p>Bài tập 5: Hỏi đáp về thời gian và nơi chốn.</p> <p>- Yêu cầu học sinh quan sát, đọc phần mẫu</p>					

hướng dẫn.

- Giáo viên hướng dẫn cách thực hiện.

+ Cần đặt và trả lời câu hỏi Khi nào?, Ở đâu?

+ Bộ phận trả lời cho các câu hỏi Khi nào?, Ở đâu? Phải đứng ở vị trí đầu câu, giữ chức năng là trạng ngữ (chỉ thời gian, nơi chốn)

- Tổ chức học sinh thực hiện.

- Gọi học sinh thực hiện trước lớp.

- Nhận xét, tuyên dương học sinh.

- Quan sát, đọc mẫu hướng dẫn.

- Lắng nghe hướng dẫn.

- Học sinh thảo luận, thực hiện nhóm đôi theo hình thức hỏi - đáp.

Ví dụ:

+ HS1: *Khi nào chúng ta được thêm một tuổi mới?*

+ HS 2: *Vào Tết Nguyên Đán, chúng ta được thêm một tuổi mới.*

+ HS 1: *Ở đâu người ta lưu giữ những tài liệu, hiện vật cổ?*

+ HS 2: *Trong bảo tàng, người ta lưu giữ những tài liệu, hiện vật cổ.*

- Học sinh trình bày trước lớp.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học về trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi (Truyền điện).

+ GV chuẩn bị một số câu văn.

+ Chia lớp thành 2 nhóm.

+ GV bắt ngẫu nhiên một câu văn, các thành viên hai nhóm sẽ luân phiên tìm trạng ngữ phù hợp cho câu văn đó, đến lượt nhóm nào mà không tìm được hoặc tìm trạng ngữ không phù hợp sẽ thua ở lượt chơi đó.

- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS nghe hướng dẫn và tham gia trò chơi để củng cố, vận dụng kiến thức.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến: Nêu lý do yêu thích một câu chuyện về lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết rút kinh nghiệm về viết đoạn văn nêu ý kiến một câu chuyện về lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác trong các hoạt động nhóm, hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết thể hiện lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn đối với mọi người xung quanh.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	

<p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức cho học sinh thi diễn đạt (câu, ý, lời văn) theo từ gợi ý (<i>Giáo viên nêu một từ gợi ý học sinh sẽ thi đưa diễn đạt câu có chứa từ gợi ý, học sinh có câu diễn đạt hay, có nhiều bình chọn của học sinh sẽ nhận được phần thưởng</i>)</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh, dẫn dắt giới thiệu vào nội dung tiết học.</p>	<p>- Học sinh nghe hướng dẫn và tham gia (<i>Ví dụ: Gợi ý từ nhân hậu: Học sinh có thể diễn đạt thành câu: Bà em luôn có tấm lòng nhân hậu; bà em nhân hậu như một bà tiên trong chuyện cổ tích,.....</i>)</p> <p>- Lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Giúp HS nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến: Nêu lý do yêu thích một câu chuyện về lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn..</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Nghe thầy cô nhận xét chung.</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung về bài viết đoạn văn nêu ý kiến của học sinh:</p> <p>+ Việc lựa chọn câu chuyện yêu thích (câu chuyện về lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn): <i>Câu chuyện lựa chọn có phù hợp với yêu cầu và nội dung của đề bài hay không?</i></p> <p>+ Cách nêu lý do: <i>Có nêu được bài học sâu sắc về lòng biết ơn hoặc lòng yêu thương, các nhân vật, chi tiết trong câu chuyện hấp dẫn, cảm động như thế nào?,....</i></p> <p>+ Cách đưa dẫn chứng minh họa: <i>Những</i></p>	<p>- Học sinh lắng nghe nhận xét của giáo viên.</p> <p>- Ghi chép lại một số điểm quan trọng trong nhận xét của giáo viên để rút kinh nghiệm.</p>

<p><i>dẫn chứng có phù hợp với nội dung của câu chuyện,</i></p> <p>+ Cách dùng từ, đặt câu: <i>Chọn lọc từ ngữ như thế nào, câu có thể hiện rõ ý, rõ về nội dung hay không, viết câu đủ thành phần hay không?, ...</i></p>	
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết rút kinh nghiệm về viết đoạn văn nêu ý kiến một câu chuyện về lòng yêu thương hoặc lòng biết ơn (những ưu điểm, nhược điểm).</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2. Đọc lại đoạn văn, và nhận xét của giáo viên.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh đọc lại đoạn văn của mình và lời nhận xét của giáo viên</p> <p>- Hướng dẫn học sinh chia sẻ những định hướng để khắc phục những nhược điểm của bản thân qua lời nhận xét của giáo viên.</p>	<p>- Học sinh đọc lại đoạn văn của mình và lời nhận xét của giáo viên (theo hình thức cá nhân) và tìm ra các ưu, nhược điểm của mình trong bài văn.</p> <p>- Học sinh chia sẻ về các ưu, nhược điểm của mình qua bài viết.</p> <p>- Học sinh chia sẻ: <i>(Tôi cần lựa chọn từ ngữ hay, phù hợp hơn, viết câu đủ ý, sử dụng biện pháp so sánh, ...)</i></p>
<p>Bài tập 3: Trao đổi bài làm với bạn, ghi lại những điều muốn học tập.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh trao đổi bài với bạn và ghi lại những điều mình muốn học tập.</p>	<p>- Hoạt động nhóm, trao đổi bài viết và đọc, ghi lại những điều muốn học tập <i>(Cách mở bài đọc đáo, hấp dẫn;</i></p>

<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức học sinh chia sẻ. - Nhận xét, khen ngợi học sinh. 	<p><i>dẫn chứng rõ ràng; lý do hợp lý,)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ về những điều muốn học tập từ bài viết của bạn.
<p>Bài tập 4: Sửa lỗi trong bài (Viết lại một số câu văn cho hay hơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh xem lại các lỗi trong bài viết của mình (về câu, từ,...) và gợi ý học sinh sửa lại các lỗi. - Gọi học sinh đọc lại câu, đoạn văn đã chỉnh sửa và góp ý. - Nhận xét, động viên, khích lệ học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem lại các lỗi có trong bài viết của mình và sửa lại các lỗi. - Đọc lại câu, đoạn văn đã chỉnh sửa. - Học sinh lắng nghe và vận dụng.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ cho học sinh. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh chia sẻ với người thân những điều em đã học được từ bài viết của cá nhân, của bạn. - Động viên, khuyến khích học sinh tìm hiểu, đọc thêm các bài văn hay trong sách báo,..để học và rèn luyện thêm kỹ năng viết đoạn văn, bài văn. 	<p>Học sinh lắng nghe và vận dụng.</p>

- | | |
|---|--|
| - Hoàn thiện lại bài viết của cá nhân.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà. | |
|---|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Toán

Bài 51: SỐ LẦN XUẤT HIỆN CỦA MỘT SỰ KIỆN (TIẾT 2).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

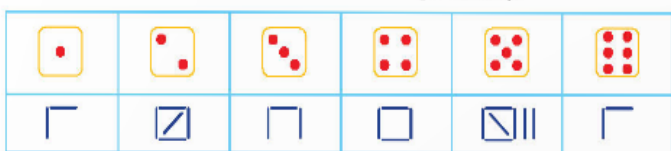
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bộ đồ dùng dạy học toán 4.
- Xúc xắc. Bóng hoặc bút, viên bi màu với 2 loại màu khác nhau.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành:	
<p>Giáo viên tổ chức trò chơi “Về đích”</p> <ul style="list-style-type: none">- Chia hai đội chơi “Đội số chẵn” và “Đội số lẻ”. Gieo xúc xắc và tính tổng số chấm ở mặt trên nếu tổng là số chẵn thì một bạn ở “Đội số chẵn” được tiến về phía trước, nếu tổng là số lẻ thì một bạn ở “Đội số lẻ” được tiến về phía trước. Thực hiện cho đến khi số bạn ở các đội đều được tiến về phía trước. Đội nào hoàn thành trước sẽ giành chiến thắng.- Nhận xét, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu vào bài.	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh tham gia trò chơi. - Học sinh lắng nghe.
<p>2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: củng cố kiến thức về kiểm đếm số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện- Cách tiến hành:	
<p>Bài tập 1: Chọn câu trả lời đúng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học sinh quan sát bảng kiểm đếm của Nam khi gieo xúc xắc nhiều lần và trả lời	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi:

câu hỏi:



+ Mỗi mặt của xúc xắc đã xuất hiện bao nhiêu lần?

+ Mặt 5 chấm đã xuất hiện mấy lần?

Bài tập 2:

a) Tổ chức học sinh quan sát tranh minh họa, đọc các yêu cầu.

Cho biết có các sự kiện nào có thể xảy ra?

b) Tổ chức cho học sinh thực hành lấy hai bút ra khỏi túi, quan sát màu và ghi lại kết quả vào bảng kiểm đếm (Thực hiện 20 lần)

c) So sánh số lần xuất hiện của hai sự kiện lấy được từ hai chiếc bút khác màu và sự kiện lấy được 2 chiếc bút cùng màu.

Tổ chức các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.

Giáo viên mở rộng: Thường thì sự kiện lấy được 2 bút khác màu có số lần xuất hiện nhiều hơn. Lý do: Nếu ta đánh số bút xanh là bút xanh 1 và bút xanh 2, thì có thể nêu được các kết quả có thể xảy ra khi ta lấy 2 chiếc bút ra

+ Mặt 1 chấm xuất hiện 2 lần, mặt 2 chấm xuất hiện 5 lần, mặt 3 chấm xuất hiện 3 lần, mặt 4 chấm xuất hiện 4 lần, mặt 5 chấm xuất hiện 7 lần, mặt 6 chấm xuất hiện 2 lần.

+ Mặt 5 chấm xuất hiện 7 lần

- Học sinh chọn đáp án: **D. 7 lần**

- Học sinh quan sát tranh minh họa, đọc các yêu cầu.

+ Có 2 sự kiện có thể xảy ra: Lấy được 2 chiếc bút cùng màu (cùng xanh); hoặc lấy được 2 bút khác màu (1 bút xanh 1 bút vàng)

- Học sinh thực hiện nhóm (4-6 học sinh)

1 bút vàng và 1 bút xanh	
2 bút xanh	

- Học sinh so sánh.

- Các nhóm trình bày báo cáo.

- Học sinh lắng nghe để vận dụng.

khỏi túi là. Lấy được bút xanh 1 và bút xanh 2 (2 chiếc bút cùng màu), lấy được bút xanh 1 và bút vàng hoặc lấy được bút xanh 2 và bút xanh vàng (2 chiếc bút khác màu).

Bài tập 3:

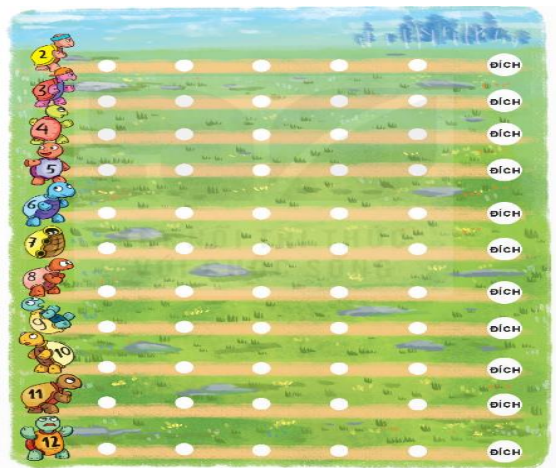
- Tổ chức học sinh đọc yêu cầu bài tập.
- Cho biết các sự kiện có thể xuất hiện khi ta gieo hai xúc xắc và tính tổng số chấm ở các mặt trên của xúc xắc ?
- Tổ chức học sinh thực hành.

- Tổ chức các nhóm chia sẻ kết quả.

Giáo viên mở rộng: Thường thì những tổng ở khoảng giữa như 6, 7 và 8 hay xuất hiện nhiều hơn vì có thể nhận được các mặt trên là (1, 5),

- Học sinh đọc yêu cầu bài tập.
- Có 11 sự kiện có thể xảy ra: Nhận được tổng là 2, 3, 4,.....,12

- Học sinh thực hành (theo nhóm)



- Chia sẻ kết quả của nhóm về 3 chú rùa về đích đầu tiên.
- Học sinh lắng nghe.

(2, 4), (3, 3), (4, 2) và (5, 1), hay 7 có thể nhận được khi các mặt trên là (1, 6), (2, 5), (3, 4), (4, 3), (5, 2), (6, 1) hay 8 cũng tương tự. Tổng 12 khả năng xuất hiện thấp hơn (vì phải cần hai mặt trên của xúc xắc là 6 và 6)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn học sinh vận dụng bằng các cho học sinh thực hành ghi chép lại vào bảng kiểm đếm số lần đạt các điểm số trong học tập của cá nhân ở các môn học trong tuần.

- HS tham gia thực hành.

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

- Nhận xét, tuyên dương.

Điểm	5	6	7	8	9	10
Số lần						

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 20: THIÊN NHIÊN Ở VÙNG TÂY NGUYÊN (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: rừng,...) của vùng Tây Nguyên.

- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên , hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên.

- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.

- Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu nước, yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với môi trường sống thông qua việc có ý thức bảo vệ môi trường, không đồng tình với những hành vi xâm hại thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS trò chơi “Mở ô cửa bí mật”: Mỗi HS được lựa chọn một ô cửa, đằng sau mỗi ô cửa là một món quà bí mật.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi</p> <p>+ Ô cửa số 1: Kể tên các cao nguyên ở Tây Nguyên?</p> <p>+ Ô cửa số 2: Nêu đặc điểm địa hình ở vùng Tây Nguyên?</p> <p>+ Ô cửa số 3: Khí hậu ở Tây Nguyên gồm có mấy mùa? Đó là những mùa nào?</p> <p>+ Ô cửa số 4: Em hãy mời cả lớp đứng dậy vận động và hát theo lời bài hát “Em nhớ Tây Nguyên”</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS quan sát tranh và trả lời một số câu hỏi</p> <p>+ Các cao nguyên: Kom Tum, Pleiku, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.</p> <p>+ Tây Nguyên có địa hình cao, gồm các cao nguyên xếp tầng, cao ở phía đông và thấp dần ở phía tây.</p> <p>+ Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.</p> <p>+ Cả lớp vận động và hát</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: rừng,...) của vùng Tây Nguyên.</p> <p>+ Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của</p>	

người dân ở vùng Tây Nguyên.

+ Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.

+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm thiên nhiên.

c) Tìm hiểu về tài nguyên rừng.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và quan



▲ Hình 4. Rừng rậm nhiệt đới (tỉnh Kon Tum)



▲ Hình 5. Rừng khộp vào mùa khô (tỉnh Đắk Lắk)

sát hình 4,5 và thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ:

+ Kể tên một số kiểu rừng ở vùng Tây Nguyên?

+ Nêu vai trò của rừng ở Tây Nguyên?

- HS đọc, quan sát hình và thảo luận nhóm 4.

+ Vùng Tây Nguyên có diện tích rừng lớn, gồm hai kiểu rừng chính: rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp (rừng rụng lá vào mùa khô).

+ Vai trò của tài nguyên rừng:

· Giúp giảm lũ lụt vào mùa mưa, giảm khô hạn vào mùa khô.

<p>+ Nêu một số biện pháp vệ rừng ở vùng Tây Nguyên</p> <p>- Gọi đại diện lên bảng chia sẻ</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV có thể cung cấp thêm một số hình ảnh, video về tài nguyên rừng, biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> · Cung cấp sản vật có giá trị như gỗ, dược liệu, thực phẩm,... · Góp phần phát triển du lịch. <p>+ Một số biện pháp bảo vệ rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> · Trồng rừng và phục hồi rừng. · Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên (vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển,...). · Tuyên truyền và vận động người dân cùng tham gia bảo vệ rừng,... <p>- Đại diện nhóm lên chia sẻ trước lớp.</p> <p>- HS xem, khắc sâu</p>
---	---

3. Luyện tập

- Mục tiêu:
- + Trình bày được đặc điểm và khí hậu của vùng Tây Nguyên.
- + Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 3: (Sinh hoạt nhóm 4)

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ:
- + Trình bày một số đặc điểm, khí hậu ở vùng Tây Nguyên.
- GV mời 3 – 5HS lên chia sẻ kết quả trước

- HS hoạt động cá nhân, thực hiện.

Địa hình	Cao, gồm các cao nguyên xếp tầng, cao ở phía đông và thấp dần về phía tây
Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ: cao quanh năm, trung bình trên 20°C - Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (tháng 12 đến tháng 4 năm sau). Lượng mưa tập trung chủ yếu vào mùa mưa, mùa khô xảy ra tình trạng thiếu nước

<p>lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi “Ai là người hóm hỉnh”. + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp chia sẻ những hiểu biết của mình về thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên. + Mời các nhóm trình bày. + GV nhận xét chung, trao thưởng. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào chia sẻ những thông tin hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	



Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ

TIẾT 2 - SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỂ TẠO SỰ GẮN KẾT YÊU THƯƠNG VỚI NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình
- Xác định được một số việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.
- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực tư duy.
- Năng lực làm việc nhóm: Tạo hứng thú khi tham gia học tập, tích cực hợp tác cùng nhau giải quyết vấn đề được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình, yêu thương gia đình, quý trọng phụ nữ. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

Giáo viên

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4;
- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử hoặc tranh ảnh phóng to về gia đình, về người phụ nữ tiêu biểu và về những việc làm gắn kết yêu thương.

Học sinh

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4

hiện những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình

★ **Mục tiêu:** Học sinh lập được kế hoạch tạo sự gắn kết trong gia đình.

★ **Cách thực hiện:**

1. Xác định những việc em sẽ tiếp tục thực hiện để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình
- HS được yêu cầu thực làm việc theo nhóm”

Gợi ý:

+ Ghi ra những mong muốn gắn kết yêu thương của em với người thân trong gia đình.

+ Ghi ra những việc em đã làm để gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình

+ Xác định những việc em sẽ tiếp tục thực hiện để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình.

Gv yêu cầu học sinh trình bày theo nhóm

2. Lập bản kế hoạch thực hiện những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương với

GV chia nhóm 4-6 học sinh, đưa ra gợi ý, học sinh được yêu cầu lập kế hoạch thực hiện những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương

- GV đưa ra gợi ý:

+ 4 cột, mỗi cột một thông tin: Tên việc làm, thời gian thực hiện, cách thực hiện, điều cần lưu ý

+ Các hàng thể hiện tên việc làm

- HS làm theo hướng dẫn của giáo viên.

- Đại diện các nhóm trình bày

- Các nhóm còn lại góp ý

- HS làm việc nhóm 4 đến 6, lập kế hoạch thực hiện những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương

- GV tổ chức cho đại diện mỗi nhóm chia sẻ trước lớp.

- GV tổng kết hoạt động: Để rèn luyện bản thân biết yêu thương, chia sẻ, biết tôn trọng giá trị của gia đình học sinh cần phải rèn luyện thường xuyên những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương. Lập kế hoạch thực hiện các việc gắn kết yêu thương giúp chúng ta có thói quen chia sẻ, thói quen tôn trọng gia đình, tôn trọng người phụ nữ. Đó là những thói quen tạo nên nhân cách tốt đẹp của một học sinh

Hoạt động 4. Thực hành thể hiện sự gắn kết yêu thương với người em yêu quý

★ **Mục tiêu:** Học sinh thể hiện được tình cảm của bản thân với người thân trong gia đình, biết gắn kết tình cảm của người thân cùng nhau

★ **Cách thực hiện:**

1 Cùng bạn sắm vai xử lý các tình huống sau

- GV mời một vài HS đọc to yêu cầu của nhiệm vụ 2, hoạt động 4 chủ đề 7, tuần 25 trong SGK *Hoạt động trải nghiệm 4* và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của các HS trong lớp.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm.

1. Thảo luận với bạn trong nhóm về tình huống

2. Sắm vai các nhân vật trong tình huống được đưa ra

- *Nội dung tình huống*

- Mỗi nhóm 1 đại diện trình bày về phần được phân công của nhóm mình

- Nhóm còn lại nghe và góp ý

- HS lắng nghe.

- HS đọc nhiệm vụ 2, hoạt động 4, tuần 25, chủ đề 7 trong SGK HĐTN4.

- HS tự hoàn thành yêu cầu của giáo viên

- Các việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình
- Xác định các cách tạo sự yêu thương
- Thể hiện sự gắn kết yêu thương
- GV mời đại diện một vài nhóm sắm vai thực hiện tình huống

2. Chia sẻ những điều em đã học được sau khi sắm vai trong các tình huống

Gợi ý

- Giới thiệu về tình huống
- Hoạt động nào của nhân vật thể hiện sự gắn kết yêu thương
- Cảm nhận của em khi là nhân vật trong tình huống trên
- GV mời một số em trình bày
- GV tổng kết hoạt động:
+ Giá trị gia đình là một trong những giá trị truyền thống, tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình là góp phần phát triển giá trị truyền thống
 - Học sinh cần xác định những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình, rèn luyện bản thân có thói quen thực hiện những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình.
 - Lập kế hoạch để thực hiện những việc làm gắn kết yêu thương sẽ giúp ta luôn có trách nhiệm với gia đình, người thân

Tổng kết

- Mời một bạn nhắc lại điều chúng ta đã cùng chia sẻ, trải nghiệm trong tiết

- Các nhóm diễn tập tình huống
- Các nhóm khác chuẩn bị nhận xét nội dung nhóm bạn vừa trình bày.

- Học sinh làm việc theo nhóm, thực hiện các yêu cầu của giáo viên
- Viết ra những việc điều em đã học được sau các tình huống trên

- Học sinh trình bày, các học sinh khác lắng nghe góp ý

- HS lắng nghe và đặt câu hỏi (nếu có).

- Chúng ta cùng nhau thực hiện tốt nền nếp ở trường và ở nhà, Xúng

học.

- GV nhấn mạnh: Yêu thương gia đình là một trong những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam. Học sinh tiểu học cần phải biết nhận diện những gắn kết yêu thương trong gia đình, biết xác định một số cách tạo sự gắn kết yêu thương giữa những người thân trong gia đình.

đáng trở thành những người con ngoan, những học trò giỏi

.....

Công nghệ

CHỦ ĐỀ 2 : THỦ CÔNG KĨ THUẬT

Bài 9: LẮP GHÉP MÔ HÌNH RÔ – BÓT (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Lựa chọn được các chi tiết, dụng cụ cần thiết.
- Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích rô – bốt trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm tòi, học hỏi được cách sử dụng các dụng cụ và chi tiết kĩ thuật phù hợp để lắp ghép mô hình rô – bốt theo hướng dẫn
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng phù hợp để lắp ghép được mô hình khác dựa theo yêu cầu
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi để mở rộng hiểu biết và vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết để lắp ghép các sản phẩm có ích cho cuộc sống

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức sử dụng, sắp xếp và bảo quản dụng cụ, đồ dùng kỹ thuật

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu video một số kiểu rô – bốt để khởi động bài học.</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về:</p> <p>+ Hình dạng, kích thước của một số rô- bốt đã xem trong video</p> <p>+ Ích lợi của rô bốt?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- Cả lớp theo dõi video.</p> <p>- HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua xem video.</p> <p>- HS trả lời theo suy nghĩ của mình.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

- + Nêu được đặc điểm của mô hình rô – bốt: cấu tạo, số lượng chi tiết, độ chắc chắn.
- + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Cách tiến hành:

**Hoạt động 1: Tìm hiểu sản phẩm mẫu.
(Làm việc chung cả lớp)**

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS quan sát mô hình rô – bốt trong hình 1:
- + Nêu các bộ phận chính và số lượng các chi tiết của mô hình rô – bốt?

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc chung cả lớp: Quan sát mô hình rô – bốt và trả lời câu hỏi:

* Các bộ phận chính:

- + Đầu rô – bốt
- + Thân rô – bốt
- + Chân rô – bốt

* Số lượng các chi tiết:

Tên bộ phận	Chi tiết	Số lượng
Đầu rô- bốt	Thanh thẳng 5 lỗ	3 thanh
	Bánh đai	2 cái
	Thanh chữ U dài	1 thanh
	Tấm 3 lỗ	1 tấm
	

- GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt: Các bộ phận chính và số lượng các chi tiết

- HS đọc lại các bộ phận chính và số lượng các chi tiết

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

- + HS lựa chọn được đúng và đủ số lượng dụng cụ, chi tiết kỹ thuật để lắp ghép mô

hình theo mẫu.

+ Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 2: Chi tiết và dụng cụ. (làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- GV cho HS làm việc nhóm 2, cùng nhau chọn các chi tiết và dụng cụ lắp ghép

* Chú ý: HS lấy dụng cụ và chi tiết kỹ thuật đúng và đủ, sắp xếp gọn gàng trong hộp và sử dụng an toàn.

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm việc nhóm 2, cùng nhau chọn các chi tiết và dụng cụ lắp ghép

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về lợi ích của rô – bốt

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy. Dặn dò về nhà.

- Học sinh tham gia chia sẻ

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN, NƠI CHỖ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố và luyện tập ý nghĩa, dấu hiệu hình thức của trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng nhận diện trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn của một câu trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																				
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết viết được bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc đã nghe + Phát triển năng lực ngôn ngữ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe 																				
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Bài 1: Gạch dưới trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập. <table border="1" data-bbox="228 976 841 1255"> <thead> <tr> <th>Câu</th> <th>Thông tin mà trạng ngữ bổ sung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>b. Dưới chân đê, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ.</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh. <p>Bài 2. Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài tập - Hướng dẫn mẫu cho học sinh: (Khi nào/Bao giờ) các loài hoa đua nhau khoe sắc? 	Câu	Thông tin mà trạng ngữ bổ sung	a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.	b. Dưới chân đê, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ.	c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.	d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm vào VBT. <table border="1" data-bbox="899 1108 1523 1373"> <thead> <tr> <th>Trạng ngữ</th> <th>Thông tin bổ sung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a. <u>Mùa xuân</u></td> <td>thời gian</td> </tr> <tr> <td>b. <u>Dưới chân đê</u></td> <td>nơi chốn</td> </tr> <tr> <td>c. <u>Tháng Ba</u></td> <td>thời gian</td> </tr> <tr> <td>d. <u>Trước nhà</u></td> <td>nơi chốn</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. - Đọc và nêu yêu cầu bài tập (<i>Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ ở bài tập 1</i>) - Theo dõi hướng dẫn mẫu và thực hiện bài tập vào VBT. 	Trạng ngữ	Thông tin bổ sung	a. <u>Mùa xuân</u>	thời gian	b. <u>Dưới chân đê</u>	nơi chốn	c. <u>Tháng Ba</u>	thời gian	d. <u>Trước nhà</u>	nơi chốn
Câu	Thông tin mà trạng ngữ bổ sung																				
a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhau khoe sắc.																				
b. Dưới chân đê, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ.																				
c. Tháng Ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.																				
d. Trước nhà, bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp.																				
Trạng ngữ	Thông tin bổ sung																				
a. <u>Mùa xuân</u>	thời gian																				
b. <u>Dưới chân đê</u>	nơi chốn																				
c. <u>Tháng Ba</u>	thời gian																				
d. <u>Trước nhà</u>	nơi chốn																				

<p>Hoặc có thể đặt câu hỏi theo cách:</p> <p>Các loài hoa đua nhau khoe sắc (Khi nào/Bao giờ)?</p> <p>- Giáo viên chốt kiến thức về trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn .</p>	<p>+ (Ở đâu) đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ?</p> <p>+ (Khi nào/Bao giờ) hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc?</p> <p>+ (Ở đâu) bà đã trồng một hàng cau thẳng tắp?</p> <p>- Học sinh trình bày kết quả.</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.</p>				
<p>Bài 3. Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.</p> <p>- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Giáo viên giải nghĩa từ “Tháng Chạp” tháng 12 âm lịch.</p> <p>- Cho học sinh làm bài tập.</p> <p>- Gọi học sinh trình bày, giáo viên nhận xét kết luận.</p>	<p>- Đọc và nêu yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Học sinh làm bài tập vào VBT</p> <table border="1" data-bbox="899 1247 1523 1457"> <thead> <tr> <th data-bbox="899 1247 1208 1352">Trạng ngữ chỉ thời gian</th> <th data-bbox="1208 1247 1523 1352">Trạng ngữ chỉ nơi chốn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="899 1352 1208 1457">Tháng Chạp, Vào ngày Tết</td> <td data-bbox="1208 1352 1523 1457">Ở góc vườn, Khắp gian phòng</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Trình bày kết quả hoạt động.</p>	Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ nơi chốn	Tháng Chạp, Vào ngày Tết	Ở góc vườn, Khắp gian phòng
Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ nơi chốn				
Tháng Chạp, Vào ngày Tết	Ở góc vườn, Khắp gian phòng				
<p>Bài tập 4: Thêm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn phù hợp với mỗi câu dưới đây:</p> <p>- Nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực</p>	<p>- Lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn.</p>				

<p>hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các nhóm trình bày. <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày kết quả hoạt động. a) <i>Trên cành cây, trong vòm cây, trong vườn, ngoài vườn, trên bầu trời, mùa xuân,....</i>bầy chim hót líu lo. b) <i>Mùa hè, vào ngày hè, tháng sáu, trên sân trường,....</i>hoa phượng nở đỏ rực. c) <i>Sáng sớm, buổi sáng, trên sông, lúc hoàng hôn,...</i>đoàn thuyền nối đuôi nhau ra khơi. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe.
<p>Bài tập 5: Đặt và trả lời câu hỏi về thời gian và nơi chốn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh quan sát, đọc phần mẫu hướng dẫn. - Giáo viên hướng dẫn cách thực hiện. - Tổ chức học sinh thực hiện. <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh thực hiện trước lớp. - Nhận xét, tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, đọc mẫu hướng dẫn. - Lắng nghe hướng dẫn. - <i>Khi nào chúng ta thi kết thúc năm học?</i> - <i>Vào giữa tháng Năm, chúng ta sẽ thi kết thúc năm học.</i> - <i>Bồn hoa lớp chúng ta trồng ở đâu?</i> - <i>Trước dãy nhà C, lớp chúng ta đã trồng một bồn hoa.</i> - <i>Bao giờ lớp mình đi cắm trại?</i> - <i>Cuối tuần này, lớp mình sẽ đi cắm trại.</i> - Học sinh trình bày trước lớp.
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

.....

Thứ tư, ngày 6 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 14: TRONG LỜI MẸ HÁT (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trong lời mẹ hát. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ đối với người mẹ của mình.

- Nhận biết được vẻ đẹp, ý nghĩa của lời mẹ ru đối với cuộc đời người con. Lòng biết ơn của người con đối với mẹ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.

- Hiểu và biết ơn công lao của cha mẹ hay người nuôi dưỡng, dạy dỗ mình. Có ý thức rèn luyện để đền đáp công ơn ấy. Hiểu ý nghĩa và trân trọng những bài hát ru của bà, của mẹ.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Tự tin trong giao tiếp, biết chia sẻ cảm xúc với bạn bè, người thân.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học biết ơn công lao của cha mẹ hay người nuôi dưỡng, dạy dỗ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc, Có ý thức rèn luyện để đền đáp công ơn của cha mẹ, người nuôi dưỡng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Gọi học sinh đọc một đoạn trong bài Vườn của ông tôi và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.	- Đọc bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. - Cho học sinh quan sát tranh minh họa bài đọc. gợi ý cho học sinh nhớ lại những kỉ niệm với gia đình, người thân (Kỉ niệm gì, với ai, thời gian, địa điểm về kỉ niệm đó,...) - Tổ chức học sinh chia sẻ: <i>Kể cho bạn nghe một kỷ niệm với người thân mà em nhớ nhất. Nêu cảm nghĩ của em khi nhớ về kỷ niệm ấy.</i> - Giáo viên nhận xét, ghi nhận những lời chia sẻ phù hợp. - Giáo viên giới thiệu bài đọc <i>Trong lời mẹ hát.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe. - Quan sát tranh, nhớ lại những kỉ niệm với người thân theo gợi ý. - Chia sẻ trước lớp (<i>Ví dụ: Mình nhớ nhất kỉ niệm khi được đi du lịch ở Nha Trang cùng với gia đình vào dịp hè năm rồi</i>) - Lắng nghe.
--	---

2. Khám phá.

- Mục tiêu:

+ Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trong lời mẹ hát.

+ Biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ đối với người mẹ của mình.

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ đối với người mẹ của mình.

- GV HD đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: chòng chành, nôn nao,...

+ Ngắt giọng các câu thơ:

Ví dụ: *Con gặp/ trong lời mẹ hát*

- Lắng nghe giáo viên đọc.

- Lắng nghe giáo viên hướng dẫn.

Cánh cò trắng,/ dải đồng xanh

Con yêu/ màu vàng hoa mướp

Con gà/ cục tác lá chanh

- Gọi học sinh đọc.
- Nhận xét, tuyên dương học sinh.
- GV chia đoạn: 4 đoạn tương ứng với 4 khổ thơ:
- GV gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.
- Gợi ý, hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung chính của từng khổ thơ.

- Nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ ngữ, từ khó và tìm hiểu nghĩa một số từ trong bài: *chòng chành, nôn nao, nhịp võng,*
- GV Hướng dẫn học sinh đọc từng khổ thơ (Chú ý về cách đọc, ngắt nhịp). Ví dụ:

Con gắp/ trong lời mẹ hát

- Đọc bài thơ.
- HS theo dõi.
- Học sinh nối tiếp đọc từng khổ thơ.
- Thảo luận nhóm, nêu ý kiến.

+ *Khổ 1: Tuổi thơ gắn với câu chuyện cổ tích mẹ kể, những câu ca dao mẹ ru.*

+ *Khổ 2: Những hình ảnh thân thương hiện lên trong lời mẹ hát.*

+ *Khổ 3: Sự vất vả, hi sinh thầm lặng của mẹ đã giúp con khôn lớn.*

+ *Khổ 4: Lời hát của mẹ giúp con hiểu thêm cuộc đời, giúp con có thêm động lực để thực hiện những ước mơ.*

- HS luyện đọc.
- HS lắng nghe hướng dẫn.

<p><i>Cánh cò trắng,/ dải đồng xanh</i></p> <p><i>Con yêu/ màu vàng hoa mướp</i></p> <p><i>Con gà/ cục tác lá chanh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức học sinh luyện đọc theo nhóm đôi. - Nhận xét, tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh luyện đọc. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ đối với người mẹ của mình. - Hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm bài thơ - Gọi HS đọc diễn cảm nối tiếp. - Tổ chức học sinh luyện đọc diễn cảm theo nhóm (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi, nhận xét, điều chỉnh cho HS. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi nhóm cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được vẻ đẹp, ý nghĩa của lời mẹ ru đối với cuộc đời người con. Lòng biết ơn của người con đối với mẹ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ. 	

+ Hiểu và biết ơn công lao của cha mẹ hay người nuôi dưỡng, dạy dỗ mình.. Hiểu ý nghĩa và trân trọng những bài hát ru của bà, của mẹ.

- Cách tiến hành:

3.1. Tìm hiểu bài.

- GV mời 1 HS đọc toàn bài.

- Tổ chức học sinh đọc câu hỏi, thảo luận và trả lời.

Câu 1: Khổ thơ nào cho thấy ngay từ thuở ấu thơ, bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích. Hát ru, những bài ca dao.

Câu 2: Tìm những hình ảnh đẹp, gần gũi được gọi ra từ lời hát ru của mẹ. *(Giáo viên gợi ý học sinh quan sát tranh minh họa kết hợp nội dung bài thơ để tìm các hình ảnh)*

Câu 3: Qua cảm nhận của bạn nhỏ về mẹ (ở khổ thơ thứ 3), em thấy bạn nhỏ là người như thế nào?

Câu 4: Dựa theo nội dung khổ thơ thứ 4, đóng vai bạn nhỏ để nói lời tâm sự với mẹ. *(Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc lại khổ thơ thứ 4, nhớ lại nội dung chính của khổ thơ, suy nghĩ và tìm những lời muốn tâm sự với mẹ)*

- Cả lớp lắng nghe.

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

- Khổ đầu tiên (Khổ 1) cho thấy ngay từ thuở ấu thơ, bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích. Hát ru, những bài ca dao.

- Những hình ảnh đẹp, gần gũi được gọi ra từ lời hát ru của mẹ: cánh cò trắng, đồng lúa, hoa mướp vàng, và những câu đồng dao.

- Qua cảm nhận của bạn nhỏ về mẹ (mẹ vất vả, hi sinh vì con). Em thấy bạn nhỏ là người rất yêu thương mẹ, hiểu mẹ quan tâm đến mẹ, rất tình cảm, hiểu công ơn của mẹ, có lòng biết ơn, biết suy nghĩ và rất tinh tế.

- Học sinh suy nghĩ và chia sẻ lời cảm nhân của cá nhân: *(Ví dụ: Mẹ ơi, từ lời ru của mẹ, con đã hiểu thêm về cuộc đời của mẹ./ Mẹ ơi, lời ru của mẹ đã chấp cánh ước mơ cho con./ Mẹ ơi, lời ru của mẹ đã giúp con tiến bộ lên nhiều. Con cảm ơn mẹ, mẹ đã là người nuôi con khôn lớn. Con hứa với mẹ lớn lên, con sẽ là một người có ích,...)*

<p>Câu 5: Theo em, bài thơ Trong lời mẹ hát muốn nói về điều gì? (<i>Khuyến khích học sinh nêu ý kiến riêng</i>)</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS nêu nội dung bài.</p> <p>- GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>- Học sinh thảo luận nhóm chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến riêng (<i>Ví dụ: Phương án B; Bài thơ vừa nêu lên vẻ đẹp và ý nghĩa của những bài hát ru, vừa thể hiện lòng biết ơn của người con đối với cha mẹ. Cần phải ghi nhớ công ơn của cha mẹ,....</i>)</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- Học sinh nêu theo cách hiểu và khả năng: Ví dụ: <i>Bài thơ nói lên lòng biết ơn của người con trước công lao nuôi nấng, dạy dỗ của người mẹ.</i></p> <p>- HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>3.2. Học thuộc lòng (3 khổ thơ cuối).</p> <p>- GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng 3 khổ thơ cuối của bài thơ</p> <p>+ Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân.</p> <p>+ Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.</p> <p>+ Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh 3 khổ thơ.</p> <p>+ Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia học thuộc lòng 3 khổ thơ cuối của bài thơ</p> <p>+ HS đọc thuộc lòng cá nhân.</p> <p>+ HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.</p> <p>+ HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh 3 khổ thơ.</p> <p>+ Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp.</p>
<p>3.3. Luyện tập theo văn bản.</p> <p>Bài 1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: <i>Tìm</i></p>	

những hình ảnh nhân hóa trong bài thơ Trong lời mẹ hát.

- Tổ chức học sinh đọc lại bài thơ và tìm những hình ảnh nhân hóa trong bài thơ Trong lời mẹ hát. (*Giáo viên gợi ý học sinh về nhân hóa: những sự vật có hoạt động giống như con người*)

- Tổ chức học sinh làm việc nhóm 4.

- Mời đại diện các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: *Viết 2 - 3 câu về những việc mẹ đã làm cho con, trong đó có trạng ngữ chỉ thời gian hoặc nơi chốn.*

- Hướng dẫn học sinh nắm yêu cầu của bài tập.

- Gợi ý học sinh nhớ lại kiến thức về trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn.

- Lưu ý học sinh viết đúng yêu cầu: *Viết từ 2 – 3 câu, nội dung nói về những việc mẹ đã làm cho con, trong câu có sử dụng trạng ngữ chỉ thời gian hoặc chỉ nơi chốn.*

- Tổ chức học sinh trình bày.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- HS đọc lại bài thơ.

- Học sinh trao đổi theo nhóm, tìm hình ảnh nhân hóa có trong bài thơ:

- Đại diện nhóm trình bày (*Ví dụ: thuở thơ – chở cổ tích; dòng sông – đưa con đi; thời gian – chạy qua tóc mẹ; lời ru – chấp cánh cho con*)

- Nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Đọc yêu cầu.

- Lắng nghe GV hướng dẫn.

- Nhớ lại kiến thức.

- Nghe hướng dẫn và thực hành viết.

- Học sinh trình bày kết quả hoạt động.

(*Ví dụ: Trong nhà, mẹ là người tuyệt*

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên, cả lớp nhận xét, điều chỉnh cho học sinh. - GV nhận xét, tuyên dương khích lệ học sinh. 	<p><i>vời nhất. Mẹ thường dậy rất sớm nấu bữa sáng cho cả gia đình. Tuần trước, mẹ đã nấu một món chè cho em ăn thật ngon)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút kinh nghiệm qua nhận xét (nếu bài viết chưa tốt) - Lắng nghe.
---	---

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Có ý thức rèn luyện để đền đáp công ơn của cha, mẹ, người nuôi dưỡng.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức học sinh vận dụng bằng hình thức chia sẻ những việc làm cụ thể, phù hợp với khả năng để thể hiện lòng biết ơn và đền đáp công ơn của cha, mẹ, người nuôi dưỡng.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Một số HS chia sẻ ý kiến cá nhân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 9: LÀM QUEN VỚI YẾU TỐ THỐNG KÊ, XÁC SUẤT

Bài 52: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được về dãy số liệu thống kê, cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ cột, nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ cột. Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong biểu đồ cột.
- Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bộ đồ dùng dạy học toán 4.
- Xúc xắc. Bóng hoặc bút, viên bi màu với 2 loại màu khác nhau.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<ul style="list-style-type: none"> + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh chia sẻ về kết quả thực hiện kiểm đếm số lần đạt điểm các điểm số trong học tập của cá nhân ở các môn học trong tuần và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Số điểm nào xuất hiện nhiều nhất? + Số điểm nào xuất hiện ít nhất? + Hãy tự đánh giá kết quả học tập của em qua kết quả kiểm đếm trên. - Nhận xét, tuyên dương và giáo dục học sinh 	<p>Học sinh tham chia sẻ.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Chọn câu trả lời đúng. Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu và trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rô-bốt cùng các bạn làm gì? - Hãy đọc dãy số liệu mà Rô-bốt đã ghi lại số tiền thu được trong mỗi ngày. - Có bao nhiêu ngày nhóm bạn thu được nhiều hơn 100 000 đồng từ hoạt động đó? - Giáo viên nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rô-bốt cùng các bạn làm những món đồ chơi tái chế để bán lấy tiền ủng hộ đồng bào lũ lụt. - Học sinh đọc dãy số liệu: 180 000 đồng, 70 000 đồng, 125 000 đồng, 80 000 đồng, 100 000 đồng. - Có 2 ngày nhóm bạn thu được nhiều hơn 100 000 đồng từ hoạt động đó. Vậy chọn đáp án B. 2 ngày

Bài 2:

- Hướng dẫn học sinh đọc yêu cầu, đọc thông tin biểu đồ “Số câu đố mỗi bạn giải được”



- Nội dung của biểu đồ là gì ?

- Mỗi bạn giải được bao nhiêu câu đố ?

- Trong số 6 bạn, bạn nào giải được nhiều câu đố nhất? bạn nào giải được ít câu đố nhất?

- 6 bạn đã giải quyết được tất cả bao nhiêu câu đố?

- Trung bình mỗi bạn giải được bao nhiêu câu đố ?

- **Giáo viên mở rộng:** giải thích học sinh hiểu và nắm được trung bình là gì.

- Giáo viên đánh giá, nhận xét, tuyên dương học sinh.

Bài 3:

- Tổ chức học sinh đọc nội dung, yêu cầu bài tập

- Dãy số liệu thống kê của bài toán cung cấp cho em những thông tin gì ?

- Đọc yêu cầu bài tập

- Biểu đồ ghi lại số câu đố mà các bạn Lan, Rô-bốt, bạn Việt, bạn Nam, bạn Mai, bạn Lâm giải được.

- Bạn Lan: 7 câu, bạn Rô-bốt: 6 câu, bạn Việt: 3 câu, bạn Nam: 6 câu, bạn Mai: 9 câu, bạn Lâm: 5 câu.

- Bạn Mai giải được nhiều câu đố nhất, bạn Việt giải được ít câu đố nhất.

- Giải quyết được tất cả 36 câu đố

$$7 + 6 + 3 + 6 + 9 + 5 = 36 \text{ (câu)}$$

- Học sinh lắng nghe.

- Đọc nội dung và yêu cầu của bài tập.

- Trong một ngày, Mai và Mi làm được nhiều nhất bao nhiêu chậu cây ?

- Ngày ít nhất Mai và Mi làm được bao nhiêu chậu cây?

- Trung bình mỗi ngày hai chị em làm được bao nhiêu chậu cây? (Gáo viên gợi ý học sinh nhớ lại kiến thức về tìm số trung bình)

- Tổ chức học sinh trình bày, nhận xét.

- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.

Bài 4:

- Tổ chức học sinh đọc nội dung, yêu cầu bài tập

- Dựa vào nội dung bài tập cho biết các sự kiện có thể xuất hiện khi Việt chọn một trong 4 hộp đó là gì?

- Chia nhóm và tổ chức học sinh thực hành và ghi lại kết quả thực hành vào bảng kiểm đếm.

Chọn được hộp đựng kẹo	
Chọn được hộp đựng tẩy bút chì	

- Mời các nhóm chia sẻ kết quả hoạt động. và cho biết sự kiện nào xuất hiện nhiều hơn, sự kiện nào xuất hiện ít hơn.

- Nhận xét, tuyên dương học sinh.

- Cho biết số chậu cây mà hai chị em Mai và Mi đã hoàn thành trong mỗi ngày. Cho biết số chậu cây ít nhất và nhiều nhất được làm trong mỗi ngày.

- Trong một ngày, Mai và Mi làm được nhiều nhất 12 chậu cây.

- Ngày ít nhất Mai và Mi làm được 2 chậu cây.

- Vận dụng kiến thức về tìm số trung bình thực hiện trả lời câu hỏi.

Trung bình mỗi ngày hai chị em làm được bao nhiêu chậu cây:

$(2 + 3 + 5 + 5 + 5 + 8 + 8 + 10 + 12 + 12) : 10 = 7$ (chậu cây)

- Nhận xét bài làm của bạn.

- Học sinh đọc nội dung, yêu cầu bài tập

- Có hai sự kiện có thể xảy ra: Việt lấy được hộp đựng kẹo hoặc Việt lấy được hộp đựng tẩy bút chì.

- Học sinh thực hành:

- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả hoạt động của nhóm mình.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn học sinh vận dụng bằng các cho học sinh thực hành lấy các đồ vật khác màu và ghi lại kết quả kiểm đếm số lần xuất hiện của các đồ vật đó.

HS lắng nghe để vận dụng.

- Nhận xét, tuyên dương.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Âm nhạc

Chủ đề 6: Hòa bình

Tiết 25

- **Đọc nhạc: Bài đọc nhạc số 3**

- **Vận dụng**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực âm nhạc

- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng; thể hiện đúng cao độ và trường độ Bài đọc nhạc số 3; biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo tiết tấu.

2. Phát triển Năng lực chung và Phẩm chất

- **Về năng lực chung:** Góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học (qua hoạt động cá nhân); Năng lực giao tiếp và hợp tác (qua hoạt động cặp đôi; nhóm; tổ và cả lớp); Năng lực Sáng tạo (qua hoạt động gõ đệm)

- Về **phẩm chất**: Góp phần giáo dục học sinh gắn bó, yêu thích, giữ gìn thiên nhiên, mái trường; giữ gìn hòa bình, quê hương đất nước tươi đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Hình ảnh, SGK
- Đàn phím điện tử, nhạc cụ gõ (Thanh phách, Song loan, Trống con).

2. Học sinh:

- SGK; Nhạc cụ gõ (Thanh phách, Song loan, Trống con)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. HĐ Khởi động (2 phút) * Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi bước vào tiết học	
* Cách tiến hành: GV mở nhạc đệm bài A ram sam sam	Hoạt động cả lớp HS vận động theo bài A ram sam sam
2. Hoạt động khám phá luyện tập (30') * Hoạt động 1: Đọc nhạc: (20') * Mục tiêu: Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng; thể hiện đúng cao độ và trường độ Bài đọc nhạc số 3; Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm theo tiết tấu.	
* Cách tiến hành: + GV dùng nhạc cụ lấy cao độ chuẩn, hướng dẫn HS luyện đọc cao độ gam Đô trưởng bằng kí hiệu bàn tay - Hướng dẫn HS luyện tập tiết tấu (ví dụ vỗ tay theo tiết tấu), thực hiện ngắn gọn, khoảng 1-2 phút.	Hoạt động cả lớp HS thực hiện theo hướng dẫn của GV + Luyện đọc cao độ gam Đô trưởng: - HS thực hiện lại theo GV

<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ngắn gọn về trường độ của nốt trắng chấm đôi (theo SGK). - Hướng dẫn HS đọc Bài đọc nhạc số 3 theo kí hiệu bàn tay. GV yêu cầu các em vừa đọc vừa làm kí hiệu bàn tay. - Hướng dẫn HS đọc Bài đọc nhạc số 3 theo bản nhạc trong SGK với nhịp độ vừa phải, kết hợp gõ đệm theo tiết tấu. - Mời HS đọc nhạc hình thức cá nhân, cặp, nhóm, tổ; hoặc mời HS xung phong làm kí hiệu bàn tay để các bạn đọc nhạc. - GV cho HS đọc nhạc kết hợp vận động - GV nhận xét chung 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm kí hiệu bàn tay (không đọc nhạc) + Luyện tập tiết tấu: - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV luyện tiết tấu kết hợp với trống nhỏ hoặc nhạc cụ khác + Đọc nhạc Bài 3 theo kí hiệu bàn tay + Luyện đọc: Tổ 1 đọc tổ làm kí hiệu bàn tay và ngược lại - Đọc cặp đôi bạn đọc bạn kí hiệu và ngược lại. - HS đọc nhạc kết hợp vận động nhịp nhàng theo giai điệu - HS nhận xét lẫn nhau
<p>Hoạt động 2: Vận dụng: (10 phút)</p> <p>* Mục tiêu: Biết cảm nhận về cao độ, trường độ, cường độ, thông qua hoạt động Vận dụng</p>	
<p>* Cách thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bốn nốt nhạc trên khuông và một nốt tự chọn ở hàng dọc - GV hướng dẫn cách thực hiện. - Làm mẫu, vừa đọc nhạc vừa làm kí hiệu bàn tay. - Mời HS xung phong đọc nhạc kết hợp làm kí hiệu bàn tay. 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vừa đọc nhạc vừa làm kí hiệu bàn tay. - 1 số HS xung phong đọc nhạc kết hợp làm kí hiệu bàn tay.

<p>- Mở rộng: GV có thể mời HS đọc nhạc với nốt tự chọn khác:</p> <p> </p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- HS xung phong đọc nhạc với nốt tự chọn:</p> <table border="1" data-bbox="873 279 1395 604"> <tr> <td colspan="4"></td> <td>Đô</td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td> <td>Si</td> </tr> <tr> <td>Son</td> <td>Mi</td> <td>Son</td> <td>Đô</td> <td>La</td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td> <td>Son</td> </tr> <tr> <td colspan="4"></td> <td>Mi</td> </tr> </table>					Đô					Si	Son	Mi	Son	Đô	La					Son					Mi
				Đô																						
				Si																						
Son	Mi	Son	Đô	La																						
				Son																						
				Mi																						
<p>3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm: (3')</p> <p><i>*.Mục tiêu: Học sinh biết liên hệ bài học với cuộc sống (Biết thể hiện tình yêu quê hương, yêu Tổ quốc. Biết đọc nhạc kết hợp vận động)</i></p>																										
<p><i>* Cách tiến hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc lại yêu cầu của tiết học này, chốt lại nội dung Chủ đề 6. Khen ngợi các em có ý thức tập luyện tích cực, đọc nhạc tốt vận động chính xác, sáng tạo.... Động viên những em còn rụt rè, chưa mạnh dạn cần cố gắng hơn. - Dặn các em về nhà xem lại các nội dung đã học: Tập biểu diễn bài hát, tập đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay. 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ nội dung của giờ học - Về tập đọc nhạc theo kí hiệu bàn tay. - Chuẩn bị bài cho tiết sau. 																									

.....

Khoa học

CHỦ ĐỀ 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 24: CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG CÂN BẰNG (Tiết 2+3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát và ghi nhớ được các nhóm thức ăn ở Tháp dinh dưỡng của trẻ em.

- Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày.

- Nêu được ở mức độ đơn giản về chế độ ăn uống cân bằng.

- Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào Tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà, ở trường.

- Rèn luyện thói quen thực hiện chế độ ăn uống cân bằng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện chế độ ăn uống cân bằng theo nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm về chế độ ăn uống cân bằng

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập, phối hợp với gia đình thực hiện chế độ ăn uống cân bằng.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức múa hát bài “Tâm hồn ăn uống” - Nhạc và lời Gia Hân để khởi động bài học.</p> <p>- GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát và các hoạt động múa, hát mà các bạn thể hiện trước lớp.</p> <p>+ Vì sao phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn khác nhau?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát.</p> <p>- HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày.</p> <p>+ Nêu được ở mức độ đơn giản về chế độ ăn uống cân bằng.</p> <p>+ Nhận xét được bữa ăn có cân bằng, lành mạnh không dựa vào Tháp dinh dưỡng của trẻ em và đối chiếu với thực tế bữa ăn trong ngày ở nhà, ở trường.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: Ăn uống cân bằng, lành mạnh.</p> <p>HD 2.1. Tháp dinh dưỡng(nhóm 4)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các tầng của sơ đồ “ Tháp dinh dưỡng” và thực hiện theo nội dung của SGK</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và thực hiện theo nhóm 4</p>



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét.

Tháp dinh dưỡng gồm: muối, đường, chất béo, đạm, các loại quả, rau xanh và lương thực.

+ **Nhóm lương thực:** bánh mì, gạo, khoai tây, khoai lang, mì, bắp,..Nhóm thực phẩm này nên ăn đủ từ 150-250g/ ngày

+**Nhóm rau củ quả:** 150-250g gồm các loại rau: bắp cải, xúp lơ,.., các loại củ quả: chuối, ngọ, khoai, cà chua,..

+**Sữa và các sản phẩm từ sữa:** từ 400 -600ml / ngày

+**Nhóm thực phẩm bổ sung đạm:** gồm sữa, sữa chua, phô mai, thịt nạc, gia cầm, cá, trứng, hạt và nhóm họ đậu 25g/ ngày

+ **Nhóm dầu, mỡ:** gồm các chất béo mỗi ngày dưới 15g

+**Nhóm đường, muối:** cần hạn chế trong khẩu phần ăn hàng ngày. Đường

- GV nhận xét chung, chốt lại các nhóm thức ăn trong tháp dinh dưỡng.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhắc lại + Ngoài việc ăn theo tháp dinh dưỡng các em cần làm gì nữa? + Hoạt động thể lực mỗi ngày em làm những gì? - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, nhắc nhở cần thực hiện theo tháp dinh dưỡng. 	<p>dưới 15g/ ngày, muối dưới 4g/ ngày</p> <p>Các loại thực phẩm sẽ được biểu diễn theo hình kim tự tháp với đỉnh tháp tượng trưng cho nhóm thực phẩm cần hạn chế ăn và đáy tháp là nhóm thực phẩm cho phép ăn nhiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS nhắc lại tháp dinh dưỡng + Hoạt động thể lực 60 phút/ngày. Uống đủ 1300- 1500ml nước mỗi ngày + Đi bộ, chạy nhảy, múa hát,... + HS lắng nghe
<p>HĐ 2.2: Làm việc theo cặp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu trong SGK 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu trong SGK

2. Dựa vào Tháp dinh dưỡng, hãy cho biết:
- Bữa ăn nào trong hình 4 đã cân bằng, lành mạnh? Vì sao?
 - Cần thêm hoặc bớt thức ăn trong khay như thế nào để có bữa ăn cân bằng, lành mạnh?



- GV mời HS trình bày, nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét và chốt ý: Để có bữa ăn cân bằng, lành mạnh ta cần bổ sung đầy đủ các loại nhóm thức ăn theo tháp dinh dưỡng quy định.

- Đại diện một số cặp trình bày, mỗi em nêu một khay

+ Khay 4a có sự cân bằng, lành mạnh vì đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng..

+ Khay 4b không có rau, củ nên thiếu vitamin, nhiều đồ chiên rán. Khay 4b bớt đồ chiên rán, bổ sung thêm rau, củ quả,..

HD 2.3. Làm việc cả lớp

- GV mời HS trả lời các câu hỏi:
- + Những thức ăn đồ uống nào chứa nhiều đường cần ăn ít, chứa nhiều muối cần ăn hạn chế?
- + Những thức ăn nào không cần sử dụng thêm gia vị chấm khi ăn?
- + Thói quen ăn uống hằng ngày của em đã lành mạnh chưa? Vì sao?

- HS lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời

+ Các loại thực phẩm có chứa nhiều đường như bánh kẹo, sữa có đường, nước ngọt,... cần ăn ít, các thức ăn chứa nhiều muối như thức ăn nhanh, đồ hộp, đồ ăn vặt,... chứa nhiều muối cần ăn hạn chế.

+ Thức ăn không cần sử dụng thêm gia vị chấm khi ăn: rau củ xào, thịt xào,...

+ HS tự trình bày, nhận xét, bổ sung

+ HS nêu

- + Em cần thay đổi gì để các bữa ăn lành mạnh?
- GV nhận xét, khen ngợi
- GV mời HS đọc thông tin bổ sung

+ HS đọc thông tin bổ sung

HD 2.4. Làm việc cá nhân

- GV yêu cầu HS thực hiện theo các câu hỏi trong SGK

+ Liệt kê các thức ăn, đồ uống em đã ăn hai ngày gần đây ở nhà, ở trường theo gợi ý sau:

1. Liệt kê các thức ăn, đồ uống em đã ăn hai ngày gần đây ở nhà, ở trường theo gợi ý sau:

Ngày	Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa phụ	Bữa tối
Ngày thứ nhất	1 bánh mì 1 quả trứng rán	1 bát cơm 1 miếng thịt gà rán 1 bát canh rau	1 hộp sữa chua	1 bát cơm 2 miếng đậu phụ 4 miếng thịt lợn 1 nửa bát canh rau
?	?	?	?	?

- GV mời một vài em trình bày, soi bài làm của em đó.

+ Dựa vào sơ đồ “Tháp dinh dưỡng” đối chiếu với các bữa ăn trong 2 ngày ở trên và nhận xét các bữa ăn trong ngày đã cân bằng, lành mạnh chưa vì sao?

- HS đọc và thực hiện theo yêu cầu

+ Em cần thay đổi điều gì về thói quen ăn uống để các bữa ăn cân bằng lành mạnh và có lợi cho sức khỏe?

Tổng kết:

- Qua các nội dung, em cho biết: Để đảm bảo chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh cần làm gì?

- HS trình bày, nhận xét

- HS đối chiếu, cho ý kiến

- HS nêu, bạn khác nhận xét, bổ sung

- HS trả lời cá nhân theo hiểu biết:

<ul style="list-style-type: none"> + GV nhận xét, tuyên dương. - GV mời một vài em nhắc lại. 	<ul style="list-style-type: none"> + Ăn đủ bữa và: + Phối hợp nhiều loại thức ăn + Ăn rau xanh, quả chín và uống đủ nước. + Sử dụng hợp lí thức ăn có nguồn gốc động vật và thực vật. + Sử dụng ít muối và đường
--	---

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Tâm sự cùng hoa” + GV chuẩn bị một số hoa bằng giấy màu. + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt trong thời gian 2 phút. + Các nhóm thi nhau đưa ra những thức ăn mình cần bổ sung để có chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh. Sau 2 phút, nhóm nào có nhiều bạn được lên nhóm đó thắng cuộc. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà thực hiện chế độ ăn uống cân bằng, lành mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi. - HS tham gia trò chơi
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

...

Ôn Tiếng Việt

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

Bài: TRUYỀN THÔNG UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố và luyện tập nói trước nhóm, trước lớp về một sự việc thể hiện truyền thông Uống nước nhớ nguồn, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về sự việc đó.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái, yêu nước: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn, biết thể làm những công việc phù hợp để thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho Hs hát- GV dẫn dắt vào bài mới- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết nói trước nhóm, trước lớp về ý kiến của mình về một người lao động hoặc chiến đấu, hi sinh để đem lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho mọi người.	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện- HS lắng nghe
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Bài 1. Dựa vào dàn ý đã lập ở trên em hãy ghi lại các ý chính sẽ trình bày trong nhóm hoặc trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi học sinh đọc yêu cầu hoạt động.- Tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm đôi.- Gọi học sinh trình bày.- GV nhận xét, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- Thảo luận nhóm, lần lượt học sinh thuật lại sự việc dựa theo dàn ý đã lập ở tiết trước trong nhóm.- Đại diện nhóm thực hiện trước lớp.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>2. Ghi lại ý kiến góp ý của thầy cô hoặc bạn bè dành cho em (hoặc ý kiến góp ý của em dành cho bạn).</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức cho học sinh, nhóm trao đổi góp ý sau khi nghe bạn trình bày: <p><i>Giáo viên định hướng một số nội dung để</i></p>	<ul style="list-style-type: none">- HS thảo luận nhóm 4. Trao đổi và thực hiện yêu cầu.- Tham gia nhận xét, góp ý cho bạn theo các nội dung giáo viên đã gợi ý.

<p><i>học sinh góp ý, nhận xét:</i></p> <p><i>Về nội dung sự việc có thể hiện rõ truyền thống Uống nước nhớ nguồn không?,</i></p> <p><i>Về diễn biến của sự việc có đúng thực tế không? các sự việc có sắp xếp hợp lý không?</i></p> <p><i>Về suy nghĩ cảm xúc có kết hợp cử chỉ, điệu bộ,..để thể hiện tình cảm, cảm xúc hay không?,</i></p> <p><i>Có sử dụng tranh ảnh minh họa hay không?</i></p> <p>- Nhận xét, đánh giá. Tuyên dương, khen ngợi học sinh, nhóm có phần trình bày tốt.</p>	<p>- Lắng nghe để rút kinh nghiệm.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <p>1. Ghi lại những từ ngữ thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em về những việc làm góp phần gìn giữ truyền thống Uống nước nhớ nguồn.</p> <p>2. Tìm đọc câu chuyện về lòng biết ơn.</p> <p>- Tên câu chuyện:.....</p> <p>- Tác giả (nếu có):.....</p> <p>- Chi tiết làm em xúc động:.....</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương học sinh.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS ghi vào VBT</p> <p>- HS làm bài rồi nêu cho các bạn cùng nghe</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p>	

.....

.....

.....

.....

Thứ năm, ngày 7 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý bài văn thuật lại một sự việc được tham gia hoặc chứng kiến (thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn)

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp để thuật lại một sự việc được tham gia hoặc chứng kiến.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng lập dàn ý cho bài văn, vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái, yêu nước: Thông qua bài học, biết thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về truyền thống Uống nước nhớ nguồn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

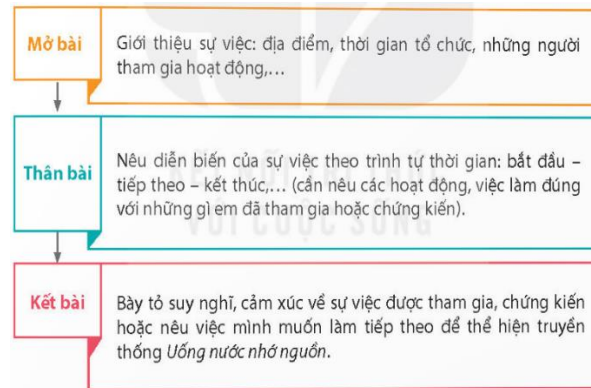
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Tổ chức học sinh ôn lại kiến thức về lập dàn ý:</p> <p>+ Để lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc cần chuẩn bị những gì?</p> <p>+ Dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc gồm mấy phần chính, đó là những phần nào?</p> <p>- Giáo viên nhận xét, kết luận, tuyên dương học sinh.</p>	<p>- Ôn lại kiến thức cũ.</p> <p>+ Chuẩn bị nội dung (chọn nội dung sự việc), liệt kê hoặc nhớ lại những sự việc (hoạt động), sắp xếp theo trình tự hợp lý (trước – sau, bắt đầu – kết thúc,...).</p> <p>+ Gồm 3 phần chính (Mở bài, Thân bài và Kết bài)</p> <p>- Học sinh lắng nghe ghi nhớ kiến thức.</p>

<p>- Giới thiệu vài nội dung bài.</p>	
<p>2. Hoạt động.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tìm hiểu cách lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia (Chọn sự việc, sắp xếp các sự việc theo thứ tự,...)</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Chuẩn bị.</p> <p>- Gọi học sinh đọc và nêu yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Tổ chức học sinh làm việc cá nhân chọn sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn để thuật lại.</p> <p>- Cho học sinh nêu sự việc đã chọn.</p> <p>- Tổ chức chia nhóm học sinh có cùng sự việc, thảo luận để nhớ lại những hoạt động, việc làm chính và sắp xếp các hoạt động đó theo trình tự hợp lý.</p> <p>- Gọi học sinh trình bày kết quả.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương học sinh.</p>	<p>- Học sinh đọc đề bài và nêu yêu cầu (<i>Thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về sự việc đó</i>)</p> <p>- Học sinh suy nghĩ lựa chọn sự việc.</p> <p>- Học sinh nêu (<i>Ví dụ: Chăm sóc nghĩa trang Liệt sĩ, thăm hỏi gia đình thương binh, tham gia hoạt động áo lụa tặng bà, chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, ...</i>)</p> <p>- Thảo luận theo nhóm.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- Quan sát, nghe hướng dẫn.</p>

Bài 2. Lập dàn ý.

- Giáo viên gợi ý về dàn ý bài văn thuật lại sự việc và hướng dẫn học sinh.



- Tổ chức học sinh thực hiện cá nhân (*Giáo viên lưu ý học sinh: khi lập dàn ý cần phải thuật cho đúng thực tế*)

- Giáo viên quan sát, kiểm tra, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn.
- Tổ chức học sinh trình bày trước lớp.
- Giáo viên, cả lớp nhận xét, góp ý để hoàn thiện dàn ý.

Bài 3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

- Tổ chức học sinh hoạt động nhóm trao đổi bài làm nhận xét, góp ý cho bạn.

(Giáo viên lưu ý học sinh tập trung vào các nội dung: Bố cục, trình tự sự việc, việc lựa chọn hoạt động, việc làm)

- Giáo viên nhận xét, đánh giá chung về kết quả hoạt động của học sinh. Kết luận và lưu ý học sinh một số nội dung khi lập dàn ý thuật lại một sự việc
- Tuyên dương học sinh.

- Học sinh làm việc cá nhân (Dựa và phần chuẩn bị và gợi ý của giáo viên thực hành lập dàn ý)

- 2-3 học sinh trình bày dàn ý.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm để hoàn thiện dàn ý.

- Trao đổi trong nhóm góp ý, chỉnh sửa dàn ý theo gợi ý.

- Lắng nghe để vận dụng.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc đó.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh và sáng tạo”.

+ GV chuẩn bị các hoạt động của một sự việc về một buổi đi thực tế chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ (các hoạt động được sắp xếp ngẫu nhiên không theo thứ tự), yêu cầu học sinh đọc và sắp xếp các hoạt động đó thành một sự việc hoàn chỉnh, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc qua sự việc đó.

+ Chia lớp các nhóm (nhóm 4 học sinh) và yêu cầu thực hiện.

+ Mời các nhóm trình bày.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Các nhóm thực hiện.

- Trình bày và nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 10: PHÂN SỐ

Bài 53: KHÁI NIỆM PHÂN SỐ (TIẾT 1).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận được khái niệm ban đầu về phân số.
- Nhận biết được tử số, mẫu số của một phân số.
- Đọc, viết được phân số.
- Nhận biết được phân số có liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

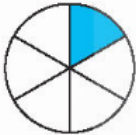
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- Các mảnh giấy, bìa hình tròn đã tô màu $\frac{1}{6}$ và $\frac{2}{6}$ hình tròn

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Giáo viên tổ chức học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”: Chia nhóm (mỗi nhóm 4 học sinh), phát cho mỗi nhóm 5 cái bánh và yêu cầu học sinh chia số bánh cho mỗi bạn trong nhóm (sao cho mỗi bạn đều có số bánh như nhau). Nhóm nào hoàn thành nhanh, chia số bánh chính xác sẽ chiến thắng.</p> <p>- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh</p> <p>- Giáo viên giới thiệu vào bài.</p>	<p>Học sinh tham trò chơi.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức cho học sinh quan sát tranh đọc lời thoại của các nhân vật ở phần khám phá.</p> <p>- Em hãy liên hệ thực tế về một tình huống tương tự mà em đã gặp.</p> <p>- Cho học sinh quan sát hình tròn thứ nhất và đặt câu hỏi tương tác</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>+ Hình tròn được chia thành mấy phần bằng nhau ?</p> <p>+ Đã tô màu mấy phần của hình tròn?</p> <p>Giáo viên nêu:</p> <p>- Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau,</p>	<p>- Quan sát tranh đọc lời thoại.</p> <p>- Học sinh liên hệ và chia sẻ trước lớp.</p> <p>- Quan sát và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau</p>

tô màu 1 phần. Ta nói đã tô màu một phần sáu hình tròn.

- Hướng dẫn viết và đọc phân số $\frac{1}{6}$
- Cho học sinh nhắc lại.
- Cho học sinh quan sát hình tròn thứ hai và tổ chức cho học sinh hỏi đáp theo cặp.

- Hướng dẫn học sinh viết $\frac{2}{6}$

Giáo viên giới thiệu: $\frac{1}{6}$ và $\frac{2}{6}$ là những phân số. Phân số $\frac{1}{6}$ có 1 là tử số (chỉ số phần đã tô màu), 6 là mẫu số (chỉ số phần bằng nhau đã chia ra của hình tròn). Mỗi phân số đều có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang, mẫu số là số tự nhiên (khác 0) viết dưới gạch ngang.

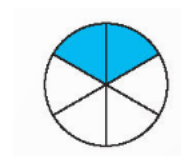
- Tổ chức cho học sinh trao đổi tương tự với phân số $\frac{2}{6}$
- Nhận xét, tuyên dương học sinh.

3. Thực hành.

- Đã tô màu 1 phần của hình tròn.

- Lắng nghe.

- Quan sát giáo viên hướng dẫn.
- Học sinh nhắc lại.
- Học sinh thực hiện.



+ Học sinh 1: Hình tròn được chia thành mấy phần bằng nhau?

+ Học sinh 2: Hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau

+ Học sinh 1: Đã tô màu mấy phần của hình tròn?

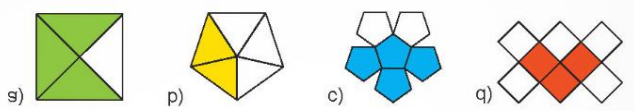
+ Học sinh 2: Đã tô màu 2 phần.

- Thực hành viết $\frac{2}{6}$ vào bảng con.

- Học sinh lắng nghe và quan sát.

- Học sinh thực hiện.

Bài tập 1: Viết phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình.



- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương học sinh.

Bài tập 2: Số?

- Bài tập yêu cầu viết số của những phần nào của phân số đã cho.
- Tổ chức học sinh thực hiện bài tập.

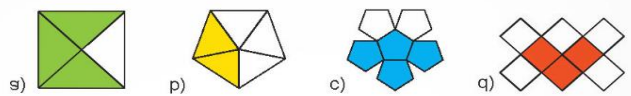
- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương học sinh.

Bài 3: Chọn phân số phù hợp với cách đọc của phân số.

- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương học sinh.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Học sinh thực hiện cá nhân trên phiếu học tập.



$$\frac{3}{4}$$

$$\frac{2}{5}$$

$$\frac{4}{6}$$

$$\frac{3}{8}$$

- Viết các số chỉ phân tử số và mẫu số của phân số đã cho.

- Học sinh thực hiện cá nhân trên phiếu.

Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{4}{7}$	4	7
$\frac{6}{10}$	6	10

Phân số	Tử số	Mẫu số
$\frac{3}{8}$	3	8
$\frac{9}{12}$	9	12

- Học sinh thực hiện trên phiếu học tập (bằng cách viết phân số phù hợp với cách đọc sau các chữ A, B, C, D)

A. $\frac{2}{6}$

B. $\frac{5}{8}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{3}{5}$

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức học sinh đọc, viết các phân số.

Câu 1: Đọc và xác định tử số, mẫu số của các phân số $\frac{3}{5}; \frac{2}{7}$

Câu 2: Viết phân số: Bốn phần chín.

- Nhận xét, tuyên dương và lưu ý học sinh (Khi viết dấu gạch ngang của phân số ta phải dùng thước thẳng)

- HS tham gia thực hành.

- Ba phần năm (Tử số là 3, mẫu số là 5)

- Hai phần bảy (Tử số là 2, mẫu số là 7)

- Học sinh viết $\frac{4}{9}$

- Học sinh lắng nghe và vận dụng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

.....
Ôn Toán

Bài 49: DÃY SỐ LIỆU THỐNG KÊ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được về dãy số liệu thống kê
- Nhận biết được cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. HĐ khởi động: (3-5')</p> <p>- GV tổ chức trò chơi truyền điện: Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- GV lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 5, 6 Vở Bài tập Toán.</p> <p>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</p> <p>- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các câu hỏi trong trò chơi)</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>- HS làm bài.</p>

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1: Trong một trận đấu bóng rổ dành cho học sinh khối lớp 4, các bạn Hùng, Dũng, Huy và Hoàng lần lượt ghi được số điểm là: 13, 7, 8, 21. Đây cũng là những bạn ghi được nhiều điểm nhất trong trận đấu đó. Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số điểm lớn nhất đã ghi được trong trận đấu đó là điểm

b) Có bạn ghi được nhiều hơn 10 điểm.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.

- GV nhận xét tuyên dương.

➔ **Củng cố: nhận biết được giá trị số tự nhiên.**

Bài 2: Hình dưới đây cho biết số câu đố mà mỗi bạn đã giải được trong chương trình “Giải đố giải ngố”.



Viết dãy số liệu chỉ số câu đố mà mỗi bạn đã giải được theo thứ tự:

Từ bé đến lớn:

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.

- HS làm bài theo yêu cầu.

a) Số điểm lớn nhất đã ghi được trong trận đấu đó là **21** điểm.

b) Có **2** bạn ghi được nhiều hơn 10 điểm.

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi trước lớp.



a) Từ lớn đến bé:.....

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.
- GV nhận xét tuyên dương.

→ **Củng cố: biết sắp xếp các số tự nhiên.**

Bài 3: Rô-bốt ghi chép số con cá theo từng loài trong một bể cá thành một dãy số liệu như sau: 5, 2, 6, 4, 3, 7, 4, 4. Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

- Dãy số liệu trên gồm bao nhiêu số?
- Loài có số lượng nhiều nhất có bao nhiêu con? Loài có số lượng ít nhất có bao nhiêu con?
- Có loài cá nào chỉ có 1 con duy nhất hay không? Vì sao?

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: tìm và nhận dạng các số trong dãy số liệu.**

Đ, S ?

Bài 4:

Cho dãy số liệu về tổng số bánh (đơn vị: cái) mà cửa hàng bán được trong 1 tuần (từ thứ Hai đến Chủ nhật) như sau: 90, 87, 85, 79, 75, 72, 70.

- Dãy số liệu trên gồm 8 số.
- Cửa hàng bán được nhiều bánh nhất vào ngày đầu tiên trong tuần.
- Số bánh cửa hàng bán được trong mỗi

a) Từ bé đến lớn: **19, 27, 28, 31.**

b) Từ lớn đến bé: **31, 28, 27, 19.**

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.

- HS làm bài theo yêu cầu.

a) Dãy số liệu trên gồm **8** số?

b) Loài có số lượng nhiều nhất có **7** con? Loài có số lượng ít nhất có **2** con?

c) **Không** có loài cá nào chỉ có 1 con duy nhất. **Vì loài có số lượng ít nhất là 2 con.**

- HS trình bày.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.



ngày là tăng dần (tức là ngày hôm sau luôn bán được số bánh nhiều hơn ngày hôm trước).

- GV mời đại diện trình bày.

- GV mời các bạn khác nhận xét.

- GV Nhận xét chung, tuyên dương.

➔ **Củng cố: nhận biết từng giá trị trong dãy số liệu.**

3. Vận dụng.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- HS làm bài theo yêu cầu.

a) Dãy số liệu trên gồm 8 số.

b) Cửa hàng bán được nhiều bánh nhất vào ngày đầu tiên trong tuần.

c) Số bánh cửa hàng bán được trong mỗi ngày là tăng dần (tức là ngày hôm sau luôn bán được số bánh nhiều hơn ngày hôm trước).

- HS trình bày và nhận xét.

-HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Thứ sáu, ngày 8 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

Bài: TRUYỀN THÔNG UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về một sự việc thể hiện truyền thông Uống nước nhớ nguồn, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về sự việc đó.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái, yêu nước: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn, biết thể làm những công việc phù hợp để thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	

<p>- Đề thuật lại một sự việc ta thực hiện theo những bước nào?</p> <p>- Giáo viên nhận xét, kết luận , tuyên dương học sinh.</p> <p>- GV giới thiệu vào bài.</p>	<p>- HS tham gia trả lời.</p> <p>Thực hiện theo 3 bước:</p> <p>+ Bước 1: Giới thiệu sự việc: Địa điểm, thời gian tổ chức, những người tham gia.</p> <p>+ Bước 2: Nêu diễn biến của sự việc theo trình tự thời gian.</p> <p>+ Bước 3: Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc được tham gia ,chứng kiến hoặc nêu việc mình muốn làm tiếp theo.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết nói trước nhóm, trước lớp về một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về sự việc đó.</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Nói.</p> <p>- Gọi học sinh đọc yêu cầu hoạt động.</p> <p>- Tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm.</p> <p><i>(Giáo viên lưu ý học sinh kết hợp sử dụng giọng nói, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ... để thể</i></p>	<p>Yêu cầu: Thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống, uống nước nhớ nguồn và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về sự việc đó.</p> <p>- Thảo luận nhóm, lần lượt học sinh thuật lại sự việc dựa theo dàn ý đã lập ở tiết trước trong nhóm.</p>

<p>nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động củng cố bài học cho học sinh. - Nhận xét, tuyên dương học sinh. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>hiện, góp phần gìn giữ và phát huy truyền thống Uống nước nhớ nguồn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đọc thêm những câu chuyện về lòng biết ơn, câu chuyện thể hiện việc Uống nước nhớ nguồn và chia sẻ câu chuyện đó với bạn bè, người thân. - Học sinh nhắc lại những nội dung chính của bài 14. + Đọc hiểu: Trong lời mẹ hát. + Viết: Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc. + Nói và nghe: Truyền thống Uống nước nhớ nguồn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....



Toán

Bài 53: KHÁI NIỆM PHÂN SỐ (TIẾT 2).

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận được khái niệm ban đầu về phân số.
- Nhận biết được tử số, mẫu số của một phân số.

- Đọc, viết được phân số.
- Nhận biết được phân số có liên quan đến số lượng của một nhóm đồ vật.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bộ đồ dùng dạy, học toán 4.
- Các mảnh giấy, bìa hình tròn đã tô màu các phần.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
Giáo viên tổ chức khởi động bài học. Câu 1: Đọc các phân số: $\frac{5}{8}$; $\frac{12}{23}$; $\frac{7}{12}$ Câu 2: Viết phân số: Mười lăm phần ba mươi	Học sinh tham gia khởi động.

bốn.

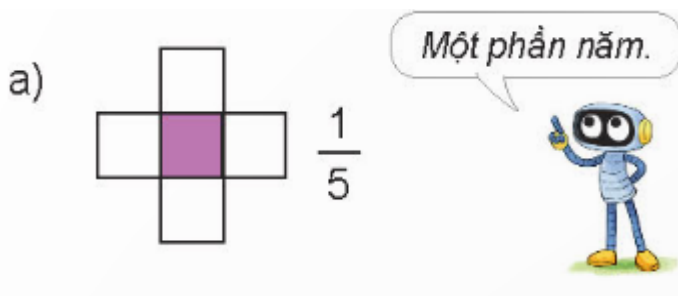
Câu 3: Nêu tử số, mẫu số của các phân số vừa đọc.

- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh
- Giới thiệu vào bài.

2. Luyện tập.

Bài tập 1: Viết rồi đọc phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình.

- Giáo viên hướng dẫn mẫu:



- Tổ chức học sinh thực hiện bài tập.
- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: Viết phân số.

- Tổ chức cho học sinh làm bài tập theo hình thức cá nhân (Gọi 4 bạn lên viết bảng lớp, học

- Theo dõi giáo viên hướng dẫn.

- Học sinh thực hiện bài tập.

Hình	Viết phân số	Đọc phân số
b)	$\frac{5}{9}$	Năm phần chín
c)	$\frac{6}{9}$	Sáu phần chín
d)	$\frac{4}{7}$	Bốn phần bảy
e)	$\frac{4}{8}$	Bốn phần tám

- Học sinh thực hành làm bài tập.

a) Bảy phần chín	$\frac{7}{9}$
------------------	---------------

sinh còn lại làm vào vở).

- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương.

Bài 3:

- Yêu cầu học sinh quan sát các hình và cho biết số bông hoa trong mỗi hình và số hoa đã được tô màu, nêu phân số chỉ số hoa đã tô màu trong mỗi hình.

- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương.

Bài 4: Chọn câu trả lời đúng.

- Yêu cầu học sinh quan sát tranh minh họa bài tập và trả lời các câu hỏi:

+ Bức tường được chia thành mấy phần bằng nhau ?

+ Bạn Mai đã sơn màu mấy phần của bức tường?

+ Còn mấy phần của bức tường bạn Mai chưa sơn màu?

- Từ phần gợi ý giáo viên cho học sinh chọn câu trả lời đúng.

- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương.

b) Chín phần mười	$\frac{9}{10}$
c) Mười bảy phần hai mươi ba.	$\frac{17}{23}$
d) Hai mươi lăm phần năm mươi tám.	$\frac{25}{58}$

- Học sinh thực hiện theo hướng dẫn và trả lời câu hỏi. **Hình C.**

- Học sinh quan sát tranh minh họa.

- Được chia thành 10 phần.

- Bạn Mai đã sơn 7 phần.

- Còn 3 phần bạn Mai chưa sơn màu

- Câu a) Chọn B. $\frac{3}{10}$

- Câu b) Chọn C. $\frac{7}{10}$

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức học sinh thi đọc, viết nhanh các phân số theo các hình giáo viên đã chuẩn bị.

- Giáo viên kiểm tra, nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia thực hành.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 21: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện...).

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Nhận thức khoa học Địa lí thông qua việc kể tên một số dân tộc và trình bày một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng bảng số liệu để so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.


3. Phẩm chất.


- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu hình ảnh trong sách giáo khoa để khởi động bài học.  <p>Hình 1. Thu hoạch cà phê (Bình Đắc Lát) Hình 2. Nhà máy thủy điện (Bình Giả Lát)</p> + Em hãy cho biết một số hoạt động kinh tế	- HS quan sát tranh và trả lời một số câu hỏi - Một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên: Thu hoạch cà phê,

<p>chủ yếu ở vùng Tây Nguyên?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<p>tiêu. Chăn nuôi gia súc..</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên. - Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư? (làm việc nhóm đôi)</p> <p>* Dân cư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin và quan sát hình 3 : <i>em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.</i>  <p style="text-align: center;">▲ Hình 3. Người Ê Đê</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 3 và cho biết: + Một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên? + So sánh mật độ dân số ở Tây Nguyên và các vùng khác + Nhiệm vụ 1: GV lưu ý cho HS hiện nay một số dân tộc đã sinh sống lâu đời còn có 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và lắng nghe GV giới thiệu một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên. - HS làm việc nhóm đôi, lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ. + Nhiệm vụ 1: Các dân tộc sống lâu đời

các dân tộc ở vùng khác đến sinh sống ở Tây Nguyên.

- GV cho HS quan sát thêm một số hình ảnh các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.

+ Nhiệm vụ 2: Cho HS khai thác bảng thông tin và so sánh mật độ dân số ở Tây Nguyên với các vùng khác.

- GV mời HS sinh hoạt theo nhóm 2, thảo luận và thực hiện 2 nhiệm vụ:

- GV nhận xét tuyên dương. Chốt lại kiến thức: các dân tộc sống lâu đời ở vùng Tây Nguyên là: Gia Rai, Êđê, Xơ Đăng, Mạ. Hiện nay có một số dân tộc khác đến xây dựng kinh tế như Kinh, Mường, Tày, Dao, Mông..

Tây Nguyên là vùng thưa dân mật độ dân số thấp nhất trong các vùng ở nước ta. Dân cư tập trung chủ yếu ở thị trấn, thị xã thành phố ven các trục đường giao thông.

ở Tây Nguyên gồm: Ba-Na, Gia-Rai, Xê-Đăng...

BẢNG MẬT ĐỘ DÂN SỐ CÁC VÙNG Ở NƯỚC TA NĂM 2020

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
Mật độ dân số (người/km ²)	139	1 431	212	109	554

(Nguồn: Tổng cục tư Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

+ Nhiệm vụ 2: HS so sánh mật độ dân số ở Tây Nguyên với các vùng khác.

- HS trả lời các nhiệm vụ GV đã đưa ra..

- 1 HS trình bày:

-HS lắng nghe.

3. Luyện tập

- Mục tiêu:

+Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện...).

+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 2: tìm hiểu một số hoạt động kinh tế chủ yếu. (Sinh hoạt nhóm đôi)

a) Trồng cây công nghiệp.

- GV cho HS quan sát hình 4,5 và đọc thông

tin trong mục để trả lời câu hỏi.



▲ Hình 4. Vườn hồ tiêu (tỉnh Gia Lai)

+ Kể tên các cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên.

+ Xác định trên lược đồ những địa phương trồng nhiều loại cây đó.

- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm đôi, cùng nhau thảo luận.

-GV hướng dẫn kỹ năng sử dụng lược đồ cho HS.

- GV mời các nhóm trưng bày kết quả lên bản lớp.

- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.

- GV chốt bài: Tây Nguyên là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm ở nước ta. Các cây trồng chính có giá trị xuất khẩu cao là cà phê. Cà phê ở Buôn Ma Thuột (ĐăkLăk) được đánh giá cao nhất và có hương vị đặc trưng nổi tiếng ở nước ta.

-GV nhận xét tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Cả lớp sinh hoạt nhóm đôi, cùng nhau thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- Đại diện các nhóm trưng bày kết quả lên bảng lớp.

+ Các cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên là: cao su, cà phê, tiêu, chè, điều..

+ Phân bố:

- Cà phê: tất cả các tỉnh trong vùng

- Cao su: Kon Tum, Gia Lai, ĐăkLăk

- Hồ tiêu: Gia Lai, ĐăkLăk, Đăk Nông.

- Chè: Gia Lai, Lâm Đồng.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV đưa tranh ảnh, mời HS tham gia trò chơi “Đu lịch qua màn ảnh nhỏ ”

+ Luật chơi: Chơi cả lớp. Trong thời gian GV cho học sinh xem tranh ảnh hoặc trang phục của một số dân tộc ở Tây Nguyên HS sẽ đoán xem đó là ở đâu, dân tộc nào. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.

+ GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.

+ Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe luật trò chơi.

+ Các tổ lần lượt tham gia chơi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ
TIẾT 3 - SINH HOẠT LỚP: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHỮNG VIỆC LÀM ĐỂ TẠO SỰ GẮN KẾT YÊU THƯƠNG VỚI
NGƯỜI THÂN
TRONG GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình
- Xác định được một số việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình
- Lập được kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương
- Biết chia sẻ, biết nói những lời yêu thương với người thân

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.
- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực lập kế hoạch: Lập được kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cùng người thân thực hiện kế hoạch đó
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- Năng lực quản lí thời gian:

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** SGK, máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử

2. **Học sinh:** Giấy A4, bút viết, bút dạ..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Khởi động: ★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học. ★ Cách thực hiện:	

GV tổ chức cho HS hát (vỗ tay).

Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần qua.

Sơ kết tuần 25

- Từng tổ báo cáo
- Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 25.
- GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần.

Hoạt động 2. Phương hướng hoạt động tuần mới

Phương hướng tuần 26

- Tiếp tục ổn định, duy trì nề nếp quy định.
- Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra.
- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh trường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt
- Thực hiện các hoạt động khác theo phân công

Hoạt động 3. Báo cáo kết quả những việc làm để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình

★ **Mục tiêu:** Học sinh tự đánh giá hoạt động của bản thân.

★ **Cách thực hiện:**

1. Viết tên những việc em đã làm để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình vào bảng theo dõi của em

Giáo viên gợi ý:

- Học sinh ghi lại việc mình đã làm để tạo sự gắn kết với người thân trong gia đình vào bảng theo dõi cá nhân.

- Cả lớp hát.

- Thành viên được phân công báo cáo.
- Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.
- Lắng nghe cô giáo nhận xét.

- Lắng nghe và bổ sung ý kiến cho tuần sau

- Học sinh nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ

2. Trao đổi với bạn về việc em đã làm để tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm

Gợi ý:

- Tình huống mà em làm việc thể hiện sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình.

- Em đã thể hiện như thế nào, thể hiện với ai

- Em cảm nhận gì sau khi mình đã làm những việc đó

Tổng kết /cam kết hành động

- GV cho HS khái quát những việc làm thể hiện rèn luyện gắn kết yêu thương với gia đình

- Nhận xét về việc lập kế hoạch thể hiện sự gắn kết yêu thương của học sinh

- Đưa ra những gợi ý, nhưng yêu cầu để học sinh chủ động thực hiện những việc làm gắn kết yêu thương với gia đình.

BẢNG THEO DÕI KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Việc làm tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình

Họ và tên: Nguyễn Việt Khánh Lớp: 4C

STT	Tên công việc	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
1	Chơi với em	x	x	x	x	x	x	x
2	Đọc sách cùng gia đình						x	
...								

- Học sinh trình bày nội dung được yêu cầu.

- Các bạn còn lại nhận xét nội dung nhóm vừa trình bày.

Mỹ Thuật

Chủ đề 6: GIA ĐÌNH LÀ TẤT CẢ

Bài 11: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Biết lựa chọn hình ảnh, nội dung về chủ đề gia đình.

- Thể hiện được khoảng cách, vị trí cho các yếu tố tạo hình.
- Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.
- Thể hiện được tình cảm và ý thức được tinh thần trách nhiệm của bản thân đối với gia đình thông qua SPMT.

1. Về phẩm chất.

- Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS.
- Phát triển tình cảm gắn kết với gia đình, bạn bè. Xây dựng tinh thần trách nhiệm của bản thân với gia đình.
- Phân tích được vẻ đẹp của SPMT và ứng dụng vào thực tế cuộc sống, qua đó trân trọng, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh.
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, vật liệu để thực hành sáng tạo.
- Biết cách sử dụng, bảo quản các vật liệu đồ dùng: tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Biết chia sẻ thân thiện, chân thực suy nghĩ của mình trong trao đổi, nhận xét sản phẩm.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

- *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:* Biết quan sát các hình ảnh, hoạt động hàng ngày trong gia đình và hiểu được giá trị của tình cảm gia đình. Lựa chọn được hình ảnh, kỉ niệm cùng người thân trong gia đình mà mình nhớ, mình ấn tượng nhất đưa vào sản phẩm.

- *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ:* Thực hiện được bài thực hành chủ đề về gia đình và trang trí được đồ vật với chất liệu tự chọn bằng các yếu tố tạo hình, nét, mảng, màu,...

- *Phân tích đánh giá thẩm mỹ:* Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của hình ảnh, đồ vật và nêu được công dụng của SPMT trong đời sống

hàng ngày. Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học tập, thực hành, trưng bày, chia sẻ, cảm nhận sản phẩm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết dùng vật liệu và công cụ để thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

- *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kỹ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

- *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào việc sắp xếp khoảng cách, vị trí, bố cục các yếu tố trang trí.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

- Hình thức tổ chức: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).

- SGK, SGV, KHBD

- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.

- Một số sản phẩm mỹ thuật của HS với chủ đề sáng tạo cùng hình và chữ

2. Học sinh.

- SGK. VBT

- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...

- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Kế hoạch học tập.

Tiết	Bài	Nội dung	Hoạt động
1	Bài 11: Gia đình yêu thương.	- Quan sát xây dựng ý tưởng và thực hành sản phẩm chủ đề Gia đình yêu thương.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và sáng tạo.
2	Bài 11: Gia đình yêu thương. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	- Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.
3	Bài 12: Trang trí đồ vật.	- Tìm hiểu trang trí đồ vật trong gia đình, cách tạo ra các sản phẩm và thực hành tạo ra được sản phẩm theo ý thích.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và sáng tạo.
4	Bài 12: Trang trí đồ vật. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	- Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở, năng lực tiếp nhận kiến thức của HS, GV có thể chủ động điều chỉnh nội dung, linh hoạt bố trí thời gian thực hiện hoạt động ở mỗi tiết cho phù hợp nhưng phải đảm bảo HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong chủ đề.

C. PHÂN TÍCH - ĐÁNH GIÁ.

*** HOẠT ĐỘNG 3:** Là hoạt động củng cố nội dung, mục tiêu của bài học thông qua việc trưng bày sản phẩm để cùng nhau thảo luận, phân tích và đánh giá.

Hoạt động của giáo viên.

Hoạt động của học sinh.

<p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách trưng bày, giới thiệu và trình bày được cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS trưng bày và giới thiệu, chia sẻ SPMT của mình và của nhóm trước lớp. - GV hướng dẫn HS nêu cảm nhận của mình về bố cục, nét, màu trong SPMT. - GV hướng dẫn HS phân tích, đánh giá SPMT của mình và của bạn. - GV nhận xét, đánh giá. <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - SPMT cá nhân, nhóm được HS cảm nhận và phân tích. <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm và trình bày cảm nhận của mình về SPMT. - Căn cứ vào các SPMT của HS, GV mở rộng bằng cách gợi ý; <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nội dung, hình thức chất liệu của SPMT.</i> + <i>Hình ảnh chính, hình ảnh phụ, nét, màu trong SPMT đã hài hòa và tạo được nhịp điệu, không gian cho SPMT chưa?</i> + <i>Em hãy góp ý giúp bạn (nhóm của</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cảm nhận và ghi nhớ. - HS trưng bày và giới thiệu chia sẻ SPMT. - HS nêu cảm nhận của mình về bố cục, nét, màu trong SPMT. - HS phân tích, đánh giá SPMT của mình và của bạn. - HS ghi nhớ. - HS trưng bày sản phẩm và trình bày cảm nhận của mình về SPMT. + <i>HS trả lời.</i> + <i>HS trả lời.</i>
---	---

<p><i>bạn) hoàn thiện sản phẩm.</i></p> <p>- GV nhận xét đánh giá.</p> <p>+ GV chốt. <i>Vậy là chúng ta biết cách biết cách trưng bày, giới thiệu và trình bày được cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn ở hoạt động 3.</i></p>	<p>+ HS trả lời.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
--	--

D. VẬN DỤNG.

<p>* HOẠT ĐỘNG 4: Là hoạt động sử dụng kiến thức, kỹ năng và bài học để kết nối và giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến mỹ thuật.</p>	
<p>Hoạt động của giáo viên.</p>	<p>Hoạt động của học sinh.</p>
<p>* Mục tiêu.</p> <p>- HS vận dụng kiến thức đã học, sáng tạo sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>* Nội dung hoạt động.</p> <p>- Lựa chọn nội dung phù hợp để trang trí chiếc túi theo hình thức cá nhân, hoặc nhóm.</p> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <p>- HS trang trí được chiếc túi có hình ảnh gia đình.</p> <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <p>- GV khuyến khích HS đưa ra những ý tưởng vẽ trang trí túi sách.</p> <p>- GV hướng dẫn cho HS vận dụng kiến thức đã học trong bài để trang trí</p>	<p>- HS cảm nhận, ghi nhớ.</p> <p>- HS chọn nội dung phù hợp để trang trí chiếc túi.</p> <p>- HS trang trí chiếc túi</p> <p>- HS đưa ra những ý tưởng về ứng dụng và phát huy linh hoạt.</p>

<p>một chiếc túi có hình ảnh gia đình.</p> <p>- GV nhận xét tổng kết hoạt động.</p> <p>+ GV chốt. <i>Vậy là chúng ta biết cách vận dụng kiến thức đã học, sáng tạo sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày ở hoạt động 4.</i></p> <p>* Củng cố dặn dò.</p> <p>- Chuẩn bị tiết sau.</p>	<p>- HS ghi nhớ.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p>- HS ghi nhớ.</p>
--	---

.....

Ôn Toán

Bài 49: DÃY SỐ LIỆU THỐNG KÊ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kỹ năng nhận biết dãy số liệu thống kê
- Củng cố kỹ năng nhận biết cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. HĐ khởi động:</p> <p>- GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ:</p> <p>+ Câu 1:</p> <p>+ Câu 2:</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 6 ,7Vở Bài tập Toán.</p> <p>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</p> <p>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p> <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>Bài 1: Cho dãy số liệu về số ki-lô-gam giấy</p>	<p>- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa).</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.</p>

loại mà ban tổ chức kế hoạch nhỏ nhận được sau 5 ngày đầu phát động: 35 kg, 40 kg, 42 kg, 56 kg, 61 kg. Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được ít nhất vào ngày nào?

.....

b) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được trong mỗi ngày là tăng hay giảm sau mỗi ngày?

.....

.....

c) Sau 5 ngày phát động, ban tổ chức nhận được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam giấy loại?

.....

.....

.....

- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.

- GV nhận xét tuyên dương.

→ **Củng cố: nhận biết số lượng giấy và tính tổng trong dãy số liệu.**

Bài 2: Các bạn trong tổ của Nam vừa thực hành làm điều để tặng các em lớp Một Số con điều mà mỗi bạn trong tổ đã làm được ghi lại thành một dãy số liệu như sau: 8, 3, 2, 7, 5, 5, 5, 5, 6, 4.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Tổ của Nam có bao nhiêu bạn tham gia làm điều?

- HS làm bài theo yêu cầu.

a) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được ít nhất vào ngày **thứ nhất**.

b) Số lượng giấy loại mà ban tổ chức nhận được trong mỗi ngày là **tăng** sau mỗi ngày?

c) Sau 5 ngày phát động, ban tổ chức nhận được tất cả **234** ki-lô-gam giấy loại?

- HS nhận xét bài làm.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.

- HS làm bài theo yêu cầu.

.....
b) Trung bình mỗi bạn làm được mấy con diều?

.....
- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

➔ **Củng cố: Cách tính trung bình cộng.**

Bài 3:

a) Hãy thực hiện một cuộc khảo sát về số giờ tự học trong một ngày của các bạn trong nhóm em và ghi lại kết quả thành dãy số liệu.

.....
.....

b) Dựa vào dãy số liệu vừa thu thập được, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Có bao nhiêu bạn đã tham gia cuộc khảo sát?

.....

– Có bao nhiêu bạn dành nhiều hơn 1 giờ cho việc tự học mỗi ngày?

.....

- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

a) Tổ của Nam có **10** bạn tham gia làm diều.

b) Trung bình mỗi bạn làm được **5** con diều.

- Đếm số của dãy số, tính được trung bình cộng của dãy.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc đề bài, làm theo yêu cầu.

a) Số giờ tự học trong một ngày của các bạn trong nhóm em là: **2, 1, 1, 3, 1.5, 2, 1.5, 3.**

b) Dựa vào dãy số liệu vừa thu thập được hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

– Có **8** bạn đã tham gia cuộc khảo sát.

– Có **6** bạn dành nhiều hơn 1 giờ cho việc tự học mỗi ngày.

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: biết khảo sát và viết được dãy số.**

Bài 4: Mai vừa tham gia trò chơi đuổi hình bắt chữ. Sau 4 lượt chơi đầu tiên, Mai nhận được các số điểm là: 14, 8, 19, 11.

Dựa vào dãy số liệu trên, hãy viết câu trả lời cho các câu hỏi sau.

a) Trung bình mỗi lượt chơi, Mai nhận được bao nhiêu điểm?

.....

b) Để nhận được số điểm trung bình sau 5 lượt chơi là 15 thì Mai cần ghi được bao nhiêu điểm trong lượt chơi thứ năm?

.....

.....

.....

- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: tính số trung bình cộng.**

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- Kêu gọi các thành viên trong tổ tham gia khảo sát, ghi lại kết quả và trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe.

- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu.

- HS làm bài theo yêu cầu.

a) Trung bình mỗi lượt chơi, Mai nhận được **13** điểm.

b) Để nhận được số điểm trung bình sau 5 lượt chơi là 15 thì Mai cần ghi được **23** điểm trong lượt chơi thứ năm.

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày.

- Tính được số trung bình cộng.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

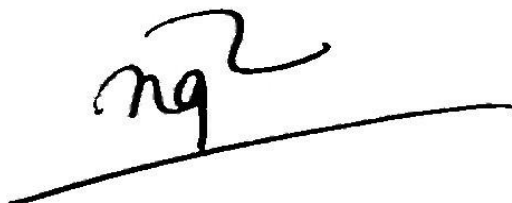
.....

.....

.....

Ngày 7 tháng 3 năm 2024

Khởi trường



Nguyễn Thị Ngọc Thuận

TUẦN 26

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 26
TỪ NGÀY 11/3 ĐẾN NGÀY 15/3/2024

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy
HAI (11/03)	1	76	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Giao lưu với những phụ nữ tiêu biểu của địa phương.
	2	176	Tiếng Việt	Đọc: Người thầy đầu tiên của bố tôi
	3	126	Toán	Phân số và phép chia số tự nhiên
	4	51	Khoa học	Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 2)
	5	51	Thể dục	Bài 1: Động tác tăng bóng bằng mu bàn chân.
	6	101	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?

	7	67	Ôn Toán	Phân số và phép chia số tự nhiên
	8	26	Đạo đức	Thực hành giữa học kỳ 2
BA (12/03)	1	177	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích
	2	178	Tiếng Việt	Viết: Viết bài văn thuật lại một sự việc
	3	127	Toán	Luyện tập
	3	51	LS -ĐL	Bài 21: Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên (tiết 3)
	5			
	6	77	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ trong ứng xử với các thành viên trong gia đình. - Tìm hiểu khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình.
	7	26	Công nghệ	Bài 9. Lắp ghép mô hình rô -bốt - Tiết 2
	8	47	Ôn TV	Viết: Trả bài văn thuật lại một sự việc
TU' (13/03)	1	179	Tiếng Việt	Đọc: Ngựa biên phòng (Tiết 1)
	2	52	Thể dục	Bài 1: Động tác tăng bóng bằng mu bàn chân.
	3	180	Tiếng Việt	Đọc: Ngựa biên phòng (Tiết 2)
	4	128	Toán	Tính chất cơ bản của phân số
	5	26	Âm nhạc	Nghe nhạc: Chúng em cần hoà bình Vận dụng
	6	102	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?

	7	52	Khoa học	Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng (Tiết 3)
	8	48	Ôn TV	Đọc mở rộng
NĂM (14/03)	1	103	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	2	103	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	3	181	Tiếng Việt	Viết: Trả bài văn thuật lại một sự việc
	4	129	Toán	Luyện tập
	5			
	6		Năng khiếu	
	7	68	Ôn Toán	Tính chất cơ bản của phân số
	8	17	KNS	Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3
SÁU (15/03)	1	182	Tiếng Việt	Đọc mở rộng
	2	130	Toán	Rút gọn phân số
	3	52	LS-ĐL	Bài 22: Một số nét văn hóa và truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Tây Nguyên (tiết 1)
	4	78	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Chơi trò chơi “Mảnh ghép bí ẩn”.
	5			
	6	26	Mĩ thuật	Bài 12: Trang trí đồ vật
	7	26	Tin học	Bài 13: Chơi với máy tính
	8	69	Ôn Toán	Rút gọn phân số

Thứ hai, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ
TIẾT 1 - SINH HOẠT DƯỚI CỜ: GIAO LƯU VỚI NHỮNG NGƯỜI
PHỤ NỮ TIÊU BIỂU CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần
- Học sinh tích cực, lắng nghe TPT nhận xét để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.
- Học sinh giao lưu để hiểu về những phụ nữ tiêu biểu của địa phương.

II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị ghế ngồi.

2. Học sinh:

- Trang phục chỉnh tề, nghé ngồi dự khai giảng.
- Chuẩn bị tiết mục văn nghệ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh vui vẻ, chuẩn bị tốt tiết chào cờ đầu tuần. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh chuẩn bị ghế. - Tổ chức học sinh xếp hàng. - GV theo dõi hộ trợ các em. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lấy ghế ra sân. - HS nghiêm túc xếp hàng ngồi ngay ngắn, trật tự..
<p>2. Sinh hoạt dưới cờ: Phần nghi lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần. + Học sinh nghiêm túc khi tham gia chào cờ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS tham gia chào cờ cùng cả trường. * Chào cờ - GV nhắc nhở HS giữ trật tự, tập trung chú ý và nêu được ít nhất một điều ấn tượng về các hoạt động trong buổi chào cờ - GV yêu cầu hs đứng ngay ngắn, chỉnh đôn trang phục. - Quan sát, nhận xét. - Yêu cầu hs nghiêm túc tham gia chào cờ, hát quốc ca. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chào cờ nghiêm túc. - HS đứng ngay ngắn, chỉnh đôn trang phục. - Hát quốc ca.
<p>2. Nhận xét công tác tuần qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh tiếp thu và phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS lắng nghe TPT tổng kết kết quả đạt được 1 tuần qua, nhận xét những mặt đạt và chưa đạt. Nêu nội quy nhà trường. - Lắng nghe thầy HT nhận xét tuần qua và đưa ra phương hướng tuần tới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập: Giao lưu với những phụ nữ tiêu biểu của địa phương</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh giao lưu để hiểu về những phụ nữ tiêu biểu của địa phương. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tham gia hoạt động giao lưu đúng giờ, trang phục gọn gàng, sạch sẽ. - GV yêu cầu HS giữ trật tự, lắng nghe chia sẻ của người tham gia giao lưu. - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động giao lưu, đặt câu hỏi cho người tham gia giao lưu, lắng nghe và ghi lại các thông tin theo gợi ý: <ul style="list-style-type: none"> + Tên, công việc của người phụ nữ tiêu biểu là gì? + Những điều người phụ nữ tiêu biểu đóng góp cho địa phương là gì? + Em học được gì từ người phụ nữ tiêu biểu của địa phương? + Em có ấn tượng gì về những hoạt động trong buổi giao lưu? - GV tổ chức cho HS chia sẻ những điều em biết về người phụ nữ tiêu biểu của địa phương và ghi lại những điều em học được sau buổi giao lưu. - Kết thúc, dặn dò. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS giữ trật tự, lắng nghe chia sẻ của người tham gia giao lưu. - HS tham gia giao lưu và trả lời câu hỏi. - HS chia sẻ.



Tiếng Việt

CHỦ ĐỀ 6: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

Bài 15: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN CỦA BỐ TÔI (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm câu chuyện Người thầy đầu tiên của bố tôi. Biết đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, biết ngắt nghỉ sau dấu câu.

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua từ ngữ, câu trong bài đọc. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Học trò luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo đã dạy dỗ mình nên người. Thầy cô giáo cũng vô cùng thương yêu và luôn dành cho học trò những tình cảm tốt đẹp nhất

- Biết khám phá và trân trọng lòng biết ơn của những người xung quanh, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình với công sức của thầy cô giáo trong sự nghiệp trồng người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua câu chuyện biết trân trọng công sức của thầy cô giáo.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Hộp quà bí mật: Trong hộp quà là các câu hỏi: +Câu 1. Yêu cầu HS đọc thuộc lòng bài: Trong lời mẹ hát +Câu 2. Em thích nhất điều gì trong bài thơ? +Câu 3: Em hiểu thế nào về câu: Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy? - GV Nhận xét, tuyên dương bổ sung thêm. - GV nhận xét, giới thiệu bài mới, ghi tên bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Đọc các khổ thơ trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi. + HS trả lời + Nhầm nhắc nhở mỗi chúng ta phải biết ơn ba người có công sinh thành, dưỡng dục đó là: Cha, mẹ và thầy cô. - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và đọc diễn cảm câu chuyện Người thầy đầu tiên của bố tôi, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ tình tiết bất ngờ hoặc những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe cách đọc.

<ul style="list-style-type: none"> - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 2 đoạn theo thứ tự: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: từ đầu đến xin mời vào nhà + Đoạn 2: đoạn còn lại. - GV gọi 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Cơ-rô-xét-ti, An-béc-tô Bốt-ti-ni - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <p><i>Hôm qua,/ bố rủ tôi đi tàu/ đến thăm người thầy đầu tiên của bố,/ thầy Cơ- rô-xét-ti,/ năm nay đã tám mươi tuổi.//</i></p> - GV mời học sinh luyện đọc theo nhóm 2. - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2 học sinh trong bàn đọc nối tiếp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ đúng các dấu câu, thể hiện theo tâm trạng của nhân vật nhẹ nhàng tình cảm. - Mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 2 (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 2 HS đọc nối tiếp các đoạn - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn.

<ul style="list-style-type: none"> - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Học trò luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo đã dạy dỗ mình nên người. Thầy cô giáo cũng vô cùng thương yêu và luôn dành cho học trò những tình cảm tốt đẹp nhất. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài suy nghĩ thảo luận các câu hỏi cuối bài theo nhóm 4 (3') - GV quan sát các nhóm, hỗ trợ các nhóm - Đại diện trình bày kết quả thảo luận - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì? + Câu 2: Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo già làm cho bố bạn nhỏ xúc động? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm 4 - Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của Tổ trưởng - Đại diện trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung - Hành động bỏ mũ khi chào thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ cho thấy bố bạn rất kính trọng thầy giáo cũ của mình. +Cử chỉ: ôm hôn bố bạn nhỏ, trò chuyện như chưa hề xa cách

+ Câu 3: Vì sao bố bạn nhỏ lại rung rung nước

mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình?

+ Câu 4: Theo em bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được tới thăm người thầy đầu tiên của bố?

+ Câu 5. Nêu ý nghĩa câu chuyện?

+ Liên hệ tới học sinh: Em nói lên suy nghĩ

+Lời nói: An-béc-tô Bớt- ti-ni? An-béc-tô, tôi nhớ chứ! Lốp Một, anh ngồi... Những lời nói này cho thấy thầy rất nhớ các học trò của mình.

+ Việc làm: giữ lại bài chính tả của bố bạn nhỏ, cho bố bạnngả vàng như một niềm vui bất ngờ

+ Bố bạn nhỏ lại rung rung nước mắt khi nhận lại bài chính tả cũ của mình cho thấy bố rất xúc động. Vì bài chính tả với nét chữ to cỡ cỡ của bố hồi nhỏ làm bố nhớ lại những kỉ niệm thời thơ ấu. Tờ giấy đã ố vàng cho thấy người thầy giáo đã giữ nó lâu như một kỉ vật về học trò, cho thấy thầy vô cùng yêu thương và trân trọng kỉ niệm với các học trò của mình.

- HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận cá nhân (bố rất yêu quý, kính trọng thầy giáo cũ, thầy giáo rất yêu mến học sinh..

- Ca ngợi tình cảm của thầy giáo đối với học trò và tình cảm của học trò đối với thầy giáo. Học trò yêu quý, ghi nhớ công lao dạy dỗ của thầy cô. Các thầy cô rất yêu thương, nâng niu từng kỉ niệm và dõi theo sự tiến bộ của từng em.

- HS trả lời theo cảm nhận của mình

- HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.

<p>của mình về thầy cô?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV nhận xét và chốt: Câu chuyện cảm động về tình thầy trò. <i>Học trò luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo đã dạy dỗ mình nên người. Thầy cô giáo cũng vô cùng thương yêu và luôn dành cho học trò những tình cảm tốt đẹp nhất.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại nội dung bài học.
<p>3.2. Luyện đọc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS sắm vai theo nhân vật trong chuyện (cậu bé-người dẫn chuyện; người bố, người thầy) + Yêu cầu HS đọc phân vai trong nhóm + Mời đại diện các nhóm đọc trước lớp - GV yêu cầu HS khác nhận xét bạn đọc - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + HS đọc phân vai trong nhóm + Các nhóm đọc trước lớp + HS nhận xét giọng đọc, cử chỉ,...
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Kính trọng, biết ơn và yêu quý các thầy cô giáo. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> + Nêu cảm nhận của mình sau tiết học? + Đọc câu, đoạn mình thích - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc

- | | |
|---|--|
| - GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà. | |
|---|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Toán

CHỦ ĐỀ 10: PHÂN SỐ

Bài 54: PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại
- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: * Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc phân số sau: $\frac{3}{4}$ cái bánh + Câu 2: Đọc phân số $\frac{14}{19}$ + Câu 3. Viết phân số sau: Ba phần năm + Câu 4: Nêu cấu tạo phân số $\frac{2}{3}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: - Ba phần tư cái bánh - Mười bốn phần mười chín - $\frac{3}{5}$ - Phân số $\frac{2}{3}$ có tử số là 2, mẫu số là 3 - HS lắng nghe.
2. Khám phá: *Mục tiêu: - Nhận biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại. * Cách tiến hành:	
+ GV đưa tình huống:	- HS quan sát

- Gọi 3 học sinh lên bảng

- Cô có 3 cái bánh, chia đều cho 3 HS

H: Có 3 cái bánh chia đều cho 3 bạn, mỗi bạn được mấy cái bánh?

- Đúng rồi 3 cái bánh chia đều cho 3 bạn, mỗi bạn được 1 cái bánh hay ta có: $3 : 3 = 1$

- GV gọi 4 bạn khác lên bảng: Bây giờ cô chỉ có 3 cái bánh dẻo, cô muốn chia đều cho 4 bạn, cô phải chia thế nào? Yêu cầu HS suy nghĩ thảo luận cách chia theo nhóm 4(2')

- Đại diện các nhóm lên chia sẻ cách làm

- Các nhóm lắng nghe, cho ý kiến

- GV: Cách làm của các em đều đúng, tuy nhiên cách dễ chia nhất làm theo C2.

+ Gv cắt bánh vừa nêu vừa chia bánh cho 4 em HS

+ Cắt cái bánh thứ nhất làm 4 phần bằng nhau rồi chia đều cho mỗi bạn 1 phần, tức là $\frac{1}{4}$ cái bánh

+ Cái bánh thứ 2, thứ 3 làm tương tự như vậy

H: Mỗi bạn được mấy phần cái bánh?

- 3 HS lên bảng

- HS dưới lớp quan sát

- Cô có 3 cái bánh cô chia đều cho 3 bạn, mỗi bạn được 1 cái bánh.

+ HS nêu: $3 : 3 = 1$

- 4 HS khác lên bảng

-HS suy nghĩ thảo luận cách chia theo nhóm 4

C1: Cắt đôi 2 cái đầu, chia mỗi bạn 1 miếng, cái thứ 3 cắt làm 4 phần chia thêm mỗi bạn một phần.

C2: Cắt mỗi cái làm 4 phần bằng nhau rồi chia cho mỗi bạn 1 phần

C3. Chia cho 3 bạn, mỗi bạn 1 cái, sau đó mỗi bạn cắt lại $\frac{1}{4}$ cái bánh và đưa $\frac{1}{4}$ cái bánh đó cho bạn chưa có bánh

- HS quan sát, lắng nghe

- HS nhận bánh, giờ lên

- Mỗi bạn được $\frac{3}{4}$ cái bánh

- Có 3 cái bánh chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được $\frac{3}{4}$ cái bánh. Viết $3:4 = \frac{3}{4}$ cái bánh

hay $3:4 = \frac{3}{4}$

- $\frac{3}{4}$ chính là kết quả của phép chia $3:4$

- Tương tự như vậy cô có 5 cái bánh chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được mấy phần cái bánh?

- Đúng rồi 5 cái bánh chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được $\frac{5}{4}$ cái bánh hay $5:4 = \frac{5}{4}$ (viết bảng)

H: $\frac{5}{4}$ là kết quả của phép chia nào?

- Gv chỉ phép tính: $3:4 = \frac{3}{4}$; $5:4 = \frac{5}{4}$

H: Em có nhận xét gì về số bị chia, số chia với tử số, mẫu số trong mỗi phép tính?

- GV nhận xét, chốt kiến thức đưa ra nhận xét như SGK

VD: Cô có $5:7$ có kết quả bằng mấy?

Cô có phân số $\frac{1}{3}$ cô viết phép chia số tự nhiên nào?

- HS đọc $3:4 = \frac{3}{4}$

- HS nhắc $\frac{3}{4}$ là kết quả phép chia $3:4$

- 5 cái bánh chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được $\frac{5}{4}$ cái bánh

- HS đọc $5:4 = \frac{5}{4}$

- $\frac{5}{4}$ là kết quả phép chia $5:4$

- HS đọc ba chia bốn bằng ba phần tư, 5 chia bốn bằng năm phần tư

- Tử số là số bị chia, mẫu số là số chia

- HS đọc phần nhận xét SGK

- $5:7 = \frac{5}{7}$

- $\frac{1}{3} = 1:3$

3. Hoạt động:

*Mục tiêu:

- Học sinh viết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại.

* Cách tiến hành:

Bài 1. Viết theo mẫu? (Làm việc cá nhân).

- GV quan sát Hồ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

$$a) 13 : 17 = \frac{13}{17} ; 21 : 11 = \frac{21}{11} ;$$

$$40 : 51 = \frac{40}{51} ; 72 : 25 = \frac{72}{25}$$

$$b) 34 : 17 = \frac{34}{17} = 2 ; 20 : 5 = \frac{20}{5} = 4$$

$$42 : 42 = \frac{42}{42} = 1 ; 0 : 6 = \frac{0}{6} = 0$$

- GV chụp bài làm đúng HS soi bài, nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)

- GV gọi HS đọc mẫu

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

$$20 = \frac{?}{1} ; 47 = \frac{?}{1} ; 0 = \frac{?}{1} ; 85 = \frac{?}{1}$$

- Đối vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

H: Em có nhận xét gì mối quan hệ giữa số tự nhiên và phân số trên?

- GV nhận xét, chốt bài: Các số tự nhiên đều viết được dưới dạng phân số với tử số là số tự nhiên, mẫu số là 1.

Bài 3: Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- GV cho HS làm theo nhóm.

- HS quan sát mẫu, vận dụng bài học để làm.

- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 phép tính: $13 : 17 = \frac{13}{17} ; 21 : 11 = \frac{21}{11}$

- HS đọc tương tự các phép tính còn lại

- HS quan sát, đối chiếu, sửa sai nếu có

- HS quan sát yêu cầu bài 2

- HS đọc và nghe bạn đọc mẫu

$$20 = \frac{20}{1} ; 47 = \frac{47}{1} ; 0 = \frac{0}{1} ; 85 = \frac{85}{1}$$

- HS đối vở kiểm tra, nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Các số tự nhiên đều viết được dưới dạng phân số với tử là số tự nhiên đó, còn mẫu số là 1.

- HS lắng nghe

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét - GV nhận xét chung, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm làm việc theo phân công. - HS nêu và giải thích C. $\frac{2}{5}$ thùng
---	--

4. Vận dụng trải nghiệm.

* Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

* Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại.

- Ví dụ: GV viết 4 phép chia bất kì như:

$$15 : 17 = \dots; 89 : 90 = \dots; 3 = \frac{?}{1}; \frac{45}{51} = \dots$$

...và

4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải

nh nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đọc nhanh kết quả. Ai đúng sẽ được tuyên dương.

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- 4 HS xung phong tham gia chơi.

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Khoa học

CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 25: MỘT SỐ BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tên dấu hiệu chính và nguyên nhân của bệnh thừa cân béo phì.
- Thực hiện được một số việc làm để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người cùng thực hiện.
- Rèn luyện kỹ năng hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV dùng câu hỏi gợi ý sách giáo khoa: Hãy nói những điều em biết về bệnh do thừa cân với từng học sinh nhằm khuyến khích sự chia sẻ những hiểu biết về bệnh béo phì (thừa dinh dưỡng). - GV dựa trên những ý kiến của học sinh dẫn dắt vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số HS lên trước lớp chia sẻ. - HS dựa trên trải nghiệm của bản thân có thể chia sẻ những ý kiến khác nhau về biểu hiện nguyên nhân của bệnh. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nêu được tên dấu hiệu chính và nguyên nhân của bệnh thừa cân béo phì. + Thực hiện được một số việc làm để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người cùng thực hiện. + Rèn luyện kỹ năng hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bệnh thừa cân béo phì</p>	

Hoạt động 1: Khái niệm bệnh thừa cân béo phì (sinh hoạt nhóm 4)

- GV giới thiệu phần thông tin cung cấp của hoạt động, yêu cầu học sinh tìm hiểu theo nội dung sách giáo khoa.

- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả. Khuyến khích nhiều thành viên trong nhóm cùng báo cáo.

- GV có thể giải thích thêm: *người được coi là béo phì khi thừa cân nặng tính theo chiều cao, kèm theo những dấu hiệu về lớp mỡ tại một số vị trí nhất định trên cơ thể; một số trẻ có nhiều chiều cao vượt trội so với chiều cao chuẩn thì cân nặng cũng sẽ theo đó nhiều hơn, tuy nhiên chưa chắc đã phải bệnh thừa cân béo phì, nên không kèm theo các dấu hiệu về lớp mỡ.*

- HS quan sát, so sánh dấu hiệu bên ngoài của những người trong bốn tâm hình, đối chiếu thông tin cung cấp của hoạt động, đưa ra nhận xét.

- HS chia sẻ trong nhóm kết quả sau khi quan sát. Nhóm trao đổi và nêu được:

Hình 1b, c, d thể hiện người thừa cân béo phì; nhận biết trên dựa vào đặc điểm về lớp mỡ trên cơ thể và cân nặng của người trong hình; tất cả mọi người đều có thể mắc bệnh này.

- HS lắng nghe

Hoạt động 2: Nguyên nhân bệnh thừa cân béo phì

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và thực hiện theo yêu cầu của sách giáo khoa.

- HS quan sát nội dung hình 2 và trả lời câu hỏi.

- HS chia sẻ trước lớp kết quả quan sát

<p>- GV nhận xét và chốt ý:</p> <p><i>Nguyên nhân dẫn đến bệnh thường do chế độ ăn uống thừa các chất bột đường, chất béo, chất đạm và ít vận động.</i></p>	<p>hình và nêu được một số nguyên nhân dẫn đến bệnh thừa cân béo phì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thói quen (thường xuyên) ăn nhiều thức ăn hơn tiêu chuẩn dành cho một khẩu phần ăn (quá thừa chất đường, bột chất đạm và chất béo) + Ăn buổi tối trước khi đi ngủ, ăn đồ ăn nhanh, uống nước ngọt có ga. + Thói quen ít vận động thường xuyên ngồi tĩnh lại <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>Hoạt động 3: Một số việc làm phòng tránh bệnh béo phì thừa cân</p> <p>- GV yêu cầu từ nguyên nhân đã nêu ở trên học sinh chia sẻ trong nhóm lớp một số việc làm để phòng tránh thừa cân béo phì.</p> <p>- GV có thể kết hợp với một số bài tập để học sinh luyện tập viết được ý kiến cá nhân về một số nguyên nhân dẫn đến bệnh thừa cân, béo phì.</p> <p>- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.</p>	<p>- Học sinh thảo luận giải thích được nguyên nhân dẫn đến bệnh thừa cân, béo phì do ăn chế độ ăn không hợp lý thừa về lượng chất dinh dưỡng cho đảm bảo, thời gian ăn uống chưa khoa học, ít vận động cơ thể.</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- Học sinh chia sẻ trong nhóm càng nhiều hoạt động càng tốt; học sinh lựa</p>

<p>- GV tổ chức cho học sinh đọc mục <i>Em có biết</i> và chia sẻ lợi của chế độ dinh dưỡng và vận động hợp lý với sự phát triển vượt trội, tích cực của trẻ em, liên hệ chế độ sinh hoạt khoa học ở trường của học sinh, khẩu phần ăn trưa (ăn sáng) nếu có thời gian ngồi tĩnh lại giữa các tiết học, HS có hoạt động vận dụng ở một số thời điểm trong ngày.</p> <p>- Tổ chức cho học sinh xây dựng kế hoạch về và theo dõi việc thực hiện việc về một số hoạt động vận dụng vận động để phòng tránh thừa cân béo phì; từ kết quả thực hiện có thể điều chỉnh một số thói quen chưa tốt để phòng tránh bệnh thừa cân béo phì.</p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh lập bảng gợi ý và thực hiện theo</p>	<p>chọn một số hoạt động phù hợp và điều kiện của bản thân thực hiện theo bảng gợi ý.</p> <p>- 2- 3 HS đọc và chia sẻ</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện và chia sẻ kết quả theo dõi. Từ đó rút ra nhận xét và điều chỉnh hoạt động ăn uống, vận động của bản thân (nếu cần thiết)</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”</p> <p>+ Yêu cầu kể tên các thói quen dẫn đến</p>	

<p>bệnh thừa cân, béo phì.</p> <p>+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.</p> <p>+ Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.</p> <p>- HS tham gia trò chơi</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Ôn Toán

Bài 54: PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK. Các mảnh giấy, bìa hình tròn đã tô màu.

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Đọc phân số+ Câu 2: Đọc phân số+ Câu 3. Viết phân số+ Câu 4: Nêu cấu tạo phân số- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none">- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/59 Vở Bài tập Toán.- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.	<ul style="list-style-type: none">-HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.-Hs làm bài

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1:

a)Viết thương của mỗi phép chia dưới dạng phân số vào chỗ chấm. (Làm việc cá nhân).

$$15:68 =$$

$$30:17 =$$

$$120:233=$$

$$27:89=$$

-GV nhận xét

b)Viết (theo mẫu):

- GV quan sát Hồ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

$$\text{Mẫu: } 18:9 = \frac{18}{9} = 2 \quad 68:34=$$

$$144:24 = \quad 180:20 =$$

-GV nhận xét.

Bài 2: Số? (Làm nhóm đôi)

-GV hướng dẫn học sinh làm mẫu.

$$\text{Mẫu : } 17 = \frac{17}{1}$$

- HS quan sát mẫu, vận dụng bài học để làm.

- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 phép tính:

$$15:68 = \frac{15}{68}$$

$$30:17 = \frac{30}{17}$$

$$120:233 = \frac{120}{233}$$

$$27:89 = \frac{27}{89}$$

-HS nhận xét

-HS làm bài vào sách vở bài tập.

- HS quan sát mẫu, vận dụng bài học để làm.

$$68:34 = \frac{68}{34} = 2$$

$$144:24 = \frac{144}{24} = 6 \quad 180:20 = \frac{180}{20} = 90$$

-HS nhận xét.

2/ Số ?

$$\text{Mẫu: } 17 = \frac{17}{1}$$

$$37 = \frac{\square}{1}$$

$$125 = \frac{\square}{1}$$

$$19 = \frac{\square}{1}$$

$$285 = \frac{\square}{1}$$

- GV Nhận xét, tuyên dương em làm tốt.

H: Em có nhận xét gì mối quan hệ giữa số tự nhiên và phân số trên?

- GV nhận xét, chốt bài: Các số tự nhiên đều viết được dưới dạng phân số với tử số là số tự nhiên, mẫu số là 1.

Bài 3: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.

Có 4 quả cam như nhau.

- Nếu chia đều cho 3 người thì mỗi người được.....quả cam.
- Nếu chia đều cho 5 người thì mỗi người đượcquả cam.

- 1HS đọc bài.

- GV cho HS làm bài vào sách vở bài tập.

Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời

- HS quan sát mẫu, vận dụng bài học để làm.

-Đại diện các nhóm trình bày.

$$37 = \frac{37}{1}$$

$$125 = \frac{125}{1}$$

$$19 = \frac{19}{1}$$

$$285 = \frac{285}{1}$$

-HS nhận xét

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Các số tự nhiên đều viết được dưới dạng phân số với tử là số tự nhiên đó, còn mẫu số là 1.

-HS lắng nghe

-HS làm bài và trình bày kết quả.

Có 4 quả cam như nhau.

a) Nếu chia đều cho 3 người thì mỗi người được $\frac{4}{3}$ quả cam.

đúng. Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

3. Vận dụng trải nghiệm

- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

b) Nếu chia đều cho 5 người thì mỗi người được $\frac{5}{3}$ quả cam.

- Các nhóm làm việc theo phân công.
- HS nêu và giải thích

C. $\frac{3}{5}$ thùng

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Đạo đức

CHỦ ĐỀ 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Bài 10: EM NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ BẠN BÈ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình của mình với các ý kiến về cách thức duy trì tình bạn đẹp.
- Đưa ra được cách ứng xử phù hợp với việc duy trì mối quan hệ bạn bè.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc duy trì mối quan hệ bạn bè trong xã hội.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, nắm bắt nội dung, chia sẻ trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có suy nghĩ, hành động tích cực để duy trì mối quan hệ bạn bè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức múa hát bài “ <i>Tình bạn diệu kì</i> ” –để khởi động bài học.	- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát.
- GV hỏi: Tình bạn mang lại lợi ích gì cho cuộc	- HS suy nghĩ và trả lời:

<p>sống?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình của mình với các ý kiến về cách thức duy trì tình bạn đẹp.</p> <p>+ Đưa ra được cách ứng xử phù hợp với việc duy trì mối quan hệ bạn bè.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến (Sinh hoạt nhóm đôi)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc các ý kiến SGK.</p> <p>a. Người bạn tốt là người ủng hộ mình mọi lúc, mọi nơi.</p> <p>b. Tình bạn đẹp giúp chúng ta thêm vui vẻ và ngày càng hoàn thiện bản thân.</p> <p>c. Chỉ cần xây dựng tình bạn ở trường học.</p> <p>d. Chỉ làm bạn với những người có cùng hoàn cảnh.</p> <p>e. Bạn bè phải giúp nhau cùng tiến bộ về mọi mặt.</p> <p>- GV chia lớp thành các nhóm bốn, cùng nhau trao đổi để tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình của mình với các ý kiến về cách thức duy trì tình bạn đẹp trên phiếu học tập.</p> <p>- GV chia thẻ mặt cười, mặt cười cho HS.</p> <p>+ Thẻ hình mặt cười: đồng tình.</p> <p>+ Thẻ hình mặt méu: không đồng tình.</p>	<p>- 1HS đọc to trước lớp. Lớp đọc thầm theo.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu của GV.</p> <p>- HS sẽ dùng các thẻ hình mặt cười, mặt méu để thể hiện thái độ của mình trên phiếu học tập .</p> <p>+ Ý kiến a: Mặt méu vì người bạn tốt sẽ chỉ ủng hộ mình với những việc làm đúng. Còn nếu mình làm sai thì bạn phải nhắc nhở, chỉ bảo để mình tiến bộ. Nếu cứ bao che và ủng hộ những việc làm sai sẽ khiến cho bản thân ngày càng thụt lùi,</p>

<p>- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p><i>không tiến bộ.</i></p> <p>+ Ý kiến b: <i>Mặt cười. Tình bạn đẹp luôn giúp nhau để cùng tiến bộ, cùng chia sẻ niềm vui cũng như mỗi khi gặp khó khăn.</i></p> <p>+ Ý kiến c: <i>Mặt méu vì chúng ta cần xây dựng tình bạn ở mọi nơi, xung quanh chúng ta, ngay cả nơi mình sinh ra và lớn lên ,...</i></p> <p>+ Ý kiến d: <i>Mặt méu. Tình bạn đẹp không phân biệt hoàn cảnh với nhau, miễn sao các bạn hiểu nhau, cùng chia sẻ buồn vui, luôn giúp nhau trong học tập và cuộc sống thì đó mới là tình bạn đẹp.</i></p> <p>+ Ý kiến e: <i>mặt cười. Khi ta là bạn thì cần phải giúp đỡ nhau, hỗ trợ nhau cả trong học tập lẫn cuộc sống hàng ngày. Nếu có khuyết điểm thì không nên bao che mà phải giúp đỡ nhau, cùng nhau khắc phục, sửa chữa.</i></p> <p>- Đại diện các nhóm chia sẻ trên máy chiếu đa vật thể.</p> <p>- HS khác nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Hoạt động 2: Xử lý tình huống (Sinh hoạt nhóm 4)</p> <p>- GV mời 1 HS đọc tình huống.</p> <p>- GV mời HS thảo luận nhóm 4, cùng nhau trao đổi và đưa ra</p> <p>+ Tình huống 1: Trên đường đi học, Vinh và</p>	<p>- 1 HS đọc tình huống.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4, cùng nhau trao đổi và đưa ra xử lý các tình huống trong SGK.</p>

Thông thấy bạn Tuấn học cùng lớp đang bị hai bạn khác bắt nạt. Vinh muốn giúp Tuấn nhưng chưa biết làm cách nào. Thông liền ngăn Vinh vì sợ rắc rối.

a. Em đồng ý với suy nghĩ của Vinh hay Thông? Vì sao?

b. Nếu gặp trường hợp trên, em sẽ làm gì?

+ **Tình huống 2:** Hằng và Nhung là đôi bạn thân.

Tuần trước, trong giờ kiểm tra Toán, Nhung không cho Hằng chép bài và yêu cầu bạn phải suy nghĩ tự làm. Từ đó, Hằng giận và không chơi với Nhung nữa vì cho rằng Nhung là người bạn không tốt.

a. Em có đồng ý với suy nghĩ của Hằng không? Vì sao?

b. Nếu là Nhung, em sẽ làm gì?

+ **Tình huống 3:** Tuấn và Giang là đôi bạn thân cùng xóm. Từ ngày mẹ mất, gia đình Tuấn lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Tuấn cảm thấy tự ti và luôn tránh mặt Giang.

Nếu là Giang em sẽ làm gì?

+ **Tình huống 1:**

a. Em đồng ý với suy nghĩ của Vinh vì hành động bạn nạt bạn của các bạn kia là sai trái, cần được ngăn chặn.

b. Nếu gặp trường hợp trên, em sẽ: ngăn hai bạn kia bắt nạt Tuấn. nếu không được, em sẽ gọi người lớn đến giúp đỡ rồi hôm sau trình báo lại với giáo viên.

+ **Tình huống 2:**

a. Em không đồng ý với suy nghĩ của Hằng vì mỗi người cần phải có ý thức tự giác học tập. Hành động chép bài của bạn là sai trái, không tốt. Nếu Hằng cứ ỷ lại vào Nhung, chép bài của Nhung thì Hằng càng không hiểu bài và kết quả học tập ngày một kém đi.

b. Nếu là Nhung, em sẽ giải thích cho bạn hiểu để bạn tự làm và việc mình không cho bạn chép bài chính là đang giúp bạn.

+ **Tình huống 3:** Nếu là Giang em sẽ: chủ động đến nhà chơi với Tuấn, cùng trò chuyện với bạn ấy nhiều hơn để bạn mạnh dạn, đỡ tự ti hơn. Ngoài ra em sẽ cùng một số bạn rủ Tuấn cùng học nhóm với nhau, hỗ trợ nhau học tập.

- Các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 3: Ứng xử của em (sinh hoạt nhóm đôi)

- GV mời 1 HS đọc tình huống, 1 HS đọc cách ứng xử.

TÌNH HUỐNG		CÁCH ỨNG XỬ	
A	Bạn em gặp khó khăn.	1	Giải thích, trình bày.
B	Bạn em mắc khuyết điểm.	2	Chia vui, chúc mừng.
C	Bạn em gặp chuyện vui mừng.	3	Bênh vực, bảo vệ.
D	Bạn em có chuyện buồn phiền.	4	Khuyên bảo, góp ý.
E	Bạn em hiểu lầm và giận em.	5	Động viên, giúp đỡ.
G	Bạn em bị bắt nạt.	6	An ủi, khích lệ.

- GV mời HS thảo luận nhóm 4, cùng nhau trao đổi dùng bút chì để nối các tình huống với cách ứng xử phù hợp và giải thích lí do vì sao.

- 2 HS đọc.

- HS trao đổi nhóm 4, cùng nhau trao đổi để nối cho phù hợp.

+ Tình huống A – Cách ứng xử 5.

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Khi bạn gặp khó khăn, mình cần phải động viên, giúp đỡ để bạn có thể vượt qua.

+ Tình huống B – Cách ứng xử 4.

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Khi mắc khuyết điểm, đôi khi là bạn không nhận ra. mình cần phải chỉ ra để bạn hiểu và sau đó góp ý để bạn sửa sai, giúp bạn khắc phục lỗi sai, từ đó tiến bộ hơn.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung, tuyên dương .

+ *Tình huống C – Cách ứng xử 2.*

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Khi bạn có chuyện vui, mình cần chúc mừng bạn để bạn thấy được sự nỗ lực của bạn đạt được là điều xứng đáng.

+ *Tình huống D – Cách ứng xử 6.*

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Khi bạn có chuyện buồn, bạn rất cần được an ủi, khích lệ để bạn thấy được bạn bè luôn bên cạnh động viên, từ đó bạn có động lực tiếp tục phấn đấu.

+ *Tình huống E – Cách ứng xử 1.*

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Bạn giận mình vì hiểu lầm mình nên mình cần phải giải thích cho bạn biết, để bạn không còn hiểu lầm mình nữa.

+ *Tình huống G – Cách ứng xử 3.*

Lí do lựa chọn cách ứng xử: Bạn bị

bất nạt, không thể tự mình chống lại cái xấu, mình cần bên vực bạn, đẩy lùi cái xấu.

- *Các nhóm báo cáo kết quả.*
- *Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.*
- *HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.*

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

-GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy kể về một tình bạn đẹp của bản thân hoặc của các bạn khác mà em biết. Chia sẻ những việc em đã và sẽ làm để duy trì tình bạn.*

- GV nhận xét sau tiết dạy, tuyên dương HS.

- Dặn dò về nhà.

- HS chia sẻ trước lớp.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ ba, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: TRẠNG NGỮ CHỈ NGUYÊN NHÂN, MỤC ĐÍCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được thế nào là trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích.

- Phân biệt và sử dụng đúng trạng ngữ chỉ nguyên nhân và trạng ngữ chỉ mục đích qua tìm hiểu các câu văn, tình huống trong bài

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết ơn và yêu quý những người đã giúp đỡ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi” Hộp quà bí mật” để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho câu hỏi nào?</p> <p>+ Câu 2: Muốn tìm trạng ngữ chỉ nơi chốn em làm thế nào?</p> <p>+ Câu 3: Tìm trạng ngữ trong câu sau?</p> <p>Dưới sân trường, hoa phượng nở đỏ rực.</p> <p>+ Câu 4: Trạng ngữ thường đứng ở vị trí nào trong câu?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương và giới thiệu vào bài mới.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Dưới sân trường</p> <p>+ Trạng ngữ thường đứng ở đầu câu</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết được thế nào là trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích. Đặt được câu hỏi để tìm hai loại trạng ngữ này.</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>* Tìm hiểu về trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu và nội dung bài 1 H: Bài 1 yêu cầu gì?</p> <p>Bài 1: Tìm trạng ngữ của mỗi câu sau và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.</p> <p>a. Nhờ chuyên đi cùng bố, cậu bé hiểu được</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1, lớp lắng nghe đọc thầm theo bạn.</p> <p>- HS trả lời</p>

lí do bỏ cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo

cũ của mình.

b. Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc, các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn.

c. Để ghi nhớ công ơn của các thương binh liệt sĩ, trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

- GV nhắc lại nội dung bài 1 sau đó yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu bài 1 (3')

- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm

- Đại diện các nhóm trình bày bài làm nhóm mình, nhóm khác nhận xét, bổ sung

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

H: Các trạng ngữ em vừa tìm đúng ở vị trí nào trong câu?

- HS làm việc theo nhóm 4

- Đại diện HS trình bày, nhận xét, bổ sung

a. Trạng ngữ: *Nhờ chuyến đi cùng bố*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “lí do bỏ cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình”.

b. Trạng ngữ: *Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn”.

c. Trạng ngữ: *Để ghi nhớ công ơn của các thương binh liệt sĩ*, bổ sung thông tin về mục đích của hoạt động “trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa”

- Các trạng ngữ vừa tìm đúng ở đầu câu.

<p>H: Trạng ngữ trong câu nào chỉ nguyên nhân?</p> <p>H: Trạng ngữ câu nào chỉ mục đích?</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p> <p>Bài 2. Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.</p> <p>M: <i>Nhờ đâu</i> cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình?</p> <p>- GV mời đại diện nhóm trình bày, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.</p> <p>H: Để tìm trạng ngữ chỉ nguyên nhân, em dùng câu hỏi nào?</p> <p>H: Muốn tìm trạng ngữ chỉ mục đích, em dùng câu hỏi nào?</p> <p>- GV nhận xét, rút ra ghi nhớ:</p> <p>- GV lưu ý HS: Phân biệt hai loại trạng ngữ này.</p>	<p>- Trạng ngữ câu a, câu b chỉ nguyên nhân</p> <p>- Trạng ngữ câu c chỉ mục đích</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc yêu cầu, đọc mẫu, làm bài theo nhóm đôi</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>b. <i>Vì sao</i>, các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn?</p> <p>c. Trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa <i>để làm gì</i>?</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS trả lời, nhận xét, bổ sung</p> <p>- 3-4 HS đọc lại ghi nhớ trong SGK</p>
---	---

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

- + Tìm được trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích trong các câu văn.
- + Phân biệt và sử dụng đúng trạng ngữ chỉ nguyên nhân và trạng ngữ chỉ mục đích

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 3. Tìm trạng ngữ trong mỗi câu dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.

a. Nhờ nguồn nước trong lành, cánh đồng trở nên xanh mướt.

b. Để viết được bài văn hay, chúng ta cần đọc nhiều sách, truyện.

c. Nhằm giúp học sinh có trải nghiệm thực tế, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động dã ngoại.

d. Vì có vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng, Tây Bắc đã trở thành điểm đến của khách du lịch trong và ngoài nước.

Trạng ngữ chỉ
nguyên nhân

Trạng ngữ chỉ
mục đích

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

- GV mời HS làm việc theo nhóm 2

- GV mời các nhóm trình bày.

- GV mời các nhóm nhận xét.

- GV nhận xét, kết luận, tuyên dương

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3, lớp đọc thầm

- Các nhóm tiến hành thảo luận

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Trạng ngữ chỉ
nguyên nhân

Trạng ngữ
chỉ mục đích

Bài tập 4: Chọn vì, để hoặc nhờ thay cho ô vuông trong mỗi câu sau:

a. ? mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b. ? bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. ? mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

- GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở 3 câu trên

- GV thu vở chấm một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh.

- GV nhận xét, tuyên dương chung.

Bài tập 5.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.

+ HS làm bài vào vở.

a. *Để* mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b. *Nhờ* bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. *Vì* mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

+ HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

5. Quan sát tranh, đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một câu có trạng ngữ chỉ mục đích của hoạt động.



- Mời HS đọc yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS làm nhóm đôi
- GV mời một số nhóm trình bày, nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương

H: Khi đặt câu theo tranh em cần lưu ý điều gì?

- GV nhắc nhở lưu ý HS khi đặt câu, viết câu.

- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm yêu cầu bài
- HS đặt câu cho nhau nghe và chỉ rõ trạng ngữ trong câu mình vừa đặt
- HS trình bày bài làm

+ Tranh 1. Để rau xanh tốt, Mai rất chăm tưới nước và bắt sâu.

+ Tranh 2. Nhằm giữ cho bãi biển sạch đẹp, mọi người đã thu nhặt hết rác bừa rơi vãi.

+ Tranh 3. Để khỏe mạnh, chúng ta phải chăm tập thể dục.

- Khi đặt câu theo tranh em lưu ý đặt câu

theo nội dung bức tranh, viết đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm,..

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

Chọn đáp án đúng:

+ Câu 1. Trạng ngữ trong câu *Để mài cho răng mòn đi, chuột gặm các đồ vật cứng.* là trạng ngữ chỉ:

- A. Trạng ngữ nguyên nhân
- B. Trạng ngữ chỉ mục đích.
- C. Trạng ngữ chỉ thời gian
- D. Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

+ Câu 2. Trạng ngữ thường được ngăn cách với bộ phận chính của câu bởi:

- A. Dấu chấm.
- B. Dấu phẩy.
- C. Dấu hai chấm.
- D. Dấu hỏi.

- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

Đề bài: Viết bài văn thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn và chia sẻ suy nghĩ cảm xúc của mình về sự việc đó.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết các đặc điểm của bài văn về nội dung và hình thức.
- Viết được bài văn thuật lại một sự việc theo đúng trình tự, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn: Biết trân trọng, cảm ơn công sức của thầy cô giáo trong sự nghiệp trồng người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng thuật lại một sự việc thực tế, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình về sự việc đó.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng và cảm ơn công sức của thầy cô giáo trong sự nghiệp trồng người.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
 - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Nêu bố cục một bài văn? + Câu 2: Phần mở bài em cần nêu được gì? + Câu 3: Phần thân bài em cần viết gì? + Câu 4: Phần kết bài em làm gì? - GV Nhận xét, tuyên dương, giới thiệu bài mới	 - HS tham gia trò chơi + Bố cục bài văn gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài + Phần mở bài giới thiệu sự việc, địa điểm, thời gian, người tham gia,.. + Nêu diễn biến sự việc theo trình tự thời gian; bắt đầu, diễn biến và kết thúc,.. + Bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của mình,.. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Biết các đặc điểm của một bài văn về nội dung và hình thức. + Viết được bài văn thuật lại một sự việc theo đúng trình tự và nêu được suy nghĩ và cảm xúc về sự việc đó. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trân trọng và cảm	

on công sức của thầy cô giáo trong sự nghiệp trồng người.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài tập 1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở bài 14 viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu.

- GV yêu cầu HS thực hiện nội dung bài, các em dựa vào dàn ý tiết trước, để viết bài.

- GV quan sát giúp đỡ HS yếu

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- HS làm bài cá nhân

Để khen thưởng, động viên cho những học sinh có thành tích tốt trong năm học. Ngày 26 tháng 4 vừa qua trường em đã tổ chức một chuyến viếng lăng Bác.

Em rất háo hức và mong được nhìn thấy Bác Hồ. Đúng sáu giờ sáng, chúng em ăn mặc chỉnh tề, xếp hàng ngay ngắn trước sân trường. Sau khi nghe cô Hiệu trưởng nhắc nhở, chúng em nhận mũ rồi cùng cô giáo và anh hướng dẫn viên lên xe số 8. Hơn 6 giờ tất cả các chiếc xe đều chuyển bánh xuất phát. Ngồi trên xe chúng em được anh hướng dẫn viên giới thiệu cảnh quan hai bên đường và những ngôi nhà cao vút nằm cạnh. Còn đang mãi ngắm nhìn thì xe đã dừng bên đường gần lăng Bác lúc đó tám giờ sáng. Ngay khi bước xuống xe cảm giác đầu tiên của em là sự choáng ngợp bởi không gian rộng lớn và sự trang nghiêm, thành kính nơi đây. Đường vào lăng Bác có rất nhiều những chú bộ đội đứng gác lăng, các chú đứng trang nghiêm với khẩu súng trên vai. Các chú là người ngày đêm canh giữ, bảo vệ bình yên cho giấc ngủ của Bác, ai cũng có khuôn mặt thật

Bài tập 2. Đọc soát và chỉnh sửa

a. Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi

Bố cục	Nội dung	Diễn đạt
Bài văn có đủ 3 phần không?	- Sự việc được kể có thể hiện truyền thống <i>Uống nước nhớ nguồn</i> không? - Các hoạt động, việc làm,.. có được sắp xếp đúng trình tự không?	- Từ ngữ dùng có phù hợp không? - Viết câu có đúng không?

b. Sửa lỗi trong bài văn (nếu có)

- GV mời HS đọc yêu cầu bài 2
- HS thực hiện yêu cầu bài 2
- GV mời một số HS trình bày.
- Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận xét chung và tuyên dương
- GV nhận xét, tuyên dương chung.

ng nghiêm trang nhưng đôi mắt rất thân thiện, hiền lành. Hôm ấy không chỉ có thầy cô và chúng em đến thăm lăng và còn rất nhiều những đoàn tham quan khác, họ đến từ khắp nơi của Tổ Quốc. Đôi khi em còn bắt gặp những đoàn tham quan của những du khách nước ngoài. Nhìn đoàn người vào tham quan, em cũng như các bạn đều tràn ngập cảm xúc tự hào. Không gian trong lăng không rộng lắm nhưng không khí lại vô cùng thành kính, thiêng liêng. Bác nằm đấy, đôi mắt hiền từ nhắm lại như đang chìm vào giấc ngủ sâu, miệng Bác như hé một nụ cười. Bác như phát ra vầng hào quang chói lọi, vừa suy nghĩ, vừa gần gũi. Khi đi gần hết một vòng quanh nơi Bác nằm nghỉ em cứ quay mặt lại muốn nhìn Bác thêm tí nữa. Rồi tự nhiên nước mắt em cứ trào ra mà không biết vì sao. Em ngược nhìn xung quanh nhiều người cũng như em đang rơm rớm nước mắt. Không ai bảo ai cả, mà tất cả mọi người đều có chung cảm giác rất nhớ Bác, rất thương Bác.

Chuyến tham quan lăng Bác quả thật là một chuyến đi đầy mang lại cho em nhiều cảm xúc. Cũng qua chuyến đi này, em cũng thêm kính yêu Bác, yêu quê hương, đất nước của mình.

- 1 HS đọc to yêu cầu, lớp đọc thầm
- HS tự sửa bài của mình (nếu có)
- Một số HS trình bày trước lớp.

	- HS lắng nghe. + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- Mục tiêu:	
+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.	
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.	
+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.	
- Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà đọc cho người thân nghe bài viết của mình.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- GV nhận xét tiết dạy.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	
.....	
.....	
.....	
.....	

.....

Toán

Bài 54: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về viết thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) dưới dạng một phân số và ngược lại. Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.









- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. -Viết thương của phép chia sau dưới dạng phân số. + Câu 1: $21: 25 =$	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: - $21 : 25 = \frac{21}{25}$

<p>+ Câu 2: $61 : 69 =$</p> <p>+ Câu 3: $17 : 100 =$</p> <p>+ Câu 4. Nêu mối quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- $61 : 69 = \frac{61}{69}$</p> <p>- $17 : 100 = \frac{17}{100}$</p> <p>- Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên có thể viết dưới dạng phân số với tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- củng cố về viết thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) dưới dạng một phân số và ngược lại. Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Viết thương của phép chia sau dưới dạng phân số. (Làm việc cá nhân).</p> <p>- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu</p> <p>a) Đã làm phần kiểm tra bài cũ</p> <p>b) $9 : 4$; $51 : 7$; $60 : 39$; $200 : 163$</p> <p>- GV chụp bài làm đúng HS soi bài,</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Bài 2: Chọn phân số thích hợp là thương của mỗi phép chia? (Làm việc cá nhân)</p>	<p>- HS vận dụng bài học để làm nháp.</p> <p>- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 phép tính: $9 : 4 = \frac{9}{4}$;</p> <p>$51 : 7 = \frac{51}{7}$ – $60 : 39 = \frac{60}{39}$;</p> <p>$200 : 163 = \frac{200}{163}$</p> <p>- HS quan sát, đối chiếu, sửa sai nếu có</p> <p>- HS quan sát yêu cầu bài 2</p> <p>- HS nêu và giải thích</p>

2 Chọn phân số thích hợp là thương của mỗi phép chia.

	$7 : 9$	$\frac{11}{2}$	
	$24 : 43$	$\frac{7}{9}$	
	$11 : 2$	$\frac{11}{5}$	
	$11 : 5$	$\frac{24}{43}$	

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- HS quan sát bài làm hoàn chỉnh, nhận xét các hình vẽ vừa được nói?

*Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 2)

- Yêu cầu HS quan sát mẫu

H: Em hiểu mẫu như thế nào?

- GV làm rõ hơn: 4 gói kẹo có cân nặng 1kg, muốn biết túi nặng bao nhiêu ta chỉ lấy 1 kg chia đều vào 4 túi, tìm được cân nặng của 1 túi: $1 \text{ kg} : 4 = \frac{1}{4} \text{ kg}$

- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

*Bài 4: Chọn số đo thích hợp với cách đọc số đo đó? (Làm việc cá nhân)

- Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài
- GV chụp bài làm đúng, soi trên màn hình
- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 5: Tìm phân số thích hợp theo mẫu?

- HS chữa bài bằng cách nói trên màn hình

- Mỗi phép chia (con vật) được nói phân số (món ăn) yêu thích của con vật đó

Thỏ thích ăn cà rốt, khi ăn chuối, sóc ăn hạt dẻ, trâu ăn cỏ.

- HS quan sát mẫu, tìm hiểu
- Đĩa cân thăng bằng, 4 hộp kẹo cân nặng 1 kg. 1 hộp kẹo nặng $1 \text{ kg} : 4 = \frac{1}{4} \text{ kg}$

- HS làm việc nhóm
- Đại diện nêu từng phần: a) Cân hai túi gạo như nhau, mỗi túi gạo cân nặng $\frac{7}{2} \text{ kg}$ b). Rót hết 8 l nước được đựng đầy 5 ca như nhau. Mỗi ca có $\frac{8}{5} \text{ l}$ nước.


- HS đọc yêu cầu
- HS suy nghĩ làm bài
- HS quan sát, sửa sai nếu có
- Cả lớp đọc các phân số đó
- HS đọc yêu cầu bài tập và quan sát
- HS làm việc nhóm 4 theo phân công
- HS trình bày và chia sẻ cách làm

(Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài


5 Tìm phân số thích hợp (theo mẫu).

a) Chia đoạn thẳng AB thành 5 đoạn bằng nhau (như hình vẽ).



Mẫu: $AC = \frac{1}{5} AB$. $AD = ? AB$ $AE = ? AB$ $AG = ? AB$

b) Nếu $AB = 1$ m thì độ dài các đoạn thẳng AC, AD, AE, AG bằng mấy phần của 1 m?



Mẫu: $AC = \frac{1}{5}$ m. $AD = ?$ m $AE = ?$ m $AG = ?$ m

a) $AD = \frac{2}{5} AB$; $AE = \frac{3}{5} AB$; $AG = \frac{4}{5} AB$ (vì AD gồm 2 đoạn thẳng nên $AD = \frac{2}{5} AB$, AE gồm 3 đoạn)

b) $AD = \frac{2}{5}$ m; $AE = \frac{3}{5}$ m; $AG = \frac{4}{5}$ m

- GV chụp bài làm đúng, soi trên màn hình

- GV nhận xét, tuyên dương

4. Vận dụng trải nghiệm.

* Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

* Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi,...sau bài học để học sinh nhận biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số và ngược lại.

- Ví dụ: GV viết 3 phép chia bất kì như:

Đọc $\frac{32}{17}$ kg;

Số $\frac{5}{7} = 5 : \dots;$

$\frac{78}{101} = \dots : \dots$ và 3 phiếu. Mời 3 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 3 phiếu ngẫu nhiên cho 3 em, sau đó mời 3 em đọc nhanh kết quả. Ai đúng sẽ được tuyên

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- 3 HS xung phong tham gia chơi.

dương. - Nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Lịch sử và Địa lí

Bài 21: DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Sử dụng lược đồ phân bố dân cư hoặc bảng số liệu, so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện...).

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Nhận thức khoa học Địa lí thông qua việc kể tên một số dân tộc và trình bày một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng bảng số liệu để so sánh được sự phân bố dân cư ở vùng Tây Nguyên với các vùng khác.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số hình ảnh của các tỉnh ở khu vực Tây Nguyên, các địa điểm tham quan du lịch để khởi động bài học. <div data-bbox="256 1377 873 1602" data-label="Image"> </div> <ul style="list-style-type: none"> + Em hãy cho biết một số danh lam thắng cảnh đẹp ở vùng Tây Nguyên? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và trả lời một số câu hỏi - Một số danh lam thắng cảnh ở vùng Tây Nguyên: Thác Cam Ly, Thác Dray Nu, khu du lịch Măng Đen... - HS lắng nghe.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:

- Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện...).

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động chăn nuôi gia súc? (làm việc cả lớp)

b) Chăn nuôi gia súc.

- GV yêu cầu học sinh đọc thông tin và quan sát hình 5 : *Yêu cầu HS xác định trên lược đồ những địa phương nuôi nhiều trâu, bò, lợn ở vùng Tây Nguyên.*



-GV yêu cầu HS quan sát kĩ để phân biệt các đối tượng, nhất là các kí hiệu giữa trâu và bò.

- GV nêu câu hỏi: Em hãy quan sát hình 5 và cho biết:

+ Địa phương nào nuôi nhiều trâu?

+ Địa phương nào nuôi nhiều bò?

+ Địa phương nào nuôi nhiều lợn?

+ Vì sao Tây Nguyên có thể phát triển chăn nuôi trâu, bò.

- HS quan sát tranh và lắng nghe GV giới thiệu một kí hiệu trên lược đồ..

- HS quan sát kĩ lược đồ, lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ của GV.

- HS trả lời các nhiệm vụ GV đã đưa ra..

- 1 HS trình bày:

+ Địa phương nuôi nhiều trâu: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum.

+ Địa phương nuôi nhiều bò: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Lâm Đồng.

- GV cho HS quan sát thêm một số hình ảnh các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.

- GV nhận xét tuyên dương. Chốt lại kiến thức: Tây Nguyên có nhiều đồng cỏ tự nhiên và khí hậu thuận lợi thích hợp cho việc chăn nuôi trâu, bò.

+ Địa phương nuôi nhiều lợn: ĐăkLăk, Gia Lai, Lâm Đồng.

- HS trả lời câu hỏi của GV theo suy nghĩ. -HS lắng nghe.

3. Luyện tập

- Mục tiêu:

+Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện...).

+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động phát triển thủy điện (Sinh hoạt nhóm đôi)

c) Phát triển thủy điện.

- GV cho HS tiếp tục quan sát hình 5 và đọc thông tin trong mục để trả lời câu hỏi.



+ Kể tên và chỉ trên lược đồ một số nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên.

+ Giải thích vì sao vùng Tây Nguyên có

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- Cả lớp sinh hoạt nhóm đôi, cùng nhau thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

- Đại diện các nhóm trưng bày kết quả lên bảng lớp.

+ Một số nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên: Yali, Sê san, Đồng Nai.

+ Vùng Tây Nguyên có nhiều nhà máy thủy điện: Sông ngòi ở vùng Tây Nguyên chảy qua nhiều bậc địa hình có độ dốc lớn nên có khả năng phát triển

nhiều nhà máy thủy điện.

- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm đôi, cùng nhau thảo luận.

-GV hướng dẫn kỹ năng sử dụng lược đồ cho HS. Cho HS đọc thêm phần chú giải để nhận biết các kí hiệu của nhà máy thủy điện. chữ màu đỏ cạnh nhà máy thủy điện là tên thủy điện.

- GV mời các nhóm trưng bày kết quả lên bản lớp.

- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.

- GV chốt bài: Ngoài vai trò cung cấp điện cho sinh hoạt sản xuất, các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên góp phần điều tiết nguồn nước giữa mùa lũ và mùa cạn, hạn chế lũ lụt cung cấp nước vào mùa khô.

-GV nhận xét tuyên dương.

*** Luyện tập:**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- GV yêu cầu HS trả lời.

-GV nhận xét chốt lại kiến thức.

thủy điện.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

-HS làm việc cá nhân và trả lời theo yêu cầu của GV.

+ Sắp xếp mật độ dân số ở nước ta theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Vùng	Đông bàng Bắc Bộ	Nam Bộ	Duyên hải miền Trung	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Mật độ dân số (người/km ²)	1431	554	212	139	109

+ Ghép nối các thành phần tự nhiên 1- 3 đặc điểm tương ứng a-c.

1 - c; 2 -a; 3 - b

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV cho HS về nhà sưu tầm một số thông tin, hình ảnh một số sản phẩm cây công nghiệp nổi tiếng ở Tây Nguyên và chia sẻ với các bạn.. chuẩn bị cho tiết học sau

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh về nhà sưu tầm theo yêu cầu của GV.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ

TIẾT 2 - SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: CHIA SẺ CẢM XÚC, SUY NGHĨ TRONG ỨNG XỬ VỚI CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những nét đẹp nhân cách của người tiêu biểu
- Xác định được một số việc làm để chia sẻ yêu thương với mọi người

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.
- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Lập được kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cùng người thân thực hiện kế hoạch đó
- Năng lực làm việc nhóm: Tạo hứng thú khi tham gia học tập, tích cực hợp tác cùng nhau giải quyết vấn đề được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- Năng lực tư duy.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình, yêu thương gia đình, quý trọng phụ nữ. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

Giáo viên

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4;
- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử hoặc tranh ảnh phóng to về gia đình, về người phụ nữ tiêu biểu và về những việc làm gắn kết yêu thương

Học sinh

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4
- Giấy bìa màu, bút chì, bút màu, bút viết,...

★ **Mục tiêu:** Học sinh biết chia sẻ cảm xúc trong ứng xử với các thành viên trong gia đình.

★ **Cách thực hiện:**

1. *Kể lại một tình huống em đã thể hiện cảm xúc, suy nghĩ trong ứng xử với thành viên trong gia đình*

- HS được yêu cầu thực làm việc cá nhân

Gợi ý:

+ Chọn thẻ cảm xúc (vui, buồn, xấu hổ, tức giận...)

+ Kể lại tình huống làm em có cảm xúc đó

+ Nêu suy nghĩ và cách ứng xử của em khi đó.

+ Trao đổi kinh nghiệm em rút ra từ tình huống đó

Gv yêu cầu một số học sinh lên trình bày

2. *Nêu suy nghĩ của em về tình huống mà bạn chia sẻ*

Gợi ý:

- Nêu suy nghĩ và cách ứng xử của em khi gặp tình huống giống bạn chia sẻ.

- Kinh nghiệm rút ra từ tình huống bạn chia sẻ

- GV tổng kết hoạt động: Để rèn luyện bản thân biết yêu thương, chia sẻ, biết tôn trọng giá trị của gia đình học sinh cần phải rèn luyện thường xuyên những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương. Lập kế hoạch thực hiện các việc gắn kết yêu thương giúp chúng ta có thói quen chia sẻ, thói quen tôn trọng gia đình, tôn trọng người phụ nữ. Đó là những thói quen tạo nên nhân cách tốt đẹp của một học sinh.

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

- Học sinh được gọi lên theo thẻ cảm xúc

- Học sinh trình bày tình huống làm em có cảm xúc

- Trao đổi kinh nghiệm của em rút ra từ tình huống đó

- Học sinh trình bày, các bạn khác góp ý

- Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- HS lắng nghe.

Hoạt động 6. Tìm hiểu khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình

★ **Mục tiêu:** Học sinh biết điều chỉnh cảm xúc của bản thân với các thành viên trong gia đình.

★ **Cách thực hiện:**

1 Nhận xét về cách thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mỗi thành viên trong gia đình các bạn qua mỗi câu chuyện sau

Giáo viên đưa ra hai câu chuyện, yêu cầu học sinh nghe và thảo luận.

- GV yêu cầu học sinh nhận xét về cách thể hiện cảm xúc của mỗi thành viên trong gia đình qua câu chuyện trên

- GV mời một số bạn trình bày

2. Nếu là các bạn trong mỗi câu chuyện em sẽ điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc của mình như thế nào? Vì sao?

Gợi ý

- Chia sẻ cảm nghĩ của em về câu chuyện
- Nhận xét những việc làm của nhân vật chính trong chuyện

- Chia sẻ những việc em sẽ làm nếu là em trong câu chuyện trên

- GV tổng kết hoạt động:

+ Giá trị gia đình là một trong những giá trị truyền thống, tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình là góp phần phát triển giá trị truyền thống

- Học sinh cần xác định những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình,

- HS đọc nhiệm vụ 1, hoạt động 6, tuần 26, chủ đề 7 trong SGK HĐTN4.

- HS tự hoàn thành yêu cầu của giáo viên

- HS nhận xét về suy nghĩ, cảm xúc của mỗi thành viên trong gia đình rồi ghi ra giấy

HS trình bày, các bạn còn lại nghe và bổ sung

- Học sinh thực hiện các yêu cầu của giáo viên

- Viết ra những việc điều em đã học được sau các tình huống trên

- HS lắng nghe và đặt câu hỏi (nếu có).

rèn luyện bản thân có thói quen thực hiện những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình.

Tổng kết

- Mời một bạn nhắc lại điều chúng ta đã cùng chia sẻ, trải nghiệm trong tiết học.
- GV nhấn mạnh: Yêu thương gia đình là một trong những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam. Học sinh tiểu học cần phải biết nhận diện những gắn kết yêu thương trong gia đình, biết xác định một số cách tạo sự gắn kết yêu thương giữa những người thân trong gia đình.

- Chúng ta cùng nhau thực hiện tốt nề nếp ở trường và ở nhà, Xứng đáng trở thành những người con ngoan, những học trò giỏi.
- HS lắng nghe.

.....

Công nghệ

Bài 9: LẮP GHÉP MÔ HÌNH RÔ – BÓT (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Lắp ghép được mô hình rô – bột theo hướng dẫn
- Lên ý tưởng sáng tạo để lắp ghép mẫu rô – bột khác
- Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích rô – bột trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm tòi, học hỏi được cách sử dụng các dụng cụ và chi tiết kỹ thuật phù hợp để lắp ghép mô hình rô – bốt theo hướng dẫn

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng phù hợp để lắp ghép được mô hình khác dựa theo yêu cầu

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi để mở rộng hiểu biết và vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết để lắp ghép các sản phẩm có ích cho cuộc sống

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức sử dụng, sắp xếp và bảo quản dụng cụ, đồ dùng kỹ thuật

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh nhất” - GV đưa ra các câu hỏi để HS lựa chọn các đáp án + Rô- bốt gồm mấy bộ phận chính?	- HS chọn các đáp án bằng cách giơ thẻ + Rô- bốt gồm các bộ phận chính:

<p>A.3 B. 4 C. 5 D.6</p> <p>+ Đầu rô- bôt cần mấy thanh thẳng 5 lỗ?</p> <p>A.1 B. 2 C. 3 D.4...</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>A.3</p> <p>+ Đầu rô- bôt cần số thanh thẳng 5 lỗ:</p> <p>C. 3</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	---

2. Hoạt động luyện tập (Làm việc theo nhóm bàn)

- Mục tiêu:

+ HS lắp ghép được rô – bôt theo hướng dẫn

+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
 - GV yêu cầu HS quan sát mô hình rô – bôt và đọc từng bước lắp rô –bôt
 + Nêu số lượng các chi tiết để lắp đầu rô – bôt?

- GV hướng dẫn HS cách lắp và tự lắp theo nhóm bàn

- GV quan sát theo dõi và giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.

- Tương tự như vậy HS đọc và tự lắp rô- bôt theo các bước tiếp theo

* Chú ý: Sản phẩm lắp phải chắc chắn, khi lắp cần chú ý an toàn

- GV nhận xét chung, tuyên dương

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm việc theo nhóm bàn

* Bước 1: Lắp đầu rô – bôt

+ Thanh chữ U dài: 1 thanh

Tấm 3 lỗ: 1 tấm

Bánh đai: 2 bánh...

- HS chú ý và tự lắp

* Bước 2: Lắp thân rô – bôt

* Bước 3: Lắp chân rô – bôt

* Bước 4: Hoàn thiện mô hình

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV mời HS nhắc lại các bước lắp rô – bốt

- Học sinh tham gia chia sẻ

- GV nhận xét tuyên dương.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

Bài: TRẠNG NGỮ CHỈ NGUYÊN NHÂN, MỤC ĐÍCH- Tiết 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Củng cố và luyện tập trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết ơn và yêu quý những người đã giúp đỡ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết viết được bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc đã nghe + Phát triển năng lực ngôn ngữ.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 2: HDHS làm bài tập - GV giao bài tập HS làm bài. - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1,2/17 Vở Bài tập Tiếng Việt. - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1,2,3,4,5/ 49,50 Vở Bài tập Tiếng Việt.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài

- GV cho Hs làm bài trong vòng 10 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 3: Chữa bài

- Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.

Bài 1: (trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Gạch dưới trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.

Câu	Thông tin mà trạng ngữ bổ sung
a. Nhờ chuyến đi cùng bố, cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình.
b. Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc, các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn.
c. Để ghi nhớ công ơn của các thương binh, liệt sĩ, trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn, đáp nghĩa.

- + Các trạng ngữ em vừa tìm đúng ở vị trí nào trong câu?
- + Trạng ngữ trong câu nào chỉ nguyên nhân?

- 1 Hs lên chia sẻ.
- 1 HS đọc yêu cầu bài 1, lớp lắng nghe đọc thầm theo bạn.
- HS trả lời
 - Trạng ngữ: *Nhờ chuyến đi cùng bố*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình”.
 - Trạng ngữ: *Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn”.
 - Trạng ngữ: *Để ghi nhớ công ơn của các thương binh liệt sĩ*, bổ sung thông tin về mục đích của hoạt động ‘trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa”
- Các trạng ngữ vừa tìm đúng ở đầu câu.
- Trạng ngữ câu a, câu b chỉ nguyên nhân
- Trạng ngữ câu c chỉ mục đích

<p>+ Trạng ngữ câu nào chỉ mục đích?</p> <p>- GV nhận xét, kết luận</p> <p>→ GV củng cố về thông tin mà trạng ngữ bổ sung.</p> <p>Bài 2:(trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.</p> <p>M: Nhờ đâu cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình?</p> <p>- GV mời đại diện nhóm trình bày, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.</p> <p>- GV lưu ý HS: Phân biệt hai loại trạng ngữ này.</p> <p>→ GV củng cố về trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc yêu cầu, đọc mẫu, làm bài theo nhóm đôi</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>b. Vì sao, các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn?</p> <p>c. Trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa để làm gì?</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS trả lời, nhận xét, bổ sung</p>
<p>Bài 3.(trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2)Tìm trạng ngữ trong mỗi câu dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.</p> <p>a. Nhờ nguồn nước trong lành, cánh đồng trở nên xanh mướt.</p> <p>b. Để viết được bài văn hay, chúng ta cần đọc nhiều sách, truyện.</p> <p>c. Nhằm giúp học sinh có trải nghiệm thực tế, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động dã ngoại.</p> <p>d. Vì có vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng, Tây</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3, lớp đọc thầm</p>

Bắc đã trở thành điểm đến của khách du lịch trong và ngoài nước.

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân	Trạng ngữ chỉ mục đích
.....
.....
.....

- GV nhận xét, kết luận.

- Các nhóm tiến hành thảo luận
- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: câu a, câu d

Trạng ngữ chỉ mục đích: Câu b, câu c

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

Bài tập 4: (trang 50 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Điền vì, để hoặc nhờ vào chỗ trống để hoàn thành câu:

a..... mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b..... bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

- GV nhận xét, tuyên dương chung.

Bài tập 5. (trang 50 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Quan sát tranh, đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một câu có trạng ngữ chỉ mục đích của hoạt động.

+ HS làm bài vào vở bài tập.

a. *Để* mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b. *Nhờ* bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. *Vì* mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

+ HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm yêu cầu bài

- HS đặt câu cho nhau nghe và chỉ rõ

5. Quan sát tranh, đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một câu có trạng ngữ chỉ mục đích của hoạt động.



- Mời HS đọc yêu cầu bài tập
- GV nhận xét, tuyên dương

H: Khi đặt câu theo tranh em cần lưu ý điều gì?

- GV nhắc nhở lưu ý HS khi đặt câu, viết câu.

→ GV củng cố về cách đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.

3. HĐ Vận dụng.

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

trạng ngữ trong câu mình vừa đặt

+ Tranh 1. Để rau xanh tốt, Mai rất chăm tưới nước và bắt sâu.

+ Tranh 2. Nhằm giữ cho bãi biển sạch đẹp, mọi người đã thu nhặt hết rác bả rơi vãi.

+ Tranh 3. Để khỏe mạnh, chúng ta phải chăm tập thể dục.

- Khi đặt câu theo tranh em lưu ý đặt câu theo nội dung bức tranh, viết đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm,..

- HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ tư, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 16: NGỰA BIÊN PHÒNG (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ Ngựa biên phòng, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.

- Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các chú bộ đội biên phòng đang vất vả ngày đêm canh giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng hành cùng các chú bộ đội biên phòng, cùng chung khó khăn, gian khổ là những chú ngựa biên phòng.

- Biết khám phá và trân trọng những đóng góp của các chú ngựa, biết ơn các chú bộ đội biên phòng.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ với bạn về lòng biết ơn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài thơ, yêu quý và biết ơn những người, con vật đã chịu nhiều vất vả, hi sinh để chúng ta có cuộc sống bình yên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
<p>- GV giới thiệu bài hát “Người thầy” để khởi động bài học.</p> <p>- Các em thấy bạn ấy hát có hay không?</p> <p>- Bài hát có nội dung gì?</p> <p>- Em đã làm gì để bày tỏ lòng biết ơn đối với các thầy cô đã dạy dỗ mình?</p> <p>- Em đọc bài thơ, câu ca dao ca ngợi công lao của thầy cô giáo?</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi</p> <p>Ngoài thầy cô, cha mẹ chúng ta cần biết ơn, còn ai chúng ta cần biết ơn nữa? Để giải đáp câu hỏi này cô mời cả lớp cùng bắt đầu tìm hiểu bài đọc hôm nay nhé! GV giới thiệu và ghi tên bài học: Ngựa biên phòng</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát Hồ Cường trình bày.</p> <p>- Bạn ấy hát rấy hay.</p> <p>- Ca ngợi công lao của người thầy giáo</p> <p>- Ngoan, chăm học,..</p> <p>Tiên học lễ, hậu học văn.</p> <p>Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.</p> <p>Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.</p> <p>Không thầy đố mày làm nên.</p> <p>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.</p> <p>Mông 1 tết cha, mông ba tết thầy.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>

2. Khám phá

- Mục tiêu:

+Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ điều ngựa biên phòng, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.

- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- Bài chia làm mấy đoạn, nêu các đoạn

- GV nhận xét, kết luận: Bài chia 5 đoạn, mỗi đoạn là 1 khổ thơ

- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp các khổ thơ

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *lưng ngựa, nổi gió, rập mình, rùng swong mù, ...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Chú bộ đội /biên phòng/

Rập mình/trên lưng ngựa/

Ngựa phi nhanh/ như bay/

Cả cánh rừng/ nổi gió.//

- GV mời học sinh luyện đọc câu

- GV nhận xét sửa sai.

- Hs lắng nghe cách đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- Bài chia làm 5 đoạn, mỗi đoạn ứng với một khổ thơ.

- HS lắng nghe, quan sát

- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 1 học sinh

	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng khổ thơ theo cảm xúc của tác giả: Khổ thơ 1,2,3 đọc với giọng khỏe khoắn, khổ thơ 4,5 đọc với giọng vui tươi - Mời 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp các khổ thơ. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các chú bộ đội biên phòng đang vất vả ngày đêm canh giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng hành cùng các chú bộ đội biên phòng, cùng chung khó khăn, gian khổ là những chú ngựa biên phòng. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc toàn bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp lắng nghe.

<p>- GV mời 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài</p> <p>+ GV giải nghĩa từ: phăm phăm: là chuyển động nhanh, mạnh,..</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thảo luận trả lời các câu hỏi cuối bài theo nhóm 4 (3’)</p> <p>- GV quan sát hỗ trợ các nhóm</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trả lời từng câu hỏi, nhóm khác nhận xét bổ sung</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Chú bộ đội biên phòng đang làm nhiệm vụ gì? Theo em, công việc đó vất vả, gian khổ như thế nào?</p> <p>Câu 2: Hình ảnh ngựa biên phòng được miêu tả thế nào? Hình ảnh đó gợi cho em cảm nghĩ gì?</p> <p>Câu 3: Chi tiết nào cho thấy chú bộ đội và các bạn nhỏ vùng biên giới rất yêu quý ngựa</p>	<p>- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm</p> <p>- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm 4</p> <p>- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+Các chú bộ đội biên phòng đang cưỡi ngựa đi tuần tra để bảo vệ vùng biên giới. Công việc này rất vất vả vì bất kể lúc nào (đêm khuya, sáng sớm) và dù thời tiết xấu thế nào (sớm rừng mù sương, đêm đông giá buốt) các chú vẫn phải làm nhiệm vụ được phân công.</p> <p>+Hình ảnh dùng để miêu tả ngựa biên phòng: phi nhanh như bay; phăm phăm bốn vó như bẫm xuống mặt đường; chân như sắt thép; vó như có mắt chằng vấp ngã bao giờ.</p> <p>+Những hình ảnh đầy gợi cảm nghĩ ngựa biên phòng rất đẹp, khỏe mạnh, dẻo dai, hùng dũng, oai phong, gan dạ,...</p> <p>+ Tình yêu thương ngựa biên phòng của các chú bộ đội: xong việc tuần tra trở về các chú cho ngựa đi thông thả,</p>
---	---

biên phòng?

Câu 4: Theo em, vì sao ngựa biên phòng được yêu quý như vậy?

Câu 5: Bài thơ này có ý nghĩa gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em?

A. Ca ngợi tình cảm và việc làm của các bạn nhỏ đối với ngựa biên phòng.

B. Nhắc chúng ta không quên công lao của những chú ngựa biên phòng.

C. Khuyến chúng ta biết ơn các chiến sĩ biên phòng bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV nhấn mạnh thông điệp chính của bài thơ: ***Nhắc chúng ta không quên đóng góp của các chú ngựa biên phòng và khuyến chúng ta biết ơn các chiến sĩ biên phòng bảo vệ biên cương của Tổ quốc.***

tay chú vỗ về ngựa đầy yêu thương.

+ Tình yêu thương ngựa biên phòng của các bạn nhỏ vùng biên giới: đi cắt và phơi nhiều cỏ thơm để mùa đông cho các chú ngựa biên phòng.

+ Ngựa biên phòng được yêu quý vì nhờ có chúng, các chú bộ đội biên phòng đã hoàn thành tốt công việc phòng thủ và bảo vệ vùng biên giới, giúp chúng ta có cuộc sống bình yên.

+ Đây là câu hỏi mở, cả 3 phương án gợi ý đều phù hợp, HS có thể chọn 1 trong 3 phương án gợi ý hoặc trả lời theo suy nghĩ của riêng mình.

- HS lắng nghe.

- HS nhắc lại nội dung bài học.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu nội dung bài. 	
<p>3.2. Học thuộc lòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ + Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân. + Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia đọc thuộc lòng bài thơ. + HS nhắm đọc thuộc lòng cá nhân. + HS nhắm đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>3.3. Luyện tập theo văn bản.</p> <p>1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm trong bài các câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. <p>2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Viết 2-3 câu về chú ngựa biên phòng, trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. Các em có thể đặt câu có hình ảnh so sánh <i>đặc điểm của sự vật</i> hay <i>đặc điểm của</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - HS thực hiện yêu cầu bài - Đại diện nhóm trình bày - Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung +So sánh đặc điểm của sự vật: Chân ngựa như sắt thép/ Vó ngựa như có mắt. +So sánh đặc điểm của hoạt động: Ngựa phi nhanh như bay/ Ngựa phăm phăm bốn vó, như bằm xuống mặt đường. - HS đọc yêu cầu bài và thực hiện yêu cầu vào vở

<p><i>hoạt động</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV thu và chấm một số bài, nhận xét - GV mời một số HS đọc bài làm của mình - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở <p>VD: <i>Chú ngựa biên phòng như người bạn tốt của các anh bộ đội.</i> Chúng đã đồng hành cùng các anh trên hành trình đi làm nhiệm vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài làm - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ với bạn về lòng biết ơn + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng hình thức hái hoa, mỗi bông hoa có nội dung sau: + Đọc thuộc 1 khổ thơ em thích nhất trong bài? + Đọc thuộc cả bài thơ? + Nêu nội dung chính của bài thơ? + Nêu cảm nhận của em sau tiết học - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng và trả lời.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p>	

.....

Toán

Bài 55: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan
- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Đọc phân số sau: $\frac{2}{3}$</p> <p>+ Câu 2: Đọc phân số $\frac{4}{6}$</p> <p>+ Câu 3. Viết thương của phép chia sau: $7 : 5$</p> <p>+ Câu 4: Số: $0 : 7 = \frac{\dots}{\dots}$</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời:</p> <p>- Hai phần ba</p> <p>- Bốn phần sáu</p> <p>- $7 : 5 = \frac{7}{5}$</p> <p>- $0 : 7 = \frac{0}{7}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Nắm được tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>+ GV yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng</p> <p>- Chia băng giấy thứ nhất thành 4 phần bằng nhau tô màu 3 phần;</p> <p>- Chia băng giấy thứ hai thành 8 phần bằng nhau tô màu 6 phần.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết phân số biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 1? phân số</p>	<p>- HS chuẩn bị đồ dùng lên bàn</p> <p>- HS thao tác nhóm đôi trên băng giấy</p> <p>- HS nêu phân số biểu diễn số phần đã tô màu của mỗi băng giấy?</p>

biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 2?

- GV yêu cầu so sánh phần tô màu của hai băng giấy.

H: Nhìn vào hình vẽ, hãy so sánh phần tô màu của hai băng giấy?

- GV kết luận: Nhìn hình vẽ ta thấy:

$\frac{2}{3}$ băng giấy bằng $\frac{4}{6}$ băng giấy

- Hay $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

b) GV; Ta lấy cả tử số và mẫu số của phân

số $\frac{3}{4}$ nhân với 2: $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2}{4 \times 2} = \frac{6}{8}$

H: Phân số $\frac{3}{4}$ bây giờ bằng phân số nào?

- GV: Khi nhân cả tử số và mẫu số với một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu

- Yêu cầu HS chia cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{6}{8}$ cho 2.

H: Phân số $\frac{6}{8}$ bằng phân số nào? $\frac{3}{4}$

- GV: Khi chia cả tử số và mẫu số cho một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu.



Tô màu $\frac{2}{3}$ băng giấy



Tô màu $\frac{4}{6}$ băng giấy

- Phần tô màu của 2 băng giấy bằng nhau

$\frac{2}{3}$ băng giấy bằng $\frac{4}{6}$ băng giấy

- HS đọc $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

- HS quan sát

- $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

- HS nhắc lại: Khi nhân cả tử....

- HS thực hiện

$\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$

$\frac{6}{8} = \frac{3}{4}$

<p>- GV kết luận, rút ra nhận xét SGK</p> <p>- Đây là tính chất cơ bản phân số</p> <p>H: Tính chất cơ bản của phân số là gì?</p>	<p>- HS nhắc lại</p> <p>- HS đọc nhận xét</p> <p>- Nếu nhân cả tử số và mẫu số... (SGK)</p>
<p>3. Hoạt động:</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Học sinh được củng cố tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>*Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân).</p> <p>- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu</p> <p>a) $\frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}$; $\frac{4}{7} = \frac{4 \times 2}{7 \times 2} = \frac{8}{14}$; $\frac{13}{54} = \frac{13 \times 3}{54 \times 3} = \frac{39}{162}$</p> <p>b) $\frac{8}{20} = \frac{8 : 4}{20 : 4} = \frac{2}{5}$; $\frac{10}{16} = \frac{10 : 2}{16 : 2} = \frac{5}{8}$; $\frac{25}{65} = \frac{25 : 5}{65 : 5} = \frac{5}{13}$</p> <p>H: Phân số $\frac{2}{5}$ bằng phân số nào?</p> <p>H: Phân số $\frac{25}{65}$ bằng phân số nào?</p> <p>H: Muốn tìm một phân số mới bằng phân số đã cho em làm thế nào?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>*Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)</p> <p>- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.</p> <p>- GV quan sát hỗ trợ em yếu</p>	<p>- HS vận dụng bài học để làm.</p> <p>- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 phép tính:</p> <p>- Phân số $\frac{2}{5}$ bằng phân số $\frac{6}{15}$</p> <p>- Phân số $\frac{25}{65}$ bằng phân số $\frac{5}{13}$</p> <p>- Muốn tìm một phân số mới bằng phân số đã cho em lấy cả tử số và mẫu số nhân (hoặc chia) với một số tự nhiên khác 0</p> <p>- HS quan sát yêu cầu bài 2</p>

<p>a) $\frac{2}{5} = \frac{2x?}{5x?} = \frac{10}{25}$; $\frac{4}{7} = \frac{4x7}{7x?} = \frac{?}{?}$</p> <p>b) $\frac{36}{40} = \frac{36:4}{40:4} = \frac{9}{10}$; $\frac{24}{32} = \frac{24:8}{32:8} = \frac{?}{?}$</p> <p>H; Vì sao trong phép tính đầu tử số bạn lấy 2x5 và mẫu số 5x5?</p> <p>- GV soi bài làm đúng, yêu cầu HS đổi chiều</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>*Bài 3: Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)</p> <p>- GV cho HS làm theo nhóm.</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày.</p> <p>- Mời các nhóm khác nhận xét</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>- HS làm việc theo phân công</p> <p>-HS chia sẻ bài làm, nhận xét</p> <p>a) $\frac{2}{5} = \frac{2x5}{5x5} = \frac{10}{25}$; $\frac{4}{7} = \frac{4x7}{7x7} = \frac{28}{49}$</p> <p>b) $\frac{36}{40} = \frac{36:4}{40:4} = \frac{9}{10}$; $\frac{24}{32} = \frac{24:8}{32:8} = \frac{3}{4}$</p> <p>- Tôi quan sát tử số 2x 5 =10, mẫu số 5 x 5 = 25. Vậy tôi lấy cả tử và mẫu nhân 5</p> <p>- HS đổi chiều, sửa sai, đổi vở kiểm tra, nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- Các nhóm làm việc theo phân công.</p> <p>- HS nêu và giải thích</p> <p>C. $\frac{2}{3}$</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức chơi trò chơi: hái hoa mỗi bông hoa là 1 câu hỏi:</p> <p>Câu 1. Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{1}{3}$ với 4 ta được phân số nào?</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>

<p>A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{4}{12}$ C. $\frac{1}{12}$</p> <p>Câu 2. Nêu tính chất của phân số?</p> <p>$15 : 17 = \dots$; $89 : 90 = \dots$; $3 = \frac{?}{1}$; $\frac{45}{51} = \dots$</p> <p>...và.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS trả lời: B. $\frac{4}{12}$</p> <p>- HS phát biểu lại nhận xét trong SGK</p> <p>- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Ôn Tiếng Việt

Bài: TRẠNG NGỮ CHỈ NGUYÊN NHÂN, MỤC ĐÍCH- Tiết 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố và luyện tập trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết ơn và yêu quý những người đã giúp đỡ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết viết được bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc đã nghe + Phát triển năng lực ngôn ngữ.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 2: HDHS làm bài tập - GV giao bài tập HS làm bài. - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1,2/17 Vở Bài tập Tiếng Việt. - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1,2,3,4,5/ 49,50 Vở Bài tập Tiếng Việt. - GV cho Hs làm bài trong vòng 10 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài
Hoạt động 3: Chữa bài	

- Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phân chia sẽ trước lớp.

Bài 1: (trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Gạch dưới trạng ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết chúng bổ sung thông tin gì cho câu.

Câu	Thông tin mà trạng ngữ bổ sung
a. Nhờ chuyến đi cùng bố, cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình.
b. Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc, các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn.
c. Để ghi nhớ công ơn của các thương binh, liệt sĩ, trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn, đáp nghĩa.

+ Các trạng ngữ em vừa tìm đúng ở vị trí nào trong câu?

+ Trạng ngữ trong câu nào chỉ nguyên nhân?

+ Trạng ngữ câu nào chỉ mục đích?

- GV nhận xét, kết luận

➔ GV củng cố về thông tin mà trạng ngữ bổ sung.

-1 Hs lên chia sẽ.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1, lớp lắng nghe đọc thầm theo bạn.

- HS trả lời

a. Trạng ngữ: *Nhờ chuyến đi cùng bố*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình”.

b. Trạng ngữ: *Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc*, bổ sung thông tin về nguyên nhân của sự việc “các liệt sĩ được nhân dân đời đời ghi ơn”.

c. Trạng ngữ: *Để ghi nhớ công ơn của các thương binh liệt sĩ*, bổ sung thông tin về mục đích của hoạt động “trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa”

- Các trạng ngữ vừa tìm đúng ở đầu câu.

- Trạng ngữ câu a, câu b chỉ nguyên nhân

- Trạng ngữ câu c chỉ mục đích

- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu, đọc mẫu, làm bài theo nhóm đôi

Bài 2:(trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập

2) Đặt câu hỏi cho mỗi trạng ngữ vừa tìm được ở bài tập 1.

M: Nhờ đâu cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình?

- GV mời đại diện nhóm trình bày, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.
- GV lưu ý HS: Phân biệt hai loại trạng ngữ này.

→ GV củng cố về trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.

- Đại diện các nhóm trình bày.

b. Vì sao, các liệt sĩ được nhân dân đòi đòi ghi ơn?

c. Trường em đã tổ chức hoạt động đền ơn đáp nghĩa để làm gì?

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe rút kinh nghiệm.
- HS trả lời, nhận xét, bổ sung

Bài 3.(trang 49 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập

2)Tìm trạng ngữ trong mỗi câu dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.

a. Nhờ nguồn nước trong lành, cánh đồng trở nên xanh mướt.

b. Để viết được bài văn hay, chúng ta cần đọc nhiều sách, truyện.

c. Nhằm giúp học sinh có trải nghiệm thực tế, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động dã ngoại.

d. Vì có vẻ đẹp hùng vĩ và thơ mộng, Tây Bắc đã trở thành điểm đến của khách du lịch trong và ngoài nước.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3, lớp đọc thầm

- Các nhóm tiến hành thảo luận

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: câu a, câu d

Trạng ngữ chỉ mục đích: Câu b, câu c

Trạng ngữ chỉ nguyên nhân	Trạng ngữ chỉ mục đích
.....
.....
.....

- GV nhận xét, kết luận.

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

Bài tập 4: (trang 50 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Điền vì, để hoặc nhờ vào chỗ trống để hoàn thành câu:

a..... mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b..... bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

+ HS làm bài vào vở bài tập.

a. *Để* mở rộng kiến thức, chúng ta cần đọc nhiều sách.

b. *Nhờ* bác lao công, trường lớp lúc nào cũng sạch sẽ.

c. *Vì* mưa bão, nhiều cây cối bị gãy, đổ.

- GV nhận xét, tuyên dương chung.

Bài tập 5. (trang 50 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Quan sát tranh, đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một câu có trạng ngữ chỉ mục đích của hoạt động.

+ HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

5. Quan sát tranh, đặt một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một câu có trạng ngữ chỉ mục đích của hoạt động.



- 1 HS đọc to, lớp đọc thầm yêu cầu bài

- HS đặt câu cho nhau nghe và chỉ rõ trạng ngữ trong câu mình vừa đặt

+ Tranh 1. *Để* rau xanh tốt, Mai rất chăm tưới nước và bắt sâu.

- Mời HS đọc yêu cầu bài tập

- GV nhận xét, tuyên dương

+ Tranh 2. *Nhằm* giữ cho bãi biển sạch đẹp, mọi người đã thu nhặt hết rác bẩn rơi vãi.

H: Khi đặt câu theo tranh em cần lưu ý điều

<p>gì?</p> <p>- GV nhắc nhở lưu ý HS khi đặt câu, viết câu.</p> <p>→ GV củng cố về cách đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.</p>	<p>+ Tranh 3. Đề khỏe mạnh, chúng ta phải chăm tập thể dục.</p> <p>- Khi đặt câu theo tranh em lưu ý đặt câu theo nội dung bức tranh, viết đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm,..</p>
<p>3. HD Vận dụng.</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ tư, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 16: NGỰA BIÊN PHÒNG (4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ Ngựa biên phòng, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.
- Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các chú bộ đội biên phòng đang vất vả ngày đêm canh giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng hành cùng các chú bộ đội biên phòng, cùng chung khó khăn, gian khổ là những chú ngựa biên phòng.

- Biết khám phá và trân trọng những đóng góp của các chú ngựa, biết ơn các chú bộ đội biên phòng.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ với bạn về lòng biết ơn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài thơ, yêu quý và biết ơn những người, con vật đã chịu nhiều vất vả, hi sinh để chúng ta có cuộc sống bình yên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu bài hát “Người thầy” để khởi động bài học.</p> <p>- Các em thấy bạn ấy hát có hay không?</p> <p>- Bài hát có nội dung gì?</p> <p>- Em đã làm gì để bày tỏ lòng biết ơn đối với các thầy cô đã dạy dỗ mình?</p> <p>- Em đọc bài thơ, câu ca dao ca ngợi công lao của thầy cô giáo?</p> <p>- GV nhận xét, khen ngợi</p> <p>Ngoài thầy cô, cha mẹ chúng ta cần biết ơn, còn ai chúng ta cần biết ơn nữa? Để giải đáp câu hỏi này cô mời cả lớp cùng bắt đầu tìm hiểu bài đọc hôm nay nhé! GV giới thiệu và ghi tên bài học: Ngựa biên phòng</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát Hồ Cường trình bày.</p> <p>- Bạn ấy hát rấy hay.</p> <p>- Ca ngợi công lao của người thầy giáo</p> <p>- Ngoan, chăm học,..</p> <p>Tiên học lễ, hậu học văn.</p> <p>Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.</p> <p>Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.</p> <p>Không thầy đố mày làm nên.</p> <p>Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.</p> <p>Mông 1 tết cha, mông ba tết thầy.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ điều ngựa biên phòng, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi</p>	<p>- Hs lắng nghe cách đọc.</p>

<p>cảm.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài thơ- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- Bài chia làm mấy đoạn, nêu các đoạn- GV nhận xét, kết luận: Bài chia 5 đoạn, mỗi đoạn là 1 khổ thơ- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp các khổ thơ- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>lưng ngựa, nổi gió, rập mình, rừng sương mù, ...</i>- GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Chú bộ đội /biên phòng/ Rập mình/trên lưng ngựa/ Ngựa phi nhanh/ như bay/ Cả cánh rừng/ nổi gió.//</i>- GV mời học sinh luyện đọc câu- GV nhận xét sửa sai.	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- Bài chia làm 5 đoạn, mỗi đoạn ứng với một khổ thơ.- HS lắng nghe, quan sát- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.- HS đọc từ khó. <ul style="list-style-type: none">- 1 học sinh- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng khổ thơ theo cảm xúc của tác giả: Khổ thơ 1,2,3 đọc với giọng khỏe khoắn, khổ thơ 4,5 đọc với giọng vui tươi- Mời 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. <ul style="list-style-type: none">- 5 HS đọc diễn cảm nối tiếp các khổ thơ.

<p>đến hết).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Các chú bộ đội biên phòng đang vất vả ngày đêm canh giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng hành cùng các chú bộ đội biên phòng, cùng chung khó khăn, gian khổ là những chú ngựa biên phòng. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV mời 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài + GV giải nghĩa từ: phăm phăm: là chuyên động nhanh, mạnh,.. - GV yêu cầu HS đọc thảo luận trả lời các câu hỏi cuối bài theo nhóm 4 (3’) - GV quan sát hỗ trợ các nhóm - GV mời đại diện các nhóm trả lời từng câu hỏi, nhóm khác nhận xét bổ sung - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp lắng nghe. - 1 HS đọc to, lớp đọc thầm - HS thực hiện yêu cầu trong nhóm 4 - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Chú bộ đội biên phòng đang làm nhiệm vụ gì? Theo em, công việc đó vất vả, gian khổ như thế nào?

Câu 2: Hình ảnh ngựa biên phòng được miêu tả thế nào? Hình ảnh đó gợi cho em cảm nghĩ gì?

Câu 3: Chi tiết nào cho thấy chú bộ đội và các bạn nhỏ vùng biên giới rất yêu quý ngựa biên phòng?

+ Các chú bộ đội biên phòng đang cưỡi ngựa đi tuần tra để bảo vệ vùng biên giới. Công việc này rất vất vả vì bất kể lúc nào (đêm khuya, sáng sớm) và dù thời tiết xấu thế nào (sớm rừng mù sương, đêm đông giá buốt) các chú vẫn phải làm nhiệm vụ được phân công.

+ Hình ảnh dùng để miêu tả ngựa biên phòng: phi nhanh như bay; phăm phăm bốn vó như bẫm xuống mặt đường; chân như sắt thép; vó như có mắt chằng vấp ngã bao giờ.

+ Những hình ảnh đầy gợi cảm nghĩ ngựa biên phòng rất đẹp, khỏe mạnh, dẻo dai, hùng dũng, oai phong, gan dạ,...

+ Tình yêu thương ngựa biên phòng của các chú bộ đội: xong việc tuần tra trở về các chú cho ngựa đi thông thả, tay chú vỗ về ngựa đầy yêu thương.

+ Tình yêu thương ngựa biên phòng của các bạn nhỏ vùng biên giới: đi cắt và phơi nhiều cỏ thơm để mùa đông cho các chú ngựa biên phòng.

+ Ngựa biên phòng được yêu quý vì nhờ có chúng, các chú bộ đội biên phòng đã hoàn thành tốt công việc phòng thủ và bảo vệ vùng biên giới,

<p>Câu 4: Theo em, vì sao ngựa biên phòng được yêu quý như vậy?</p> <p>Câu 5: Bài thơ này có ý nghĩa gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em?</p> <p>A. Ca ngợi tình cảm và việc làm của các bạn nhỏ đối với ngựa biên phòng.</p> <p>B. Nhắc chúng ta không quên công lao của những chú ngựa biên phòng.</p> <p>C. Khuyên chúng ta biết ơn các chiến sĩ biên phòng bảo vệ biên cương của Tổ quốc.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhấn mạnh thông điệp chính của bài thơ: <i>Nhắc chúng ta không quên đóng góp của các chú ngựa biên phòng và khuyên chúng ta biết ơn các chiến sĩ biên phòng bảo vệ biên cương của Tổ quốc.</i></p> <p>- GV mời HS nêu nội dung bài.</p>	<p>giúp chúng ta có cuộc sống bình yên.</p> <p>+ Đây là câu hỏi mở, cả 3 phương án gợi ý đều phù hợp, HS có thể chọn 1 trong 3 phương án gợi ý hoặc trả lời theo suy nghĩ của riêng mình.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>3.2. Học thuộc lòng.</p> <p>- GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ</p> <p>+ Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân.</p> <p>+ Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.</p> <p>+ Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ.</p>	<p>- HS tham gia đọc thuộc lòng bài thơ.</p> <p>+ HS nhắm đọc thuộc lòng cá nhân.</p> <p>+ HS nhắm đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.</p> <p>+ HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ.</p> <p>+ Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp.</p>

<p>+ Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p>
<p>3.3. Luyện tập theo văn bản.</p> <p>1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm trong bài các câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh</p> <p>- Mời học sinh làm việc nhóm 4.</p> <p>- Mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- Mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p> <p>2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Viết 2-3 câu về chú ngựa biên phòng, trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. Các em có thể đặt câu có hình ảnh so sánh <i>đặc điểm của sự vật</i> hay <i>đặc điểm của hoạt động</i></p> <p>- GV thu và chấm một số bài, nhận xét</p> <p>- GV mời một số HS đọc bài làm của mình</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p> <p>- HS thực hiện yêu cầu bài</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- Đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>+So sánh đặc điểm của sự vật: Chân ngựa như sắt thép/ Vó ngựa như có mắt.</p> <p>+So sánh đặc điểm của hoạt động: Ngựa phi nhanh như bay/ Ngựa phăm phăm bốn vó, như bằm xuống mặt đường.</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài và thực hiện yêu cầu vào vở</p> <p>- HS làm bài vào vở</p> <p>VD: <i>Chú ngựa biên phòng như người bạn tốt của các anh bộ đội.</i> Chúng đã đồng hành cùng các anh trên hành trình đi làm nhiệm vụ.</p> <p>- HS đọc bài làm</p> <p>- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ với bạn về lòng biết ơn
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng hình thức hái hoa, mỗi bông hoa có nội dung sau:

+ Đọc thuộc 1 khổ thơ em thích nhất trong bài?

+ Đọc thuộc cả bài thơ?

+ Nêu nội dung chính của bài thơ?

+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng và trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Toán

Bài 55: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
* Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
* Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi


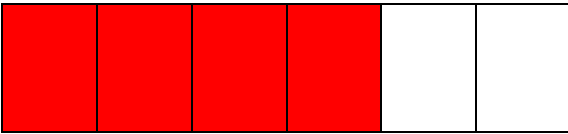
<p>+ Câu 1: Đọc phân số sau: $\frac{2}{3}$</p> <p>+ Câu 2: Đọc phân số $\frac{4}{6}$</p> <p>+ Câu 3. Viết thương của phép chia sau: $7:5$</p> <p>+ Câu 4: Số: $0:7 = \frac{\dots}{\dots}$</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>+ Trả lời:</p> <p>- Hai phần ba</p> <p>- Bốn phần sáu</p> <p>- $7:5 = \frac{7}{5}$</p> <p>- $0:7 = \frac{0}{7}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

2. Khám phá:

*Mục tiêu:

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan

* Cách tiến hành:

<p>+ GV yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng</p> <p>- Chia băng giấy thứ nhất thành 4 phần bằng nhau tô màu 3 phần;</p> <p>- Chia băng giấy thứ hai thành 8 phần bằng nhau tô màu 6 phần.</p> <p>- GV yêu cầu HS viết phân số biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 1? phân số biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 2?</p> <p>- GV yêu cầu so sánh phần tô màu của hai băng giấy.</p> <p>H: Nhìn vào hình vẽ, hãy so sánh phần tô</p>	<p>- HS chuẩn bị đồ dùng lên bàn</p> <p>- HS thao tác nhóm đôi trên băng giấy</p> <p>- HS nêu phân số biểu diễn số phần đã tô màu của mỗi băng giấy?</p> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 10px;">  </div> <p style="text-align: center;">Tô màu $\frac{2}{3}$ băng giấy</p> <div style="display: flex; align-items: center; margin-bottom: 10px;">  </div> <p style="text-align: center;">Tô màu $\frac{4}{6}$ băng giấy</p> <p>- Phần tô màu của 2 băng giấy bằng nhau</p>
---	---

màu của hai băng giấy?

- GV kết luận: Nhìn hình vẽ ta thấy:

$\frac{2}{3}$ băng giấy bằng $\frac{4}{6}$ băng giấy

- Hay $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

b) GV; Ta lấy cả tử số và mẫu số của phân

số $\frac{3}{4}$ nhân với 2: $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 2}{4 \times 2} = \frac{6}{8}$

H: Phân số $\frac{3}{4}$ bây giờ bằng phân số nào?

- GV: Khi nhân cả tử số và mẫu số với một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu

- Yêu cầu HS chia cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{6}{8}$ cho 2.

H: Phân số $\frac{6}{8}$ bằng phân số nào? $\frac{3}{4}$

- GV: Khi chia cả tử số và mẫu số cho một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu.

- GV kết luận, rút ra nhận xét SGK

- Đây là tính chất cơ bản phân số

H: Tính chất cơ bản của phân số là gì?

$\frac{2}{3}$ băng giấy bằng $\frac{4}{6}$ băng giấy

- HS đọc $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

- HS quan sát

- $\frac{3}{4} = \frac{6}{8}$

- HS nhắc lại: Khi nhân cả tử....

- HS thực hiện

$\frac{6}{8} = \frac{6:2}{8:2} = \frac{3}{4}$

$\frac{6}{8} = \frac{3}{4}$

- HS nhắc lại

- HS đọc nhận xét

- Nếu nhân cả tử số và mẫu số... (SGK)

3. Hoạt động:

*Mục tiêu:

- Học sinh được củng cố tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan

* Cách tiến hành:

* Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân).

- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

$$a) \frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}; \quad \frac{4}{7} = \frac{4 \times 2}{7 \times 2} = \frac{8}{14}; \quad \frac{13}{54} = \frac{13 \times 3}{54 \times 3} = \frac{39}{162}$$

$$b) \frac{8}{20} = \frac{8 : 4}{20 : 4} = \frac{2}{5}; \quad \frac{10}{16} = \frac{10 : 2}{16 : 2} = \frac{5}{8}; \quad \frac{25}{65} = \frac{25 : 5}{65 : 5} = \frac{5}{13}$$

H: Phân số $\frac{2}{5}$ bằng phân số nào?

H: Phân số $\frac{25}{65}$ bằng phân số nào?

H: Muốn tìm một phân số mới bằng phân số đã cho em làm thế nào?

- GV nhận xét, tuyên dương.

* Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

- GV quan sát hỗ trợ em yếu

$$a) \frac{2}{5} = \frac{2x?}{5x?} = \frac{10}{25}; \quad \frac{4}{7} = \frac{4x7}{7x?} = \frac{?}{?}$$

$$b) \frac{36}{40} = \frac{36 : ?}{40 : ?} = \frac{9}{10}; \quad \frac{24}{32} = \frac{24 : ?}{32 : 8} = \frac{?}{?}$$

H; Vì sao trong phép tính đầu tử số bạn lấy 2×5 và mẫu số 5×5 ?

- GV soi bài làm đúng, yêu cầu HS đối chiếu

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- HS vận dụng bài học để làm.

- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 phép tính:

- Phân số $\frac{2}{5}$ bằng phân số $\frac{6}{15}$

- Phân số $\frac{25}{65}$ bằng phân số $\frac{5}{13}$

- Muốn tìm một phân số mới bằng phân số đã cho em lấy cả tử số và mẫu số nhân (hoặc chia) với một số tự nhiên khác 0

- HS quan sát yêu cầu bài 2

- HS làm việc theo phân công

- HS chia sẻ bài làm, nhận xét

$$a) \frac{2}{5} = \frac{2 \times 5}{5 \times 5} = \frac{10}{25}; \quad \frac{4}{7} = \frac{4 \times 7}{7 \times 7} = \frac{28}{49}$$

$$b) \frac{36}{40} = \frac{36 : 4}{40 : 4} = \frac{9}{10}; \quad \frac{24}{32} = \frac{24 : 8}{32 : 8} = \frac{3}{4}$$

- Tôi quan sát tử số $2 \times 5 = 10$, mẫu số $5 \times 5 = 25$. Vậy tôi lấy cả tử và mẫu nhân 5

- HS đối chiếu, sửa sai, đối vở kiểm tra, nhận xét.

<p>*Bài 3: Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm theo nhóm. - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét - GV nhận xét chung, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - Các nhóm làm việc theo phân công. - HS nêu và giải thích <p>C. $\frac{2}{3}$</p>
--	---

4. Vận dụng trải nghiệm.

* Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

* Cách tiến hành:

<p>- GV tổ chức chơi trò chơi: hái hoa mỗi bông hoa là 1 câu hỏi:</p> <p>Câu 1. Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{1}{3}$ với 4 ta được phân số nào?</p> <p>A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{4}{12}$ C. $\frac{1}{12}$</p> <p>Câu 2. Nêu tính chất của phân số?</p> <p>$15 : 17 = \dots$; $89 : 90 = \dots$; $3 = \frac{?}{1}$; $\frac{45}{51} = \dots$</p> <p>...và.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS trả lời: B. $\frac{4}{12}$</p> <p>- HS phát biểu lại nhận xét trong SGK</p> <p>- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Âm nhạc

Chủ đề 6: Hòa bình

Tiết 26

- Nghe nhạc: Chúng em cần hoà bình
- Vận dụng

Thời lượng 1 tiết ngày thực hiện .../3/2024

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực âm nhạc

- Nghe bài *Chúng em cần hoà bình* kết hợp vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.

- Biết tại sao mọi người cần phải bảo vệ hoà bình.

2. Phát triển Năng lực chung và Phẩm chất

- **Về năng lực chung:** Góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học (qua hoạt động cá nhân); Năng lực giao tiếp và hợp tác (qua hoạt động cặp đôi; nhóm; tổ và cả lớp); Năng lực Sáng tạo (qua hoạt động gõ đệm)

- **Về phẩm chất:** Góp phần giáo dục học sinh gắn bó, yêu thích, giữ gìn thiên nhiên, mái trường; giữ gìn hòa bình, quê hương đất nước tươi đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Hình ảnh, SGK
- Đàn phím điện tử, nhạc cụ gõ (Thanh phách, Song loan, Trống con).

2. Học sinh:

- SGK; Nhạc cụ gõ (Thanh phách, Song loan, Trống con)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1. Hoạt động Khởi động, kết nối (3').	

* Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi bước vào tiết học.	
<p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho HS khởi động qua bài hát: Giờ học nhạc em yêu - GV giới thiệu tiết học Âm nhạc và nội dung của tiết học 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hát và vận động cơ thể theo bài hát Giờ học nhạc em yêu.
<p>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (29').</p> <p>Hoạt động 1: Nghe nhạc bài Chúng em cần hoà bình (15').</p> <p>* Mục tiêu: Giúp HS phát triển tai nghe, biết cảm thụ âm nhạc, biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.</p>	
<p>*Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ của bài hát. <p>Cho HS nghe nhạc lần thứ nhất để trả lời một số câu hỏi ngắn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nghe nhạc lần thứ hai, GV hướng dẫn các em nghe kết hợp gõ đệm, vận động cơ thể phù hợp với nhịp điệu. - GV cho HS nghe nhạc lần thứ ba, HS xung phong hát lại những câu các em nhớ, hoặc GV hát một câu khoảng 1-2 lần, ví dụ <i>Không còn tiếng súng, tiếng bom trên hành tinh</i>, rồi mời HS hát lại. 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe nhạc lần 1 trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung bài hát nói về điều gì? + Nhịp độ bài hát nhanh hay chậm? + Vì sao trẻ em cần được sống trong hòa bình?... - HS nghe nhạc lần 2 kết hợp gõ đệm, vận động cơ thể. - HS nghe nhạc lần thứ ba, HS xung phong hát lại những câu các em nhớ

GV có thể thực hiện với câu hát khác.	
<p>Hoạt động 2: Vận dụng (14')</p> <p>* Mục tiêu: - Biết tại sao mọi người cần phải bảo vệ hoà bình.</p>	
<p>* Cách tiến hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS thực hiện theo cặp hoặc nhóm, chọn 1 trong 2 hoạt động: + Chọn và vẽ một hình ảnh trong bài hát <i>Em yêu hoà bình</i>, kết hợp nghe nhạc bài hát này. + Giới thiệu một số bức ảnh về nhạc sĩ <i>Hoàng Vân</i> đã sưu tầm. - GV mở nhạc bài hát <i>Em yêu hoà bình</i> - GV nhận xét tuyên dương 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo cặp chọn và vẽ một hình ảnh trong bài hát <i>Em yêu hoà bình</i>, kết hợp nghe nhạc bài hát này. - HS nhận xét lẫn nhau
<p>3. Hoạt động ứng dụng (3')</p> <p>* Mục tiêu: HS biết liên hệ bài học vào cuộc sống</p>	
<p>* Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nd bài học. - Khen ngợi các em có ý thức luyện tập tích cực, tập trung nghe nhạc, biết vận dụng chính xác và sáng tạo cách gõ đệm - Nhắc nhở, động viên một số em còn chưa tập trung trong giờ học. - Dặn dò các em chuẩn bị bài cho tiết 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lại nội dung bài học hôm nay. - Giới thiệu một số bức ảnh về nhạc sĩ <i>Hoàng Vân</i> đã sưu tầm. - Rút kinh nghiệm để học tốt hơn.

học sau.	
----------	--

.....

Khoa học

Bài 25: MỘT SỐ BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tên dấu hiệu chính và nguyên nhân của bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt.
- Thực hiện được một số việc làm để phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người cùng thực hiện.
- Rèn luyện kỹ năng hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV dùng câu hỏi gợi ý sách giáo khoa: Hãy nói những điều em biết về bệnh do thiếu chất dinh dưỡng với từng học sinh nhằm khuyến khích sự chia sẻ những hiểu biết về bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt. - GV dựa trên những ý kiến của học sinh dẫn dắt vào bài.	- Một số HS lên trước lớp chia sẻ. - HS dựa trên trải nghiệm của bản thân có thể chia sẻ những ý kiến khác nhau về biểu hiện nguyên nhân của bệnh. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động: - Mục tiêu: + Nêu được tên dấu hiệu chính và nguyên nhân của bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt. + Thực hiện được một số việc làm để phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu thiếu sắt liên quan đến dinh dưỡng và vận động mọi người cùng thực hiện. + Rèn luyện kỹ năng hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 2: Bệnh suy dinh dưỡng thấp còi bệnh thiếu máu thiếu sắt	

Hoạt động 2.1. Khái niệm bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, bệnh thiếu máu thiếu sắt

- GV giới thiệu phần cung cấp thông tin của hoạt động, yêu cầu học sinh quan sát nội dung hình, thực hiện theo yêu cầu trong sách giáo khoa.

- GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả. Khuyến khích nhiều thành viên trong nhóm cùng báo cáo. Chốt lại tên và biểu hiện của bệnh.

- GV nhận xét tuyên dương và chốt lại nội dung:

Trẻ em bị bệnh suy dinh dưỡng thấp còi có chiều cao cân nặng thấp hơn chiều cao cân nặng chuẩn cùng độ tuổi.

Hoạt động 2.2: Nguyên nhân dẫn đến bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, bệnh thiếu máu thiếu sắt.

- GV yêu cầu học sinh cá nhân đọc và thực hiện theo yêu cầu của sách giáo khoa.

- GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo

- HS quan sát, đọc nội dung thông tin trong hình, đối chiếu nội dung thông tin cung cấp của hoạt động, nêu tên bệnh và dấu hiệu của bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, bệnh thiếu máu thiếu sắt.

- HS chia sẻ trong nhóm kết quả sau khi quan sát và nêu được một số ý:

+ Hình 3, bạn có thể mắc bệnh suy dinh dưỡng thấp còi. Bạn có dấu hiệu thấp và nhẹ cân hơn tiêu chuẩn của các bạn khác cùng lứa tuổi.

+ Hình 4, 5 bạn có thể mắc bệnh thiếu máu thiếu sắt do bạn có biểu hiện mệt, chóng mặt, da xanh, thiếu tập trung trong học tập.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS đọc thông tin trả lời câu hỏi.

- HS chia sẻ trước lớp, dưới sự hướng

<p>luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>dẫn của giáo viên, nêu được một số nguyên nhân của từng bệnh trên do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ ăn uống không cân đối, không khoa học nên dẫn đến thiếu chất dinh dưỡng cung cấp trong hoạt động bình thường của cơ thể, lâu ngày cơ thể bị bệnh. + Cơ thể mắc một số bệnh liên quan đến cơ quan tiêu hóa, hô hấp khiến cơ thể mệt mỏi, yếu, không hấp thụ được một số chất dinh dưỡng từ thức ăn lâu ngày cơ thể bị bệnh. <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, góp ý. - Cả lớp lắng nghe
<p>Hoạt động 2.3: Một số việc làm phòng tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, bệnh thiếu máu kiểm thiếu sắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - Chia nhóm cho học sinh thực hiện nhiệm vụ. - GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Giáo viên tổ chức cho học sinh chia sẻ kết quả trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - Lớp chia thành nhóm 4, quan sát tranh, thảo luận và đưa ra các phương án trả lời. - Học sinh nêu được một số việc như: <ul style="list-style-type: none"> + Ăn đa dạng, ăn đủ nhóm chất dinh dưỡng; nếu cơ thể mắc bệnh cần chữa kịp thời dứt điểm. + Đảm bảo chế độ dinh dưỡng, đặc điểm bổ sung chất bổ sung thức ăn giàu chất sắt trong giai đoạn dậy thì.

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, bổ sung. - Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc mục <i>Em có biết</i> và chia sẻ nếu trẻ bị mắc một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động hàng ngày và sự phát triển bình thường của trẻ em. - GV nhận xét, tuyên dương sau tiết dạy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh phân biệt được nguyên nhân liên quan đến dinh dưỡng do bản thân có chế độ ăn uống không hợp lý, khoa học với nguyên nhân do ảnh hưởng tới bệnh lý khác. - Các nhóm khác nhận xét, góp ý. - Học sinh trao đổi được việc ở hình 6 nên làm, vì rửa tay trước khi ăn phòng sống nhiễm giun, tiêu chảy. Việc ở hình 7 không nên làm vì bạn sẽ ăn không đủ để sẽ bị thiếu chất dinh dưỡng (đường bột) - Học sinh thực hiện đọc và liên hệ nêu một số việc làm khác. - Cả lớp lắng nghe
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Ai biết nhiều hơn” + Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi 	

một lượt tổng thời gian 2 phút.

+ Các nhóm thi nhau đưa ra những cách phòng tránh để không bị các bệnh thừa, thiếu chất dinh dưỡng. Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều hoa nhất nhóm đó thắng cuộc.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh chia nhóm và tham gia trò chơi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

Đọc một câu chuyện về lòng biết ơn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố và luyện tập về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên một số câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe, trân trọng và biết ơn người giúp đỡ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt.

2. **Học sinh:** SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết nói trước nhóm, trước lớp về ý kiến của mình về một người lao động hoặc chiến đấu, hi sinh để đem lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho mọi người.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. 2.1. Đọc câu chuyện về lòng biết ơn GV gợi ý HS tìm đọc: + Nhật kí trưởng thành của những đứa trẻ	- HS lắng nghe


ngoan.:

+ Làm một người biết ơn.

- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập giới thiệu câu chuyện mình đã đọc, tên truyện, tên tác giả đọc ở đâu...
- GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn.
- Mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Mời HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

2.2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện	Tác giả	Ngày đọc
Nội dung chính		
Điều em xúc động ở câu chuyện	Bài học rút ra	
Mức độ yêu thích		

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.
 - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2 thực hiện yêu cầu bài tập 2.
- Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.
- GV mời các nhóm trình bày kết quả.
 - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.

Em tìm đọc câu chuyện về lòng biết ơn qua sách báo, internet,...

- HS lắng nghe, suy nghĩ.
- HS thảo luận theo nhóm 2.
- HS chia sẻ trước lớp
- HS nhận xét bạn.

- HS đọc yêu cầu bài tập 2.

- Các nhóm làm việc theo yêu cầu.

HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.

HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.

<p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>2.3. Trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.</p> <p>Bài 3. Trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.</p> <p>- Hs trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó thể hiện lòng biết ơn như thế nào? Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,...</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày.</p> <p>- Các nhóm nhận xét cho nhau.</p> <p>- Lớp theo dõi bổ sung.</p> <p>HS làm việc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...</p> <p>-Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung</p>
<p>3. HD Vận dụng.</p> <p>- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài</p> <p>- GV cho HS thực hiện: <i>Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.</i></p> <p>- GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét.</p> <p>- HS ôn bài và chuẩn bị cho bài Ôn tập giữa học kì II</p>	<p>- HS trả lời theo ý thích của mình.</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện.</p> <p>- HS nhận xét.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

.....

.....

Thứ năm ngày 14 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: TRẢ BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức viết văn thuật lại một sự việc, nhận ra lỗi trong bài của mình và sửa lỗi theo nhận xét; học được điều hay từ bài viết của bạn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh để chia sẻ suy nghĩ và cảm xúc của mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Rèn kỹ năng viết bài văn thuật lại sự việc. bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về lòng biết ơn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, có ý thức chăm sóc, bảo vệ các con vật có ích và biết ơn những người có công với đất nước.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS nghe câu chuyện: Lòng biết ơn của con cáo - Truyện cổ Nhật Bản. + Câu 1: Nghe câu chuyện này em có suy nghĩ gì? - GV Nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt vào bài mới:	- HS lắng nghe truyện + Con vật cũng biết trả ơn người đã cứu nó + Cần biết trân trọng người đã giúp đỡ mình... + 1-2 HS trả lời theo suy nghĩ của mình. - HS lắng nghe
2. Hoạt động. - Mục tiêu: + củng cố kiến thức viết văn thuật lại một sự việc, nhận ra lỗi trong bài của mình và sửa lỗi theo nhận xét; học được điều hay từ bài viết của bạn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
1. GV nhận xét bài làm của học sinh	

<p>- Về bố cục:</p> <p>+ Các bài viết đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. Có em phần kết bài chưa xuống dòng vẫn viết liền với phần thân bài.</p> <p>- Trình tự sắp xếp các sự việc:</p> <p>+ Các sự việc được thuật lại theo đúng trình tự thời gian. Tập trung vào các sự việc chính</p> <p>+ Một vài bạn còn sắp xếp các sự việc lộn xộn, chưa hợp lí như bài của bạn.....</p> <p>- Dùng từ, đặt câu, chính tả. Một số bài còn sai lỗi chính tả. Diễn đạt chưa trọn vẹn ý trong câu,..như bài của:....</p> <p>- GV biểu dương một số bài HS viết tốt như bài của bạn:...</p> <p>- GV trả bài làm cho HS</p> <p>2. HS chữa bài</p> <p>- GV yêu cầu HS tự đọc lại bài của mình và lời nhận xét của thầy cô, chú ý chỗ mắc lỗi</p> <p>- GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra cho nhau</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ các em</p> <p>3. Học tập bài văn tốt</p> <p>- GV mời 2-3 HS đọc bài làm của mình trước lớp, trình chiếu trên màn hình</p> <p>+ Nêu cái hay, cái cần học tập trong bài văn của bạn?</p> <p>- GV nhận xét, chỉ thêm cái hay trong bài</p>	<p>- HS lắng nghe, quan sát</p> <p>- HS nhận lại bài làm của mình</p> <p>- HS đọc bài làm, đọc phần nhận xét và chữa lỗi sai ra vở (nếu có)</p> <p>- HS đổi vở ghi cho bạn để sửa lỗi chéo</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát</p> <p>- HS nêu: dùng từ hay có hình ảnh so sánh, nhân hóa; suy nghĩ chân thực hay, bạn thể hiện cảm xúc trong bài,...</p>
---	--

<p>văn vừa đọc, khen ngợi các em</p> <p>4. Viết lại một đoạn trong bài của em theo cách hay hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lựa chọn viết lại một đoạn mình thích - GV quan sát, giúp đỡ em chậm (em yếu chỉ cần viết lại cho đúng chính tả, theo đúng trình tự các ý) - GV chấm, nhận xét một vài bài sau khi học sinh đã sửa. 	<p>- HS viết lại một đoạn cho hay</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết sử dụng câu văn đúng, hay và phù hợp với hoàn cảnh bộc lộ cảm xúc của mình. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV chuẩn bị một tình huống. Yêu cầu các nhóm đọc và viết suy nghĩ và cảm xúc của nhóm mình về tình huống đó (Cô Mai dạy bạn Hà năm lớp 2,3. Năm nay bạn Hà đã lên lớp 6. Nhưng mỗi khi gặp cô bạn Hà đều lễ phép chào hỏi. Cứ đến ngày 30/11 bạn Hà lại tự tay thiết kế một bưu thiếp để tặng cô.) + Chia lớp nhóm 6 + Mời các nhóm trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Toán

Bài 55: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố tính chất cơ bản của phân số, bổ sung kiến thức “nếu nhân (chia) cả số bị chia và số chia với (cho) một số khác 0 thì thương không thay đổi” vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

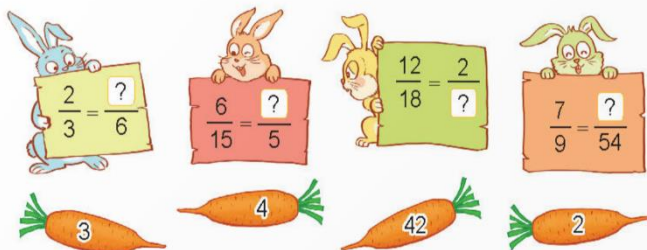
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
* Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
* Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc phân số sau: $\frac{2}{3}$ + Câu 2: Đọc phân số $\frac{4}{6}$ + Câu 3. Viết thương của phép chia sau: $7 : 5$ + Câu 4: Số: $0 : 7 = \frac{\dots}{\dots}$ - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: - Hai phần ba - Bốn phần sáu - $7 : 5 = \frac{7}{5}$ - $0 : 7 = \frac{0}{7}$ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập	
*Mục tiêu:	
- củng cố tính chất cơ bản của phân số, bổ sung kiến thức “nếu nhân (chia) cả số bị chia và số chia với (cho) một số khác 0 thì thương không thay đổi” vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan	
* Cách tiến hành:	
*Bài 1. Chọn số thích hợp cho thành phần còn thiếu của phân số trong mỗi tấm bìa?	- HS đọc yêu cầu, vận dụng kiến thức đã học để làm.

(Làm việc cá nhân).

- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

- HS chia sẻ bài làm, cách làm.

1 Chọn số thích hợp cho thành phần còn thiếu của phân số trong mỗi tấm bìa.



H: Em điền củ cà rốt mang số mấy vào? ở phép tính thứ nhất? Vì sao?

Chốt: Nếu nhân hoặc chia tử số của một phân số cho số tự nhiên nào thì mẫu ta cũng phải nhân hoặc chia cho số tự nhiên đó.

- GV nhận xét, tuyên dương.

*Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

- GV quan sát hỗ trợ em yếu

- Em điền củ cà rốt mang số 4, vì mẫu phân số 3×2 bằng 6 nên ở tử số em lấy $2 \times 2 = 4$

- HS lắng nghe, ghi nhớ

Biểu thức	Giá trị của biểu thức
$a : b$	$12 : 4 = ?$
$(a \times 3) : (b \times 3)$	$(12 \times 3) : (4 \times 3) = ?$
$(a : 2) : (b : 2)$	$(12 : 2) : (4 : 2) = ?$

Biểu thức	Giá trị của biểu thức
$a : b$	$12 : 4 = ?$
$(a \times 3) : (b \times 3)$	$(12 \times 3) : (4 \times 3)$ $= 36 : 12 = 3$
$(a : 2) : (b : 2)$	$(12 : 2) : (4 : 2)$ $= 6 : 2 = 3$

H: Nhận xét về giá trị hai biểu thức trên?

- GV nhận xét, khen ngợi, kết luận

- Nhân số bị chia và số chia với cùng một số thì kết quả không thay đổi

- Số bị chia, số chia cùng chia cho

- GV đưa nhận xét SGK

b) Yêu cầu HS vận dụng nhận xét, điền nhanh

H: Vì sao em điền dấu bằng?

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

* Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- GV cho HS làm theo nhóm.

3 a) Con bướm che mắt số nào? Con ong che mắt số nào?



b) Số ?

Mỗi bông hoa màu đỏ, màu vàng, màu xanh che lấp một số trong phân số (như hình vẽ).



Cộng các số bị che lấp bởi ba bông hoa đó được kết quả là ?

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

một số thì kết quả giống nhau

- HS đọc nhận xét

- HS làm, đổi vở kiểm tra

- HS trả lời

- HS vận dụng nhận xét

- Các nhóm làm việc theo phân công.

$$a) \frac{8}{12} = \frac{2}{3} = \frac{4}{6}$$

b)

- Câu b: Yêu cầu HS tìm được các tử số hoặc mẫu số còn thiếu (bị các bông hoa lấp), rồi tính tổng các số bị che đó. Chẳng hạn:

$$+ \frac{2}{3} = \frac{2 \times 3}{3 \times 3} = \frac{6}{9} \text{ nên bông hoa màu vàng che số 9;}$$

$$+ \frac{6}{9} = \frac{6 \times 2}{9 \times 2} = \frac{12}{18} \text{ nên bông hoa màu đỏ che số 12;}$$

$$+ \frac{2}{3} = \frac{2 \times 15}{3 \times 15} = \frac{30}{45} \text{ (hoặc } \frac{6}{9} = \frac{6 \times 5}{9 \times 5} = \frac{30}{45} \text{) nên bông hoa màu xanh che số 30.}$$

+ Tổng các số bị che lấp là: $9 + 12 + 30 = 51$.

4. Vận dụng trải nghiệm.

* Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

* Cách tiến hành:

- GV tổ chức chơi trò chơi: hái hoa mỗi bông hoa là 1 câu hỏi:

Câu 1. Nêu tính chất của phân số?

Câu 2. Số? $8 : 4 = (8 \times 2) : (8 \times \dots) = \dots$

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS phát biểu lại nhận xét trong SGK

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

Bài 54: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về viết thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) dưới dạng một phân số và ngược lại. Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK. Các mảnh giấy, bìa hình tròn đã tô màu.

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.-Viết thương của phép chia sau dưới dạng phân số.+ Câu 1:+ Câu 2:+ Câu 3:+ Câu 4. Nêu mối quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số?- GV Nhận xét, tuyên dương.	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi - Thương của phép chia số tự nhiên có thể viết dưới dạng phân số, tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 60,61 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. Viết thương của phép chia sau dưới dạng phân số.
(Làm việc cá nhân).

- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

a) Đã làm phần kiểm tra bài cũ

b) $17:6 = \dots$

$121:13 = \dots$

$87:29 = \dots$

$1000:251 = \dots$

- GV chụp bài làm đúng HS soi bài,

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: Nói (theo mẫu)(Làm việc cá nhân)

- HS đánh dấu bài tập cần làm và

-Hs làm bài

HS vận dụng bài học để làm nháp

- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi phép tính:

$$17:6 = \frac{17}{6};$$

$$121 : 13 = \frac{121}{13} -$$

$$87 : 29 = \frac{87}{29};$$

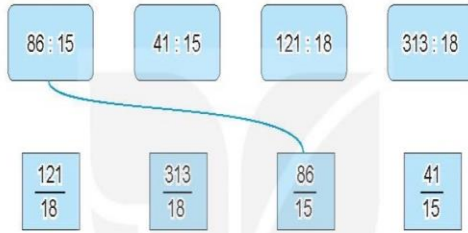
$$1000 : 251 = \frac{1000}{251}$$

- HS quan sát, đối chiếu, sửa sai n

- HS quan sát yêu cầu bài 2

- HS nêu và giải thích

2) Nói (theo mẫu).

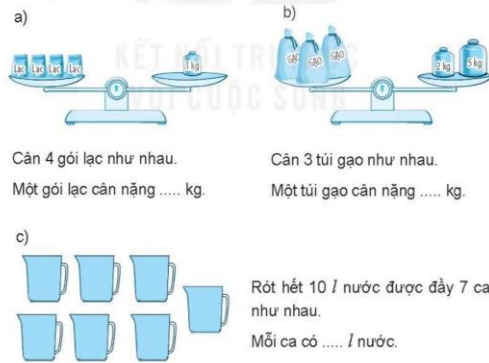


- GV Nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát bài làm hoàn chỉnh, nhận xét các hình vẽ vừa được nói?

*Bài 3: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (Làm việc nhóm 2)

3) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm.



Cân 4 gói lạc như nhau.
Một gói lạc cân nặng kg.

Cân 3 túi gạo như nhau.
Một túi gạo cân nặng kg.

Rót hết 10 l nước được đầy 7 ca như nhau.
Mỗi ca có l nước.

- GV cho HS làm theo nhóm.

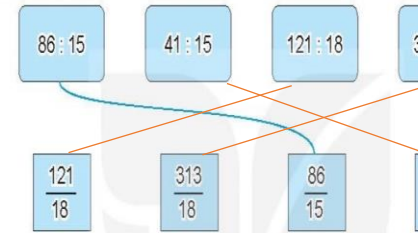
- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS chữa bài bằng cách nói trên

2) Nói (theo mẫu).



-HS làm bài.

a) Đĩa cân thăng bằng, 4 hộp túi c
kg. 1 túi lạc nặng $1\text{kg} : 4 = \frac{1}{4}\text{kg}$.

b) Một túi gạo cân nặng $\frac{7}{3}\text{kg}$.

c) Mỗi ca có $\frac{10}{7}\text{l}$ nước.

-HS nhận xét.

*Bài 4: Nói số đo thích hợp với cách đọc số đo đó.(cho HS chơi trò chơi thi đua)

4) Nói số đo thích hợp với cách đọc số đo đó.

Năm phần sáu ki-lô-gam Bốn phần năm mét vuông

$\frac{7}{10}$ l $\frac{9}{4}$ tấn $\frac{4}{5}$ m² $\frac{5}{6}$ kg

Bảy phần mười lít Chín phần tư tấn

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 5: Tìm phân số thích hợp theo mẫu? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

5) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

a) Chia đoạn thẳng AB thành 5 đoạn bằng nhau (như hình vẽ).

Mẫu: $AC = \frac{1}{5} AB$

CD = CB AE = AG DG = AB

b) Trong câu a, nếu AB = 1 m thì độ dài các đoạn thẳng AC, CD, CE, CG bằng mấy phần của 1 m?

Mẫu: $AC = \frac{1}{5} m$

CD = m CE = m CG = m

- Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài

- GV chụp bài làm đúng, soi trên màn hình

- GV nhận xét, tuyên dương

3,Vận dụng trải nghiệm

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

-HS cử đại diện 2 đội lên chơi.

-HS nhận xét kết quả của 2 đội.

- HS làm việc nhóm 4 theo phân

- HS trình bày và chia sẻ cách làm

a) $CD = \frac{1}{4} CB$; $AE = \frac{3}{4} AG$; $DG = \frac{1}{4} AB$

b) $CD = \frac{1}{5} m$; $CE = \frac{2}{5} m$; $CG = \frac{3}{5} m$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ sáu, ngày 15 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

Đọc một câu chuyện về lòng biết ơn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc câu chuyện về lòng biết ơn, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.
- Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên một số câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.
- Biết trân trọng và cảm ơn những người đã giúp đỡ mình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe, trân trọng và biết ơn người giúp đỡ mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Kể tên một người em nhớ nhất đã giúp đỡ em? + Câu 2. Em đã làm gì để tỏ lòng biết ơn người đó? - GV nhận xét, tuyên dương - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS tham gia thi kể - HS nối tiếp trả lời: - HS lắng nghe.
2. Khám phá	
- Mục tiêu:	
+ Tìm đọc câu chuyện về lòng biết ơn, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.	

+ Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên một số câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

+ Biết trân trọng và cảm ơn những người đã giúp đỡ mình.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

2.1. Đọc câu chuyện về lòng biết ơn

GV gợi ý HS tìm đọc:

+ Nhật kí trưởng thành của những đứa trẻ ngoan.:

+ Làm một người biết ơn.

- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập giới thiệu câu chuyện mình đã đọc, tên truyện, tên tác giả đọc ở đâu...

- GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, thực hiện theo hướng dẫn.

- Mời một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Mời HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.

2.2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện	Tác giả	Ngày đọc
Nội dung chính		
Điều em xúc động ở câu chuyện	Bài học rút ra	

- HS lắng nghe

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.

Em tìm đọc câu chuyện về lòng biết ơn qua sách báo, internet,...

- HS lắng nghe, suy nghĩ.

- HS thảo luận theo nhóm 2.

- HS chia sẻ trước lớp

- HS nhận xét bạn.

- HS đọc yêu cầu bài tập 2.

- Các nhóm làm việc theo yêu cầu.

HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

HS ghi chép các thông tin cơ bản vào

Mức độ yêu thích



- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2.
 - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm 2 thực hiện yêu cầu bài tập 2.
- Viết lại câu chuyện vừa giới thiệu ở bài tập 1 của mình vào phiếu gợi ý.
- GV mời các nhóm trình bày kết quả.
 - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.
 - GV nhận xét, tuyên dương

2.3. Trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.

Bài 3. Trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.

- Hs trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó thể hiện lòng biết ơn như thế nào? Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,...

phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.

HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.

- Đại diện nhóm trình bày.
- Các nhóm nhận xét cho nhau.
- Lớp theo dõi bổ sung.

HS làm việc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...

- Lớp theo dõi nêu ý kiến bổ sung

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn:

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV trao đổi những về những hoạt động HS yêu thích trong bài</p> <p>- GV cho HS thực hiện: <i>Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.</i></p> <p>- GV- HS dưới lớp quan sát nhận xét.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.</p> <p>- HS ôn bài và chuẩn bị cho bài Ôn tập giữa học kì II</p>	<p>- HS trả lời theo ý thích của mình.</p> <p>- HS lắng nghe, thực hiện.</p> <p>- HS nhận xét.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	



Toán

CHỦ ĐỀ 10: PHÂN SỐ

Bài 56: RÚT GỌN PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được rút gọn phân số là gì, cách rút gọn phân số; vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.
- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: * Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Số $\frac{20}{30} - \frac{20:5}{30:5} = \dots$ + Câu 2: Số? $\frac{7}{14} = \frac{7:7}{14:7} = \dots$	- HS tham gia trò chơi - $\frac{20}{30} - \frac{20:5}{30:5} = \frac{4}{6}$ - $\frac{7}{14} = \frac{7:7}{14:7} = \frac{1}{2}$

<p>H: Phân số $\frac{20}{30}$ bằng phân số nào?</p> <p>H: Em có phân số $\frac{7}{14}$ bằng phân số nào?</p> <p>H: Em vận dụng kiến thức nào để làm bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân số $\frac{20}{30}$ bằng phân số $\frac{4}{6}$ - Phân số $\frac{7}{14}$ bằng phân số $\frac{1}{2}$ - Tính chất phân số - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được rút gọn phân số là gì, cách rút gọn phân số; vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>a). Yêu cầu 3 HS vào vai 3 nhân vật trong SGK đóng vai nội dung SGK</p> <p>H: Ro bớt yêu cầu làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt lại: Rút gọn phân số là tìm một phân số mới bằng phân số đó nhưng có tử số và mẫu số bé hơn <p>H: Em hiểu rút gọn phân số là làm thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, yêu cầu HS đọc ghi nhớ SGK <p>b). VD: Rút gọn phân số $\frac{20}{35}$</p> <p>Vận dụng kiến thức về tìm phân số bằng nhau, yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện trình bày cách làm <p>H: $\frac{20}{35}$ rút gọn được bằng phân số nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lời thoại sau đó thể hiện, các bạn quan sát - Rút gọn phân số $\frac{20}{35}$ thành một phân số mới bằng phân số đó nhưng có tử số và mẫu số bé hơn. - HS lắng nghe - Rút gọn phân số là tìm một phân số mới bằng phân số đó nhưng có tử số và mẫu số bé hơn - HS làm việc theo phân công - 20 và 35 đều chia hết cho 5; chia cả tử số và mẫu số cho 5, ta có: $\frac{20}{35} = \frac{20:5}{35:5} = \frac{4}{7}$

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu lại cách làm - Yêu cầu HS quan sát 2 phân số $\frac{20}{35}$ và $\frac{4}{7}$, em có nhận xét gì về tử số và mẫu số của 2 phân số này? <p>H: Nhận xét gì về phân số được rút gọn $\frac{4}{7}$?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, kết luận. Phân số được rút gọn $\frac{4}{7}$ có tử số và mẫu số không thể chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1. Ta nói phân số $\frac{4}{7}$ là phân số tối giản. - Yêu cầu HS đọc lưu ý SGK 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS nhắc lại cách làm - Hai phân số bằng nhau, nhưng phân số $\frac{4}{7}$ có tử số và mẫu số bé hơn phân số $\frac{20}{35}$ - Phân số được rút gọn $\frac{4}{7}$ có tử số và mẫu số không thể chia tiếp cho số tự nhiên nào nữa? - HS lắng nghe - HS đọc lưu ý SGK
<p>3. Hoạt động</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố cách rút gọn phân số; vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>*Bài 1. (Làm việc theo cặp).</p> <p>a) Trong các phân số: $\frac{2}{3}; \frac{9}{21}; \frac{5}{17}; \frac{1}{10}; \frac{10}{15}; \frac{7}{14}$ phân số nào tối giản, phân số nào chưa tối giản?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu - Yêu cầu HS trình bày cách làm - GV nhận xét, khen ngợi các em 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu, vận dụng kiến thức đã học để làm. - HS chia sẻ bài làm, cách làm. - Phân số $\frac{2}{3}; \frac{5}{17}; \frac{1}{10}$ là phân số tối giản vì tử số và mẫu số của từng phân số không chia hết cho một số tự nhiên nào khác 1 cả. Còn các phân số kia

H: Phân số thế nào được gọi phân số tối giản?

b) Rút gọn các phân số chưa tối giản ở câu a theo mẫu

- HS làm việc cá nhân (làm vở)
- GV quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn
- GV chụp soi bài làm, yêu cầu HS nêu cách làm
- GV nhận xét, khen ngợi, kết luận

*Bài 2: (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

2 Rút gọn mỗi phân số ghi ở bông hoa được phân số nào ghi ở lọ hoa?



- GV mời các nhóm trình bày.

H: Tại sao em nối bông hoa có phân số $\frac{4}{6}$ với bình hoa có phân số $\frac{2}{3}$?

- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

* Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

vẫn rút gọn được

- HS quan sát mẫu và thực hiện yêu cầu

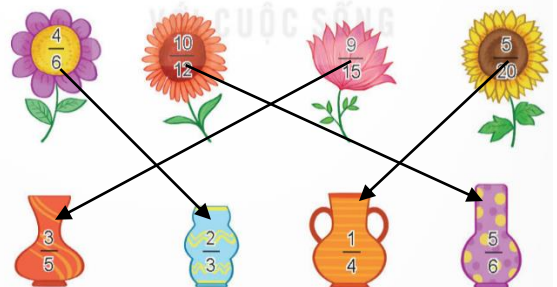
$$\frac{10}{15} = \frac{10:5}{15:5} = \frac{1}{3}; \quad \frac{7}{14} = \frac{7:7}{14:7} = \frac{1}{2}$$

- HS trình bày cách làm

- HS đọc yêu cầu và thực hiện

- HS chia sẻ cách làm

2 Rút gọn mỗi phân số ghi ở bông hoa được phân số nào ghi ở lọ hoa?



- Em rút gọn phân số $\frac{4}{6}$ được phân số $\frac{2}{3}$, em nối lại với nhau.

<p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức chơi trò chơi: hái hoa mỗi bông hoa là 1 câu hỏi:</p> <p>Câu 1. Nêu cách rút gọn phân số?</p> <p>Câu 2. Số ? $\frac{24}{16} = \frac{3}{...}$</p> <p>Câu 3. Nêu đặc điểm của phân số tối giản</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS phát biểu lại nhận xét trong SGK</p> <p>- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.</p> <p>- HS nêu lưu ý SGK</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 22: MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Mô tả được một số nét chính về văn hóa các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác, chủ động thực hiện các yêu cầu học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong việc tìm hiểu về một số nét văn hóa các dân tộc Tây Nguyên

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Lòng tự hào về vùng đất Tây Nguyên, có trách nhiệm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử mà cha ông để lại.

- Phẩm chất nhân ái: HS có tinh thần đoàn kết, yêu thương các dân tộc cùng chung sống với nhau trên cả nước.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát về hình ảnh nhà rông, hội đua voi,...	- HS quan sát
H: Em hãy cho biết những hình ảnh này nói về vùng nào của đất nước ta?	-HS trả lời: Vùng Tây Nguyên
H: Em biết gì về con người và phong tục tập quán của người Tây Nguyên (ăn, ở, trang	-HS chia sẻ

<p>phục, lễ hội)?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. - Ghi đề lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - Nói tiếp nhắc lại đề bài.
<p>2. Khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Mô tả được một số nét chính về văn hóa các dân tộc ở vùng Tây Nguyên. + Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu một số nét văn hóa của đồng bào Tây Nguyên. (làm việc nhóm)</p> <ul style="list-style-type: none"> -Yêu cầu học sinh quan sát từ hình 1 đến hình 6 và đọc thông tin ở mục 1 SGK/trang 93, 94, thực hiện yêu cầu: + Mô tả những nét chính về nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng, trang phục, lễ hội của đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên. -GV chia lớp thành 6 nhóm. 2 nhóm cùng thực hiện 1 yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát bản đồ và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng của bản đồ. -HS đọc yêu cầu -Nhóm 1,2: Tìm hiểu về nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng -Nhóm 3,4: Tìm hiểu về trang phục. -Nhóm 5.6: Tìm hiểu về lễ hội. -Các nhóm thảo luận trình bày vào giấy khổ to, khuyến khích có hình ảnh minh

<p>- GV mời một số nhóm đứng lên bảng, trình bày.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương. Chốt lại nội dung chính: <i>Đồng bào Tây Nguyên thường ở nhà sàn. Mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung được xây dựng ở trung tâm là không gian sinh hoạt chung của cộng đồng. (nhà rông, nhà dài). Trang phục được may bằng vải thổ cẩm. Đàn ông đóng khố ở trần, phụ nữ mặc áo chui đầu, váy tằm... Các lễ hội: Lễ hội công chiêng, đua voi, lễ Tạ ơn cha mẹ,...</i></p> <p>H: Em hãy chỉ ra một số điểm giống và khác nhau về nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng trang phục của dân tộc vùng Tây Nguyên so với dân tộc em.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>họa.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>-HS xung phong trình bày</p> <p>- HS khác nhận xét bổ sung.</p>
<p>3. Luyện tập</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hóa tiêu biểu của đồng bào Tây Nguyên.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: Lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hóa tiêu biểu của đồng bào Tây Nguyên. (Sinh hoạt nhóm 4)</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hóa tiêu biểu của đồng</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- Cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận lập bảng hoặc vẽ sơ đồ tư</p>

bào Tây Nguyên.

- GV mời các nhóm trưng bày kết quả lên bảng lớp.

- GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.

- GV nhận xét tuyên dương

duy.

- Đại diện các nhóm trưng bày kết quả lên bảng lớp.

*Nhóm lập bảng

Một số nét văn hóa tiêu biểu của đồng bào Tây Nguyên.

Nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng	Trang phục.	Lễ hội.
Đồng bào Tây Nguyên thường ở nhà sàn. Mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung được xây dựng ở trung tâm là không gian sinh hoạt chung của cộng đồng. (nhà rông, nhà dài). Nhà rông càng cao và rộng thì càng thể hiện sự giàu có, thịnh vượng sung túc, hùng mạnh của buôn làng.	Trang phục được may bằng vải thổ cẩm. Đàn ông đóng khố ở trần, phụ nữ mặc áo chui đầu, váy tằm,...	Các lễ hội: Lễ hội cồng chiêng, đua voi, lễ Tạ ơn cha mẹ,...

	<p>*Nhóm vẽ sơ đồ tư duy: Khuyến khích HS vẽ kèm hình ảnh vào thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS so sánh điểm giống nhau và khác nhau cơ bản về nhà ở, trang phục của đồng bào dân tộc Tây Nguyên với các dân tộc khác theo sự hiểu biết của các em. - GV mời đại diện nhóm lên bảng trình bày - Nhận xét, tuyên dương nhóm trình bày tốt. - GV chiếu hình ảnh về nhà ở và trang phục của một số dân tộc cho HS quan sát. - GD HS tình đoàn kết yêu thương nhau với các dân tộc trên khắp đất nước - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện theo nhóm đôi. Có thể so sánh với dân tộc Thái, Mông, Tày ở phía Bắc hoặc dân tộc Chăm, Khơ me ở phía Nam và Nam Trung Bộ - Đại diện các nhóm trình bày - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét - Học sinh lắng nghe - Theo dõi, quan sát. - Nghe, thực hiện. - HS lắng nghe.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	

.....

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ
TIẾT 3 - SINH HOẠT LỚP: CHƠI TRÒ CHƠI “MẢNH GHÉP BÍ ẨN”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình
- Cảm nhận được cảm xúc khi gắn kết yêu thương trong gia đình
- Nhận diện được cảm xúc của mỗi thành viên trong gia đình

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.
- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: SGK, máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử

2. Học sinh: Giấy A4, bút viết, bút dạ..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Khởi động: ★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	

★ Cách thực hiện:

GV tổ chức cho HS hát (vỗ tay).

Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần qua.

a. Sơ kết tuần 26

- Từng tổ báo cáo
- Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 26.
- GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần.

Hoạt động 2. Phương hướng hoạt động tuần mới.

b. Phương hướng tuần 27

- Tiếp tục ổn định, duy trì nề nếp quy định.
- Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra.
- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh trường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt
- Thực hiện các hoạt động khác theo phân công

- Cả lớp hát.

- Thành viên được phân công báo cáo.
- Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.
- Lắng nghe cô giáo nhận xét.

- Lắng nghe và bổ sung ý kiến cho tuần sau

Hoạt động 3. Trò chơi “ Mảnh ghép bí ẩn”

★ Mục tiêu: Học sinh cảm nhận được cảm xúc khi gắn kết yêu thương trong gia đình.

★ Cách thực hiện:

1. Tham gia trò chơi theo nhóm

Giáo viên chia nhóm để tổ chức trò chơi

Giáo viên gợi ý:

- Mỗi nhóm chọn một mảnh ghép bất kỳ có nội dung điều chỉnh cảm xúc với người thân trong gia đình.
- Trả lời được câu hỏi thì mảnh ghép sẽ mở ra.
- Nhóm nào trả lời được nhiều câu hơn sẽ

- Học sinh nhận nhiệm vụ và tham gia trò chơi

thắng cuộc.

2. Nêu cảm nhận của em sau khi chơi

- GV yêu cầu học sinh thiết kế mảnh ghép trò chơi theo chủ đề “ Lời nhắn nhủ yêu thương”

Gợi ý:

- Phần nào trong trò chơi em thấy ấn tượng nhất?

- Trò chơi muốn chuyển đến em thông điệp gì?

- Cảm nhận của em khi tham gia trò chơi?

Tổng kết

- GV cho HS khái quát những việc làm thể hiện rèn luyện gắn kết yêu thương với gia đình

- Hiểu được cảm xúc khi trao “ lời nhắn nhủ yêu thương”

- Hiểu được cảm xúc của người nhận được “lời nhắn nhủ yêu thương”

- Học sinh cam kết thực hiện những việc làm thể hiện sự tôn trọng phụ nữ và những việc làm gắn kết yêu thương gia đình

- Học sinh trình bày nội dung được yêu cầu.

- Các bạn còn lại nhận xét nội dung nhóm vừa trình bày.

- HS nêu.

Mĩ Thuật

Chủ đề 6: GIA ĐÌNH LÀ TẤT CẢ

Bài 12: TRANG TRÍ ĐỒ VẬT

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Xác định được đối tượng
- Phối hợp được một số kĩ năng cắt, xé, dán, vẽ, uốn, ghép,...trong thực hành sáng tạo.
- Giới thiệu được cách sử dụng và bảo quản SPMT trong đời sống hàng ngày.

1. Về phẩm chất.

- Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS.
- Phát triển tình cảm gắn kết với gia đình, bạn bè. Xây dựng tinh thần trách nhiệm của bản thân với gia đình.
- Phân tích được vẻ đẹp của SPMT và ứng dụng vào thực tế cuộc sống, qua đó trân trọng, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh.
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, vật liệu để thực hành sáng tạo.
- Biết cách sử dụng, bảo quản các vật liệu đồ dùng: tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Biết chia sẻ thản thản, chân thực suy nghĩ của mình trong trao đổi, nhận xét sản phẩm.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

- *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:* Biết quan sát các hình ảnh, hoạt động hàng ngày trong gia đình và hiểu được giá trị của tình cảm gia đình. Lựa chọn được hình ảnh, kỉ niệm cùng người thân trong gia đình mà mình nhớ, mình ấn tượng nhất đưa vào sản phẩm.

- *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ:* Thực hiện được bài thực hành chủ đề về gia đình và trang trí được đồ vật với chất liệu tự chọn bằng các yếu tố tạo hình, nét, mảng, màu,...

- *Phân tích đánh giá thẩm mỹ:* Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của hình ảnh, đồ vật và nêu được công dụng của SPMT trong đời sống hàng ngày. Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung.

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học tập, thực hành, trưng bày, chia sẻ, cảm nhận sản phẩm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết dùng vật liệu và công cụ để thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

- *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kỹ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

- *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào việc sắp xếp khoảng cách, vị trí, bố cục các yếu tố trang trí.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

- Hình thức tổ chức: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).

- SGK, SGV, KHBD

- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.

- Một số sản phẩm mỹ thuật của HS với chủ đề sáng tạo cùng hình và chữ

2. Học sinh.

- SGK. VBT

- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...

- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Kế hoạch học tập.

Tiết	Bài	Nội dung	Hoạt động
1	Bài 11: Gia đình yêu thương.	- Quan sát xây dựng ý tưởng và thực hành sản phẩm chủ đề Gia đình yêu thương.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và sáng tạo.
2	Bài 11: Gia đình yêu thương. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	- Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.
3	Bài 12: Trang trí đồ vật.	- Tìm hiểu trang trí đồ vật trong gia đình, cách tạo ra các sản phẩm và thực hành tạo ra được sản phẩm theo ý thích.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và sáng tạo.
4	Bài 12: Trang trí đồ vật. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	- Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở, năng lực tiếp nhận kiến thức của HS, GV có thể chủ động điều chỉnh nội dung, linh hoạt bố trí thời gian thực hiện hoạt động ở mỗi tiết cho phù hợp nhưng phải đảm bảo HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong chủ đề.

C. PHÂN TÍCH - ĐÁNH GIÁ.

* HOẠT ĐỘNG 3: Là hoạt động củng cố nội dung, mục tiêu của bài học thông qua việc trưng bày sản phẩm để cùng nhau thảo luận, phân tích và đánh giá.	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Mục tiêu.</p> <p>- HS biết cách trưng bày, giới thiệu và trình bày được cảm nhận về sản phẩm của mình và của bạn.</p> <p>* Nội dung hoạt động.</p> <p>- GV hướng dẫn HS trưng bày và giới</p>	<p>- HS cảm nhận và ghi nhớ.</p>

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS sử dụng được SPMT để trang trí không gian thích hợp. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tính ứng dụng của sản phẩm mình đã tạo ra vào cuộc sống <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hiểu được giá trị của trang trí đồ vật trong đời sống hằng ngày. <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đưa ra những ý tưởng sử dụng sản phẩm mình vừa tạo ra vào trang trí không gian của gia đình. - GV hướng dẫn cho HS dựa vào gợi ý; <ul style="list-style-type: none"> + <i>Em cần làm gì cho sản phẩm của mình đẹp thêm và trang trọng hơn?</i> + <i>SPMT của em có thể trưng bày ở đâu?</i> + <i>Vai trò của SPMT thế nào trong không gian trang trí.</i> - GV nhận xét tổng kết hoạt động. + GV chốt. <i>Vậy là chúng ta biết cách sử dụng được SPMT để trang trí không gian thích hợp ở hoạt động 4.</i> <p>* Củng cố dặn dò.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị tiết sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cảm nhận, ghi nhớ. <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu tính ứng dụng của sản phẩm mình đã tạo ra. <ul style="list-style-type: none"> - HS biết sử dụng chữ trang trí đồ vật. <ul style="list-style-type: none"> - HS đưa ra những ý tưởng sử dụng sản phẩm mình vừa tạo ra vào trang trí. <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện hoạt động dựa vào các gợi ý của GV. + <i>HS trả lời:</i> + <i>HS trả lời:</i> + <i>HS trả lời:</i> <ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ. - <i>HS lắng nghe, ghi nhớ.</i> - HS ghi nhớ.



Ôn Toán

Bài 55: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nắm được tính chất cơ bản của phân số; vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan
- Phát triển năng lực tư duy, giải quyết vấn đề và lập luận và giao tiếp toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi

- + Câu 1: Đọc phân số sau
- + Câu 2: Đọc phân số
- + Câu 3. Viết thương của phép chia
- GV nhận xét, tuyên dương.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 62 vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân).

- GV quan sát Hỗ trợ HS còn lúng túng hoặc yếu

1 Số?

a) $\frac{3}{7} = \frac{3 \times 4}{7 \times 4} = \frac{\square}{\square}$ $\frac{2}{9} = \frac{2 \times 3}{9 \times 3} = \frac{\square}{\square}$ $\frac{15}{46} = \frac{15 \times 7}{46 \times 7} = \frac{\square}{\square}$

b) $\frac{28}{60} = \frac{28 : 4}{60 : 4} = \frac{\square}{\square}$ $\frac{48}{56} = \frac{48 : 8}{56 : 8} = \frac{\square}{\square}$ $\frac{125}{75} = \frac{125 : 25}{75 : 25} = \frac{\square}{\square}$

H: Muốn tìm một phân số mới bằng phân số đã cho em làm thế nào?

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

-Hs làm bài

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

- HS vận dụng bài học để làm.

- HS nêu theo dãy bài làm, mỗi em đọc 1 p

$$a) \frac{3}{7} = \frac{3 \times 4}{7 \times 4} = \frac{12}{28} \quad \frac{2}{9} = \frac{2 \times 3}{9 \times 3} = \frac{6}{27}; \quad \frac{15}{46} = \frac{15 \times 7}{46 \times 7} = \frac{105}{322}$$

$$b) \frac{28}{60} = \frac{28 : 4}{60 : 4} = \frac{7}{15}; \quad \frac{48}{56} = \frac{48 : 8}{56 : 8} = \frac{6}{7}; \quad \frac{125}{75} = \frac{125 : 25}{75 : 25} = \frac{5}{3}$$

-HS nhận xét.

- Muốn tìm một phân số mới bằng phân

*Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2)

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.
- GV quan sát hỗ trợ em yếu

2/ Số ?

a) $\frac{3}{7} = \frac{3 \times 5}{7 \times 5} = \frac{15}{35}$ $\frac{5}{9} = \frac{5 \times 7}{9 \times 7} = \frac{35}{63}$

b) $\frac{72}{80} = \frac{72 : 8}{80 : 8} = \frac{9}{10}$ $\frac{26}{52} = \frac{26 : 13}{52 : 13} = \frac{2}{4}$

- GV soi bài làm đúng, yêu cầu HS đối chiếu
- GV Nhận xét, tuyên dương.

*Bài 3: Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4: Khoang vào các phân số bằng nhau trong các phân số sau. (Làm việc nhóm 2)

$$\frac{4}{6} \quad \frac{3}{2} \quad \frac{8}{12} \quad \frac{2}{3}$$

- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét

3, Vận dụng trải nghiệm

- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau

mẫu số nhân (hoặc chia) với một số tự nhiên

- HS quan sát yêu cầu bài 2
- HS làm việc theo phân công
- HS chia sẻ bài làm, nhận xét

a) $\frac{3}{7} = \frac{3 \times 5}{7 \times 5} = \frac{15}{35}$; $\frac{5}{9} = \frac{5 \times 7}{9 \times 7} = \frac{35}{63}$

b) $\frac{72}{80} = \frac{72 : 8}{80 : 8} = \frac{9}{10}$; $\frac{26}{52} = \frac{26 : 13}{52 : 13} = \frac{2}{4}$

- HS đối chiếu, sửa sai, đổi vở kiểm tra, nh
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Các nhóm làm việc theo phân công.
- HS nêu và giải thích

C. $\frac{12}{19}$

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các phân số bằng nhau là: $\frac{4}{6} = \frac{2}{3}$; $\frac{8}{12} = \frac{2}{3}$

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ngày 7 tháng 3 năm 2024

Khôi trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thuận

TUẦN 27**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 27
TỪ NGÀY 18/3 ĐẾN NGÀY 22/3/2024**

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy
HAI (18/03)	1	79	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Biểu diễn văn nghệ về chủ đề gia đình.
	2	183	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 1)
	3	131	Toán	Luyện tập
	4	53	Khoa học	Thực phẩm an toàn (Tiết 1)
	5	53	Thể dục	Bài 1: Động tác tăng bóng bằng mu bàn chân.
	6	105	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	7	70	Ôn Toán	Luyện tập
	8	27	Đạo đức	Bài 8: Quý trọng đồng tiền (Tiết 1)
BA (19/03)	1	184	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 2)
	2	185	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 3)
	3	123	Toán	Luyện tập chung
	3	53	LS -ĐL	Bài 22: Một số nét văn hóa và truyền thống yêu

				nước, cách mạng của đồng bào Tây Nguyên (tiết 2)
	5			
	6	80	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Giao lưu với đại diện cha mẹ HS về việc điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. - Thực hành thể hiện sự điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình.
	7	27	Công nghệ	Bài 9. Lắp ghép mô hình rô -bốt - Tiết 3
	8	49	Ôn TV	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 6)
TU' (20/03)	1	186	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 4)
	2	54	Thể dục	Bài 1: Động tác tăng bóng bằng mu bàn chân.
	3	187	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 5)
	4	135	Toán	So sánh phân số (t2)
	5	27	Âm nhạc	Hát: Ước mơ
	6	106	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	7	54	Khoa học	Thực phẩm an toàn (Tiết 2)
	8	50	Ôn TV	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 7)
NĂM (21/03)	1	107	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	2	107	Tiếng Anh	UNIT 10. DO THEY LIKE FISHING?
	3	188	Tiếng	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 6)

			Việt	
	4	134	Toán	So sánh phân số (t1)
	5			
	6		Năng khiếu	
	7	71	Ôn Toán	Luyện tập
	8	18	KNS	Tác hại của nghiện tivi – trò chơi
SÁU (22/03)	1	189	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 2 (Tiết 7)
	2	135	Toán	So sánh phân số (t2)
	3	54	LS-ĐL	Ôn tập giữa học kì 2
	4	81	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Hái hoa dân chủ về chủ đề “Gắn kết gia đình – Quý trọng phụ nữ”. Đánh giá hoạt động.
	5			
	6	27	Mĩ thuật	Bài 13: Kỉ niệm thầy cô về
	7	27	Tin học	Bài 13: Chơi với máy tính (tt)
	8	72	Ôn Toán	So sánh phân số (t2)

Thứ hai , ngày 18 tháng 3 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ
TIẾT 1 - SINH HOẠT DƯỚI CỜ: BIỂU DIỄN VĂN NGHỆ VỀ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần
- Học sinh tích cực, lắng nghe TPT nhận xét để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.
- Học sinh biểu diễn được văn nghệ theo chủ đề về gia đình.

II. ĐỒ DÙNG , PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên:
 - Chuẩn bị ghế ngồi.
2. Học sinh:
 - Trang phục chỉnh tề, ghế ngồi dự khai giảng.
 - Chuẩn bị tiết mục văn nghệ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Học sinh vui vẻ, chuẩn bị tốt tiết chào cờ đầu tuần.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học sinh chuẩn bị ghế.- Tổ chức học sinh xếp hàng.- GV theo dõi hỗ trợ các em.	<ul style="list-style-type: none">- HS lấy ghế ra sân.- HS nghiêm túc xếp hàng ngồi ngay ngắn, trật tự..

<p>2. Sinh hoạt dưới cờ: Phần nghi lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia chào cờ đầu tuần. + Học sinh nghiêm túc khi tham gia chào cờ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS tham gia chào cờ cùng cả trường. * Chào cờ - GV nhắc nhở HS giữ trật tự, tập trung chú ý và nêu được ít nhất một điều ấn tượng về các hoạt động trong buổi chào cờ - GV yêu cầu hs đứng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục. - Quan sát, nhận xét. - Yêu cầu hs nghiêm túc tham gia chào cờ, hát quốc ca. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chào cờ nghiêm túc. - HS đứng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục. - Hát quốc ca.
<p>2. Nhận xét công tác tuần qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh tiếp thu và phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS lắng nghe TPT tổng kết kết quả đạt được 1 tuần qua, nhận xét những mặt đạt và chưa đạt. Nêu nội quy nhà trường. - Lắng nghe thầy HT nhận xét tuần qua và đưa ra phương hướng tuần tới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập: Biểu diễn văn nghệ về chủ đề gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh biểu diễn được văn nghệ theo chủ đề về gia đình. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> -GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS và hỗ trợ cho các em khi tham gia biểu diễn nhạc kịch về chủ đề gia đình. - GV tổ chức cho HS tham gia biểu diễn nhạc kịch 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia biểu diễn.

<p>đã đăng kí theo chương trình của nhà trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, cổ vũ và ghi lại cảm nhận, chia sẻ về tiết mục em yêu thích trong chương trình với bạn bè, người thân. - Kết thúc, dặn dò. 	- HS lắng nghe.
---	-----------------



Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút.
- Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.
- Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Thuộc được 1 số đoạn thơ đã học.
- Xác định được chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong đoạn văn.
- Viết được đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài thơ, biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Cho HS thi kể tên các bài tập đọc đã học từ đầu kì II. - GV dẫn dắt, giới thiệu bài.	- HS thi đua nhau kể.
2. Khám phá. - Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút. - Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ. - Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Thuộc được 1 số đoạn thơ đã học. - Hiểu nội dung bài đọc. Biết bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về nhân vật trong tác phẩm.	

- Viết đúng bài chính tả khoảng 80-90 chữ theo hình thức nghe viết hoặc nhớ viết, tốc độ khoảng 80 -90 chữ trong 15 phút. Viết đúng các từ ngữ có tiếng chứa âm vần dễ sai.

- Viết được đoạn văn ngắn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.

- Gọi HS đọc yêu cầu bài 1

Hải Thượng Lãn Ông
? Việc làm nào của Hải Thượng Lãn Ông đúng với câu: *Thầy thuốc như mẹ hiền?*

Vết phấn trên mặt bàn
? Vì sao vết phấn trên mặt bàn được xóa đi?

Ông Bụt đã đến
? Việc làm của nhân vật nào trong câu chuyện giống như ông Bụt trong thế giới cổ tích?

Con muốn làm một cái cây
? Chi tiết nào trong câu chuyện giúp em hiểu hơn câu tục ngữ: *Ăn quả nhớ người trồng cây?*

Tờ báo tường của tôi
? Nếu được gặp người bạn nhỏ gan dạ và tốt bụng trong câu chuyện, em sẽ nói gì với bạn?

- YC HS thảo luận nhóm đôi: từng em nêu tên 5 bài đọc đã chọn và nêu nội dung của 5 bài đọc đó và trả lời câu hỏi của bài.

? Việc làm nào của Hải Thượng Lãn Ông đúng với câu: *Thầy thuốc như mẹ hiền?*

? Vì sao vết phấn trên mặt bàn được xóa đi?

? Việc làm của nhân vật nào trong câu chuyện giống như ông bụt trong thế giới cổ tích?

? Chi tiết nào trong câu chuyện giúp em hiểu hơn câu tục ngữ: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây?*

? Nếu được gặp người bạn nhỏ gan dạ và tốt bụng trong câu chuyện, em sẽ nói gì với bạn?

- 1HS đọc yêu cầu bài

- 2HS ngồi cùng bàn thảo luận cùng nhau.

- HS trả lời

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS chia sẻ kết quả trước lớp. - HS nhận xét, bổ sung. - GV NX, tuyên dương HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ trước lớp - HS nhận xét, bổ sung
<p>2.2 Hoạt động 2: Nghe – viết: Cảm xúc Trường Sa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc 4 khổ thơ đầu bài Cảm xúc Trường Sa - Gv hướng dẫn HD đọc bài thơ - GV gọi HS nhắc lại tư thế ngồi viết bài - GV đọc cho HS viết - GV đọc soát lỗi - Thu 5-7 vở nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1-2 HS đọc bài - HS đọc bài thơ - HS nhắc lại tư thế ngồi viết - HS viết - Soát lỗi chính tả - Lắng nghe
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc thuộc lòng bài thơ. - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	lòng.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

CHỦ ĐỀ 1: PHÂN SỐ

Bài 58: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố so sánh phân số đã học (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số, so sánh phân số với 1).
- So sánh hai phân số có cùng tử số.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào? + Câu 2: So sánh hai phân số: $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{5}$ + Câu 3: So sánh hai phân số: $\frac{5}{4}$ và $\frac{4}{3}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: + Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh hai phân số cùng mẫu số. $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 5}{3 \times 5} = \frac{10}{15}$ $\frac{4}{5} = \frac{4 \times 3}{5 \times 3} = \frac{12}{15}$ $\frac{5}{4} = \frac{5 \times 3}{4 \times 3} = \frac{15}{12}$ $\frac{4}{3} = \frac{4 \times 4}{3 \times 4} = \frac{16}{12}$ - HS lắng nghe.

2. Luyện tập:

- Mục tiêu:

+ Củng cố so sánh phân số đã học (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số, so sánh phân số với 1).

+ So sánh hai phân số có cùng tử số.

- Cách tiến hành:

Bài 1. (Làm việc cá nhân) $>$, $<$, $=$?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài

+ Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn học sinh cách làm

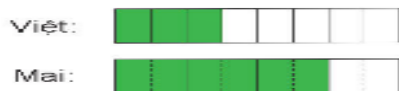
a) $\frac{4}{7} \boxed{?} \frac{6}{7}$ $\frac{15}{23} \boxed{?} \frac{12}{23}$ $\frac{45}{60} \boxed{?} \frac{3}{4}$

b) $\frac{8}{9} \boxed{?} \frac{11}{18}$ $\frac{13}{18} \boxed{?} \frac{2}{3}$ $\frac{27}{25} \boxed{?} 1$

- Tại sao $\frac{27}{25} \boxed{>} 1$?

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: a) Có hai tờ giấy như nhau, Việt tô màu $\frac{3}{8}$ tờ giấy, Mai tô màu $\frac{3}{4}$ tờ giấy. Hỏi phần tô màu của bạn nào nhiều hơn? (Làm việc nhóm 2)



- HS đọc

- 1 HS nêu cách làm.

a) $\frac{4}{7} \boxed{<} \frac{6}{7}$

- HS lần lượt làm :

$\frac{15}{23} \boxed{>} \frac{12}{23}$ $\frac{45}{60} \boxed{=} \frac{3}{4}$

b) $\frac{8}{9} \boxed{>} \frac{11}{18}$ $\frac{13}{18} \boxed{>} \frac{2}{3}$ $\frac{27}{25} \boxed{>} 1$

- HS giải thích

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- GV gọi HS nêu yêu cầu
- Gọi 1HS đọc phần bóng nói của Rô – bốt
- GV chia nhóm 2, các nhóm nêu cách làm.

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

+ Muốn so sánh hai phân số cùng tử số ta làm như thế nào?

b) $>$, $<$, $=$?

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS vận dụng nhận xét ở câu a để làm bài vào vở

$$\frac{5}{6} \boxed{?} \frac{5}{12} \qquad \frac{9}{20} \boxed{?} \frac{9}{10}$$

- HS cùng bàn đổi chéo vở kiểm tra, soát lỗi
- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Lượng nước đang có trong hình A, B, C, D được ghi ở mỗi bình (như hình vẽ). Hỏi bình nào có lượng nước ít nhất? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)



- 1 HS nêu

- HS làm bài: Nhìn vào hình vẽ ta thấy phần tô màu của bạn Mai nhiều hơn phần tô màu của bạn Việt, ta có: $\frac{3}{4} > \frac{3}{8}$

- HS nhận xét.

- Muốn so sánh hai phân số cùng tử số, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.

- 1 HS nêu

- HS làm bài

$$\frac{5}{6} \boxed{>} \frac{5}{12} \qquad \frac{9}{20} \boxed{<} \frac{9}{10}$$

- HS kiểm tra, nhận xét lẫn nhau

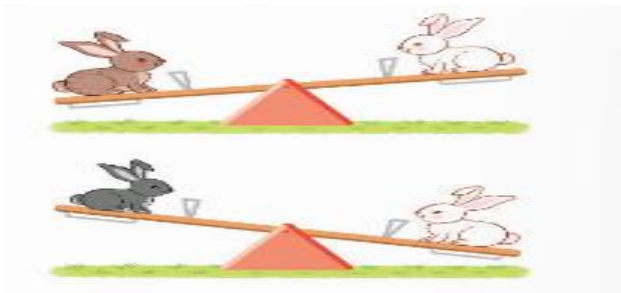
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Muốn biết bình nào có lượng nước ít nhất ta phải làm như thế?

- GV hướng dẫn cách làm
- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm chia sẻ.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4. Chọn câu trả lời đúng. (Làm việc cá nhân)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ



- Nhìn vào hình vẽ ta có thể biết điều gì?

- Từ đó ta cần so sánh những phân số nào

- HS làm bài

- Các nhóm làm việc theo phân công.

Bình C có lượng nước ít nhất

- Các nhóm chia sẻ.
- Các nhóm khác nhận xét.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc

- HS trả lời: Qua hình vẽ, ta thấy thỏ nâu nặng hơn thỏ trắng; thỏ trắng nặng hơn thỏ đen...

- So sánh phân số: $\frac{13}{2}$, $\frac{21}{6}$, $\frac{37}{6}$

- HS làm bài

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đáp án: C - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm được cách so sánh hai phân số cùng mẫu số, hai phân số khác mẫu số hoặc hai phân số cùng tử số... - Ví dụ: GV viết 4 phân số bất kì như: $\frac{4}{8}$, $\frac{6}{8}$, $\frac{3}{8}$, $\frac{5}{8}$ và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương. - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Khoa học

Bài 53: MỘT SỐ BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết được cách phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng.
- Biết xây dựng được một bữa ăn hợp lí cho sức khỏe.
- Rèn luyện kĩ năng xây dựng, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

<p>tránh bệnh suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu máu, thiếu sắt?.</p> <p>+ Quả táo 4: Bạn hãy bắt nhịp cho cả lớp hát và vận động hát theo bài “Ai muốn khỏe đẹp thì phải tập thể thao”?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>+ Ăn đa dạng, ăn đủ nhóm chất dinh dưỡng. Đảm bảo chế độ ăn...</p> <p>+ Cả lớp hát và vận động theo bài hát</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

2. Hoạt động:

- Mục tiêu:

+ Biết được cách phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng.

+ Biết xây dựng được một bữa ăn hợp lí cho sức khỏe.

+ Rèn luyện kĩ năng xây dựng, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực sáng tạo.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 3:

a) Thực hành phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng. (Sinh hoạt nhóm 2)

- GV yêu cầu HS đọc yêu SGK: Cho biết việc làm trong các hình dưới đây giúp phòng tránh được những bệnh gì? Giải thích vì sao?

- Mời HS thảo luận nhóm 2 để thực hiện nhiệm vụ.



- HS đọc

- HS sinh hoạt nhóm 2, thảo luận và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu.



- GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương

- Lớp chia thành nhóm 4, quan sát tranh, thảo luận và đưa ra các phương án trả lời.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận bữa ăn mà nhóm mình đã lên theo nhóm mình
- Các nhóm khác nhận xét, góp ý.
- Cả lớp lắng nghe

- GV mời HS thực hiện một số việc đề phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng

- HS chia sẻ

- GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Lớp chia thành nhóm 2, thảo luận và đưa ra các phương án trả lời.

- Mời các nhóm khác nhận xét.
- GV cho HS nêu một số đề xuất và vận động người thân cùng thực hiện
- GV nhận xét, tuyên dương

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ Cần ăn uống hợp lý, đa dạng thức ăn trong các bữa ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

+ Giảm ăn các loại thức ăn chiên, rán... và vận động người thân thực hiện...

- Cả lớp lắng nghe

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Ai biết nhiều hơn”

+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt trong thời gian 2 phút.

+ Các nhóm thi nhau đưa ra những việc phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng đời sống hằng ngày. Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều hoa nhất nhóm đó thắng cuộc.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh chia nhóm và tham gia trò chơi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Ôn Toán

BÀI 59: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Củng cố rút gọn, so sánh phân số (ôn tập).

- Nhận biết so sánh , tính giá trị biểu thức liên quan đến phép nhân dạng phân số
- Giải toán liên quan đến nhân với số có hai chữ số (bổ sung)
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động: (3-5')</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi trò chơi Truyền điện: <p>Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các câu hỏi trong trò chơi)

4/ 71-72 vở Bài tập Toán tập 2.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* **Bài 1/71: Số.** (làm cá nhân)

$$a) \frac{60}{48} = \frac{\square}{24} = \frac{5}{\square} \qquad \frac{15}{25} = \frac{3}{\square} = \frac{\square}{15} = \frac{27}{\square}$$

b. Rút gọn phân số

- GV cho học sinh nối tiếp nêu cách làm làm bảng , chữa câu trả lời sai

$$\frac{84}{32} \qquad \frac{15}{27} \qquad \frac{96}{120}$$

- GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt.

→ *Gv chốt củng cố* về rút gọn phân số

* **Bài 2:** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. .(VBT/71)

a) Đã tô màu $\frac{4}{9}$ hình nào dưới đây

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

-Hs làm bài

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

- Học sinh nêu yêu cầu bài 1

- Học sinh nêu các bước tính

- HS lắng nghe cách thực hiện bảng con

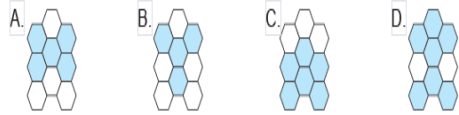
- HS thực hiện làm bài

$$\frac{84}{32} = \frac{21}{8} \qquad \frac{15}{27} = \frac{5}{9}$$

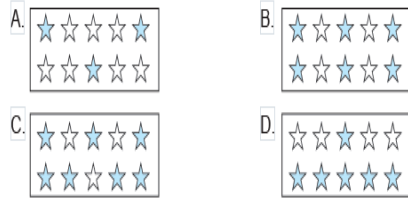
$$\frac{96}{120} = \frac{48}{60} = \frac{8}{10} = \frac{4}{5}$$

- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát



b) Đã tô màu $\frac{3}{10}$ số ngôi sao của hình nào dưới đây?



c) Phân số $\frac{4}{7}$ bằng phân số nào dưới đây?



GV cho 3 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 3 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

→ Gv chốt củng cố về cấu tạo phân số

* Bài 3: Tính VBT/72

a. $\frac{4 \times 8 \times 13}{13 \times 7 \times 8}$ b. $\frac{6 \times 17 \times 11}{17 \times 11 \times 9}$

-Gv hướng dẫn HS khai thác đề, nêu cách làm:

- GV cho học sinh lên thực hiện bảng lớp và giải thích cách làm

- HS đọc bài toán

- HS thảo luận tìm hiểu đề

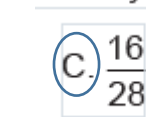
- HS lắng nghe cách thực hiện

- HS trình bày làm bài khoan vào

a.



b.



c.

- HS nhận xét

- HS nêu yc bài toán

-Hs trả lời ghi tóm tắt đề

- HS trình bày

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

→ *Gv chốt cách giải và* trình bày tính giá trị biểu thức dạng nhân phân số có thừa số ở tử và mẫu số giống nhau

*** Bài 4: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm VBT/72**

Từ hai số 13 và 9 lập được.

a. Phân số bé hơn 1 là...

b. Phân số lớn hơn 1 là...

c. Các phân số bằng 1 là...

- GV cho HS nêu cách làm nối tiếp giải thích làm miệng, ghi vở

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét giờ học.

→ *Củng cố cách lập và so sánh phân số với 1*

Bài 5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng phân số $\frac{64}{96}$ không bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{16}{24}$ B. $\frac{32}{48}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{8}{12}$

→ *Củng cố cách so sánh phân số*

3. Vận dụng trải nghiệm

Học sinh làm vở.

Đổi vở. Nhận xét bổ sung theo bàn

-HS trình bày bài tập

Bài giải

$$a. \frac{4 \times 8 \times 13}{13 \times 7 \times 8} = \frac{4}{7} \quad b. \frac{6 \times 17 \times 11}{17 \times 11 \times 9} = \frac{6}{9} = \frac{2}{3}$$

- HS nhận xét

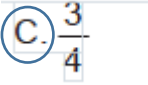
Học sinh nêu miệng nối tiếp cách giải bài tập 4

Đáp số

a. Phân số bé hơn 1 là: $\frac{9}{13}$

b. Phân số lớn hơn 1 là: $\frac{13}{9}$

c. Các phân số bằng 1 là: $\frac{13}{13}, \frac{9}{9}$

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau 	<p>Học sinh đọc đề, nêu cách làm, làm vở cá nhân</p> <p>Đổi vở soát ,nhân xét</p> <p style="text-align: center;">  </p> <p>Khoanh vào</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ ba, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút.
- Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.
- Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Thuộc được 1 số đoạn thơ đã học.
- Xác định được chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong đoạn văn.

- Viết được đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài thơ, biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3.1. Xác định được chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn dưới đây. - Gọi HS đọc yêu cầu - Bài yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đọc đoạn	- HS đọc bài - HS trả lời - HS thảo luận nhóm làm bài

văn và làm bài tập 3

- Xác nhận được chủ ngữ, vị ngữ trong đoạn văn.

- GV yêu cầu nhóm chia sẻ bài làm

- HS chia sẻ bài của mình trước lớp.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
1	Mùa xuân	trở về.
2	Nước biển	ám hẳn lên.
3	Những con sông	không còn âm ào nữa.
4	Đại dương	Khe khẽ hát những lời ca êm đềm.
5	Đàn cá hồi	bỗng ngừng kiếm ăn, ngẩn ngơ.....
6	“Nơi chôn rau cắt rốn” của chúng	là thượng nguồn của dòng sông.

- HS nhận xét, bổ sung bài nhóm bạn

- GV nhận xét, chốt đáp án đúng

- HS nhận xét bài bạn.

- HS lắng nghe

3.2. Tìm trạng ngữ của mỗi câu trong các đoạn văn.

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn HD có thể bằng gạch chân

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đọc đoạn văn và làm bài tập 4

- HS đọc bài

- HS trả lời

- HS thảo luận và làm bài

- HS làm bài bảng phụ 2 câu.

<ul style="list-style-type: none">- Xác nhận được trạng ngữ trong đoạn văn.- GV yêu cầu nhóm chia sẻ bài làm <ul style="list-style-type: none">- HS nhận xét, bổ sung bài nhóm bạn- GV nhận xét, chốt đáp án đúng	<ul style="list-style-type: none">- HS chia sẻ bài của mình trước lớp.- HS đổi chéo bài bạn kiểm tra <p>Trạng ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Câu a: Mùa đông; Khi đi chợ; Mỗi khi ăn cơm.+ Câu b: Một giờ sau cơn dông; Mùa hè; Quanh các luống kim hương. <ul style="list-style-type: none">- HS nhận xét bài bạn.- HS lắng nghe
<p>3.3. Viết được đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe. Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ của mỗi câu.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS đọc yêu cầu- Bài yêu cầu gì?- GV yêu cầu HS có thể viết về 1 nhân vật nào đó mà mình yêu thích.- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và làm bài tập 5- GV yêu cầu HS chia sẻ bài làm- HS nhận xét bài bạn- GV nhận xét, góp ý bài HS	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc yêu cầu.- HS trả lời <ul style="list-style-type: none">- HS làm bài của mình.- HS chia sẻ bài của mình trước lớp- HS nhận xét bài bạn.- HS lắng nghe
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc thuộc lòng bài thơ.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút.

- Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.

- Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Trả lời được một số câu hỏi trong bài.

- Tìm được câu chủ đề trong mỗi đoạn văn.
- Viết được đoạn văn có câu chủ đề: Họ hàng nhà kiến chăm chỉ, hiền lành.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. 	

<p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1:</p> <p>+ Câu 2:</p> <p>+ Câu 3:</p> <p>+ Câu 4:</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi để khởi động vào bài mới.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>+ Trả lời....</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- Học sinh thực hiện.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút.</p> <p>+ Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.</p> <p>+ Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Trả lời được một số câu hỏi trong bài.</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ</p> <p>+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1 Đọc thuộc lòng đoạn thơ khoảng 80 chữ trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu</p>	

- Yêu cầu HS đọc 2- 3 khổ thơ đã thuộc và trả lời câu hỏi



?Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người bà trong bài thơ?

? Tác giả bài thơ muốn nhắn nhủ em điều gì?

? Những câu thơ nào thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ khi đc gặp Bác Hồ?

? Bài thơ giúp em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính ở biển đảo?

- GV nhận xét- tuyên dương HS

- HS đọc yêu cầu

- 3-4 HS thực thực hiện yêu cầu và TLCH

- HS trả lời theo ý hiểu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....



Toán

CHỦ ĐỀ 10: PHÂN SỐ

Bài 59: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. Đọc, viết phân số.
- Nhận biết được các phân số bằng nhau.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- Thực hiện được việc rút gọn phân số
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

1. Khởi động:

- Mục tiêu:

- + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.
- + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: Muốn so sánh hai phân số cùng tử số ta làm như thế nào?

+ Câu 2: So sánh hai phân số sau: $\frac{4}{25}$ và $\frac{4}{23}$

+ Câu 3: Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào?

+ Câu 4: So sánh hai phân số sau: $\frac{8}{9}$ và $\frac{24}{27}$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

- HS tham gia trò chơi

+ Muốn so sánh hai phân số cùng tử số, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.

$$\frac{4}{25} < \frac{4}{23}$$

+ Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh hai phân số cùng mẫu số.

$$\frac{8}{9} = \frac{24}{27}$$

- HS lắng nghe.

2. Luyện tập:

- Mục tiêu:

- + Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. Đọc, viết phân số.
- + Nhận biết được các phân số bằng nhau.
- + Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- + Thực hiện được việc rút gọn phân số

- Cách tiến hành:

Bài 1. a) Số? (Làm việc cá nhân)

- GV gọi HS nêu yêu cầu phần a

- Hướng dẫn cách làm

- HS hoàn thành bài

$$\frac{56}{42} = \frac{28}{?} = \frac{?}{3} \qquad \frac{16}{24} = \frac{2}{?} = \frac{?}{12} = \frac{40}{?}$$

+ Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa số 56 và số 28

b) Rút gọn các phân số

- Yêu cầu HS nêu phần

- HS hoàn thành bài vào vở

$$\frac{40}{25}; \frac{63}{81}; \frac{36}{60}$$

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc N2)

- GV gọi HS nêu yêu cầu

+ Bài yêu cầu gì?

a) Đã tô màu $\frac{2}{5}$ số ngôi sao của hình nào dưới đây?

- 1 HS nêu.

- HS lần lượt làm bài:

$$\frac{56}{42} = \frac{28}{21} = \frac{4}{3} \qquad \frac{16}{24} = \frac{2}{3} = \frac{8}{12} = \frac{40}{60}$$

- HS trả lời: $56 : 2 = 28$

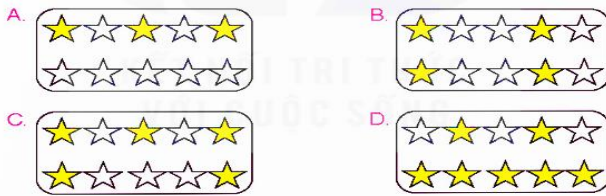
- HS nêu

$$\frac{40}{25} = \frac{40:5}{25:5} = \frac{8}{5} \qquad \frac{63}{81} = \frac{63:9}{81:9} = \frac{7}{9}$$

$$\frac{36}{60} = \frac{36:12}{60:12} = \frac{3}{5}$$

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- 1 HS nêu.



- Tạo cơ hội cho HS chia sẻ về cách lựa chọn phân số chỉ phần đã tô màu ở mỗi hình đã chọn

- GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.

b) - Gọi HS nêu yêu cầu.

Phân số $\frac{5}{6}$ bằng phân số nào dưới đây

A. $\frac{10}{14}$ B. $\frac{18}{15}$ C. $\frac{25}{30}$ D. $\frac{24}{28}$

? Bài yêu cầu gì?

- HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp

Đáp án: Hình B đã tô màu $\frac{2}{5}$ số ngôi sao (Vì số ngôi sao của hình B được chia làm 5 phần bằng nhau, đã tô màu vào 2 phần)

Không chọn các hình còn lại vì:

- Hình A đã tô màu $\frac{3}{6}$ ($\frac{1}{2}$) hình.
- Hình C đã tô màu $\frac{5}{5}$ (1) hình.
- Hình D đã tô màu $\frac{7}{5}$ hình.

- 1HS nêu

- Phân số $\frac{5}{6}$ bằng phân số nào trong các phân số đã cho.

- Chúng ta cần rút gọn các phân số.

$$\text{Phân số } \frac{25}{30} = \frac{25:5}{30:5} = \frac{5}{6}$$

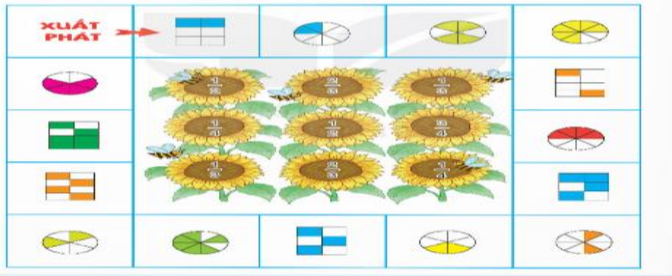
Nên chọn phần C

- HS đổi vở soát nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

<p>? Muốn biết phân số $\frac{5}{6}$ bằng phân số nào đã cho, chúng ta làm như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm làm bài - Đối vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 3: Tính? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm theo nhóm. <p>a) $\frac{5 \times 6 \times 12}{6 \times 12 \times 7}$</p> <p>b) $\frac{9 \times 8 \times 15}{15 \times 9 \times 16}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em có nhận xét gì về các thừa số của tích ở trên và ở dưới dấu gạch ngang? - GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét - GV nhận xét chung, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm làm việc theo phân công. <p>a) $\frac{5 \times 6 \times 12}{6 \times 12 \times 7} = \frac{5}{7}$</p> <p>b) $\frac{9 \times 8 \times 15}{15 \times 9 \times 16} = \frac{8}{16} = \frac{8:8}{16:8} = \frac{1}{2}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức chơi trò chơi Hái hoa – Mời 1HS làm quản trò, điều hành trò chơi 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên điều hành trò chơi.

- Quản trò chia nhóm, phổ biến luật chơi, cách chơi: Các bạn chơi bắt đầu từ ô Xuất phát. Khi đến lượt, bạn gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở trên mặt xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Bạn hãy nêu phân số chỉ phần đã tô màu của hình tại ô đi đến rồi hái một bông hoa ghi phân số bằng phân số đó. Trò chơi sẽ kết thúc khi hái được cả 5 bông hoa và bạn sẽ là người thắng cuộc.



- HS chơi
- Nhận xét, tuyên dương.

- HS xung phong tham gia chơi.
- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 22: MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên (sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...)
- Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác, chủ động thực hiện các yêu cầu học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong việc tìm hiểu về điểm nổi bật của phong trào yêu nước ở Tây Nguyên.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Lòng tự hào về vùng đất Tây Nguyên, có trách nhiệm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử mà cha ông để lại.
- Phẩm chất nhân ái: HS có tinh thần đoàn kết, yêu thương các dân tộc cùng chung sống trên đất nước.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập 	

trung.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu lớp trưởng tổ chức trò chơi cho lớp ôn bài.

+ Câu 1: Mô tả một số nét chính về nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng các dân tộc vùng Tây Nguyên.

+ Câu 2: Quan sát hình ảnh, so sánh điểm giống và khác nhau về trang phục của đồng bào dân tộc Ba Na ở Tây Nguyên với dân tộc Tày ở vùng Tây Bắc.

- Lớp trưởng tổ chức cho lớp chơi trò chơi: *Hộp quà bí mật* để ôn bài.

- Cả lớp tham gia trò chơi

Đồng bào Tây Nguyên thường ở nhà sàn. Mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung được xây dựng ở trung tâm là không gian sinh hoạt chung của cộng đồng. (nhà rông, nhà dài).

Trang phục của dân tộc Ba Na	Trang phục của dân tộc Tày
-Giản dị. -Nam mặc quần dài, rộng. Áo ngắn 5 thân, cổ đứng. - Nữ là chiếc áo cánh, áo dài 5 thân, quần váy, có thắt lưng, khăn đội đầu. Màu sắc: đen và xanh đen.	-Màu sắc sặc sỡ, có nhiều họa tiết. - Nam đóng khố, mặc áo chui đầu hoặc áo choàng quần hoặc ở trần. phụ nữ mặc áo chui đầu, váy tằm,.. Kết hợp 2 màu chủ đạo là đỏ, đen.

HS kể một trong các lễ hội sau: Lễ hội đua voi, Lễ tạ ơn cha mẹ, Lễ hội Cồng chiêng.

<p>+ Câu 3: Kể về một lễ hội của đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên mà em biết.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng quan sát tranh ảnh, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào vùng Tây Nguyên (làm việc chung cả lớp)</p> <p>-GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 7,8 SGK/ 95 và cho biết:</p> <p>H: Phong trào yêu nước và cách mạng của đồng bào vùng Tây Nguyên có điểm gì nổi bật?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>H: Kể lại một số câu chuyện lịch sử về truyền</p>	<p>- HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh trả lời.</p> <p>Tây Nguyên là vùng đất giàu truyền thống yêu nước. Các phong trào đấu tranh yêu nước nổ ra sớm, tập hợp được đông đảo đồng bào các dân tộc ở vùng Tây Nguyên tham gia.</p> <p>-HS nhận xét</p>

<p>thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi. - Theo dõi hỗ trợ cho HS - Mời đại diện nhóm kể trước lớp. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tuyên dương. Giới thiệu thêm một số anh hùng khác. 	<ul style="list-style-type: none"> -Nhóm đôi thảo luận tìm câu chuyện và kể trong nhóm. - Đại diện nhóm kể, có thể kể về anh hùng: Nơ Trang Long, anh hùng Núp, Đinh Môn,... - HS nhận xét bạn kể - Lắng nghe.
<p>3. Luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <p>+ Biết được một số hoạt động thể hiện tinh thần yêu nước của anh hùng Nơ Trang Long và anh hùng Đinh Núp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tiến hành: 	
<p>Bài tập 2: Tinh thần yêu nước của đồng bào Tây Nguyên được thể hiện qua những hành động nào của các nhân vật Lịch sử N’ Trang Long và Đinh Núp?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - Yêu cầu HS tự tìm hiểu và trả lời trước lớp. - Gợi ý: HS chỉ ra những hoạt động thể hiện tinh thần yêu nước của anh hùng N’ Trang Long và Đinh Núp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS tìm hiểu ở phần thông tin, tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.

<p>- GV mời HS trình bày bài làm trước lớp</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương, kết luận:</p> <p><i>Anh hùng N' Trang Long lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp kéo dài 24 năm (1911 – 1935), đã thu hút đông đảo đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên tham gia. Cuộc khởi nghĩa lan rộng, gây nhiều khó khăn cho việc chiếm đóng của thực dân Pháp ở Tây Nguyên.</i></p> <p><i>Anh hùng Đinh Núp: Năm 1935 một lần quân Pháp kéo về làng bắt phu, dân làng lánh hết vào rừng chỉ còn một mình anh ở lại. Đinh Núp dùng nỏ phục kích bắn lính pháp chảy máu để chứng minh cho dân làng rằng lính Pháp cũng là người và có thể chống lại được. Ông đã lãnh đạo buôn làng đứng lên chống giặc, lập nhiều chiến công.</i></p> <p><i>Tinh thần yêu nước của 2 anh hùng dân tộc N' Trang Long, Đinh Núp cũng chính là tinh thần yêu nước của đồng bào dân tộc Tây Nguyên nói chung.</i></p> <p>Giáo dục HS lòng tự hào và noi gương tinh thần yêu nước của các anh hùng dân tộc.</p>	<p>- HS lần lượt trình bày.</p> <p>- HS nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe, học tập.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- Tổ chức cho HS thi kể một câu chuyện Lịch sử khác về truyền thống yêu nước và Cách mạng của đồng bào Tây Nguyên.

- Nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn HS về nhà kể các tấm gương về anh hùng yêu nước cho người thân nghe.

- HS xung phong kể

- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ

TIẾT 2 - SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: GIAO LƯU VỚI ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CẢM XÚC, SUY NGHĨ CỦA BẢN THÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình.
- Xác định được một số việc làm tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Lập được kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cùng người thân thực hiện kế hoạch đó
- Năng lực làm việc nhóm: Tạo hứng thú khi tham gia học tập, tích cực hợp tác cùng nhau giải quyết vấn đề được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- Năng lực tư duy.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình, yêu thương gia đình, quý trọng phụ nữ. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng:

Giáo viên

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4;
- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử hoặc tranh ảnh phóng to về gia đình, về người phụ nữ tiêu biểu và về những việc làm gắn kết yêu thương

Học sinh

- SGK Hoạt động trải nghiệm 4, VBT Hoạt động trải nghiệm 4
- Giấy bìa màu, bút chì, bút màu, bút viết,...

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, giảng giải,...
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm, trình bày 1 phút,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
A. KHỞI ĐỘNG:	

<p>★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p>	
<p>1. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS nghe bài hát “ Gặp mẹ trong mơ” - GV yêu cầu học sinh nhìn lên màn hình, nghe lời bài hát để cảm nhận cảm xúc của mình - GV đưa ra câu hỏi + Em cảm nhận gì về tình huống trong bài hát? + Em thấy hình ảnh của những ai trong bài hát, hãy nói nên tình cảm của các thành viên gia đình trong bài hát? + Em cảm nhận gì về bài hát, nghe xong bài hát em có cảm nghĩ gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe hướng dẫn và làm theo hướng dẫn của giáo viên - HS trả lời theo yêu của giáo viên
<p>B. KHÁM PHÁ</p>	
<p>2. Khám phá chủ đề</p> <p>Hoạt động 7. Giao lưu với đại diện cha mẹ học sinh về việc điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân</p> <p>★ Mục tiêu: Học sinh cảm nhận được cảm xúc khi gắn kết yêu thương trong gia đình</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>1. Nghe đại diện cha mẹ học sinh chia sẻ về việc điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ trong một tình huống ở gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS được yêu cầu thực làm việc cá nhân <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức buổi giao lưu - GV đưa ra mục đích buổi giao lưu. - GV đưa ra mong muốn đối với 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên

<p>phụ huynh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ huynh chia sẻ tình huống. - GV tổng kết nội dung chia sẻ. <p>GV hỏi học sinh:</p> <p>+ Nêu cảm nhận của em về tình huống phụ huynh vừa chia sẻ</p> <p>+ Nếu là em, em sẽ làm gì trong tình huống vừa được phụ huynh chia sẻ</p> <p>Gv yêu cầu một số học sinh lên trình bày</p> <p>2. Đặt câu hỏi với đại diện cha mẹ học sinh về cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ trong một số tình huống</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gợi ý học sinh hỏi phụ huynh một số câu hỏi liên quan đến điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ trong một số tình huống - PH trả lời - GV tổng kết cho học sinh 	<p>- Học sinh trình bày, các bạn khác góp ý</p> <p>- Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên</p>
<p>- GV tổng kết hoạt động: Để rèn luyện bản thân biết yêu thương, chia sẻ, biết tôn trọng giá trị của gia đình học sinh cần phải rèn luyện thường xuyên những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương. Việc điều chỉnh những cảm xúc cá nhân để luôn cảm thấy yêu thương, trân trọng người trong gia đình giúp cho học sinh luôn có được sự yêu thương, chia sẻ từ những người xung quanh</p> <p>Hoạt động 8. Thực hành sự điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với thành viên trong gia đình</p> <p>★ Mục tiêu: Học sinh biết điều chỉnh</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>

<p>cảm xúc để có thái độ và hành vi phù hợp.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>1. Cùng sắm vai các tình huống sau</p> <p>Giáo viên đưa ra hai tình huống, yêu cầu học sinh nghe và thảo luận.</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV phân nhóm 4 đến 6 học sinh + Học sinh được yêu cầu đọc tình huống + Học sinh thảo luận đóng vai trong các tình huống + Đại diện nhóm học sinh sẽ trình bày + Các nhóm chuẩn bị nhận xét cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trong mỗi tình huống trên 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nhiệm vụ 1, hoạt động 8, tuần 27, chủ đề 7 trong SGK HĐTN4. - HS tự hoàn thành yêu cầu của giáo viên
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày</p> <p>2. Chia sẻ về việc em đã điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân sau khi sắm vai trong các tình huống sau</p> <p>Gợi ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv đọc tình huống - Yêu cầu HS mô tả lại tình huống - Chia sẻ cảm xúc của em khi sắm vai trong các tình huống trên <p>- GV tổng kết hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị gia đình là một trong những giá trị truyền thống, tạo sự gắn kết yêu thương trong gia đình là góp phần phát triển giá trị truyền thống - Nhiều tình huống trong cuộc sống gia đình thường ngày sẽ cho em các cảm xúc vui buồn khác nhau, việc đặt mình vào vị 	<p>Các nhóm còn lại nghe và bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện các yêu cầu của giáo viên - Trình bày theo nhóm những cảm xúc, suy nghĩ của bản thân khi sắm vai trong các tình huống - HS lắng nghe và đặt câu hỏi (nếu có).

trí người đối diện, cảm nhận mong muốn của họ sẽ thấy được những điều mong muốn và hãy cư xử như thế để gắn kết yêu thương

Tổng kết

- Mời một bạn nhắc lại điều chúng ta đã cùng chia sẻ, trải nghiệm trong tiết học.

- GV nhấn mạnh: Yêu thương gia đình là một trong những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam. Học sinh tiểu học cần phải biết nhận diện những gắn kết yêu thương trong gia đình, biết xác định một số cách tạo sự gắn kết yêu thương giữa những người thân trong gia đình.

Biết tìm điều chỉnh cảm xúc để có những việc làm và lời nói thể hiện sự yêu thương với người thân trong gia đình

- Chúng ta cùng nhau thực hiện tốt nề nếp ở trường và ở nhà, Xứng đáng trở thành những người con ngoan, những học trò giỏi

Công nghệ

CHỦ ĐỀ 2 : THỦ CÔNG KĨ THUẬT

Bài 9: LẮP GHÉP MÔ HÌNH RÔ – BÓT (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Lắp ghép được mô hình rô – bột theo hướng dẫn
- Lên ý tưởng sáng tạo để lắp ghép mẫu rô – bột khác
- Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích rõ – bớt trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tìm tòi, học hỏi được cách sử dụng các dụng cụ và chi tiết kỹ thuật phù hợp để lắp ghép mô hình rô – bốt theo hướng dẫn

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng phù hợp để lắp ghép được mô hình khác dựa theo yêu cầu

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi để mở rộng hiểu biết và vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết để lắp ghép các sản phẩm có ích cho cuộc sống

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức sử dụng, sắp xếp và bảo quản dụng cụ, đồ dùng kỹ thuật

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS hát và vận động một bài hát - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động luyện tập (Làm việc theo nhóm bàn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS lắp ghép được rô – bốt theo hướng dẫn + Lên ý tưởng sáng tạo để lắp ghép mẫu rô – bốt khác + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tiếp tục cho HS thực hành khoảng 10 phút * Chú ý: Sản phẩm lắp phải chắc chắn, khi lắp cần chú ý an toàn - GV nhận xét chung, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành lắp hoàn thiện rô – bốt - HS làm việc theo nhóm bàn
<p>3. Hoạt động giới thiệu sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn theo các tiêu chuẩn + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực phân tích, đánh giá thông qua hoạt động giới thiệu và đánh giá sản phẩm của mình và của bạn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS trưng bày và giới thiệu mô hình rô – bốt của mình. - GV gợi ý và hướng dẫn HS sử dụng phiếu đánh giá sản phẩm sau khi lắp ghép 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trưng bày sản phẩm - Đại diện các nhóm trình bày kết quả đánh giá theo mẫu SGK trang 45 theo các tiêu chí: <ul style="list-style-type: none"> + Đủ các bộ phận + Mối ghép đúng vị trí và chắc chắn + Chân rô – bốt chuyển động được

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Xưởng sáng tạo (Làm việc theo nhóm 6)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Lên ý tưởng sáng tạo để lắp ghép mẫu rô – bốt khác + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV gợi ý cho HS suy nghĩ sử dụng tối thiểu 10 chi tiết trong bộ lắp ghép mô hình để lắp ghép một sản phẩm rô – bốt sáng tạo theo ý tưởng của học sinh * Chú ý: Thực hiện theo 5 bước quy trình thiết kế và lắp ghép - Cho HS trình bày sản phẩm của mình - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia theo nhóm 6 - HS đọc và thực hiện theo 5 bước như SGK trang 46 - Trưng bày sản phẩm
<p>5. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về lợi ích của rô – bốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- | | |
|--|--|
| - GV nhận xét tuyên dương.
- Nhận xét sau tiết dạy.
- Dặn dò về nhà. | |
|--|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 1+2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố và luyện tập về chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong đoạn văn. Viết đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

Hải Thượng Lãn Ông
? Việc làm nào của Hải Thượng Lãn Ông đúng với câu: *Thầy thuốc như mẹ hiền*?

Vết phấn trên mặt bàn
? Vì sao vết phấn trên mặt bàn được xóa đi?

Ông Bụt đã đến
? Việc làm của nhân vật nào trong câu chuyện giống như ông Bụt trong thế giới cổ tích?

Con muốn làm một cái cây
? Chi tiết nào trong câu chuyện giúp em hiểu hơn câu tục ngữ: *Ăn quả nhớ người trồng cây*?

Tờ báo tường của tôi
? Nếu được gặp người bạn nhỏ gan dạ và tốt bụng trong câu chuyện, em sẽ nói gì với bạn?

- YC HS nêu tên 1 bài đọc đã chọn và nêu nội dung của bài đọc đó và trả lời câu hỏi của bài.

? Việc làm nào của Hải Thượng Lãn Ông đúng với câu: *Thầy thuốc như mẹ hiền*?

? Vì sao vết phấn trên mặt bàn được xóa đi?

? Việc làm của nhân vật nào trong câu chuyện giống như ông bụt trong thế giới cổ tích?

? Chi tiết nào trong câu chuyện giúp em hiểu hơn câu tục ngữ: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*?

? Nếu được gặp người bạn nhỏ gan dạ và tốt bụng trong câu chuyện, em sẽ nói gì với bạn?

- GV nhận xét- tuyên dương HS

- HS trả lời theo ý hiểu.

- HS lắng nghe

Bài 2.(trang 55 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Dùng gạch chéo để ngăn cách chủ ngữ với vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn dưới đây.

- Gọi HS đọc yêu cầu

- Bài yêu cầu gì?

- HS đọc bài

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập.
- Xác nhận được chủ ngữ, vị ngữ trong đoạn văn.

- HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng

→ GV củng cố cách xác định chủ ngữ vị ngữ trong đoạn văn.

Bài 3.(trang 55 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2)Gạch dưới bộ phận trạng ngữ của mỗi câu trong các đoạn văn dưới đây.

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu gì?
- GV yêu cầu HS làm vào vở bài tập.

- HS trả lời
- HS làm bài
- HS chia sẻ bài của mình trước lớp.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
1	Mùa xuân	trở về.
2	Nước biển	ấm hẳn lên.
3	Những con sống	không còn âm ào nữa.
4	Đại dương	Khe khẽ hát những lời ca êm đềm.
5	Đàn cá hồi	bỗng ngừng kiếm ăn, ngẩn ngơ.....
6	“Nơi chôn rau cắt rốn” của chúng	là thượng nguồn của dòng sông.

- HS nhận xét bài bạn.
- HS lắng nghe

- HS đọc bài
- HS trả lời
- HS làm bài.

<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung bài nhóm bạn - GV nhận xét, chốt đáp án đúng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ bài của mình trước lớp. - HS đổi chéo bài bạn kiểm tra <p>Trạng ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu a: Mùa đông; Khi đi chợ; Mỗi khi ăn cơm. + Câu b: Một giờ sau cơn dông; Mùa hè; Quanh các luống kim hương. <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bài bạn. - HS lắng nghe
<p>Bài 4.(trang 56 VBT Tiếng Việt lớp 4 Tập 2) Viết đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe. Gạch dưới trạng ngữ và dùng gạch chéo để ngăn cách chủ ngữ với vị ngữ của mỗi câu em viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Bài yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS có thể viết về 1 nhân vật nào đó mà mình yêu thích. - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập. - HS nhận xét bài bạn - GV nhận xét, góp ý bài HS <p>→ GV củng cố cách viết câu có chủ ngữ vị ngữ trong đoạn văn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu. - HS trả lời - HS làm bài của mình. - HS nhận xét bài bạn. - HS lắng nghe
<p>3. HD Vận dụng trải nghiệm</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết</p>	

<p>học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc thuộc lòng bài thơ. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ tư ngày 20 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh đọc đúng các từ, câu, đọc to rõ ràng câu chuyện, bài thơ, bài văn đã học (từ tuần 19 đến tuần 26), tốc độ đọc khoảng 80-90 tiếng trong 1 phút.
- Biết đọc diễn cảm lời của nhân vật trong bài học; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.
- Biết đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. Trả lời được một số câu hỏi trong bài.
- Tìm được câu chủ đề trong mỗi đoạn văn.
- Viết được đoạn văn có câu chủ đề: Họ hàng nhà kiến chăm chỉ, hiền lành.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 2. Đọc bài <i>Trúng bọ ngựa nở</i> và trả lời câu hỏi.	

<p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>- GV mời HS đọc bài cá nhân</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để trả lời các câu hỏi</p> <p>? Đoạn mở đầu giới thiệu sự việc gì?</p> <p>? Các chú bọ ngựa non được miêu tả thế nào qua từng khoảnh khắc?</p> <p>? Em thích hình ảnh miêu tả nào trong bài? Vì sao?</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm chia sẻ bài</p> <p>- GV mời các nhóm nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS đọc và làm việc</p> <p>- Đoạn mở đầu giới thiệu một sự việc đặc biệt: trứng bọ ngựa nở. Sự việc diễn ra trên cành chanh, sau cơn mưa.</p> <p>+ Trong quá trình lách mình: Bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm.....</p> <p>+ Khi vừa ra khỏi ổ trứng: Các chú treo lơ lửng trên một sợi tơ.....</p> <p>+ Lúc “đổ bộ.....: Chúng “nhảy dù”</p> <p>một quả chanh non.....</p> <p>- HS trả lời theo ý hiểu của mình.</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét.</p>
<p>Bài tập 3: Tìm câu chủ đề trong mỗi đoạn văn.</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>- GV mời HS làm việc cá nhân</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p> <p>+ HS làm bài vào vở.</p>

- GV yêu cầu HS nêu kết quả của mình

- GV yêu cầu HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương chung.

- Đoạn a: Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ.

- Đoạn b: Ngày mùa, cánh đồng lúa trông thật đẹp mắt.

- Đoạn c: Suau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi.

- HS trình bày kết quả thảo luận.

- HS nhận xét bài bạn khác nhận xét.

+ HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài tập 4: Viết đoạn văn ngắn có câu chủ đề: Họ hàng nhà kiến chăm chỉ, hiền lành

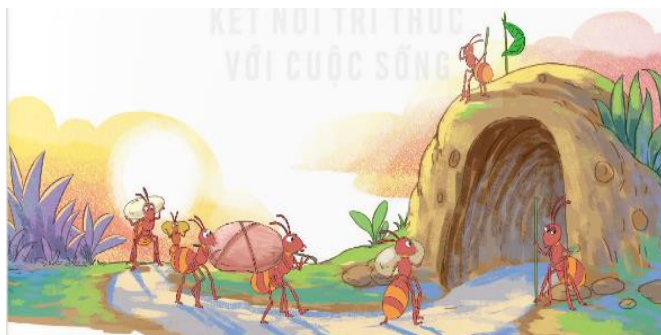
- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.

? Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi

? Câu chủ đề thường ở vị trí nào trong đoạn văn?

- GV cho HS quan sát tranh



? Bức tranh vẽ gì?

? Con kiến nào đang làm việc?

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.

- HS trả lời

+ HS trả lời.

- Thường ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn.

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi gợi ý

- Đàn kiến tha mồi về hang khi mặt trời

<ul style="list-style-type: none"> - GV nói thêm: Bức trang đồng thời gợi ý các em sử dụng biện pháp nhân hóa khi viết về đàn kiến chăm chỉ. - GV yêu cầu HS viết bài vào vở cá nhân - GV mời HS chia sẻ đoạn văn mình đã viết trước lớp. - GV yêu cầu HS nhận xét bài bạn - GV nhận xét, tuyên dương chung. 	<p>sắp lộn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con kiến nào cũng đang làm việc. - HS lắng nghe - HS viết bài và vở - HS chú ý lắng nghe - HS nhận xét bài bạn khác nhận xét. + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số đoạn văn và yêu cầu HS bốc thăm và nêu tên chủ đề của đoạn văn đó + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm ra những chủ đề hay cho các đoạn văn có trong hộp n. Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- | | |
|---|--|
| - GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà. | |
|---|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được vấn đề gợi ra từ văn bản có nghĩa đối với bản thân hoặc cộng đồng.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm cảm xúc của mình về một người thân trong gia đình.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về vẻ riêng của mỗi người trong gia đình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV cho HS nghe nhạc bài hát “Gia đình nhỏ, hạnh phúc to”. https://youtu.be/h1IGAB0ultE	- HS tham gia trò chơi
- GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe.
- GV dựa vào bài hát để khởi động vào bài mới.	- Học sinh thực hiện.
2. Luyện tập.	
- Mục tiêu:	
+ Nêu được vấn đề gọi ra từ văn bản có nghĩa đối với bản thân hoặc cộng đồng.	

+Viết được đoạn văn nêu tình cảm cảm xúc của mình về một người thân trong gia đình.

+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Dựa vào khổ thơ đầu và khổ thơ cuối trong bài Mẹ vắng nhà ngày bão của tác giả Đặng Hiên, cho biết các bạn nhỏ hiểu được điều gì khi mẹ vắng nhà và khi mẹ trở về.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1

- GV yêu cầu HS đọc hai khổ thơ

- GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi



- GV cho HS thảo luận nhóm 4

? Bức tranh vẽ gì?

? Khổ thơ đầu nói lên điều gì?

? Khổ thơ cuối nói cho em biết điều gì xảy ra khi mẹ về?

? Hãy nêu cảm xúc của người con khi mẹ vắng

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe.

- HS đọc 2 khổ thơ

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- HS thảo luận nhóm 4 và TLCH

+ Vẽ cảnh cơn bão và cảnh mẹ về sau cơn bão.

+ Khổ thơ đầu nói lên sự lo lắng cho người mẹ khi đi về có cơn bão chặn lối.

+ Khổ thơ cuối nói lên sự vui mừng, niềm hân hoan khi mẹ về sau cơn

<p>nhà và khi mẹ về sau cơn bão?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chia sẻ ý kiến của mình. - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương. 	<p>bão.</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS nêu theo ý hiểu của mình. - HS chia sẻ ý kiến của mình. - HS nhận xét, bổ sung 			
<p>Bài tập 2: Hai dòng thơ “Mẹ về như nắng mới/ Sáng ấm cả gian nhà.” Gọi ra những cảm nhận khác nhau. Em thích cảm nhận nào trong 3 thẻ chữ hoặc nêu ý kiến của em.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. <div data-bbox="203 940 868 1186" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <table border="0" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; padding: 5px; border: 1px solid black;"> <p>Mẹ về cũng là khi cơn bão đã đi qua khiến bạn nhỏ thấy mẹ tựa như ánh nắng mặt trời, làm sáng ấm cả gian nhà.</p> </td> <td style="width: 33%; padding: 5px; border: 1px solid black;"> <p>Hình ảnh thơ thể hiện niềm vui của bạn nhỏ khi mẹ về. Có mẹ, ngôi nhà như sáng bừng lên sau bao ngày bão dông. Có mẹ, lòng con ấm áp hơn sau bao ngày mong nhớ.</p> </td> <td style="width: 33%; padding: 5px; border: 1px solid black;"> <p>Hai câu thơ thể hiện tình cảm yêu quý của con với mẹ và đề cao vai trò của người mẹ trong mỗi mái ấm gia đình.</p> </td> </tr> </table> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc 3 cảm nhận - GV yêu cầu HS làm bài. - GV cho HS chia sẻ ý kiến của mình - HS nhận xét và bổ sung ý kiến - GV nhận xét, tuyên dương chung. 	<p>Mẹ về cũng là khi cơn bão đã đi qua khiến bạn nhỏ thấy mẹ tựa như ánh nắng mặt trời, làm sáng ấm cả gian nhà.</p>	<p>Hình ảnh thơ thể hiện niềm vui của bạn nhỏ khi mẹ về. Có mẹ, ngôi nhà như sáng bừng lên sau bao ngày bão dông. Có mẹ, lòng con ấm áp hơn sau bao ngày mong nhớ.</p>	<p>Hai câu thơ thể hiện tình cảm yêu quý của con với mẹ và đề cao vai trò của người mẹ trong mỗi mái ấm gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. - HS đọc 3 cảm nhận trong SHS. - HS chia sẻ ý kiến trước lớp - HS nhận xét, bổ sung với bạn + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>Mẹ về cũng là khi cơn bão đã đi qua khiến bạn nhỏ thấy mẹ tựa như ánh nắng mặt trời, làm sáng ấm cả gian nhà.</p>	<p>Hình ảnh thơ thể hiện niềm vui của bạn nhỏ khi mẹ về. Có mẹ, ngôi nhà như sáng bừng lên sau bao ngày bão dông. Có mẹ, lòng con ấm áp hơn sau bao ngày mong nhớ.</p>	<p>Hai câu thơ thể hiện tình cảm yêu quý của con với mẹ và đề cao vai trò của người mẹ trong mỗi mái ấm gia đình.</p>		
<p>Bài tập 3: Viết 5 – 7 câu nêu tình cảm, cảm</p>				

<p>xúc của em .</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV hướng dẫn HS viết bài theo gợi ý + Người thân mà em nói tới là ai? + Tình cảm, cảm xúc của em đối với người đó được bộc lộ như thế nào? - GV mời HS làm việc cá nhân, viết vào vở viết. - GV mời HS chia sẻ bài trước lớp. - GV thu vở nhận xét một số bài, nhận xét, sửa sai và tuyên dương học sinh. - GV nhận xét, tuyên dương chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS đọc lại gợi ý trên bảng. - HS viết bài vào vở. - HS chia sẻ bài trước lớp + HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. + GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm). + Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS) + Giao cho mỗi nhóm một vật như: các 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>loại quả hay các loại đồ dùng,... nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 đoạn văn có câu chủ đề đầu tiên và khoảng 3-4 câu giới thiệu hoặc tả về đồ vật đó. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được nhận vật đó luôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

.....

Toán

Bài 59: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. Đọc, viết phân số.
- Nhận biết được các phân số bằng nhau.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- Thực hiện được việc rút gọn phân số
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi
	+ Trả lời:
	+ Đáp án: C
+ Câu 1: Chọn câu trả lời đúng:	

Phân số $\frac{5}{7}$ bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{10}{12}$ B. $\frac{25}{21}$ C. $\frac{25}{35}$ D. $\frac{15}{14}$

+ Câu 2: So sánh hai phân số: $\frac{15}{14}$ và $\frac{3}{4}$

+ Câu 3: Quy đồng hai phân số: $\frac{6}{7}$ và $\frac{12}{28}$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

$$+ \frac{15}{14} \quad \boxed{<} \quad \frac{3}{4}$$

$$+ \frac{6}{7} \text{ và } \frac{12}{28}; \quad \frac{6}{7} = \frac{6 \times 4}{7 \times 4} = \frac{24}{28} \text{ vậy ta được } \frac{24}{28} \text{ và } \frac{12}{28};$$

- HS lắng nghe.

2. Luyện tập:

- Mục tiêu:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.

- Quy đồng được mẫu số của các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến khái niệm phân số.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số?

(Làm việc cá nhân).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

a) $\frac{1}{6}$ và $\frac{7}{18}$ b) $\frac{4}{5}$ và $\frac{11}{60}$ c) $\frac{7}{25}$ và $\frac{3}{100}$

? Để quy đồng được mẫu số ta làm như thế nào?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS

- HS đọc yêu cầu bài

- Quy đồng mẫu số các phân số

- HS trả lời

làm bảng.

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra
- GV gọi HS nhận xét bài bạn
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Quy đồng mẫu số các phân số?
(Làm việc cá nhân).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài
- Bài yêu cầu gì?

a) $\frac{2}{5}$; $\frac{13}{15}$ và $\frac{19}{45}$ b) $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{16}$

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

a) $\frac{1}{6}$ và $\frac{7}{18}$ MSC là 18

$$\frac{1}{6} = \frac{1 \times 3}{6 \times 3} = \frac{3}{18} \quad \text{ta được hai phân số } \frac{3}{18} \text{ và } \frac{7}{18}$$

b) $\frac{4}{5}$ và $\frac{11}{60}$ MSC là 60

$$\frac{4}{5} = \frac{4 \times 12}{5 \times 12} = \frac{48}{60} \quad \text{ta được hai phân số } \frac{48}{60} \text{ và } \frac{11}{60}$$

a) $\frac{7}{25}$ và $\frac{3}{100}$ MSC là 100

$$\frac{7}{25} = \frac{7 \times 4}{25 \times 4} = \frac{28}{100} \quad \text{ta được hai phân số } \frac{28}{100} \text{ và } \frac{3}{100}$$

- HS đổi chéo bài kiểm tra
- HS nhận xét bài bạn
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu bài
- Quy đồng mẫu số các phân số

? Để quy đồng được mẫu số ta làm như thế nào?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng.

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra

- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Tìm phân số thích hợp (theo mẫu).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

- HS trả lời

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

a) $\frac{2}{5}$; $\frac{13}{15}$ và $\frac{19}{45}$ MSC là 45

$$\frac{2}{5} = \frac{2 \times 9}{5 \times 9} = \frac{18}{45}$$

$$\frac{13}{15} = \frac{13 \times 3}{15 \times 3} = \frac{39}{45}$$

ta được các phân số $\frac{18}{45}$; $\frac{39}{45}$ và $\frac{19}{45}$

b) $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{16}$ MSC là 16

$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 8}{2 \times 8} = \frac{8}{16}$$

$$\frac{3}{8} = \frac{3 \times 2}{8 \times 2} = \frac{6}{16}$$

$$\frac{5}{4} = \frac{5 \times 4}{4 \times 4} = \frac{20}{16}$$

ta được các phân số $\frac{8}{16}$; $\frac{6}{16}$; $\frac{20}{16}$ và $\frac{7}{16}$

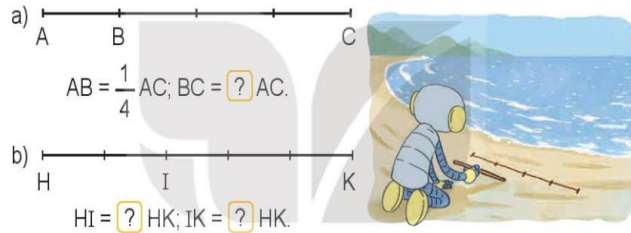
- HS đổi chéo bài kiểm tra

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu bài

- Tìm phân số



- GV phân tích mẫu phần a

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.

- GV nhận xét và tuyên dương

Bài 4. Viết $2; \frac{1}{6}; \frac{3}{4}$ thành ba phân số đều có mẫu số là 12.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm 3

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- GV nhận xét và tuyên dương

- HS lắng nghe và nhận xét.

a) $AB = \frac{1}{4} AC; BC = \frac{3}{4} AC$

- HS làm bài theo nhóm đôi

- HS chia sẻ kết quả tìm được

- HS nhận xét bài bạn.

b) $HI = \frac{2}{5} HK; IK = \frac{3}{5} AC$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

- HS đọc yêu cầu bài

- Viết các phân số thành phân số có mẫu là 12.

- HS làm bài theo nhóm

- HS nêu kết quả tìm được

- HS nhận xét bài bạn.

$\frac{24}{12}; \frac{2}{12}; \frac{9}{12}$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 5. Đố em.

- GV cho HS tham gia trò chơi
- GV nêu cách chơi



Em hãy cùng Mai tìm cách giúp Nam.

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm đôi
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.
- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả
- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- HS lắng nghe
- HS xung phong tham gia chơi.
- HS chia sẻ kết quả nhóm
- HS lớp nhận xét bài bạn
- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Tiết 27 - Hát: Ước mơ

Thời lượng 1 tiết ngày thực hiện .../3/2024

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực âm nhạc

- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái bài *Ước mơ*. Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm và vận động. Biết hát với các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.

2. Phát triển Năng lực chung và Phẩm chất

- *Về năng lực chung*: Góp phần phát triển năng lực tự chủ và tự học (qua hoạt động cá nhân); Năng lực giao tiếp và hợp tác (qua hoạt động cặp đôi; nhóm; tổ và cả lớp); Năng lực Sáng tạo (qua hoạt động biểu diễn bài hát và gõ đệm)

- *Về phẩm chất*: Góp phần giáo dục học sinh biết nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng trong những năm tháng tuổi thơ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Đàn phím điện tử
- Chơi đàn và hát trôi chảy, thuần thục bài *Ước mơ*.
- Tập một số động tác vận động cho bài *Ước mơ*


2. Học sinh:

- Có một trong số các nhạc cụ gõ như: thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bơ-rin, trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát, hoặc nhạc cụ gõ tự làm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động: (3-4 phút)	
* <i>Mục tiêu</i> : Tạo tâm thế thoải mái, phấn khởi trước khi vào giờ học	

<p>*. Cách tiến hành:</p> <p>GV cho HS chia sẻ những ước mơ của mình.</p> <p>- GV bổ sung nhận xét, đánh giá.</p>	<p>Hoạt động cả lớp</p> <p>- HS chia sẻ ước mơ của mình: ước mơ làm cô giáo, bác sỹ, công an, bộ đội...</p> <p>- HS dưới lớp nhận xét</p>
<p>2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: Học hát Ước mơ</p> <p>*. Mục tiêu: -Hát đúng cao độ, trường độ sắc thái bài <i>Ước mơ</i>. Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm theo nhịp, phách.</p>	
<p>*. Cách tiến hành:</p> <p>- Giới thiệu tác giả và tác phẩm</p> <p>- Hướng dẫn HS đọc lời ca</p> <p>- GV mở băng mẫu (hoặc hát mẫu).</p> <p>- GV hướng dẫn HS khởi động giọng</p> <p>- Tổ chức dạy hát (GV kết hợp đệm đàn)</p> <p>- Dạy hát từng câu nối tiếp kết hợp sửa sai về cao độ, trường độ, nhịp, phách.</p> <p>- Hướng dẫn HS ghép cả bài</p>	<p>*Hoạt động cả lớp: Học sinh học hát Ước mơ</p> <p>- Biết về bài hát <i>Ước mơ</i> là bài hát nhạc Trung Quốc, do tác giả An Hòa đặt lời Việt. Bài hát có giai điệu thiết tha, trìu mến, nói về khung cảnh thiên nhiên trong sáng và những ước mơ của trẻ em được sống trong một thế giới bình yên, tươi đẹp.</p> <p>- Thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên:</p> <p>+ 1 HS đứng dậy đọc lời ca cả lớp đọc thầm</p> <p>- Lắng nghe vừa vận động cơ thể vừa biểu lộ cảm xúc.</p> <p>- Thực hiện luyện mẫu âm theo hướng dẫn của GV</p> <p>- HS học hát từng câu theo hướng dẫn của giáo viên (câu + nối câu + cả bài)</p>

<p>* Hướng dẫn HS luyện tập thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát kết hợp gõ đệm hoặc vỗ tay theo nhịp hoặc nhịp phân đôi - GV theo dõi bao quát, hướng dẫn, sửa sai kịp thời cho HS. <p>* Luyện tập- thực hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát ghép cả bài theo nhạc đệm với các hình thức: cá nhân,tổ,nhóm. * Hoạt động cả lớp: HS thực hành theo hướng dẫn của GV.  <p>* Hoạt động theo nhóm (tổ)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hát gõ đệm theo nhịp kết hợp với nhạc đệm. - Luyện theo hướng dẫn của GV + Tổ 1 hát } + Tổ 2,3 đệm và ngược lại <p>* Hoạt động cả lớp: HS trình diễn trước lớp (1HS hát + 1 gõ đệm): có thể mời 02-03 lượt trình bày trước lớp</p>
<p>3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm: (4-5 phút)</p> <p>*.Mục tiêu: Học sinh biết liên hệ bài học với cuộc sống (có ước mơ cho bản thân, ước mơ sống trong bình yên).</p>	
<p>*.Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu nội dung bài học - Giáo viên tra vấn về phẩm chất qua bài hát - Nhắc học sinh về tập biểu diễn cho bố mẹ, anh chị xem - Sáng tạo một số động tác phụ họa 	<p>Hoạt động cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu nội dung bài học - HS liên hệ bản thân: : qua bài học, chúng ta cần biết nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng trong những năm tháng tuổi thơ. - HS cả lớp trình bày lại bài hát kết hợp

phù hợp cho bài hát - Nhận xét tiết học.	vũ tay theo nhịp và vận động theo nhạc.
---	---

.....

Khoa học
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố được kiến thức về 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.
- Vận dụng được kiến thức đã học đưa ra cách ứng xử trong tình huống về 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.
- Giải thích được một số việc nên và không nên làm ở 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.
- Rèn luyện kỹ năng hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: <i>Hộp quà âm nhạc</i> để khởi động bài học. Nội dung: + Nêu tên các bài học mà em đã được học trong 2 chủ đề: Năm, Con người và sức khỏe. + Trong các nội dung bài học đã học, em thích nhất nội dung của chủ đề nào? Hãy chia sẻ nội dung em thích? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS nêu tên các bài học. - HS chia sẻ ý kiến của mình - HS lắng nghe.
2. Hoạt động luyện tập: - Mục tiêu:	

+ Củng cố được kiến thức về 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.

+ Vận dụng được kiến thức đã học đưa ra cách ứng xử trong tình huống về 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.

+ Giải thích được một số việc nên và không nên làm ở 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Ôn lại các kiến thức của 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe (Thảo luận nhóm 4)

- YC HS xem lại kiến thức trong 2 chủ đề: Nấm, Con người và sức khỏe đã học.

- GV chia HS thành 6 nhóm 4, mời đại diện các nhóm lên nhận nhiệm vụ và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

* Nhóm 1, 3, 5: Thảo luận nội dung về chủ đề Nấm

+ Câu 1: Nêu đặc điểm, một số bộ phận của nấm?

+ Câu 2: Nấm được tìm thấy nhiều nhất ở đâu?

+ Câu 3: Nấm ăn cung cấp những dưỡng chất nào ?

+ Câu 4: Nêu cách bảo quản phù hợp để tránh nấm mốc

- HS xem lại kiến thức

- HS chia thành các nhóm 4, đại diện các nhóm lên nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu.

+ Nấm có hình dạng kích thước và màu sắc khác nhau, nơi sống đa dạng (gỗ mục, rơm rạ, góc tường nhà, trên bánh mì để lâu ngày,...). Một số bộ phận của nấm: mũ nấm, thân nấm, chân nấm.

+ Nấm được tìm thấy nhiều nhất ở: Cây gỗ mục, lá cây mục, thức ăn để lâu ngày.

+ Nấm ăn cung cấp những dưỡng chất: chất đạm, chất xơ, vi-ta-min.

+ Cách bảo quản phù hợp để tránh nấm

<p>cho thực phẩm trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>*Nhóm 2, 4, 6: Thảo luận nội dung về chủ đề Con người và sức khỏe</p> <p>+ Câu 1: Em hãy nêu tên của các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn và nêu ví dụ thực phẩm trong mỗi nhóm dưỡng chất đó.</p> <p>+ Câu 2: Thực phẩm trong mỗi bữa ăn như thế nào được cho là có bữa ăn cân bằng?</p> <p>+ Câu 3: Kể dấu hiệu của người bị béo phì và nguyên nhân gây bệnh.</p> <p>+ Câu 4: Kể dấu hiệu của người bị thiếu máu sắt và nguyên nhân gây bệnh</p> <p>- YC HS báo cáo kết quả thảo luận</p> <p>- Mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.</p>	<p>mốc cho thực phẩm trong cuộc sống hàng ngày: Thực phẩm có thể bị hỏng do tác động của các nấm mốc. Để bảo quản thực phẩm chúng ta cần sử dụng một số biện pháp như sấy khô, làm lạnh, ...</p> <p>+ Các nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn: chất bột đường, chất đạm, chất béo, vitamin và chất khoáng. HS nêu VD.</p> <p>+ Ăn đủ 3 bữa 1 ngày, đa dạng thức ăn thuộc 4 nhóm chất dinh dưỡng.</p> <p>+ HS nêu dấu hiệu và nguyên nhân.</p> <p>+ HS nêu dấu hiệu và nguyên nhân.</p> <p>- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận</p> <p>- HS các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>Hoạt động 3: Trò chơi “Những điều em biết” (Làm việc theo nhóm đôi)</p> <p>- GV nêu luật chơi, hướng dẫn cách chơi.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm đôi, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi.</p> <p>+ Câu 1: Sản phẩm nào là sản phẩm lên men sử dụng nấm men?</p> <p>a. Sữa chua b. Bánh bao c. Bánh đậu xanh.</p> <p>+ Câu 2: Nấm ăn không cung cấp dưỡng chất nào sau đây?</p>	<p>- HS lắng nghe cách chơi</p> <p>- Học sinh trả lời bằng bảng con:</p> <p>+ Câu 1: b. Bánh bao</p>

a. Chất đạm b. Vi-ta-min c. Chất xơ

+ Câu 3: Nấm mốc thường có màu gì?

a. Màu vàng. b. Màu đỏ. c. Màu xanh.

+ Câu 4: Thức ăn nào thuộc nhóm chất bột đường?

a. Lạc. b. Cá, thịt. c. Bánh mì.

+ Câu 5: Theo em, trẻ em không nên sử dụng thường xuyên thực phẩm nào sau đây ?

a. Khoai tây chiên, gà rán.
b. Thịt luộc, canh bí đỏ.
c. Cá, tôm, cua.

+ Câu 6: Vận động thể thao thường xuyên giúp ngăn ngừa bệnh gì?

a. Bệnh còi xương ở trẻ.
b. Bệnh béo phì, thừa cân.
c. Bệnh thiếu máu, thiếu sắt.

Câu 7: Nhóm tinh bột đường có vai trò như thế nào với trẻ em?

a. Cung cấp chất đạm cho trẻ em.
b. Cung cấp cho trẻ em nhiều năng lượng.
c. Gây cho bệnh béo phì.

- GV nêu cách chơi
- Mời các nhóm bắt thăm
- Yêu cầu các nhóm thảo luận, thực hiện yêu cầu trò chơi, trình bày, nhận xét

- GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương.

+ Câu 2: a. Chất đạm

Câu 3: c. Màu xanh.

Câu 4: c. Bánh mì.

Câu 5: a. Khoai tây chiên, gà rán.

Câu 6: b. Bệnh béo phì, thừa cân.

Câu 7: b. Cung cấp cho trẻ em nhiều năng lượng.

- HS lắng nghe.

- HS bắt thăm.

- Các nhóm thảo luận.

- Các nhóm khác đánh giá nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “*Em là tuyên truyền viên nhí*”

+ GV đã dặn HS chuẩn bị các bức tranh, ảnh về các tình trạng, nguyên nhân, tác hại của bệnh béo phì ở trẻ em.

- GV đánh giá, nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- HS thuyết trình về tranh, ảnh của mình tuyên truyền về các tình trạng, nguyên nhân, tác hại của bệnh béo phì ở trẻ em.

- HS lắng nghe, bổ sung, bình chọn cho các bạn.

- Học sinh lắng nghe yêu cầu.

- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....



Thứ năm, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 6)

(ĐỀ DO NHÀ TRƯỜNG RA ĐỀ)

.....
Toán

Bài 59: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. Đọc, viết phân số.
- Nhận biết được các phân số bằng nhau.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- Thực hiện được việc rút gọn phân số
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi
+ Câu 1: So sánh hai phân số: $\frac{27}{24}$ và $\frac{5}{6}$	+ Trả lời:
	+ $\frac{27}{24} > \frac{5}{6}$
+ Câu 2: Quy đồng hai phân số: $\frac{7}{5}$ và $\frac{15}{35}$;	+ $\frac{7}{5}$ và $\frac{15}{35}$; $\frac{7}{5} = \frac{7 \times 7}{5 \times 7} = \frac{49}{36}$ vậy ta được $\frac{15}{35}$ và $\frac{49}{35}$;
- GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe.
- GV dẫn dắt vào bài mới	
2. Luyện tập:	
- Mục tiêu:	
- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.	
- Quy đồng được mẫu số của các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số	

còn lại).

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến khái niệm phân số.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số?
(Làm việc cá nhân).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

Bài 1. (Làm việc cá nhân) $>$, $<$, $=$?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài

+ Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn học sinh cách làm

a) $\frac{21}{23} \boxed{?} \frac{19}{23}$ $\frac{8}{5} \boxed{?} \frac{49}{30}$ $\frac{20}{36} \boxed{?} \frac{5}{9}$

b) $\frac{11}{15} \boxed{?} \frac{11}{17}$ $\frac{26}{13} \boxed{?} 2$ $3 \boxed{?} \frac{16}{5}$

c) $\frac{8}{9} \boxed{?} 1$ $1 \boxed{?} \frac{31}{27}$ $\frac{8}{9} \boxed{?} \frac{31}{27}$

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng.

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra

- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS đọc yêu cầu bài

- Quy đồng mẫu số các phân số

- HS trả lời

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

- 1 HS nêu cách làm.

- HS lần lượt làm :

a) $\frac{21}{23} \boxed{>} \frac{19}{23}$ $\frac{8}{5} \boxed{<} \frac{49}{30}$ $\frac{20}{36} \boxed{>} \frac{5}{9}$

b) $\frac{11}{15} \boxed{>} \frac{11}{17}$ $\frac{26}{13} \boxed{=} 2$ $3 \boxed{<} \frac{16}{5}$

c) $\frac{8}{9} \boxed{<} 1$ $1 \boxed{<} \frac{31}{27}$ $\frac{8}{9} \boxed{<} \frac{31}{27}$

- HS đổi chéo bài kiểm tra

- HS nhận xét bài bạn

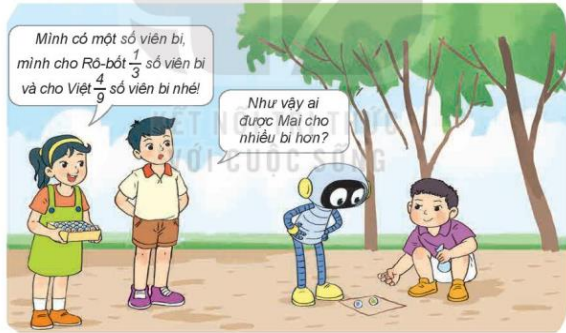
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Đ, S? (Làm việc nhóm 2).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?



a) Rô-bốt nói: Mình được Mai cho nhiều bi hơn Việt.

b) Việt nói: Mình được Mai cho nhiều bi hơn Rô-bốt.

- GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

Có 1 cái bánh pi-da, Việt ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh,

Mi ăn $\frac{1}{6}$ cái bánh, Mai ăn $\frac{1}{3}$ cái bánh.

Bạn nào ăn ít bánh nhất?

A. Việt B. Mi C. Mai

? Để tìm được bạn nào ăn ít nhất ta dựa vào đâu?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời

- HS thảo luận nhóm đôi

- HS nhóm chia sẻ kết quả

a) Rô-bốt nói: Mình được Mai cho nhiều

bi hơn Việt

b) Việt nói: Mình được Mai cho nhiều

bi hơn Rô-bốt

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu bài

- Chọn câu trả lời đúng

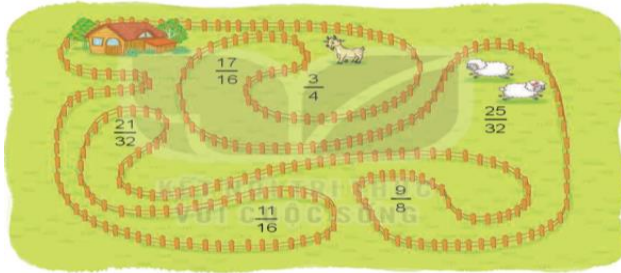
- HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 4. Hãy sắp xếp các phân số ở trong hàng rào theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?



? Những phân số nào nằm trong hàng rào?

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm 3

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét và tuyên dương

- Quy đồng mẫu số và so sánh các số.

- HS chia sẻ kết quả.

Chọn B. Mi

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu bài

- Viết phân số theo thứ tự từ bé đến lớn.

- HS trả lời

- HS làm bài theo nhóm

- HS nêu kết quả tìm được

$$\frac{11}{16}; \frac{3}{4}; \frac{25}{32}; \frac{9}{8};$$

- HS nhận xét bài bạn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 5. Đố em!

Bờm có quả bưởi cân nặng $\frac{9}{8}$ kg, Cuội có quả thanh long cân nặng $\frac{31}{32}$ kg. Cuội khoe rằng quả của mình nặng hơn quả của Bờm. Không quy đồng mẫu số, em hãy cho biết Cuội nói đúng hay sai.

- GV cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”
- GV nêu cách chơi, hướng dẫn cách chơi
- HS nêu kết quả
- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS lắng nghe

- HS tham gia chơi.

- HS chia sẻ kết quả nhóm

Ta có: $\frac{9}{8} > 1$ và $\frac{31}{32} < 1$ vậy $\frac{9}{8} > \frac{31}{32}$ vậy Cuội nói sai.

- HS lớp nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử và Địa lí

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Khái quát và hệ thống được kiến thức về vị trí địa lí, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội của 2 vùng: vùng duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên

- Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Suu tầm và giới thiệu được một số phương tiện hỗ trợ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động về Lịch sử, Địa lí.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập	

<p>trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS xem video về Di tích quần thể Cố đô Huế để khởi động bài học.</p> <p>https://youtu.be/E7rAOnkHRn4</p> <p>+ Di tích quần thể Cố đô Huế nằm ở đâu?</p> <p>+ Ngọ Môn được gọi là khu vực gì?</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, giới thiệu vào bài mới.</p>	<p>- HS quan sát video và trả lời một số câu hỏi</p> <p>+ Di tích quần thể Cố đô Huế nằm dọc hai bên bờ sông Hương thuộc thành phố Huế.</p> <p>+ Ngọ Môn chính là khu vực hành chính tối cao của triều đình nhà Nguyễn.</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Khái quát và hệ thống được kiến thức về vị trí địa lí, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội của 2 vùng: vùng duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên.</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Khái quát và hệ thống được kiến thức về vị trí địa lí, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội vùng duyên hải miền Trung</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm 2 và trả lời các câu hỏi</p> <p>? Duyên hải miền Trung có địa hình như thế</p>	<p>- HS sinh hoạt nhóm 2, thảo luận và trả</p>

<p>nào?</p> <p>? Duyên hải miền Trung có hoạt động sản xuất và đời sống phụ thuộc vào đâu?</p> <p>? Quần thể cố đô Huế liên quan đến triều đại nào?.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Duyên hải miền Trung có địa hình đa dạng: phía tây là dãy Trường Sơn; phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp.... + Duyên hải miền Trung có hoạt động sản xuất và đời sống gắn liền với biển. + Quần thể cố đô Huế liên quan đến triều đại nhà Nguyễn <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>Hoạt động 2: Khái quát và hệ thống được kiến thức về vị trí địa lí, nhân vật lịch sử, di tích lịch sử, lễ hội vùng Tây Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm 2 và trả lời các câu hỏi + Tây Nguyên có vị trí, đặc điểm như thế nào? + Kể tên các kiểu rừng của Tây Nguyên? <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện nhóm lên chia sẻ kết quả - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận. + Tây Nguyên có đặc điểm địa hình gồm nhiều cao nguyên với mặt bằng rộng lớn và có độ cao khác nhau. + Tây Nguyên có kiểu rừng tự nhiên trong đó kiểu rừng rậm nhiệt đới chiếm nhiều nhất. <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả. - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 3: Trò chơi “Những điều em biết” (Làm việc chung cả lớp)

- GV nêu luật chơi, hướng dẫn cách chơi.
- GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng thảo luận và trả lời các câu hỏi.

+ Câu 1: Rừng có vai trò như thế nào với rừng Tây Nguyên?

- a. Rất lớn b. Rất nhỏ
- c. Chỉ là hỗ trợ chống sói mòn

+ Câu 2: Hang Sơn Đòong thuộc tỉnh nào?

- a. Quảng Ninh
- b. Quảng Bình
- c. Quảng Trị

+ Câu 3: Đặc điểm sông ngòi của vùng Duyên hải miền Trung

- a. Sông ngòi thưa thớt
- b. Sông và nhiều thác.
- c. Sông ngòi dày đặc.

+ Câu 4: Kể tên một số thuận lợi ở vùng Duyên hải miền Trung?

- a. Có nhiều bãi biển.
- b. Có các đồng bằng.
- c. Nhiều bãi biển, nhiều đồng bằng, thuận lợi cho việc trồng trọt và nuôi trồng thủy hải sản.

+ Câu 5: Lễ khai mạc Festival ở Hế được tổ chức bao nhiêu năm 1 lần:

- a. 2 năm một lần.
- b. 3 năm một lần.
- c. 4 năm một lần.

+ Câu 6: Cái gì được gắn liền với hơi thở của Hội An?

- a. Đèn Lồng b. Sáo trúc c. Đàn đá

Câu 7: Đặc điểm của dân cư ở vùng Tây

- HS lắng nghe cách chơi
- Học sinh trả lời bằng bảng con:

+ Câu 1: a. Rất lớn

+ Câu 2: b. Quảng Bình

Câu 3: c. Sông ngòi dày đặc.

Câu 4: c. Nhiều bãi biển, nhiều đồng bằng, thuận lợi cho việc trồng trọt và nuôi trồng thủy hải sản.

Câu 5: a. 2 năm một lần.

<p>Nguyên</p> <p>a. Dân cư đông đúc, đều là dân tộc Kinh. b. Dân cư tập trung ở vùng rừng núi. c. Dân cư thưa thớt, không đồng đều.</p> <p>Câu 8: Động Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc vùng nào?</p> <p>a. Vùng Duyên hải miền Trung b. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. c. Vùng Tây Nguyên.</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương</p>	<p>Câu 6: a. Đền Lồng</p> <p>Câu 7: c. Dân cư thưa thớt, không đồng đều.</p> <p>Câu 8: a. Vùng Duyên hải miền Trung.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”</p> <p>+ Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm trên bản đồ các tỉnh của vùng Duyên Hải miền Trung và vùng Tây Nguyên. Tổ nào tìm đúng, nhiều và nhanh nhất là thắng cuộc.</p> <p>+ GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.</p> <p>+ Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh lắng nghe luật trò chơi.</p> <p>+ Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

BÀI 59: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Củng cố quy đồng và rút gọn phân số, giải toán thực tế có liên quan(ôn tập).

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. *Học sinh:* Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. <i>HD khởi động:</i> (3-5')	

- GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ:

+ Câu 1:

+ Câu 2:

- GV Nhận xét, tuyên dương.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 73. Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. a. Quy đồng mẫu số các phân số ?

$$\frac{1}{7} \text{ và } \frac{5}{21} \qquad \frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{72} \qquad \frac{13}{20} \text{ và } \frac{43}{100}$$

b) Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.

$$\frac{9}{12} \text{ và } \frac{11}{20} \qquad \frac{8}{24} \text{ và } \frac{8}{27}$$

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

- HS lắng nghe.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

-Hs làm bài

- Hs trả lời làm vở cá nhân

Đưa về phân số có mẫu số giống nhau

- HS đổi vở soát nhận xét

Thực hiện tính nháp ghi kết quả vào cột tương ứng:

$$\frac{1}{7} = \frac{1 \times 3}{7 \times 3} = \frac{3}{21}$$

Cho làm vở cá nhân, đổi vở soát nhận xét theo bàn

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: Cách quy đồng mẫu số các phân số**

Vậy

$$\frac{1}{7} \text{ và } \frac{5}{21} \text{ sau khi QĐ được } \frac{3}{21} \text{ và } \frac{5}{21}$$

$$\frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{72}$$

$$\text{Ta có } \frac{5}{6} = \frac{60}{72}$$

$$\text{vậy sau khi QĐ } \frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{12}$$

$$\text{ta được } \frac{60}{72} \text{ và } \frac{7}{72}$$

$$\frac{13}{20} \text{ và } \frac{43}{100} \text{ sau khi QĐ}$$

$$\text{ta được } \frac{65}{100} \text{ và } \frac{43}{100}$$

$$b. \frac{9}{12} \text{ và } \frac{11}{20}$$

$$\text{rút gọn được } \frac{3}{4} \text{ và } \frac{11}{20}$$

$$\text{QĐ được } \frac{15}{20} \text{ và } \frac{11}{20}$$

$$\frac{8}{24} \text{ và } \frac{8}{27}$$

$$\text{rút gọn được } \frac{1}{3} \text{ và } \frac{8}{27}$$

$$\text{QĐ được } \frac{9}{27} \text{ và } \frac{8}{27}$$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu, làm nhóm 2: Thi nhóm ai nhanh hơn

Tìm mẫu số chung chia hết cho

Bài 2. Quy đồng mẫu số các phân số.:

$$a) \frac{1}{6}, \frac{17}{18} \text{ và } \frac{11}{54} ?$$

$$b) \frac{3}{4}, \frac{5}{6}, \frac{7}{9} \text{ và } \frac{17}{36}$$

Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

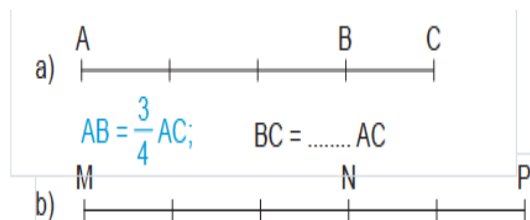
- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** cách quy đồng nhiều phân số

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm



- Bài yêu cầu gì?

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ cách làm

- Chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

các chữ số là mẫu số. Rồi thực hiện nhân thương với tử số tương ứng.

- HS làm bảng và phiếu nhóm, chữa, nhận xét

- HS trình bày..

$$\frac{1}{6}; \frac{17}{18} \text{ và } \frac{11}{54}$$

$$QĐ \text{ được } \frac{9}{54}; \frac{51}{54} \text{ và } \frac{11}{54}$$

$$\frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{7}{9} \text{ và } \frac{17}{36}$$

$$QĐ \text{ được } \frac{27}{36}; \frac{30}{36}; \frac{28}{36} \text{ và } \frac{17}{36}$$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS lắng nghe luật chơi ai nhanh hơn

- HS thực hiện trước lớp

Học sinh nối tiếp đọc đề nêu miệng khai thác đề cách làm (đếm số đoạn thẳng để chọn điền phân số tương ứng) và trình bày vào vở thi ai nhanh và đúng hơn

Kết quả

$$a. BC = \frac{1}{4} AC$$

$$b. MN = \frac{3}{5} MP, NP = \frac{2}{5} MP$$

<p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>→ Củng cố: cấu tạo phân số</p> <p>Bài 4: (Làm Cá nhân)</p> <p>Viết $3\frac{7}{8}; \frac{5}{6}$ thành 3 phân số đều có mẫu số là 24.</p> <p>GV cho HS làm vở</p> <p>- GV cho HS theo dãy</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài HS.</p> <p>→ Củng cố cách quy đồng phân số, viết số tự nhiên dưới dạng phân số</p> <p>3, Vận dụng trải nghiệm</p> <p>Đố em. Làm thế nào lấy được đoạn dây dài $\frac{1}{6}m$ từ đoạn dây dài $\frac{2}{3}m$.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>HS đọc đề, làm vở cá nhân, chia sẻ trước lớp cách làm, đổi vở soát, nhận xét.</p> <p>Đáp số</p> $\frac{72}{24}; \frac{21}{24}; \frac{20}{24}$ <p>Vì $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$ nên ta gấp đôi đoạn dây được 2 đoạn rồi lại gấp đôi lần nữa được 4 đoạn rồi cắt lấy 1 đoạn chính là $\frac{1}{6}$ của $\frac{2}{3}m$</p> <p>Ôn bài chuẩn bị bài tiết 3</p>
--	--

.....

Thứ sáu, ngày 22 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II (Tiết 7)

(ĐỀ DO NHÀ TRƯỜNG RA ĐỀ)

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 11: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ, PHÂN SỐ

Bài 60: PHÉP CỘNG PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số.
- Thực hiện phép cộng hai, ba phân số khác mẫu số, trong đó có một mẫu số chia hết

cho các mẫu số còn lại.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: So sánh hai phân số: $\frac{27}{24}$ và $\frac{5}{6}$</p> <p>+ Câu 2: Quy đồng hai phân số: $\frac{15}{35}$ và $\frac{7}{5}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời:</p> <p>+ $\frac{27}{24} > \frac{5}{6}$</p> <p>+ $\frac{7}{5}$ và $\frac{15}{35}$; $\frac{7}{5} = \frac{7 \times 7}{5 \times 7} = \frac{49}{36}$ vậy ta được $\frac{15}{35}$ và $\frac{49}{35}$;</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>- Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số.</p> <p>- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng các phân số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>* Tìm hiểu tình huống:</p> <p>- GV đưa tình huống (PP)</p>	<p>- HS quan sát trên màn chiếu tình huống.</p>



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi

? Viết tô màu mấy phần của băng giấy?

? Mai tô màu mấy phần của băng giấy?

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV đưa ra hai phân số mà 2 bạn tô được trên băng giấy.

GV yêu cầu HS đọc hai phân số

? Muốn tìm cả hai bạn đã tô màu vào mấy phần của băng giấy ta làm thế nào?

- GV nêu phép tính

- HS đọc phép tính

- GV hướng dẫn HS cách thực hiện cộng hai phân số.

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách thực hiện

? Hai phân số có điểm gì giống nhau?

- GV nhận xét

- GV nêu câu hỏi cộng hai phân số

? Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số

- HS thảo luận nhóm đôi

- Viết tô màu vào $\frac{1}{5}$ băng giấy

- Mai tô màu $\frac{2}{5}$ băng giấy

$$\frac{1}{5} \text{ và } \frac{2}{5}$$

- HS đọc phân số

- Ta cộng hai phân số lại với nhau.

$$\frac{1}{5} + \frac{2}{5}$$

- HS đọc phép tính

$$\frac{1}{5} + \frac{2}{5} = \frac{1+2}{5} = \frac{3}{5}$$

- HS nêu lại cách thực hiện.

- Hai phân số có cùng mẫu số

- HS nêu theo ý hiểu của mình.

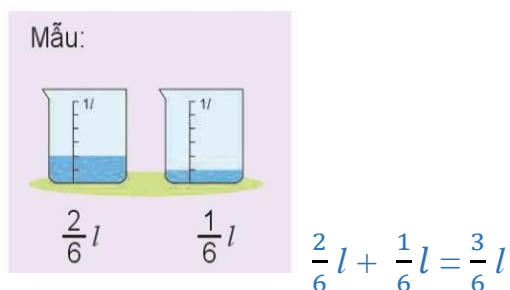
=> Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ

<p>ta làm thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt quy tắc cộng phân số. - GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc. - GV đưa ví dụ cho HS thực hành $\frac{4}{7} + \frac{6}{7}$ <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt 	<p>nguyên mẫu số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lại quy tắc. - HS thực hiện phép cộng hai phân số
<p>3. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số. - Vận dụng được phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số để giải các bài toán - Giải được bài toán thực tế liên quan đến khái niệm cộng hai phân số cùng mẫu số - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Tính (theo mẫu). (Làm việc cá nhân).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu bài - Bài yêu cầu gì? - GV hướng dẫn mẫu <p>Mẫu: $\frac{2}{3} + \frac{5}{3} = \frac{2+5}{3} = \frac{7}{3}$</p> <p>a) $\frac{2}{7} + \frac{4}{7}$ b) $\frac{23}{13} + \frac{8}{13}$ c) $\frac{27}{125} + \frac{16}{125}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài - HS trả lời - HS quan sát mẫu <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS làm bài vở

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra
- GV gọi HS nhận xét bài bạn
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Viết phép tính thích hợp (theo mẫu) (Làm việc nhóm 2).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài
- Bài yêu cầu gì?
- GV cho HS quan sát tranh và hướng dẫn mẫu



- GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi

- 3 HS làm trên bảng
- 1 HS nêu cách làm.
- HS lần lượt làm :

$$\text{a) } \frac{2}{7} + \frac{4}{7} = \frac{2+4}{7} = \frac{6}{7}$$

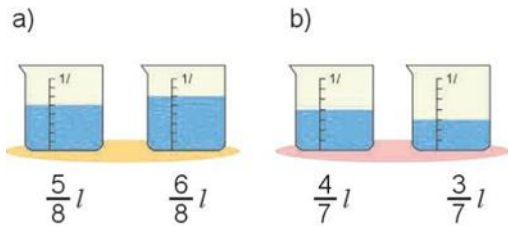
$$\text{b) } \frac{23}{13} + \frac{8}{13} = \frac{23+8}{13} = \frac{31}{13}$$

$$\text{c) } \frac{27}{125} + \frac{16}{125} = \frac{27+16}{125} = \frac{43}{125}$$

- HS đổi chéo bài kiểm tra
- HS nhận xét bài bạn
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu bài
- HS trả lời
- HS quan sát

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả



- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Số?

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

a) $\frac{7}{15} + \frac{\boxed{?}}{15} = \frac{10}{15}$ b) $\frac{9}{8} + \frac{2}{\boxed{?}} = \frac{11}{8}$

c) $\frac{6}{21} + \frac{9}{21} = \frac{15}{\boxed{?}}$

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương

- HS thảo luận nhóm đôi

- HS nhóm chia sẻ kết quả

a) $\frac{5}{8}l + \frac{6}{8}l = \frac{11}{8}l$

b) $\frac{4}{7}l + \frac{3}{7}l = \frac{7}{7}l$

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời

- HS làm bài cá nhân

a) $\frac{7}{15} + \frac{\boxed{3}}{15} = \frac{10}{15}$ b) $\frac{9}{8} + \frac{2}{\boxed{8}} = \frac{11}{8}$

c) $\frac{6}{21} + \frac{9}{21} = \frac{15}{\boxed{21}}$

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe

Bài 4.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- GV phân tích bài toán

? Bài toán cho biết gì?

? Bài toán hỏi gì?

- GV nêu tóm tắt cho HS

Tóm tắt

Ngày thứ nhất đọc: $\frac{2}{7}$ cuốn sách

Ngày thứ hai đọc: $\frac{3}{7}$ cuốn sách

Cả hai ngày đọc: ... cuốn sách?

- GV yêu cầu HS nêu lại bài toán từ tóm tắt

? Muốn biết được Mai đọc được bao nhiêu phần cuốn sách ta làm thế nào?

- GV yêu cầu HS làm bài.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- HS đọc yêu cầu bài

- Ngày thứ nhất, Mai đọc được $\frac{2}{7}$ cuốn sách, Ngày thứ hai, Mai đọc được $\frac{3}{7}$ cuốn sách.

- Cả hai ngày Mai đọc được bao nhiêu phần của cuốn sách?

- HS nêu lại bài toán

- HS trả lời

- HS làm bài vở, 1 HS làm bảng

Bài giải

Mai đọc được số phần của cuốn sách là:

$$\frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{7} \text{ (cuốn sách)}$$

Đáp số: $\frac{5}{7}$ cuốn sách

- HS nhận xét bài bạn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bài bạn - GV nhận xét và tuyên dương 	
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ví dụ và cho HS chơi trò chơi $\frac{4}{8} + \frac{9}{8}; \frac{11}{25} + \frac{8}{25}; \frac{113}{121} + \frac{9}{121}; \frac{81}{67} + \frac{19}{67}$ <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” - GV nêu cách chơi, hướng dẫn cách chơi - HS tham gia chơi - HS nêu kết quả - GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe - HS tham gia chơi. - HS chia sẻ kết quả $\frac{4}{8} + \frac{9}{8} = \frac{13}{8} \quad \frac{11}{25} + \frac{8}{25} = \frac{19}{25}$ $\frac{113}{121} + \frac{9}{121} = \frac{122}{121} \quad \frac{81}{67} + \frac{19}{67} = \frac{100}{67}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS lớp nhận xét bài bạn - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 7 GẮN KẾT GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ
TIẾT 3 - SINH HOẠT LỚP: HÁI HOA DÂN CHỦ VỀ CHỦ ĐỀ “GẮN KẾT
GIA ĐÌNH - QUÝ TRỌNG PHỤ NỮ”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được những việc làm gắn kết yêu thương trong gia đình
- Cảm nhận được cảm xúc khi gắn kết yêu thương trong gia đình
- Biết điều chỉnh cảm xúc để có thái độ và hành vi phù hợp

2. Năng lực chung.

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thực hiện được những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình phù hợp với hoàn cảnh, lứa tuổi bằng các cách khác nhau.
- Năng lực giao tiếp hợp tác: Giao lưu, chia sẻ, tạo gắn kết với người thân trong gia đình.
- Năng lực lập kế hoạch: Lập được kế hoạch thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình và cùng người thân thực hiện kế hoạch đó
- Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện các nhiệm vụ trong cuộc sống.
- Năng lực khai thác thông tin:

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện những việc làm đáng tự hào của bản thân. Tự giác thực hiện việc làm tạo sự gắn kết giữa những người thân trong gia đình.
- Phẩm chất nhân ái: Chủ động nhận diện, điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân với các thành viên trong gia đình; chủ động tạo sự gắn kết các thành viên trong gia đình bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** SGK, máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử

2. **Học sinh:** Giấy A4, bút viết, bút dạ..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>Khởi động:</p> <p>★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.</p> <p>★ Cách thực hiện: GV tổ chức cho HS hát (vỗ tay).</p> <p>Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần qua.</p> <p>a. Sơ kết tuần 27</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng tổ báo cáo - Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 27 - GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần. <p>Hoạt động 2. Phương hướng hoạt động tuần mới</p> <p>b. Phương hướng tuần 28</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục ổn định, duy trì nề nếp quy định. - Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra. - Tích cực học tập để nâng cao chất lượng. - Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát. - Thành viên được phân công báo cáo. - Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung ý kiến. - Lắng nghe cô giáo nhận xét. - Lắng nghe và bổ sung ý kiến cho tuần sau

sinh trường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt

- Thực hiện các hoạt động khác theo phân công

Hoạt động 2. Trò chơi “Hái hoa dân chủ chủ đề “ Gắn kết gia đình - Quý trọng phụ nữ”

★ **Mục tiêu:** Học sinh tham gia chơi tích cực, củng cố kiến thức về chủ đề.

★ **Cách thực hiện:**

1. Lựa chọn một bông hoa và thực hiện yêu cầu viết trên đó

Giáo viên yêu cầu học sinh

- Lựa chọn bông hoa trên cây được chuẩn bị trước, mở bông hoa và nói lên yêu cầu viết trong đó

- Học sinh thực hiện yêu cầu vừa đọc trong bông hoa em hái được

- Giáo viên nhận xét

2. Chia sẻ với bạn điều em đã làm để thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình và quý trọng phụ nữ

Giáo viên yêu cầu học sinh

+ Kể về một tình huống đã xảy ra liên quan tới việc em thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình và quý trọng phụ nữ;

+ Chia sẻ với bạn điều em đã làm để thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình và quý trọng phụ nữ

Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày trước lớp

- Học sinh nhận nhiệm vụ và tham gia trò chơi

- Học sinh làm theo yêu cầu của giáo viên

- Học sinh trình bày nội dung được yêu cầu.

- Các bạn còn lại chia sẻ cảm nghĩ nếu được yêu cầu

3. Đánh giá hoạt động : Em tự đánh giá mức độ thực hiện những việc dưới đây theo gợi ý

- GV tổ chức cho HS trao đổi và nêu những việc mình đã học được qua chủ đề.
- GV phát Phiếu đánh giá và yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự đánh giá và vẽ ngôi sao tương ứng với những việc các em đã làm.

- HS trao đổi theo gợi ý.

- HS nhận phiếu

Phiếu đánh giá

Họ và tên: Lớp: Trường:

1. Tự đánh giá và bạn đánh giá em

Tô màu vào ☆ với mỗi nội dung em tự đánh giá và bạn đánh giá em theo gợi ý:

Hoàn thành tốt: ☆☆☆ Hoàn thành: ☆☆ Chưa hoàn thành: ☆

STT	Nội dung	Em tự đánh giá	Bạn đánh giá em
1	Nêu các cách tạo sự gắn kết yêu thương với những người thân trong gia đình.	☆☆☆	☆☆☆
2	Lập kế hoạch và thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương với những người thân trong gia đình.	☆☆☆	☆☆☆
3	Nhận diện khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ với người thân trong gia đình trong một số tình huống đơn giản.	☆☆☆	☆☆☆
4	Thực hành thể hiện sự điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ với các thành viên trong gia đình.	☆☆☆	☆☆☆

2. Ý kiến của người thân

.....

.....

3. Ý kiến của giáo viên

.....

.....

- GV tổ chức cho HS đánh giá đồng đẳng, trao đổi để xin ý kiến của bạn về những hoạt động mình đã tham gia trong chủ đề.

- GV yêu cầu HS về nhà xin ý kiến người thân và ghi vào Phiếu đánh giá.

- GV ghi nhận xét vào Phiếu đánh giá.

Giáo viên gợi ý :

- Đánh giá các hoạt động sau theo 3 mức với biểu tượng ngôi sao
- Mức 1, 3 ngôi sao: hoàn thành tốt

- Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

Các nội dung đánh giá:

- Nêu cách tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình
- Lập kế hoạch và thực hiện những việc làm tạo sự gắn kết yêu thương với người thân trong gia đình
- Nhận diện khả năng điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ với người thân trong gia đình

<ul style="list-style-type: none"> - Mức 2, 2 ngôi sao: hoàn thành - Mức 3, 1 ngôi sao: chưa hoàn thành 	<p>trong một số tình huống đơn giản Thực hành thể hiện sự điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ với người thân trong gia đình</p>
<p>Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS khái quát những việc làm thể hiện rèn luyện gắn kết yêu thương với gia đình - Biết thể hiện cảm xúc yêu thương khi thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình và quý trọng phụ nữ - Học sinh cam kết thực hiện những việc làm thể hiện sự tôn trọng phụ nữ và những việc làm gắn kết yêu thương gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái quát.



Mỹ Thuật

Chủ đề 6: GIA ĐÌNH LÀ TẤT CẢ

Bài 11: GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Biết lựa chọn hình ảnh, nội dung về chủ đề gia đình.
- Thể hiện được khoảng cách, vị trí cho các yếu tố tạo hình.
- Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.
- Thể hiện được tình cảm và ý thức được tinh thần trách nhiệm của bản thân đối với gia đình thông qua SPMT.

1. Về phẩm chất.

- Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS.
- Phát triển tình cảm gắn kết với gia đình, bạn bè. Xây dựng tinh thần trách nhiệm của bản thân với gia đình.

- Phân tích được vẻ đẹp của SPMT và ứng dụng vào thực tế cuộc sống, qua đó trân trọng, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên, môi trường sống xung quanh.
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, vật liệu để thực hành sáng tạo.
- Biết cách sử dụng, bảo quản các vật liệu đồ dùng: tự giác và nỗ lực học tập.
- Xây dựng tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Biết chia sẻ thảnh thắn, chân thực suy nghĩ của mình trong trao đổi, nhận xét sản phẩm.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

- *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ*: Biết quan sát các hình ảnh, hoạt động hàng ngày trong gia đình và hiểu được giá trị của tình cảm gia đình. Lựa chọn được hình ảnh, kỉ niệm cùng người thân trong gia đình mà mình nhớ, mình ấn tượng nhất đưa vào sản phẩm.

- *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ*: Thực hiện được bài thực hành chủ đề về gia đình và trang trí được đồ vật với chất liệu tự chọn bằng các yếu tố tạo hình, nét, mảng, màu,...

- *Phân tích đánh giá thẩm mỹ*: Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của hình ảnh, đồ vật và nêu được công dụng của SPMT trong đời sống hàng ngày. Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học tập, thực hành, trưng bày, chia sẻ, cảm nhận sản phẩm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết dùng vật liệu và công cụ để thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

- *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kỹ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

- *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào việc sắp xếp khoảng cách, vị trí, bố cục các yếu tố trang trí.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

- Hình thức tổ chức: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).

- SGK, SGV, KHBD

- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.

- Một số sản phẩm mỹ thuật của HS với chủ đề sáng tạo cùng hình và chữ

2. Học sinh.

- SGK. VBT

- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...

- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

Kế hoạch học tập.

Tiết	Bài	Nội dung	Hoạt động
1	Bài 11: Gia đình yêu thương.	- Quan sát xây dựng ý tưởng và thực hành sản phẩm chủ đề Gia đình yêu thương.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và

2	Bài 11: Gia đình yêu thương. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	sáng tạo. - Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.
3	Bài 12: Trang trí đồ vật.	- Tìm hiểu trang trí đồ vật trong gia đình, cách tạo ra các sản phẩm và thực hành tạo ra được sản phẩm theo ý thích.	- Quan sát và nhận thức. - Thực hành và sáng tạo.
4	Bài 12: Trang trí đồ vật. (Tiếp theo)	- Hoàn thiện bài, trình bày, phân tích đánh giá và vận dụng phát triển.	- Phân tích và đánh giá. - Vận dụng.

- Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất tại cơ sở, năng lực tiếp nhận kiến thức của HS, GV có thể chủ động điều chỉnh nội dung, linh hoạt bố trí thời gian thực hiện hoạt động ở mỗi tiết cho phù hợp nhưng phải đảm bảo HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong chủ đề.

A. QUAN SÁT - NHẬN THỨC.

* HOẠT ĐỘNG 1: Là hoạt động quan sát thực tế, tranh, ảnh sản phẩm mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm nhằm khám phá nhận thức thẩm mỹ.	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS sinh hoạt đầu giờ. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi. <p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS cảm nhận được vẻ đẹp của SPMT về chủ đề gia đình và hình thành được ý tưởng thể hiện SPMT. <p>* Nội dung hoạt động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS sinh hoạt. - HS cảm nhận, ghi nhớ và phát huy linh hội.

<p>- GV hướng dẫn HS quan sát và định hướng ý tưởng thông qua các câu hỏi trong SGK trang 49.</p> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <p>- HS hình thành ý tưởng thể hiện SPMT về chủ đề gia đình yêu thương.</p> <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <p>- GV giới thiệu một số tranh ảnh ở SGK trang 48,49 sưu tầm về tranh, ảnh SPMT về chủ đề và đặt câu hỏi phân tích.</p> <p>- GV có thể lồng ghép một số trò chơi cho tiết học thêm sinh động.</p> <p>- GV căn cứ tình hình của lớp, có thể tổ chức hoạt động nhóm thảo luận.</p> <p>- GV đưa ra những câu hỏi yêu cầu thảo luận tìm hiểu về nội dung màu sắc, bố cục, chất liệu như:</p> <p>+ <i>Hoạt động nào được thể hiện trong sản phẩm?</i></p> <p>+ <i>Những hoạt động thường gặp trong gia đình em?</i></p> <p>+ <i>Cách sắp xếp bố cục các nhân vật trong các SPMT?</i></p> <p>+ <i>Những chất liệu nào được sử dụng trong các SPMT?</i></p> <p>+ <i>Cảm xúc của em khi quan sát các SPMT về gia đình?</i></p> <p>* GV lưu ý: Hoạt động thân quen thường ngày giúp gắn kết, thể hiện được</p>	<p>- HS quan sát tranh, ảnh trong SGK trang 48, 49 hoặc do GV sưu tầm và cảm nhận được vẻ đẹp của SPMT về chủ đề gia đình.</p> <p>- HS cảm nhận và ghi nhớ.</p> <p>- HS thực hiện trò chơi.</p> <p>- HS thảo luận nhóm.</p> <p>+ <i>HS trả lời.</i></p> <p>+ <i>HS trả lời.</i></p> <p>+ <i>HS trả lời.</i></p> <p>+ <i>HS trả lời.</i></p>
--	---

<p>* Sản phẩm học tập.</p> <p>- HS tạo được SPMT đúng chủ đề với chất liệu tự chọn.</p> <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <p>- GV cho HS quan sát các bước thực hiện SPMT ở SGK trang 50.</p> <p>- GV hướng dẫn HS các bước thực hiện SPMT thông qua các câu hỏi dự vào gợi ý thực hiện sản phẩm.</p> <p>+ Bài tập thực hành:</p> <p>- Hãy sử dụng hình thức vẽ, xé, dán hoặc đắp nổi đất nặn thể hiện một sản phẩm về gia đình.</p> <p>- GV cho HS tham khảo các SPMT ở SGK trang 51 hoặc các sản phẩm do GV và HS sưu tầm.</p> <p>* GV chốt: <i>Vậy là chúng ta đã nắm được các bước sáng tạo SPMT về chủ đề Gia Đình Yêu Thương và thực hành tạo được sản phẩm theo nội dung, hình thức lựa chọn ở hoạt động 2.</i></p> <p>* củng cố dặn dò.</p> <p>- Chuẩn bị tiết sau.</p>	<p>- HS thực hành, sáng tạo sản phẩm theo chủ đề <i>Gia Đình Yêu Thương</i> với chất liệu tự chọn.</p> <p>- HS quan sát các bước thực hiện SPMT ở SGK trang 50.</p> <p>- HS thực hiện các bước làm sản phẩm.</p> <p>- HS thực hành.</p> <p>- HS tham khảo các SPMT ở SGK trang 51.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p>- HS ghi nhớ.</p>
--	---

.....

Ôn Toán

BÀI 59: LUYỆN TẬP CHUNG -TRANG 73-74 (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Củng cố so sánh phân số
- Giải toán có lời văn liên quan đến so sánh phân số (bổ sung)
- Thông qua hoạt động luyện tập thực hành, vận dụng giải bài toán thực tế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động: (3-5')</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

4/ 73-74 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1.(Làm cá nhân)>;<;= ?

a) $\frac{32}{37} \square \frac{31}{37}$	$\frac{5}{6} \square \frac{17}{24}$	$\frac{35}{56} \square \frac{5}{8}$
b) $\frac{13}{17} \square \frac{13}{18}$	$\frac{45}{15} \square 3$	$2 \square \frac{15}{7}$
c) $\frac{12}{13} \square 1$	$1 \square \frac{43}{39}$	$\frac{12}{13} \square \frac{43}{39}$

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

➔ **Củng cố:** so sánh phân số cùng tử số, cùng mẫu số, so sánh phân số với 1

Bài 2. Đ.S ?

Mai có một số viên bi. Mai cho Nam $\frac{1}{2}$ số viên bi và cho Việt $\frac{3}{8}$ số viên bi đó. Như vậy:

a. Việt được Mai cho nhiều bi hơn Nam....

Học sinh làm bảng con

- Hs giải thích cách làm

- 1 HS chia sẻ trước lớp, nhận xét bổ sung

a) $\frac{32}{37} > \frac{31}{37}$	$\frac{5}{6} > \frac{17}{24}$	$\frac{35}{56} = \frac{5}{8}$
b) $\frac{13}{17} > \frac{13}{18}$	$\frac{45}{15} = 3$	$2 < \frac{15}{7}$
c) $\frac{12}{13} < 1$	$1 < \frac{43}{39}$	$\frac{12}{13} < \frac{43}{39}$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

b.Nam được Mai cho nhiều bi hơn Việt...

Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** cách so sánh phân số .

Bài 3.

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng, có một cái bánh pi -da.Nam ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh, Mai ăn $\frac{1}{5}$ cái bánh Việt ăn $\frac{3}{10}$ cái bánh. Bạn ăn nhiều bánh nhất là :

A. Nam B .Mai C.Việt.

? Bài toán cho biết gì, cần tìm gì? Cần tính như thế nào?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** giải toán liên quan đến tình huống thực tế..

Bài 4: Viết tiếp vào chỗ. Cho thích hợp.

-Hs đi quy đồng mẫu số hai phân số rồi so sánh, trả lời viết vở, nêu miệng nơi tiếp, nhận xét.

- Học sinh trình bày vào vở

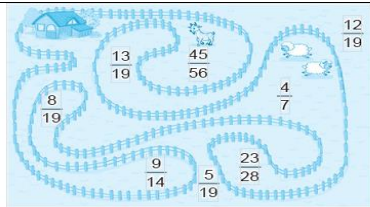
- Đổi vở soát ,nhận xét

Vì $\frac{1}{2}$ và $\frac{3}{8}$ QĐ được $\frac{4}{8}; \frac{3}{8}$ ta thấy $\frac{4}{8} > \frac{3}{8}$ nên a điền S và b điền Đ

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu, tóm tắt tìm cách giải

- HS trình bày..

Vì $\frac{1}{2}; \frac{1}{5}; \frac{3}{10}$ QĐ được $\frac{5}{10} > \frac{3}{10} > \frac{2}{10}$ nên khoanh vào A,Nam ăn nhiều bánh nhất.



a) Các phân số ở ngoài hàng rào viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

b) Các phân số ở trong hàng rào viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

GV cho HS chơi trò chơi.

- GV cho HS theo dõi

b

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

➔ *Củng cố cách so sánh phân số dạng quy đồng có mẫu số lớn nhất chia hết cho các mẫu số còn lại*

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

3, Vận dụng trải nghiệm

Bài 5: Đố em! Quả thanh long, cân nặng $\frac{9}{11}$ kg quả bưởi cân nặng $\frac{7}{6}$ kg. Hỏi quả nào nặng hơn? Viết tiếp vào chỗ. Cho thích hợp : quả..... nặng hơn.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Bài 60

- HS lắng nghe luật chơi

- HS thực hiện trước lớp

Kết quả

$$a. \frac{5}{19} < \frac{8}{19} < \frac{13}{19}$$

$$b. \frac{9}{4} > \frac{23}{28} > \frac{45}{56} > \frac{4}{7} \text{ vì}$$

$$\frac{126}{56} > \frac{46}{56} > \frac{45}{56} > \frac{32}{56}$$

- HS quy đồng, hay so sánh với 1 để so sánh hai phân số và điền vào ô trống :

quả **bưởi** nặng hơn.

Về ôn bài, chuẩn bị bài tiếp theo

Ngày 7 tháng 3 năm 2024

Khôi trưởng

A handwritten signature in black ink, consisting of the initials 'ng' followed by a stylized flourish, underlined with a single horizontal stroke.

Nguyễn Thị Ngọc Thuận

TUẦN 28

**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 28
TỪ NGÀY 25/3 ĐẾN NGÀY 29/3/2024**

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy
HAI (25/03)	1	82	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Hướng ứng phong trào “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”.
	2	190	Tiếng Việt	Đọc: Cây đa quê hương
	3	136	Toán	Luyện tập
	4	82	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Hướng ứng phong trào “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”.
	5	55	Thể dục	Ôn tập giữa HK2
	6	109	Tiếng Anh	UNIT 11. HOW DO WE GET TO THE HOSPITAL?
	7	73	Ôn Toán	Luyện tập
	8	28	Đạo đức	Bài 8: Quý trọng đồng tiền (Tiết 2)
BA (26/03)	1	191	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Trạng ngữ chỉ phương tiện
	2	192	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối
	3	137	Toán	Luyện tập
	3	55	LS -ĐL	Bài 23: Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên
	5			
	6	83	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Chơi trò chơi “Trồng cây”. - Chia sẻ hiểu biết của em về những cảnh quan

			thiên nhiên ở địa phương. - Xây dựng kế hoạch tham quan và chăm sóc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	
	7	28	Công nghệ	Bài 10. Đồ chơi dân gian - Tiết 1
	8	51	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối (tiếp theo)
TU' (27/03)	1	193	Tiếng Việt	Đọc: Bước mùa xuân (Tiết 1)
	2	56	Thủ dục	Bài 2: Động tác dùng bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân.
	3	194	Tiếng Việt	Đọc: Bước mùa xuân (Tiết 2)
	4	138	Toán	Luyện tập
	5	28	Âm nhạc	Ôn tập bài hát: Ước mơ Nghe nhạc: Những người đầu bò
	6	111	Tiếng Anh	UNIT 11. HOW DO WE GET TO THE HOSPITAL?
	7	56	Khoa học	Phòng tránh đuối nước (Tiết 2)
	8	52	Ôn TV	Nói và nghe: Những miền quê yêu dấu
NĂM (28/03)	1	112	Tiếng Anh	UNIT 11. HOW DO WE GET TO THE HOSPITAL?
	2	112	Tiếng Anh	UNIT 11. HOW DO WE GET TO THE HOSPITAL?
	3	195	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả cây cối (tiếp theo)

	4	139	Toán	Luyện tập
	5			
	6		Năng khiếu	
	7	74	Ôn Toán	Luyện tập
	8	19	KNS	Tác hại của nghiện tivi – trò chơi
SÁU (29/03)	1	196	Tiếng Việt	Nói và nghe: Những miền quê yêu dấu
	2	140	Toán	Phép cộng phân số
	3	56	LS-ĐL	Bài 24: Thiên nhiên vùng Nam Bộ (tiết 1)
	4	84	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Xây dựng phiếu thu hoạch cá nhân về chuyến tham quan.
	5			
	6	28	Mĩ thuật	Bài 13: Kỉ niệm thầy cô về
	7	28	Tin học	Bài 14: Khám phá môi trường lập trình trực quan
	8	75	Ôn Toán	Phép cộng phân số

Thứ hai, ngày 25 tháng 3 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 8: EM VÀ CUỘC SỐNG XANH

BÀI: SINH HOẠT DƯỚI CỜ (Tiết 1)

HƯỚNG ỨNG PHONG TRÀO “MÔI TRƯỜNG XANH – CUỘC SỐNG XANH”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề.
- Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia Phong trào Môi trường xanh
- Giới thiệu được được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

2. Năng lực chung:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Đề xuất ý tưởng lập kế hoạch tham quan và chăm sóc một số góc không gian trường lớp cho sạch đẹp hơn phù hợp với thực tế của trường lớp mình.
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch “Làm đẹp trường lớp”.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và thực hiện các việc làm phù hợp với lứa tuổi để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp.
- Phẩm chất yêu nước: thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào và ý thức chăm sóc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của địa phương.
- Phẩm chất trung thực: Phản ánh chính xác kết quả điều tra về thực trạng vệ sinh trường, lớp.
- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động làm sạch, đẹp môi trường trường, lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: SGK *Hoạt động trải nghiệm 4*, Vở bài tập *Hoạt động trải nghiệm 4* (nếu có); các cuốn sách hay

- HS: SGK *Hoạt động trải nghiệm 4*, vở bài tập *Hoạt động trải nghiệm 4* (nếu có);
 Các cuốn sách mình có ở nhà mang đi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tập trung xuống sân. - GV yêu cầu HS xếp hàng và ổn định nề nếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS di chuyển xuống sân - HS xếp hàng và ổn định nề nếp.
<p>2. Khám phá</p> <p>a. Phần nghi lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chào cờ (có trống Đội) + HS hát Quốc ca <p>b. Nhận xét công tác tuần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lớp trực tuần nhận xét thi đua. + TPT hoặc BGH nhận xét bổ sung và triển khai công tác tuần tới. - GV tổ chức cho HS ghi nhớ về các truyền thống quê em. - Nhắc nhở HS giữ trật tự, tập trung chú ý. 	<ul style="list-style-type: none"> + HS Chào cờ + HS hát Quốc ca + HS lắng nghe kế hoạch tuần mới. - HS tham gia giao lưu.
<p>Hoạt động 2. Hưởng ứng phong trào “Môi trường xanh – cuộc sống xanh”</p> <p>★ Mục tiêu: Học sinh tham gia phong trào “Môi trường xanh – cuộc sống xanh”</p> <p>★ Cách thực hiện:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS cùng chuẩn bị để tổ chức góc chia sẻ “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”: Chuẩn bị một số ý kiến của em về việc giữ gìn môi trường lớp học sạch đẹp. - GV hướng dẫn HS chủ động chia sẻ ý kiến của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe GV phổ biến và chuẩn bị. - HS chia sẻ.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>3. Hoạt động nối tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết SHDC. - Nêu các kế hoạch và phương hướng của tuần tới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe



Tiếng Việt

CHỦ ĐỀ: QUÊ HƯƠNG TRONG TÔI

Bài 17: CÂY ĐA QUÊ HƯƠNG (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Cây đa quê hương*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả của nhân vật xưng “tôi” trong bài thể hiện được cảm xúc suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây đa, nhận biết được vẻ đẹp của cây đa và vẻ đẹp của làng quê Việt Nam qua lời miêu tả. Hiểu tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết của tác giả đối với cây đa, đối với quê hương qua những kỷ niệm được nhắc nhở tới trong bài đọc.

- Hiểu điều tác giả muốn nói trong bài: Mỗi người chúng ta đều có những kỉ niệm gắn liền với quê hương và cây đa là một biểu tượng, tượng trưng khi chúng ta nhắc về quê hương.

- Biết khám phá và trân trọng vẻ đẹp của quê hương, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình với quê hương, đất nước

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài, biết yêu quý quê hương, đất nước, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh múa hát bài <i>Quê</i>	- HS tham gia

<p><i>huong tươi đẹp</i> để khởi động bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa nội dung chủ điểm và bài hát <i>Quê hương tươi đẹp</i> để khởi động vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và đọc diễn cảm bài, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật trong bài. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu cả bài lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 3 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu đến <i>cây đa quê hương</i> + Đoạn 2: Tiếp theo đến <i>trong cảnh, trong lá</i> + Đoạn 3: Còn lại - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>một tòa cổ kính, ôm không xuể, nổi lên mặt đất,..</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu, cách ngắt giọng: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó.

<p><i>Trong vòm lá,/ gió chiều gầy lên những điệu nhạc li kì,/ có khi tưởng chừng như ai cười/ ai nói/ trong cành, trong lá.//</i></p> <p><i>Đáy đó,/ ễnh ương ộp oạp,/ và xa xa,/ giữa cánh đồng,/ đàn trâu bắt đầu ra về,/ lưng thưng từng bước nặng nề,/ nhip nhàng.//</i></p>	<p>- 2-3 HS đọc câu.</p>
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp, nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nhớ về cây đa quê hương nhớ về tuổi thơ ấu. - Mời 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 3 HS đọc nối tiếp các đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. + Hiểu điều tác giả muốn nói trong bài: Mỗi người chúng ta đều có những kỉ niệm gắn liền với quê hương và cây đa là một biểu tượng, tượng trưng khi chúng ta nhắc về quê 	

huong.

- Cách tiến hành:

3.1. Tìm hiểu bài.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: *Nghĩ về quê hương tác giả nhớ nhất hình ảnh nào?*

+ Câu 2: *Cây đa quê hương được tả như thế nào?*

+ Câu 3: *Vì sao tác giả gọi cây đa quê mình là “cây đa nghìn năm”?*

+ Câu 4: *Cây đa quê hương đã gắn bó với tuổi thơ của tác giả như thế nào?*

- GV giải thích thêm ý nghĩa vì sao lại thống nhất? tập thể thống nhất mang lại lợi

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Nghĩ về quê hương, tác giả nhớ nhất hình ảnh cây đa. Vì cây đa ở ngay trước xóm./ Vì cây đa gắn liền với tuổi thơ của tác giả,...

	Bộ phận	Từ ngữ/ câu văn miêu tả
Tả cây đa quê hương	Thân cây	một toà cổ kính chín, mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể
	Cành cây	lớn hơn cột đình
	Ngọn cây (đỉnh)	chót vót giữa trời xanh, đến những con quạ đậu trên cao, nhìn cũng chẳng rõ
	Rễ cây	nổi lên mặt đất thành những ụ, những hình thù quái lạ như những con rắn hổ mang giạn dữ
	Vòm lá	gió chiều gây lên những điệu nhạc lí kì, có khi tưởng chừng như ai cười ai nói trong cảnh, trong lá.

+ Tác giả gọi cây đa nghìn năm để khẳng định sự tồn tại, gắn bó lâu đời của cây đa đối với làng quê, đối với mỗi người từng sống ở làng quê.

+ Tác giả nhớ về quê hương, nhớ về tuổi thơ của mình là nhớ đến cây đa quê hương.

+ Tác giả nhớ lại những kỉ niệm của ấu

ích gì?

- GV nói thêm: Hình ảnh cây đa, cảnh vật quê hương nhìn từ gốc đa được miêu tả rất chi tiết khiến chúng ta dễ dàng hình dung được màu sắc, đường nét, âm thanh,... của cảnh vật. Điều này chứng tỏ tác giả rất yêu cây đa, rất yêu quê hương thì cảnh vật quê hương mới khắc sâu, in đậm trong trí nhớ như thế.

+ Câu 5: *Những chi tiết, hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng đối với em? Vì sao?*

- GV đưa thêm yêu cầu giúp học sinh bước đầu cảm nhận bài văn tả cây cối bài *Cây đa quê hương* có 3 đoạn

+ Đoạn 1: Giới thiệu về cây đa quê hương

thơ gắn bó với cây đa và cảnh vật ở quê hương.

+ Tác giả nhớ rất kỹ những hình ảnh, cảnh vật của quê hương và miêu tả lại (như thể cảnh vật đang hiện ra trước mắt, có màu sắc, âm thanh, dáng hình,..)

- HS lắng nghe.

+ Những hình ảnh đẹp đặc biệt về cây đa được miêu tả trong bài hoặc những hình ảnh, cảnh vật làng quê nhìn từ gốc đa: lúa vàng gợn sóng, tiếng ếch ương ộp oạp, đàn trâu lững thững từng bước nặng nề, nhịp nhàn, bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng,... - Trong lớp học điều kỳ diệu thể hiện qua việc mỗi bạn học sinh có một vẻ khác nhau. Nhưng khi hòa vào tập thể các bạn bổ sung hỗ trợ cho nhau. Vì thế cả lớp là một tập thể hài hòa đa dạng nhưng thống nhất.

- HS lắng nghe.

<p>+ Đoạn 2: Miêu tả cây đa</p> <p>+ Đoạn 3: Những cảnh đẹp của quê hương nhìn từ gốc cây đa.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS nêu nội dung bài.</p> <p>- GV nhận xét và chốt: Mỗi người chúng ta đều có những kỉ niệm gắn liền với quê hương và cây đa là một biểu tượng, tượng trưng khi chúng ta nhắc về quê hương.</p>	<p>- HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.</p> <p>- HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>3.2.Luyện đọc lại.</p> <p>- GV Hướng dẫn HS đọc diễn cảm</p> <p>+ Mời HS đọc theo nhóm bàn.</p> <p>+ Mời HS đọc cá nhân.</p> <p>+ Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các đoạn.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia đọc cả lớp. HS nối tiếp đọc theo đoạn</p> <p>+ HS đọc theo nhóm bàn.</p> <p>+ HS đọc theo cá nhân.</p> <p>+ HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các đoạn.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình với quê hương, đất nước và những người xung quanh trong cuộc sống.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã</p>

<p>như trò chơi: <i>Kể tên các sự vật về quê hương</i> sau bài học để học sinh thi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<p>học vào thực tiễn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS tham gia thi.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 58: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố so sánh phân số đã học (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số, so sánh phân số với 1).
- So sánh hai phân số có cùng tử số.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi
+ Câu 1: Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào?	+ Trả lời: + Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh hai phân số cùng mẫu số.
	$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 5}{3 \times 5} = \frac{10}{15}$
	$\frac{4}{5} = \frac{4 \times 3}{5 \times 3} = \frac{12}{15}$
	$\frac{5}{4} = \frac{5 \times 3}{4 \times 3} = \frac{15}{12}$
+ Câu 2: So sánh hai phân số: $\frac{2}{3}$ và $\frac{4}{5}$	

<p>+ Câu 3: So sánh hai phân số: $\frac{5}{4}$ và $\frac{4}{3}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	$\frac{4}{3} = \frac{4 \times 4}{3 \times 4} = \frac{16}{12}$ <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố so sánh phân số đã học (cùng mẫu số hoặc khác mẫu số, so sánh phân số với 1).</p> <p>+ So sánh hai phân số có cùng tử số.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. (Làm việc cá nhân) $>, <, = ?$</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài</p> <p>+ Bài yêu cầu gì?</p> <p>- GV hướng dẫn học sinh cách làm</p> <p>a) $\frac{4}{7} \boxed{?} \frac{6}{7}$ $\frac{15}{23} \boxed{?} \frac{12}{23}$ $\frac{45}{60} \boxed{?} \frac{3}{4}$</p> <p>b) $\frac{8}{9} \boxed{?} \frac{11}{18}$ $\frac{13}{18} \boxed{?} \frac{2}{3}$ $\frac{27}{25} \boxed{?} 1$</p> <p>- Tại sao $\frac{27}{25} \boxed{>} 1$?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- 1 HS nêu cách làm.</p> <p>a) $\frac{4}{7} \boxed{<} \frac{6}{7}$</p> <p>- HS lần lượt làm :</p> <p>$\frac{15}{23} \boxed{>} \frac{12}{23}$ $\frac{45}{60} \boxed{=} \frac{3}{4}$</p> <p>b) $\frac{8}{9} \boxed{>} \frac{11}{18}$ $\frac{13}{18} \boxed{>} \frac{2}{3}$ $\frac{27}{25} \boxed{>}$</p> <p>- HS giải thích</p> <p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p>

Bài 2: a) Có hai tờ giấy như nhau, Việt tô màu $\frac{3}{8}$ tờ giấy, Mai tô màu $\frac{3}{4}$ tờ giấy. Hỏi phần tô màu của bạn nào nhiều hơn? (Làm việc nhóm 2)



- GV gọi HS nêu yêu cầu
- Gọi 1HS đọc phần bóng nói của Rô – bớt
- GV chia nhóm 2, các nhóm nêu cách làm.
- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- + Muốn so sánh hai phân số cùng tử số ta làm như thế nào?

b) $>$, $<$, $=$?

- Gọi HS nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS vận dụng nhận xét ở câu a để làm bài vào vở

$$\frac{5}{6} \boxed{?} \frac{5}{12} \qquad \frac{9}{20} \boxed{?} \frac{9}{10}$$

- HS cùng bàn đối chéo vở kiểm tra, soát lỗi
- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Lượng nước đang có trong hình A, B,

- 1 HS nêu

- HS làm bài: Nhìn vào hình vẽ ta thấy phần tô màu của bạn Mai nhiều hơn phần tô màu của bạn Việt, ta có: $\frac{3}{4} > \frac{3}{8}$

- HS nhận xét.

- Muốn so sánh hai phân số cùng tử số, phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.

- 1 HS nêu

- HS làm bài

$$\frac{5}{6} \boxed{>} \frac{5}{12} \qquad \frac{9}{20} \boxed{<} \frac{9}{10}$$

- HS kiểm tra, nhận xét lẫn nhau

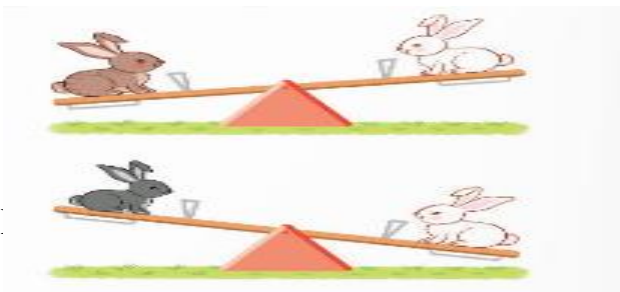
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

C, D được ghi ở mỗi bình (như hình vẽ).
Hỏi bình nào có lượng nước ít nhất? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)

- Muốn biết bình nào có lượng nước ít nhất ta phải làm như thế?
- GV hướng dẫn cách làm
- GV cho HS làm theo nhóm.
- GV mời các nhóm chia sẻ.
- Mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4. Chọn câu trả lời đúng. (Làm việc cá nhân)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu
- Yêu cầu HS quan sát hình vẽ



- Từ đó ta cần so sánh những phân số nào

- Các nhóm làm việc theo phân công.

Bình C có lượng nước ít nhất

- Các nhóm chia sẻ.
- Các nhóm khác nhận xét.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc

- HS trả lời: Qua hình vẽ, ta thấy thỏ nâu nặng hơn thỏ trắng; thỏ trắng nặng hơn thỏ đen...

- So sánh phân số: $\frac{13}{2}$, $\frac{21}{6}$, $\frac{37}{6}$

<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài - Chọn đáp án: C - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm được cách so sánh hai phân số cùng mẫu số, hai phân số khác mẫu số hoặc hai phân số cùng tử số... - Ví dụ: GV viết 4 phân số bất kì như: $\frac{4}{8}$, $\frac{6}{8}$, $\frac{3}{8}$, $\frac{5}{8}$ và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương. - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Khoa học

CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

Bài 26: THỰC PHẨM AN TOÀN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tóm tắt thế nào là thực phẩm an toàn
- Vận dụng được kiến thức về thực phẩm an toàn vào cuộc sống hàng ngày
- Rèn luyện kỹ năng thảo luận nhóm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện yêu cầu bài, trải nghiệm để kiểm chứng tính thực tiễn của nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ về: + Hãy kể một số lí do khiến chúng ta có thể bị đau bụng, tiêu chảy? + Thực phẩm chúng ta ăn uống hàng ngày cần đảm bảo những yêu cầu gì? - GV Cùng trao đổi với HS về nội dung mà HS chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá - Mục tiêu: + Lựa chọn được những thực phẩm có thể sử dụng để chế biến thức ăn an toàn. Giải thích được vì sao lại chọn những thực phẩm đó + Thảo luận và xác định được một số dấu hiệu của thực phẩm an toàn + Biết cách bảo quản phù hợp một số loại thực phẩm + Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, hoạt động trải nghiệm, qua đó góp phần phát triển	

năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Thực phẩm an toàn

Hoạt động 1.1: Thế nào là thực phẩm an toàn

- GV giới thiệu thông tin của hoạt động

GV mời các nhóm thảo luận theo nội dung sau:

+ Quan sát hình 1 và lựa chọn những thực phẩm có thể sử dụng để chế biến thức ăn an toàn. Giải thích được vì sao lại chọn những thực phẩm đó



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận

- GV nhận xét chung,

-HS đọc thông tin của hoạt động

- Đại diện các nhóm nhận phiếu học tập

-Tiến hành thảo luận theo yêu cầu của giáo viên.

- Ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập:

- Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, nhóm khác nhận xét.

Hình 1b,d thực phẩm có thể sử dụng để chế biến thức ăn an toàn vì không bị dập, nát, thối, bảo quản hợp vệ sinh

- HS lắng nghe

Hoạt động 1.2: Xác định một số dấu hiệu của thực phẩm an toàn

- GV mời HS đọc yêu cầu

HS quan sát nội dung từng hình 2a,b,c,d trao đổi và đưa ra nhận xét theo từng dấu hiệu của thực phẩm an toàn



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận

-GV mời các nhóm khác nhận xét

GV cho HS quan sát 1 số vỏ bao sản phẩm đã chuẩn bị, tìm hiểu thông tin về an toàn thực phẩm được ghi trên bao bì. GV quét mã truy xuất nguồn gốc

GV tổ chức cho HS đọc phần Bạn có biết

- HS đọc yêu cầu

- HS làm việc theo nhóm

- Các nhóm chia trước lớp kết quả thảo luận và nêu được một số dấu hiệu của thực phẩm an toàn:

+ Thực phẩm có nguồn gốc nơi sản xuất. Nuôi trồng ở những nơi đảm bảo vệ sinh an toàn

+ Thực phẩm tươi sống, thực phẩm được chế biến sẵn được bày bán, bảo quản nơi hợp vệ sinh, ở nhiệt độ phù hợp, có hạn sử dụng rõ ràng

+ Thực phẩm được chế biến vệ sinh, an toàn

-HS quan sát

-HS đọc và chia sẻ thông tin

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi “Ai biết nhiều hơn”</p> <p>+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt trong thời gian 2 phút.</p> <p>+ Các nhóm thi nhau đưa ra những ví dụ về thực phẩm sạch và an toàn. Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều hoa nhất nhóm đó thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.</p> <p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>-HS lắng nghe</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Ôn Toán

Bài 57: LUYỆN TẬP (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Vận dụng thực hiện cách quy đồng mẫu số vào các bài tập cụ thể.
- Củng cố cách quy đồng mẫu số của hai phân số.
- Bổ sung dạng bài rút gọn rồi quy đồng mẫu số của hai phân số
- Bổ sung dạng bài quy đồng mẫu số của nhiều phân số (ba phân số)
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. HĐ khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. HĐ Luyện tập, thực hành</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 6 ,7Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa). - HS lắng nghe. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1: Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{7}{8}$ và $\frac{13}{32}$ b) $\frac{17}{35}$ và $\frac{19}{70}$ c) $\frac{23}{33}$ và $\frac{67}{330}$

.....
- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ Củng cố: quy đồng phân số.

Bài 2: Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{20}{72}$ và $\frac{12}{36}$ b) $\frac{35}{75}$ và $\frac{22}{60}$

.....
- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn

- HS đọc yêu cầu đề và làm bài.

a) $\frac{7}{8}$ và $\frac{13}{32}$ b) $\frac{17}{35}$ và $\frac{19}{70}$ c)

$\frac{23}{33}$ và $\frac{67}{330}$

a) $\frac{7}{8} = \frac{7 \times 4}{8 \times 4} = \frac{28}{32}$ b) $\frac{17}{35} = \frac{17 \times 2}{35 \times 2} =$

$\frac{34}{70}$ c) $\frac{23}{33} = \frac{23 \times 10}{33 \times 10} = \frac{230}{330}$

- Quy đồng mẫu số các phân số.

- HS trình bày trước lớp.

- Vận dụng quy đồng phân số.

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu đề và làm bài.

a) $\frac{5}{18}$ và $\frac{1}{3}$ b) $\frac{7}{15}$ và $\frac{11}{30}$

$\frac{1}{3} = \frac{1 \times 6}{3 \times 6} = \frac{6}{18}$ $\frac{7}{15} = \frac{7 \times 2}{15 \times 2} = \frac{14}{30}$

- Rút gọn rồi quy đồng mẫu số.

- HS trình bày trước lớp.

nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: Rút gọn và quy đồng mẫu số.**

Bài 3: Quy đồng mẫu số các phân số.

a) $\frac{4}{9}; \frac{5}{4}$ và $\frac{7}{36}$ b) $\frac{6}{19}; \frac{25}{76}$ và $\frac{11}{38}$

.....
.....

- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: chọn mẫu số chung và quy đồng mẫu số.**

Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Phân số nào dưới đây có mẫu số là 75 và bằng phân số $\frac{4}{15}$?

A. $\frac{12}{75}$ B. $\frac{8}{30}$ C. $\frac{20}{75}$ D. $\frac{16}{75}$

- Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn

- Vận dụng rút gọn, quy đồng phân số.

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu đề và làm bài.

a) $\frac{4}{9}; \frac{5}{4}$ và $\frac{7}{36}$ b) $\frac{6}{19}; \frac{25}{76}$ và $\frac{11}{38}$

$$\frac{4}{9} = \frac{4 \times 4}{9 \times 4} = \frac{16}{36}$$
$$\frac{5}{4} = \frac{5 \times 9}{4 \times 9} = \frac{45}{36}$$
$$\frac{6}{19} = \frac{6 \times 4}{19 \times 4} = \frac{24}{76}$$
$$\frac{11}{38} = \frac{11 \times 2}{38 \times 2} = \frac{22}{76}$$

- Quy đồng mẫu số.

- HS trình bày trước lớp.

- Vận dụng rút gọn, quy đồng phân số.

- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu đề và làm bài.

Phân số nào dưới đây có mẫu số là 75 và bằng phân số $\frac{4}{15}$?

A. $\frac{12}{75}$ B. $\frac{8}{30}$ C. $\frac{20}{75}$ D. $\frac{16}{75}$

- Quy đồng mẫu số phân số đã cho.

<p>nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>→ <i>Củng cố: quy đồng mẫu số và chọn mẫu số chung.</i></p> <p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày trước lớp. - Vận dụng quy đồng phân số tìm mẫu số chung. - HS lắng nghe.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Đạo đức

CHỦ ĐỀ 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Bài 10: EM NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ BẠN BÈ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được một số việc làm tốt và chưa tốt của mình khi đối xử với bạn bè và rút kinh nghiệm cho bản thân để thực hiện tốt hơn nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè.
- Biết duy trì mối quan hệ bạn bè tốt đẹp ở trường lớp và làng xóm, phố,...

- Biết được các yếu tố cần thiết để xây dựng tình bạn đẹp, từ đó vận dụng để duy trì tình bạn của bản thân.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, nắm bắt nội dung, chia sẻ trong học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có suy nghĩ, hành động tích cực để duy trì mối quan hệ bạn bè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	

<p>- GV cho HS xem đoạn phim: <i>Bé biết quan tâm giúp đỡ khi bạn ốm</i> – Phim hoạt hình kỹ năng sống Khôn lớn mỗi ngày Tập 3.</p> <p>- GV mời HS chia sẻ cảm nhận sau khi xem xong đoạn phim.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS xem.</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp.</p>
<p>2. Hoạt động vận dụng:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nêu được một số việc làm tốt và chưa tốt của mình khi đối xử với bạn bè và rút kinh nghiệm cho bản thân để thực hiện tốt hơn nhằm duy trì mối quan hệ bạn bè.</p> <p>+ Biết duy trì mối quan hệ bạn bè tốt đẹp ở trường lớp và làng xóm, khối phố,...</p> <p>+ Biết được các yếu tố cần thiết để xây dựng tình bạn đẹp, từ đó vận dụng để duy trì tình bạn của bản thân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Liệt kê một số việc làm tốt và chưa tốt của em khi đối xử với bạn bè trong lớp học. (Làm việc chung cả lớp)</p> <p>- GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng suy nghĩ và ghi nhanh ra nháp những việc làm tốt và chưa tốt của bản thân khi đối xử với bạn bè trong lớp học</p>	<p>- HS làm việc chung cả lớp suy nghĩ và ghi nhanh ra nháp.</p> <p>- <i>Việc làm tốt:</i></p> <p>+ <i>Khi thấy bạn bị ngã, em đã đỡ bạn dậy.</i></p> <p>+ <i>Khi thấy bút của bạn bị hết mực, em đã cho bạn mượn bút của em.</i></p> <p>+ <i>Khi thấy bạn có chuyện buồn, em tâm sự, an ủi và khích lệ bạn.</i></p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS báo cáo kết quả. - GV mời HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + <i>Khi thấy bạn có chuyện vui, em chúc mừng bạn.</i> - <i>Việc làm chưa tốt:</i> + <i>Em và Lan là bạn thân của nhau. Nhưng hôm đó, Lan cứ tránh mặt em và không nói chuyện với em. Em đã giận bạn mà không tìm hiểu lí do.</i> + <i>Em cho Mai mượn quyển truyện. Mấy ngày sau Mai mang trả em, em thấy một trang bị rách. Em giận bạn mà không tìm hiểu lí do.</i> - HS tiến hành báo cáo trước lớp. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>Hoạt động 2: Chia sẻ về một tình bạn đẹp và cách em làm để duy trì mối quan hệ bạn bè tốt đẹp đó. (Làm việc chung cả lớp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tổ chức trò chơi: Khu vườn cổ tích.</i> - <i>GV dùng giấy A0 trang trí thành hình một khu vườn cổ tích, yêu cầu HS sử dụng giấy màu, dùng kéo cắt thành hình quả táo, trái tim, bông hoa đủ lớn để ghi lại những kỉ niệm về tình bạn đẹp của mình.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - <i>HS quan sát, sử dụng giấy màu cắt thành các hình khác nhau như trái tim, quả, bông hoa đủ lớn, ghi kỉ niệm của mình với bạn rồi gắn lên khu vườn cổ tích.</i> + <i>Em và Hoa chơi với nhau từ năm lớp 1, đến năm lớp 3, gia đình bạn ấy chuyển lên thành phố khác để sinh sống. Chúng em vẫn thường xuyên giữ liên lạc với nhau bằng cách gọi điện, viết thư kể cho nhau nghe về cuộc sống của mình.</i>

<p>- GV mời một số HS lên gắn sản phẩm và chia sẻ về tình bạn đẹp và cách mà mình duy trì tình bạn đẹp đó.</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét chung, chúc mừng HS có tình bạn đẹp và tuyên dương cũng như khích lệ HS có cách làm tốt nhằm duy trì tình bạn đẹp.</p>	<p>+ Em và Dung là đôi bạn thân. Chỉ vì một sự bất cẩn của người lớn mà bạn bị ốm nặng phải nhập viện. Hằng ngày, em chép bài trên lớp giúp bạn. Tối tối, em đều mượn điện thoại của bố mẹ để gọi điện hỏi thăm sức khỏe của bạn, mong bạn mau sớm lành bệnh.</p> <p>+ Bạn Mai chuyển đến lớp em từ năm lớp 3. Bạn rất nhút nhát, không nói chuyện với ai. Em tự mình đến bắt chuyện, làm quen với bạn. Em còn rủ bạn khác chơi với Mai. Em rủ Mai cùng nhau tham gia hoạt động văn nghệ của lớp.</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Hoạt động 3: Bình hoa Tình bạn (Sinh hoạt nhóm 8)</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV mời HS đọc tên các bông hoa.</p> <p>- GV yêu cầu HS lấy giấy A3. GV chia lớp thành các nhóm 8 HS, phát cho các nhóm các bông hoa như ở bài 3.</p>	<p>- 1HS đọc yêu cầu. Lớp đọc thầm.</p> <p>- 1HS đọc tên các bông hoa.</p> <p>- HS thực hiện theo yêu cầu.</p>



- GV hướng dẫn HS lựa chọn những bông hoa có nhụy hoa chứa đựng các yếu tố cần thiết để duy trì tình bạn và trang trí (vẽ, cắt, xé dán) thành một bông hoa Tình bạn và thuyết minh về bình hoa của nhóm.
- GV khuyến khích HS trang trí sản phẩm mang tính thẩm mỹ và sáng tạo.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm và thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.
- GV mời các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe, lựa chọn các bông hoa có nhụy chứa đựng các yếu tố cần thiết để duy trì tình bạn và hình thức trang trí của mình. Sau đó, trao đổi và thảo luận để đưa ra bài thuyết minh về bình hoa Tình bạn của nhóm mình.

Chọn những bông hoa đẹp để tạo thành bình hoa Tình bạn: Chân thành, Quan tâm, Chia sẻ, Vị tha, Giúp đỡ, Tôn trọng, Tin cậy.

- Các nhóm chia sẻ, báo cáo kết quả.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được trạng ngữ chỉ phương tiện của câu. Hiểu trạng ngữ chỉ phương tiện, bổ sung thông tin về phương tiện của sự việc được nói đến trong câu.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	

<p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Kể tên các phương tiện giao thông mà em biết?</p> <p>+ Câu 2: Kể tên những vật giúp em có thể hỗ trợ việc học?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dựa vào câu hỏi để khởi động vào bài mới và dẫn dắt vào bài.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: Xe máy, ô tô,....</p> <p>+ Trả lời: Sách, bút,...</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- Học sinh thực hiện.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết trạng ngữ chỉ phương tiện là trạng ngữ diễn tả phương tiện hoặc công cụ mà người nói sử dụng để thực hiện một hành động nào đó.</p> <p>+ Trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin về phương tiện thực hiện hoạt động được nói đến trong câu; trả lời câu hỏi Bằng gì? Bằng cái gì?</p> <p>+ Tìm được trạng ngữ chỉ phương tiện thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh.</p> <p>+ Phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>* Tìm hiểu về danh từ.</p> <p>Bài 1: Xếp các trạng ngữ của câu trong các đoạn văn vào nhóm thích hợp (trạng ngữ chỉ nơi chốn, chỉ thời gian, chỉ phương tiện)</p> <p>- GV nêu yêu cầu (câu lệnh) cả lớp đọc thầm các đoạn văn chú ý đọc kỹ các trạng ngữ được in nghiêng.</p>	

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

1. Xếp các trạng ngữ của mỗi câu trong các đoạn văn vào nhóm thích hợp.

Chỉ nơi chốn

Chỉ thời gian

Chỉ phương tiện

a. Ở những vùng đất khô cằn, xương rồng mọc nhiều. Bằng bộ rễ chùm toả rộng, cây xương rồng dễ dàng hấp thụ được nước, dù cho mưa nhỏ đến đâu. Mùa hè, xương rồng đua nhau nở hoa rực rỡ.

(Theo Hoài Sơn)

b. Bằng mấy chiếc bút chì màu, Liên vẽ tặng mẹ bức tranh quê ngoại. Trong tranh, dòng sông uốn lượn như dải lụa hồng mềm mại. Trên sông, những con thuyền đi ngược về xuôi. Hai bên bờ sông, bãi ngô xanh mướt nghiêng nghiêng theo gió.

(Theo Thiên An)

- GV mời HS làm việc theo nhóm bàn.

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện của mỗi câu

- GV mời một học sinh đọc yêu cầu và 3 học sinh đọc 3 câu văn.

- GV hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:

+ Bước 1: Xác định trạng ngữ chỉ phương

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- HS làm việc cá nhân rồi trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm.

- HS làm việc theo nhóm.

+ Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Ở vùng sông nước miền Tây

+ Trạng ngữ chỉ thời gian: ngày xưa, từ lâu

+ Trạng ngữ chỉ phương tiện: Bằng vại cây tre già.

- Đại diện các nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

- 3 HS đọc câu văn.

<p>tiện trong 3 câu.</p> <p>+ Bước 2: Đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện trong câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể hướng dẫn học sinh làm câu a trước lớp (để làm mẫu) hoặc yêu cầu học sinh làm việc theo cặp hoặc theo nhóm - GV mời hai đến ba học sinh trả lời, mỗi một số học sinh khác nhận xét. - Giáo viên thống nhất đáp án và mời một hai học sinh đọc ghi nhớ - GV rút ra ghi nhớ: <i>Trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin về phương tiện thực hiện hoạt động được nói đến trong câu; trả lời câu hỏi Bằng gì? Bằng cái gì?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm theo hai bước đã được hướng dẫn - 2-3 HS trả lời và nhận xét. - 3-4 HS đọc ghi nhớ
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tìm được từ trạng ngữ chỉ phương tiện thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Tìm từ ngữ thích hợp để hoàn thành các câu có trạng ngữ chỉ phương tiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài. - GV mời HS làm việc theo nhóm 4 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - Các nhóm tiến hành thảo luận và đưa ra kết quả: <p><i>Câu a: Bằng hai cặp cánh mỏng/ Bằng</i></p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét tiết học 	<p><i>những cặp cánh mỏng manh, trong suốt/ Bằng hai đôi cánh bé nhỏ,..</i></p> <p><i>Câu b: Với chiếc mỏ cứng/ Với cái mỏ cứng như thép</i></p> <p><i>Câu c: Bằng chiếc vòi dài/ Bằng chiếc vòi dài khoảng 1 m,..</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + GV chuẩn bị một số câu trong đó có trạng từ chỉ phương tiện và 1 số trạng từ khác. + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ ngữ nào là trạng ngữ chỉ phương tiện có trong câu đưa lên dán trên bảng. Đội nào 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách viết bài văn tả cây cối. Bố cục bài văn, trình tự miêu tả cây, miêu tả đặc điểm từng bộ phận của cây. Biết thể hiện tình cảm cảm xúc trước những cảnh vật thân thuộc của quê hương.

- Biết các đặc điểm của đoạn văn về nội dung và hình thức.

- Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết trao đổi với người thân về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu đặc điểm và câu chủ đề trong đoạn văn, vận dụng bài đọc vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho học sinh múa hát bài	- HS tham gia

<p><i>Vườn cây của ba</i> để khởi động bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dùng tranh minh họa nội dung chủ điểm và bài hát <i>Vườn cây của ba</i> để khởi động vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết các đặc điểm của đoạn văn về nội dung và hình thức. + Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>* Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu.</p> <p>a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.</p> <p>b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?</p> <p>c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - GV mời cả lớp làm việc chung <p><u>Bài 1:</u></p> <p>Câu a: Tìm mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc chung, cùng suy nghĩ để trả lời từng ý - Một số HS trình bày trước lớp. <p>Câu a:</p> <p>Mở bài: Đoạn 1 gồm một câu mở đầu</p>

<p>Câu b: Mở bài giới thiệu những gì về câu sim?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một số HS trình bày. <p>Câu c: Cây sim được miêu tả như thế nào ở phần thân bài?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn học sinh làm việc theo cặp hoặc nhóm - GV cho học sinh trình bày sản phẩm hoặc phát biểu ý kiến - Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> + Để tả được các đặc điểm của hoa sim, quả sim tác giả phải quan sát rất kỹ từng bộ phận của cây + Bài văn có những hình ảnh so sánh giúp người đọc dễ dàng cảm nhận/ hình dung hoặc đặc biệt đặc điểm của cây/ gửi cho người đọc những liên tưởng thú vị/... <p>Câu d: Phần kết bài nói về điều gì? Tìm cảm của người viết đối với cây sim thể hiện qua chi tiết nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu - GV mời một học sinh đọc phần kết bài. - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi - Mời cả lớp nhận xét nhận xét. GV nhận 	<p>Thân bài: hai đoạn tiếp theo</p> <p>Kết bài: Đoạn còn lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: <p>Ví dụ: Trong phần mở bài, giáo viên giới thiệu thêm cây (cây sim), nơi sinh sống của cánh(những mảnh đất cần cỗi) và loài cây có họ gần với sim (cây mua)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị câu trả lời của câu hỏi c viết câu trả lời của mình ra giấy nháp. - HS trình bày - HS lắng nghe. - 1-3 HS đọc ghi nhớ:
---	---

<p>xét chung và chốt nội dung:</p> <p><i>Qua bài tập 1 các em đã được làm quen với các đặc điểm của một đoạn văn (về các hình thức dẫn nội dung) và câu chủ đề của đoạn. Các em sẽ được tìm hiểu về cách viết đoạn văn miêu tả cây cối.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm cặp - 1 HS đọc bài - Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết tìm câu chủ đề trong đoạn văn. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 2. Trao đổi về cách viết bài văn miêu tả cây cối</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 - GV hướng dẫn học sinh cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc thâm, đọc lướt lại bài <i>Cây sim</i>, chỉ ra những điểm cần lưu ý trong bài văn miêu tả cây cối. - GV có thể chốt các ý học sinh cần nhớ khi viết một bài văn tả cây cối: + Bài văn miêu tả cây cối thường có 3 phần: mở bài (giới thiệu cây), thân bài (tả đặc điểm của các bộ phận của cây), kết bài (nêu ấn tượng đặc biệt của mình về cây và tình cảm 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Học sinh trao đổi nhóm theo hướng dẫn của giáo viên. - Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến. - HS lắng nghe

<p>của cây).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trước khi viết bài văn miêu tả em cần quan sát cây để nhận biết các đặc điểm nổi bật của cây. + Khi viết, em nên sử dụng các từ chỉ đặc điểm, biện pháp so sánh, nhân hóa,... + Bài văn tả cây cối nên có những từ ngữ câu văn bộc lộ rõ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với cây - Giáo viên thống nhất đáp án và mời 1-2 học sinh đọc ghi nhớ - GV rút ra ghi nhớ: <p>Bài văn miêu tả cây cối thường có 3 phần:</p> <p>Mở bài: Tả hoặc giới thiệu bao quát về cây (tên cây, nơi cây mọc)</p> <p>Thân bài: Lần lượt từng bộ phận của cây</p> <p>Kết bài: Nêu ích lợi của cây ấn tượng đặc biệt hoặc tình cảm của người tả cây.</p>	<p>- HS đọc ghi nhớ</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai là người sáng tạo”. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>+ GV chuẩn bị một số tờ giấy A0 (tùy theo số lượng nhóm).</p> <p>+ Chia lớp thành 4-5 nhóm (tùy số lượng HS)</p> <p>+ Giao cho mỗi nhóm hộp phiếu tên các loài cây, nhóm có nhiệm vụ thảo luận và viết 1 đoạn văn có câu chủ đề đầu tiên và khoảng 3-4 câu giới thiệu hoặc tả về cây bốc được. Nhóm nào làm đúng (đạt trên 50%) thì sẽ được nhận phần thưởng luôn.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 58: SO SÁNH PHÂN SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và nắm được cách so sánh hai phân số khác mẫu số (trường hợp có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại).

- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan đến so sánh phân số.
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức hát một bài để khởi động bài học. - GV tuyên dương. 	- HS tham gia
2. HĐ Luyện tập, thực hành.	
Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.	

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/69
Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1:(Làm việc cá nhân)

1 So sánh hai phân số.

a) $\frac{14}{15}$ và $\frac{17}{45}$ b) $\frac{21}{48}$ và $\frac{7}{12}$ c) $\frac{14}{27}$ và $\frac{19}{54}$

.....

.....

.....

-HS đọc yêu cầu bài tập.

-HS làm bài vào sách

-GV nhận xét.

Bài 2: (Làm việc nhóm đôi)

Sắp xếp các phân số $\frac{7}{5}$; $\frac{13}{15}$; $\frac{47}{60}$; $\frac{23}{30}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

-HS thảo luận nhóm đôi.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

.-Hs làm bài

- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

Học sinh trả lời:

$$a) \frac{14}{15} > \frac{17}{45}$$

$$b) \frac{21}{48} < \frac{7}{12}$$

$$c) \frac{14}{27} > \frac{19}{54}$$

-HS nhận xét.

-HS thảo luận nhóm.

-GV nhận xét

Bài 3: (Làm việc nhóm 4)

Số ?

Đoạn đường từ ốc sên số 1 đến cây chuối dài $\frac{14}{25}$ m,
đoạn đường từ ốc sên số 2 đến cây chuối dài $\frac{51}{100}$ m,
đoạn đường từ ốc sên số 3 đến cây chuối dài $\frac{3}{5}$ m.

a) Đoạn đường dài nhất là đoạn đường từ ốc sên số đến cây chuối.
b) Đoạn đường ngắn nhất là đoạn đường từ ốc sên số đến cây chuối.

- GV gọi HS nêu yêu cầu đề bài?

- GV chia nhóm 4, các nhóm làm vào vở.

Ta có: $\frac{14}{25} = \frac{56}{100}$; $\frac{3}{5} = \frac{60}{100}$. Vì $\frac{51}{100} < \frac{56}{100} < \frac{60}{100}$ nên ốc sên số 3 bò được đoạn đường dài nhất.

- Đối vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

3, Vận dụng trải nghiệm

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau

- Đại diện nhóm trình bày kết quả.

- Các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn là: $\frac{23}{30}$; $\frac{47}{60}$; $\frac{13}{15}$; $\frac{7}{5}$

- HS nhận xét.

- HS đọc đề bài.

a) Đoạn đường dài nhất là đoạn đường từ ốc sên số 3 đến cây chuối.

b) Đoạn đường ngắn nhất là đoạn đường từ ốc sên số 2 đến cây chuối.

- HS đối vở soát nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 23: LỄ HỘI CÔNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của công chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Công chiêng Tây Nguyên.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Tự hào về văn hóa bản địa của vùng đất Tây Nguyên.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị mà cha ông để lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS xem video clip về lễ hội Công chiêng năm 2018 tổ chức tại tỉnh Gia Lai.</p> <p>- GV hỏi: Em hãy cho biết đây là lễ hội gì? Nhạc cụ nào được sử dụng trong lễ hội?</p> <p>- GV dẫn vào bài mới.</p>	<p>- HS quan sát clip và trả lời một số câu hỏi theo hiểu biết của mình.</p> <p>- 1 số HS khác bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên; Nêu được vai trò của công chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên.</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng quan sát và sử dụng các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Khám phá Không gian văn</p>	

hóa Cồng chiêng Tây Nguyên.

* *Tìm hiểu về “Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên”:*

- GV giới thiệu và giải thích ý nghĩa *Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên* được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại vào ngày 25 tháng 11 năm 2005. Sau Nhã nhạc cung đình Huế, đây là di sản thứ hai của Việt Nam được nhận danh hiệu.

- GV mời HS quan sát tranh Hình 1.



▲ Hình 1. Đánh cồng chiêng trong lễ Mừng lúa mới của dân tộc Cơ Ho (tỉnh Lâm Đồng)

- GV mời một số HS Kể tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên?

- GV mời HS thảo luận theo nhóm 4, trả lời câu hỏi: Cồng chiêng có vai trò như thế nào

- HS quan sát bản đồ và lắng nghe GV giải thích ý nghĩa, tác dụng của bản đồ.

- HS lắng nghe GV giới thiệu: Đánh cồng chiêng Mừng lúa mới của dân tộc Cơ Ho (tỉnh Lâm Đồng): Mừng lúa mới là lễ hội truyền thống của một số dân tộc ở Tây Nguyên, sau khi đã xong mùa vụ nhằm tạ ơn thần linh, tổ tiên đã ban cho một năm mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Đánh cồng chiêng là hoạt động không thể thiếu trong lễ cúng Mừng lúa mới, dân làng tập trung cùng đánh cồng chiêng, nhảy múa, ăn uống, trao đổi kinh nghiệm và chúc nhau sức khỏe, vụ mùa mới bội thu.

- HS kết hợp thông tin SGK, hiểu biết của mình trả lời câu hỏi.

- HS thảo luận theo nhóm 4 tìm câu trả lời. VD:

<p>trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên? Cồng chiêng thường được sử dụng trong những dịp nào? Nêu ví dụ cụ thể.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>+ Cồng chiêng gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm hồn, diễn tả niềm vui, nỗi buồn của con người trong cuộc sống. Cồng chiêng được sử dụng trong các nghi lễ, ngày hội và sinh hoạt cộng đồng của các dân tộc Tây Nguyên như: trong các nghi lễ vòng đời con người; trong các nghi lễ nông nghiệp; trong các ngày hội và sinh hoạt cộng đồng.</p>
<p>3. Tìm hiểu lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: HS làm việc cá nhân.</p> <p>- GV mời HS cả lớp quan sát Hình 2 và Hình 3 SGK, kết hợp với thông tin trong SGK, mô tả lại những nét chính trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại: Lễ hội thường gồm 2 phần: phần lễ và phần hội. Nhiều lễ hội dân gian của đồng bào Tây Nguyên được phục dựng như: lễ Ăn cơm mới, lễ Sạ lúa, lễ Cầu an.... Sau phần nghi lễ là phần hội thông qua việc tổ chức các cuộc thi: tạc tượng gỗ, diễn xướng sử thi, hát dân ca, đua voi....Trong cả phần lễ và phần hội đều sử dụng các nhạc cụ như: cồng chiêng, đàn Tơ-rung, đàn đá,...</p>	<p>- HS quan sát, đọc thông tin SGK.</p> <p>- 1 vài HS trả lời theo hiểu biết của mình.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV đưa quả địa cầu, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”

+ Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một số bạn tham gia theo lần lượt. Trong thời gian 1 phút mỗi tổ tìm và nói được tên của nhạc cụ dân tộc Tây Nguyên với hình ảnh của nhạc cụ đó. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.

+ GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.

+ Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe luật trò chơi.

+ Các tổ lần lượt tham gia chơi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 8: EM VÀ CUỘC SỐNG XANH

BÀI: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Giới thiệu được được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
- Xây dựng được kế hoạch tham quan và chăm sóc một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
- Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường lớp.
- Lập và thực hiện được kế hoạch lao động trong nhà trường để làm đẹp trường lớp.
- Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp.

2. Năng lực chung:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Đề xuất ý tưởng lập kế hoạch tham quan và chăm sóc một số góc không gian trường lớp cho sạch đẹp hơn phù hợp với thực tế của trường lớp mình.
- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Lập kế hoạch và triển khai kế hoạch “Làm đẹp trường lớp”.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và thực hiện các việc làm phù hợp với lứa tuổi để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp.
- Phẩm chất yêu nước: thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào và ý thức chăm sóc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của địa phương.
- Phẩm chất trung thực: Phản ánh chính xác kết quả điều tra về thực trạng vệ sinh trường, lớp.
- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động làm sạch, đẹp môi trường trường, lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- SGK *Hoạt động trải nghiệm 4*, vở bài tập *Hoạt động trải nghiệm 4* (nếu có);
- Giấy A4, A0, giấy màu, bút màu, keo/hồ dán; máy ảnh (nếu có);
- Tư liệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên của địa phương: tranh ảnh, bài viết, phim,...;
- Một số đồ dùng, dụng cụ để làm đẹp trường, lớp.

2. Học sinh:

- SGK *Hoạt động trải nghiệm 4*, vở bài tập *Hoạt động trải nghiệm 4* (nếu có);
- Giấy A4, A0, giấy màu, bút màu, keo/hồ dán; máy ảnh (nếu có);
- Tư liệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên của địa phương: tranh ảnh, bài viết, phim,...;
- Một số đồ dùng, dụng cụ để làm đẹp trường, lớp; Giấy vụn, vỏ lon, vỏ chai để tham gia Kế hoạch nhỏ; Một số đồ dùng, dụng cụ để làm đẹp trường lớp...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
A. KHỞI ĐỘNG:	
★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nhìn tranh đoán địa danh?”- GV phổ biến cách chơi, luật chơi:<ul style="list-style-type: none">+ Cách chơi: Quan sát và đoán các địa danh trong mỗi bức tranh ở đâu, giơ tay thật nhanh để giành quyền trả lời.+ Luật chơi: Khi được gọi tên mới được trả lời.- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi với các hình ảnh về địa danh: Vịnh Hạ Long - Quảng Ninh, Đền Trần – Nam Định, Hồ Gươm – Hà Nội, Thác Bản Giốc – Cao Bằng, Đền Hùng – Phú Thọ...	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia trò chơi theo hướng dẫn của GV.
<ul style="list-style-type: none">- Trao đổi sau trò chơi: GV gọi một số HS giới thiệu thêm về địa danh trong trò chơi.- GV giới thiệu: Lãnh thổ Việt Nam được chia thành 3 vùng và 8 miền với 63 tỉnh thành. Mỗi vùng miền ở nước ta trải dài từ Bắc vào Nam đều có những nét đẹp riêng với những phong cảnh đặc trưng từng	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời theo suy nghĩ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>vùng miền. Hôm nay, chúng ta cùng trải nghiệm về những cảnh quan thiên nhiên ở địa phương chúng ta nhé.</p>	
B. KHÁM PHÁ	
Hoạt động 1. Chơi trò chơi “Trồng cây”	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ của Hoạt động 1 trong SGK <i>Hoạt động trải nghiệm</i> 4 trang 80 và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của HS. - GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi theo đội: Chia lớp thành hai đội tương ứng với 2 cây trên bảng lớp. - GV dán 2 hình cây (chỉ có thân và cành, chưa có lá, hoa,...) lên bảng lớp. - GV phát cho mỗi HS một vài mảnh giấy nhỏ (giấy màu hình vuông, kích thước khoảng 4cm × 4cm để cắt hoa hoặc lá), yêu cầu HS cắt mỗi mảnh giấy thành một chiếc lá hoặc một bông hoa rồi viết tên một cảnh quan thiên nhiên (ví dụ: sông Đà, núi Chúa, hồ Ba Bể,...) vào bông hoa hoặc chiếc lá đó. - Các nhóm tự phân công các thành viên lần lượt lên dán hoa và lá đã được viết tên các địa danh để làm cho cây của đội mình thêm xanh tốt. - Sau khi hết thời gian: Đại diện các nhóm lên đọc tên các cảnh quan thiên nhiên mà nhóm mình đã liệt kê được. - GV tổng kết trò chơi: đếm số hoa và lá từng đội dán được lên cây. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - HS chọn đội chơi và tham gia chơi theo yêu cầu.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết và dẫn dắt chuyển tiếp sang hoạt động sau 	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>Hoạt động 2. Chia sẻ về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương mà em biết</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ của Hoạt động 2 SGK trong <i>Hoạt động trải nghiệm</i> 4 trang 80. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ 1: Lựa chọn 1 cảnh quan thiên nhiên mà em biết và suy nghĩ để giới thiệu theo gợi ý trong SGK. - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 5 (hoặc 6), chia sẻ với bạn những nội dung em vừa chuẩn bị: giới thiệu về cảnh quan mà em chọn. Lần lượt từng HS chia sẻ trước nhóm. - Lưu ý: GV cho tất cả HS được chia sẻ. - GV tổ chức cho một số nhóm lên trình bày phần chia sẻ của nhóm mình trước lớp. - GV yêu cầu các nhóm còn lại đặt câu hỏi cho nhóm trình bày. - GV hỏi vấn đáp (hoặc tổ chức cho HS hỏi đáp) về những cảnh quan thiên nhiên của địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nhiệm vụ 1 trong SGK. - HS độc lập thực hiện nhiệm vụ 1. - HS tham gia thảo luận và chia sẻ trước nhóm (5 hoặc 6). - HS trình bày phần chia sẻ của nhóm mình trước lớp. - HS nhận xét và đặt câu hỏi và trả lời cho nhau về những nội dung cần được làm rõ trong phần trình bày.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tổng kết hoạt động. 	
<p>Hoạt động 3. Xây dựng kế hoạch tham quan một cảnh quan thiên nhiên ở địa phương</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ và phần gợi ý trong SGK <i>Hoạt động trải nghiệm</i> 4 trang 81. - GV gợi ý cho HS cách xây dựng kế hoạch tham quan một cảnh quan ở địa phương. - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nhiệm vụ trong SGK. - HS lên ý tưởng thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>3. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời một bạn nhắc lại điều chúng ta đã cùng chia sẻ, trải nghiệm trong tiết học. - GV nhấn mạnh: Thiên nhiên, cảnh quan của đất nước ta thật đẹp, mỗi một địa danh lại có những điều kỳ thú riêng, những giá trị tốt đẹp. Trân trọng và gìn giữ những cảnh quan thiên nhiên là góp phần làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta cùng tìm hiểu và trải nghiệm về những cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
<p>4. Hoạt động nối tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện việc tham quan, chăm sóc một cảnh quan thiên nhiên và hoàn thành phiếu thu hoạch (mẫu SGK trang 78). - Chuẩn bị sản phẩm báo cáo theo một trong các hình thức: cảm nang du lịch, bài trình chiếu, tranh vẽ, bài viết, đoạn phim ngắn 	

.....

Công nghệ

CHỦ ĐỀ 2: THỦ CÔNG KĨ THUẬT

Bài 10: ĐỒ CHƠI DÂN GIAN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và sử dụng được một số loại đồ chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi. Nhận biết được một số loại đồ chơi dân gian địa phương.
- Có hứng thú một số loại đồ chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi.
- Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích của đồ chơi dân gian và lựa chọn đồ chơi gian phù hợp với lứa tuổi.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm hiểu một số loại đồ chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được ý tưởng dùng một số đồ chơi dân gian trong phòng học hoặc ở nhà.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm để đề xuất các vấn đề của bài học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực học bài và tìm hiểu bài.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.
- Phẩm chất yêu nước : Yêu thích đồ chơi dân gian, từ đó hiểu biết và quý trọng nền văn hoá của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu video một số loại đồ chơi dân gian địa phương để khởi động bài học.	- Cả lớp theo dõi video.

<ul style="list-style-type: none"> - GV Cùng trao đổi với HS : + Đồ chơi nào được nhắc đến trong video? + Em biết gì về đồ chơi đó? + Các em đã được chơi đồ chơi đó chưa? Em cảm thấy thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua xem video. - HS trả lời theo suy nghĩ của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được một số loại đồ chơi dân gian Việt Nam, ý nghĩa của đồ chơi dân gian Việt Nam. + Nhận biết được một số loại đồ chơi dân gian địa phương. + Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu một số loại đồ chơi dân gian Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng quan sát tranh và trả lời bằng thẻ. + Em hãy quan sát hình 1 và gọi tên đồ chơi dân gian tương ứng theo các thẻ dưới đây. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: + Hình a: Cờ cá ngựa + Hình b: Tò he

<div style="display: flex; justify-content: space-around; text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #f8d7da;">1. Tô he</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #fff3cd;">2. Quả cù</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #d4edda;">3. Cờ cá ngựa</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; text-align: center; margin-top: 5px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #fff3cd;">4. Con cù quay</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #d4edda;">5. Đèn ông sao</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; background-color: #d4edda;">6. Đầu sư tử</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;">    </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;">    </div> <p style="text-align: center; font-size: small; color: green;">Hình 1 Một số đồ chơi dân gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu từng tranh, mời học sinh đưa thẻ. - GV nhận xét chung, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hình c: Con cù quay + Hình d: Đèn ông sao + Hình e : Quả cù + Hình g: Đầu sư tử - HS đưa thẻ tương ứng với tranh. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
<h3>3. Hoạt động luyện tập.</h3>	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về một số loại đồ chơi dân gian địa phương. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: <p>Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn. (sinh hoạt nhóm 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS trả lời câu hỏi: + Câu 1: Hãy kể tên một số đồ chơi dân gian mà em biết? + Em thấy đồ chơi đó ở đâu? + Cách chơi thế nào? + Những đồ chơi đó được làm bằng gì? - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thành câu 2. - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài. - HS trả lời câu hỏi: + Một số đồ chơi dân gian: Tô he, thả diều, quả cù,... + HS trả lời theo suy nghĩ của mình. - HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thành câu 2. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Đáp án: a,c,d. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

<p>Đáp án b: Chưa chính xác vì đồ chơi dân gian không chỉ do thợ thủ công chế tạo, chúng có thể được làm từ các vật liệu gần gũi dễ kiếm, là đồ chơi của nhiều thế hệ và ai cũng có thể làm được.</p> <p>- GV gọi HS đọc ghi nhớ</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS đọc: Đồ chơi dân gian có nhiều loại, được làm thủ công từ những chất liệu có sẵn trong tự nhiên và đời sống của con người như mây, tre, nứa, giấy, bột gạo,..</p>
--	---

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về những đồ chơi dân gian, cách chơi, và vật liệu làm những đồ chơi đó.

- GV nhận xét tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

- Học sinh tham gia chia sẻ về những đồ chơi dân gian, cách chơi, và vật liệu làm những đồ chơi đó.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

BÀI 17: CÂY ĐA QUÊ HƯƠNG -tiết 1

TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố và tìm được trạng ngữ chỉ phương tiện có trong bài , biết viết câu văn có trạng ngữ chỉ phương tiện

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Tiếng Việt; máy soi (BT2)

2. Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

<p>1. HĐ Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kỹ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: Luyện đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn. - Luyện đọc từ khó: <i>giận dữ, trời xanh, tưởng chừng, ộp oạp...</i> - Luyện đọc câu dài: Đây đó,/ ễnh ương ộp oạp/, và xa xa/, giữa cánh đồng,/ đàn trâu bắt đầu ra về/, lững thững/ từng bước nặng nề,/ nhịp nhàng.// - Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4. - GV nhận xét các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu dài. - HS luyện đọc theo nhóm 4
<p>Hoạt động 2: HDHS làm bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao bài tập HS làm bài. - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 1,2,3 Vở Bài tập Tiếng Việt. - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập 1,2,3,4/ 69,70 Vở Bài tập Tiếng Việt. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài

thể ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 3: Chữa bài

- Gv Gọi 1 Hs lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.

* **Bài 1/69:** Xếp các trạng ngữ của mỗi câu trong các đoạn văn ở bài tập 1 (SHS *Tiếng Việt 4, tập hai*, trang 82) vào nhóm thích hợp.

Trạng ngữ		
Chỉ nơi chốn	Chỉ thời gian	Chỉ phương tiện
....

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.

- GV cho HS đọc kết quả.

- GV nhận xét, chốt kết quả.

➔ GV củng cố cho học sinh thể nào là trạng ngữ

-1 Hs lên chia sẻ.

-Hs trình bày

- HS chữa bài vào vở.

* **Bài 2:** Đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện của mỗi câu dưới đây:

Câu	Đặt câu hỏi
a. Bằng lá cọ non phơi khô, người thợ thủ công đã khâu thành những chiếc nón che nắng, che mưa.	
b. Với những chiếc khăn piêu kết hợp độc đáo giữa màu sắc và hoa văn, các cô gái Thái đã chứng tỏ sự khéo, đảm đang của mình.	
c. Bằng một số ống tre, nứa thô sơ, người dân Tây Nguyên đã làm ra cây đàn tơ rưng có âm thanh thánh thót như tiếng chim hót, tiếng suối reo...	

- Hs nêu.
- HS chia sẻ trong nhóm đôi.
- 4,5HS chia sẻ theo ý của mình.

- GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.
- GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.
- GV cho HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương HS.

→ GV củng cố tìm trạng ngữ chỉ

<p><i>phương tiện trong câu</i></p>	
<p>Bài 3 Theo em, trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin gì cho câu? - GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>Bài 4: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu có trạng ngữ chỉ phương tiện.</p> <p>a. Bằng, chuồn chuồn bay lượn khắp đó đây.</p> <p>b. Với, chim gõ kiến có thể đục thủng bất kì thân cây nào.</p> <p>c. Với, voi có thể dễ dàng kéo lá cây, cành cây từ trên cao xuống.</p> <p>Bài 5 /71Đặt 2 – 3 câu nói về việc sử dụng đồ dùng học tập hoặc đồ dùng trong gia đình, trong đó có trạng ngữ chỉ phương tiện.</p> <p>3. HD Vận dụng trải nghiệm</p>	<p>- Hs nêu yêu cầu bài tập. - HS nói tiếp chia sẻ trước lớp, nhận xét bổ sung .</p> <p>- HS chia sẻ.</p>

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- GV gợi ý cho HS vận dụng nói về tác dụng của đồ dùng học tập có sử dụng trạng ngữ chỉ phương tiện
- Nhận xét giờ học.
- Dặn chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Thứ tư ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 18: BƯỚC MÙA XUÂN(4 tiết)

Tiết 1+2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bước mùa xuân*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của cảnh vật khi trời đất đang chuyển động sang mùa xuân.

- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật trong mùa xuân gắn với thời gian, không gian (địa điểm) cụ thể; bước đầu hiểu được những cảm nhận tinh tế của tác giả qua

những sự đổi thay của cảnh vật khi mùa xuân đang tới; thấy được tình yêu của thiên nhiên, tình yêu quê hương, làng cảnh quê hương Việt Nam mà tác giả gửi gắm qua tác phẩm.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Nói về sự tươi vui, náo nức của cảnh vật thiên nhiên khi xuân về.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức cách đánh giá của mình về các mùa trong năm. Biết thể hiện sự trân trọng bản thân và bạn bè.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài văn, biết yêu quý và trân trọng bạn bè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác luyện đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: <i>Dấu hiệu nào của thời tiết giúp em nhận biết ra mùa xuân đang về, Tết sắp đến?</i></p> <p>- GV giới thiệu nội dung trang minh họa bài thơ (vườn Hoa cải bên sông): Bức tranh minh họa cho bài thơ <i>Bước mùa xuân</i>, các em sẽ thấy bài thơ gợi ra bước đi của mùa xuân mùa xuân đang về khắp nơi nơi,... Để hiểu thêm về mùa xuân như thế nào thì cô mời cả lớp cùng bắt đầu tìm hiểu bài nhé!</p>	<p>- 1-2 học sinh trả lời câu hỏi trước lớp</p> <p>- Cả lớp nhận xét và trao đổi để hiểu rõ điều bạn chia sẻ.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Đọc đúng và diễn cảm bài thơ <i>Bước mùa xuân</i>, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của cảnh vật khi trời đất đang chuyển động sang mùa xuân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Đọc đúng.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.</p> <p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 6 khổ thơ theo thứ tự - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>xòe tay, trong veo, gọi mầm,..</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <ul style="list-style-type: none"> <i>Nụ xòe tay húng</i> <i>Giọt nắng trong veo</i> <i>Gió thơm hương lá</i> <i>Gọi mầm vươn theo...</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm ngắt, nghỉ theo nhịp thơ, từng khổ thơ theo cảm xúc của tác giả: Đọc thể hiện được sự tươi vui, náo nức của cảnh vật thiên nhiên khi xuân về. - Mời 6 HS đọc nối tiếp các khổ thơ. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 6 HS đọc nối tiếp các khổ thơ. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.

+ GV nhận xét tuyên dương	+ HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.												
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật trong mùa xuân gắn với thời gian, không gian (địa điểm) cụ thể; bước đầu hiểu được những cảm nhận tinh tế của tác giả qua những sự đổi thay của cảnh vật khi mùa xuân đang tới; thấy được tình yêu của thiên nhiên, tình yêu quê hương, làng cảnh quê hương Việt Nam mà tác giả gửi gắm qua tác phẩm.</p> <p>+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Nói về sự tươi vui, náo nức của cảnh vật thiên nhiên khi xuân về.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>													
<p>3.1. Tìm hiểu bài.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>Câu 1: Trong bài thơ những từ ngữ nào gọi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân?</p>	<table border="1" data-bbox="878 1052 1485 1287"> <tr> <td>Nắng</td> <td>Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng</td> </tr> <tr> <td>Mưa</td> <td>Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa</td> </tr> <tr> <td>Gió</td> <td>Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo</td> </tr> </table> <p>- HS lắng nghe</p> <table border="1" data-bbox="878 1373 1485 1692"> <tr> <td>Nắng</td> <td>Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng</td> </tr> <tr> <td>Mưa</td> <td>Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa</td> </tr> <tr> <td>Gió</td> <td>Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo</td> </tr> </table>	Nắng	Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng	Mưa	Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa	Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo	Nắng	Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng	Mưa	Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa	Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo
Nắng	Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng												
Mưa	Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa												
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo												
Nắng	Nụ xoè tay húng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng												
Mưa	Mưa giăng trên đồng, Ướt mềm ngọn lúa												
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mằm vườn theo												

Giáo viên nhắc lại: Bài thơ gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân(Mưa - uồn mềm ngọn lúa, gió xuân - nhẹ thổi làm hoa xoan rải tím mặt đường, nắng xuân - ấm áp gọi mầm vươn theo/ nụ xòe tay hứng nắng/ cỏ cũng xanh với nắng,...)

3.1. Tìm hiểu bài.

- GV mời 1 HS đọc toàn bài.
- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...
- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

Câu 1: Trong bài thơ những từ ngữ nào gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân?

Giáo viên nhắc lại: Bài thơ gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân(Mưa - uồn mềm ngọn lúa, gió xuân - nhẹ thổi làm hoa xoan rải tím mặt đường, nắng xuân - ấm áp gọi mầm vươn theo/ nụ xòe tay hứng

Nắng	Nụ xòe tay hứng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng
Mưa	Mưa giăng trên đồng, Uồn mềm ngọn lúa
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mầm vươn theo

- HS lắng nghe

Nắng	Nụ xòe tay hứng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng
Mưa	Mưa giăng trên đồng, Uồn mềm ngọn lúa
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá/ Gọi mầm vươn theo

<p>năng/ cỏ cũng xanh với nắng,...)</p>	
<p>3.2. Học thuộc lòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ + Mời HS đọc thuộc lòng cá nhân. + Mời HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + Mời HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Mời HS đọc thuộc lòng trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương. <p>3.3. Luyện tập theo văn bản đọc</p> <p>Câu 1: Tìm những từ ngữ gửi cảnh vật quen thuộc ở làng quê trong hai đoạn thơ</p> <p>Câu 2: Tìm từ ngữ có nghĩa giống với từ <i>quê hương</i>. Đặt câu với các từ ngữ vừa tìm được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia đọc thuộc lòng bài thơ. + HS đọc thuộc lòng cá nhân. + HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn. + HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ. + Một số HS đọc thuộc lòng trước lớp. <p>Đoạn thơ của tác giả Tế Hanh: con sông xanh biếc, những hàng tre, lòng sông lấp lánh</p> <p>Đoạn thơ của Nguyễn Văn Song: sân đình, làng, mái đình cong, giếng làng.</p> <p>Từ ngữ có ý nghĩa giống với từ <i>quê hương</i>: quê nhà, làng quê, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê quán,...Đặt câu học sinh tự làm</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: Trân trọng, bày tỏ tình cảm của mình 	

với thiên nhiên và những người xung quanh trong cuộc sống.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi đọc diễn cảm bài văn.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Toán

Bài 59: LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. Đọc, viết phân số.
- Nhận biết được các phân số bằng nhau.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- Thực hiện được việc rút gọn phân số
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.	- HS tham gia trò chơi
	+ Trả lời:
	+ Đáp án: C
+ Câu 1: Chọn câu trả lời đúng:	

<p>Phân số $\frac{5}{7}$ bằng phân số nào dưới đây?</p> <p>A. $\frac{10}{12}$ B. $\frac{25}{21}$ C. $\frac{25}{35}$ D. $\frac{15}{14}$</p> <p>+ Câu 2: So sánh hai phân số: $\frac{15}{14}$ và $\frac{3}{4}$</p> <p>+ Câu 3: Quy đồng hai phân số: $\frac{6}{7}$ và $\frac{12}{28}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>$+$ $\frac{15}{14}$ < $\frac{3}{4}$</p> <p>$+$ $\frac{6}{7}$ và $\frac{12}{28}$; $\frac{6}{7} = \frac{6 \times 4}{7 \times 4} = \frac{24}{28}$ vậy ta được $\frac{24}{28}$ và $\frac{12}{28}$;</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan. - Quy đồng được mẫu số của các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại). - Giải được bài toán thực tế liên quan đến khái niệm phân số. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số? (Làm việc cá nhân).</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- Bài yêu cầu gì?</p> <p>a) $\frac{1}{6}$ và $\frac{7}{18}$ b) $\frac{4}{5}$ và $\frac{11}{60}$ c) $\frac{7}{25}$ và $\frac{3}{100}$</p> <p>? Để quy đồng được mẫu số ta làm như thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- Quy đồng mẫu số các phân số</p> <p>- HS trả lời</p>

làm bảng.

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra
- GV gọi HS nhận xét bài bạn
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Quy đồng mẫu số các phân số?
(Làm việc cá nhân).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài
- Bài yêu cầu gì?

a) $\frac{2}{5}$; $\frac{13}{15}$ và $\frac{19}{45}$ b) $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{16}$

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

a) $\frac{1}{6}$ và $\frac{7}{18}$ MSC là 18

$$\frac{1}{6} = \frac{1 \times 3}{6 \times 3} = \frac{3}{18} \text{ ta được hai phân số } \frac{3}{18} \text{ và } \frac{7}{18}$$

b) $\frac{4}{5}$ và $\frac{11}{60}$ MSC là 60

$$\frac{4}{5} = \frac{4 \times 12}{5 \times 12} = \frac{48}{60} \text{ ta được hai phân số } \frac{48}{60} \text{ và } \frac{11}{60}$$

a) $\frac{7}{25}$ và $\frac{3}{100}$ MSC là 100

$$\frac{7}{25} = \frac{7 \times 4}{25 \times 4} = \frac{28}{100} \text{ ta được hai phân số } \frac{28}{100} \text{ và } \frac{3}{100}$$

- HS đổi chéo bài kiểm tra
- HS nhận xét bài bạn
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
- HS đọc yêu cầu bài
- Quy đồng mẫu số các phân số

? Để quy đồng được mẫu số ta làm như thế nào?

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng.

- GV yêu cầu HS đổi chéo bài kiểm tra

- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Tìm phân số thích hợp (theo mẫu).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

- HS trả lời

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

a) $\frac{2}{5}$; $\frac{13}{15}$ và $\frac{19}{45}$ MSC là 45

$$\frac{2}{5} = \frac{2 \times 9}{5 \times 9} = \frac{18}{45}$$

$$\frac{13}{15} = \frac{13 \times 3}{15 \times 3} = \frac{39}{45}$$

ta được các phân số $\frac{18}{45}$; $\frac{39}{45}$ và $\frac{19}{45}$

b) $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{5}{4}$ và $\frac{7}{16}$ MSC là 16

$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 8}{2 \times 8} = \frac{8}{16}$$

$$\frac{3}{8} = \frac{3 \times 2}{8 \times 2} = \frac{6}{16}$$

$$\frac{5}{4} = \frac{5 \times 4}{4 \times 4} = \frac{20}{16}$$

ta được các phân số $\frac{8}{16}$; $\frac{6}{16}$; $\frac{20}{16}$ và $\frac{7}{16}$

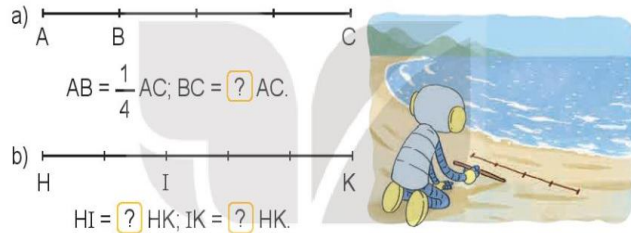
- HS đổi chéo bài kiểm tra

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu bài

- Tìm phân số



- GV phân tích mẫu phần a

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.

- GV nhận xét và tuyên dương

Bài 4. Viết $2; \frac{1}{6}; \frac{3}{4}$ thành ba phân số đều có mẫu số là 12.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm 3

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- GV nhận xét và tuyên dương

- HS lắng nghe và nhận xét.

a) $AB = \frac{1}{4} AC; BC = \frac{3}{4} AC$

- HS làm bài theo nhóm đôi

- HS chia sẻ kết quả tìm được

- HS nhận xét bài bạn.

b) $HI = \frac{2}{5} HK; IK = \frac{3}{5} AC$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

- HS đọc yêu cầu bài

- Viết các phân số thành phân số có mẫu là 12.

- HS làm bài theo nhóm

- HS nêu kết quả tìm được

- HS nhận xét bài bạn.

$$\frac{24}{12}; \frac{2}{12}; \frac{9}{12}$$

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 5. Đố em.

- GV cho HS tham gia trò chơi

- GV nêu cách chơi



Em hãy cùng Mai tìm cách giúp Nam.

- GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm đôi

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS lắng nghe

- HS xung phong tham gia chơi.

- HS chia sẻ kết quả nhóm

- HS lớp nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Ôn Toán

BÀI 59: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- Củng cố quy đồng và rút gọn phân số, giải toán thực tế có liên quan(ôn tập).

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động: (3-5') - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1:	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

+ Câu 2:

- GV Nhận xét, tuyên dương.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 73. Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. a. Quy đồng mẫu số các phân số ?

$$\frac{1}{7} \text{ và } \frac{5}{21} \qquad \frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{72} \qquad \frac{13}{20} \text{ và } \frac{43}{100}$$

b) Rút gọn rồi quy đồng mẫu số các phân số.

$$\frac{9}{12} \text{ và } \frac{11}{20} \qquad \frac{8}{24} \text{ và } \frac{8}{27}$$

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

Cho làm vở cá nhân, đổi vở soát nhận xét theo bàn

- HS lắng nghe.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

-Hs làm bài

- Hs trả lời làm vở cá nhân

Đưa về phân số có mẫu số giống nhau

- HS đổi vở soát nhận xét

Thực hiện tính nháp ghi kết quả vào cột tương ứng:

$$\frac{1}{7} = \frac{1 \times 3}{7 \times 3} = \frac{3}{21}$$

Vậy

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** Cách quy đồng mẫu số các phân số

$\frac{1}{7}$ và $\frac{5}{21}$ sau khi QĐ được $\frac{3}{21}$ và $\frac{5}{21}$

$$\frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{72}$$

Ta có $\frac{5}{6} = \frac{60}{72}$

vậy sau khi QĐ $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{72}$

$$\text{ta được } \frac{60}{72} \text{ và } \frac{7}{72}$$

$\frac{13}{20}$ và $\frac{43}{100}$ sau khi QĐ

$$\text{ta được } \frac{65}{100} \text{ và } \frac{43}{100}$$

$$b. \frac{9}{12} \text{ và } \frac{11}{20}$$

rút gọn được $\frac{3}{4}$ và $\frac{11}{20}$

$$\text{QĐ được } \frac{15}{20} \text{ và } \frac{11}{20}$$

$$\frac{8}{24} \text{ và } \frac{8}{27}$$

rút gọn được $\frac{1}{3}$ và $\frac{8}{27}$

$$\text{QĐ được } \frac{9}{27} \text{ và } \frac{8}{27}$$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu, làm nhóm 2: Thi nhóm ai nhanh hơn

Tìm mẫu số chung chia hết cho các chữ số là mẫu số. Rồi thực hiện nhân thương với tử số tương ứng.

Bài 2. Quy đồng mẫu số các phân số.:

a) $\frac{1}{6}; \frac{17}{18}$ và $\frac{11}{54}$?

b) $\frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{7}{9}$ và $\frac{17}{36}$

Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

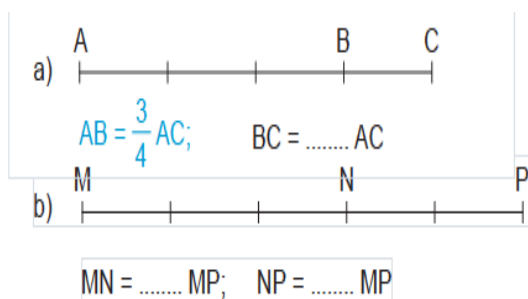
- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** cách quy đồng nhiều phân số

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm



- Bài yêu cầu gì?

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ cách làm

- Chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

-HS làm bảng và phiếu nhóm, chữa ,nhận xét

- HS trình bày..

$$\frac{1}{6}; \frac{17}{18} \text{ và } \frac{11}{54}$$

QĐ được $\frac{9}{54}; \frac{51}{54}$ và $\frac{11}{54}$

$$\frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{7}{9} \text{ và } \frac{17}{36}$$

QĐ được $\frac{27}{36}; \frac{30}{36}; \frac{28}{36}$ và $\frac{17}{36}$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS lắng nghe luật chơi ai nhanh hơn

- HS thực hiện trước lớp

Học sinh nối tiếp đọc đề nêu miệng khai thác đề cách làm(đếm số đoạn thẳng để chọn điền phân số tương ứng)và trình bày vào vở thi ai nhanh và đúng hơn

Kết quả

a. $BC = \frac{1}{4} AC$

b. $MN = \frac{3}{5} MP, NP = \frac{2}{5} MP$

HS đọc đề, làm vở cá nhân, chia sẻ

<p>→ Củng cố: cấu tạo phân số</p> <p>Bài 4: (Làm Cá nhân)</p> <p>Viết $3\frac{7}{8}; \frac{5}{6}$ thành 3 phân số đều có mẫu số là 24.</p> <p>GV cho HS làm vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS theo dãy - Nhận xét, đánh giá bài HS. <p>→ Củng cố cách quy đồng phân số, viết số tự nhiên dưới dạng phân số</p> <p>3, Vận dụng trải nghiệm</p> <p>Đố em. Làm thế nào lấy được đoạn dây dài $\frac{1}{6}$m từ đoạn dây dài $\frac{2}{3}$m.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<p>trước lớp cách làm, đổi vở soát, nhận xét.</p> <p>Đáp số</p> $\frac{72}{24}; \frac{21}{24}; \frac{20}{24}$ <p>Vì $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$ nên ta gấp đôi đoạn dây được 2 đoạn rồi lại gấp đôi lần nữa được 4 đoạn rồi cắt lấy 1 đoạn chính là $\frac{1}{6}$ của $\frac{2}{3}$m</p> <p>Ôn bài chuẩn bị bài tiết 3</p>
---	---

Thứ sáu, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tiếng Việt

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

Bài: NHỮNG MIỀN QUÊ YÊU DẤU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết nói trước nhóm, trước lớp về những hình ảnh đặc sắc, tiêu biểu về quê hương.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nâng cao kỹ năng nói và nghe trong giao tiếp.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết lắng nghe và nhận xét về bạn.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.	
+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “ <i>Quê hương</i> ” để	- HS tham gia trò chơi

<p>khởi động bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đố các em bài hát nói về điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> + Quê hương. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết nói trước nhóm, trước lớp về những hình ảnh đặc sắc, tiêu biểu về quê hương. + Phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>1. Nói về quê hương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cách nói về quê hương: <p>GV nói với học sinh qua bài <i>Cây đa quê hương</i> để các em đã hiểu phần nào cách kể, cách nói về quê hương. Dựa vào những gợi ý và tranh minh họa, các em hãy giới thiệu về một miền quê mình yêu mến đó có thể là quê nội, quê ngoại hoặc miền quê mình đang sống, miền quê mình có dịp ghé thăm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mời một học sinh lên trước lớp để làm ví dụ. + HD HS đó tự giới thiệu về quê hương trước lớp: Giới thiệu về một số điểm nổi bật của quê hương (cây đa, giếng nước, sân đình,...) + GV mời một số HS khác phát biểu về tự nhận xét của bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện. + 1 HS lên đứng trước lớp và tự giới thiệu về quê hương. Giới thiệu về một số điểm nổi bật của quê hương (cây đa, giếng nước, sân đình,...)

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời học sinh làm việc cá nhân, mỗi HS tự viết ra giấy 3 điểm nổi bật của bản thân, sau đó từng em đọc trước lớp. - Cả lớp nhận xét, phát biểu. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân, ghi vào giấy 3 điểm nổi bật của mình và đọc trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. - HS nhận xét bạn mình. - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>2. Trao đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 thực hiện các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu những điểm nổi bật của quê hương + Nói điều em mong muốn về quê hương. - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm khác nhận xét. - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 4. Trao đổi và thực hiện yêu cầu. - Nhóm trưởng tổng hợp kết quả thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Tự tin, mạnh dạn, biết trao đổi nhận xét trong giao tiếp. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi “Ai là người hóm hỉnh”. + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về một miền 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng.

<p>quê. (giới thiệu những nét nổi bật của của nơi đó)</p> <p>+ Mời các nhóm trình bày.</p> <p>+ GV nhận xét chung, trao thưởng.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào giới thiệu hay, hình ảnh sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,...</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	



Toán

CHỦ ĐỀ 11: PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ, PHÂN SỐ

Bài 60: PHÉP CỘNG PHÂN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số.
- Thực hiện phép cộng hai, ba phân số khác mẫu số, trong đó có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.


- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: So sánh hai phân số: $\frac{27}{24}$ và $\frac{5}{6}$	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: + $\frac{27}{24} > \frac{5}{6}$

<p>+ Câu 2: Quy đồng hai phân số: $\frac{15}{35}$ và $\frac{7}{5}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>$+\frac{7}{5}$ và $\frac{15}{35}; \frac{7}{5} = \frac{7 \times 7}{5 \times 7} = \frac{49}{36}$ vậy ta được $\frac{15}{35}$ và $\frac{49}{35};$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	--

<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số. - Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng các phân số. <p>- Cách tiến hành:</p>	
---	--

<p>* Tìm hiểu tình huống:</p> <p>- GV đưa tình huống (PP)</p>  <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi</p> <p>? Việt tô màu mấy phần của băng giấy?</p> <p>? Mai tô màu mấy phần của băng giấy?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV đưa ra hai phân số mà 2 bạn tô được trên băng giấy.</p>	<p>- HS quan sát trên màn chiếu tình huống.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- Việt tô màu vào $\frac{1}{5}$ băng giấy</p> <p>- Mai tô màu $\frac{2}{5}$ băng giấy</p> <p>$\frac{1}{5}$ và $\frac{2}{5}$</p>
--	---

<p>GV yêu cầu HS đọc hai phân số</p> <p>? Muốn tìm cả hai bạn đã tô màu vào mấy phần của băng giấy ta làm thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu phép tính - HS đọc phép tính - GV hướng dẫn HS cách thực hiện cộng hai phân số. - GV yêu cầu HS nhắc lại cách thực hiện <p>? Hai phân số có điểm gì giống nhau?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét - GV nêu câu hỏi cộng hai phân số <p>? Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số ta làm thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt quy tắc cộng phân số. - GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc. - GV đưa ví dụ cho HS thực hành $\frac{4}{7} + \frac{6}{7}$ <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phân số - Ta cộng hai phân số lại với nhau. $\frac{1}{5} + \frac{2}{5}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phép tính $\frac{1}{5} + \frac{2}{5} = \frac{1+2}{5} = \frac{3}{5}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lại cách thực hiện. - Hai phân số có cùng mẫu số - HS nêu theo ý hiểu của mình. <p>=> Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lại quy tắc. - HS thực hiện phép cộng hai phân số
<p>3. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số. - Vận dụng được phép cộng hai, ba phân số có cùng mẫu số để giải các bài toán - Giải được bài toán thực tế liên quan đến khái niệm cộng hai phân số cùng mẫu 	

số

- Cách tiến hành:

Bài 1. Tính (theo mẫu). (Làm việc cá nhân).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

- GV hướng dẫn mẫu

$$\text{Mẫu: } \frac{2}{3} + \frac{5}{3} = \frac{2+5}{3} = \frac{7}{3}$$

$$\text{a) } \frac{2}{7} + \frac{4}{7} \quad \text{b) } \frac{23}{13} + \frac{8}{13} \quad \text{c) } \frac{27}{125} + \frac{16}{125}$$

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng.

- GV yêu cầu HS đối chéo bài kiểm tra

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời

- HS quan sát mẫu

- 1 HS làm bài vở

- 3 HS làm trên bảng

- 1 HS nêu cách làm.

- HS lần lượt làm :

$$\text{a) } \frac{2}{7} + \frac{4}{7} = \frac{2+4}{7} = \frac{6}{7}$$

$$\text{b) } \frac{23}{13} + \frac{8}{13} = \frac{23+8}{13} = \frac{31}{13}$$

$$\text{c) } \frac{27}{125} + \frac{16}{125} = \frac{27+16}{125} = \frac{43}{125}$$

- HS đối chéo bài kiểm tra

- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

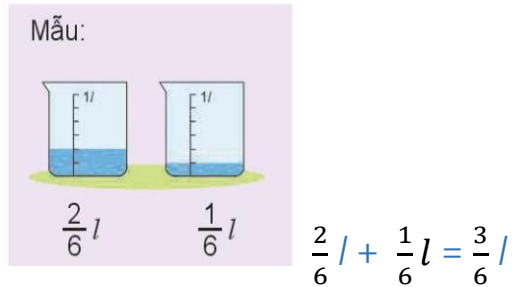
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Viết phép tính thích hợp (theo mẫu) (Làm việc nhóm 2).

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

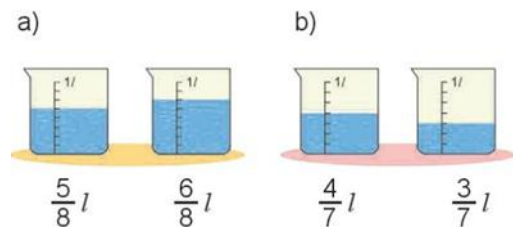
- Bài yêu cầu gì?

- GV cho HS quan sát tranh và hướng dẫn mẫu



- GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả



- GV gọi HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Số?

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- Bài yêu cầu gì?

?

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời

- HS quan sát

- HS thảo luận nhóm đôi

- HS nhóm chia sẻ kết quả

a) $\frac{5}{8} l + \frac{6}{8} l = \frac{11}{8} l$

b) $\frac{4}{7} l + \frac{3}{7} l = \frac{7}{7} l$

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe.

$$\text{a) } \frac{7}{15} + \frac{3}{15} = \frac{10}{15} \quad \text{b) } \frac{9}{8} + \frac{2}{8} = \frac{11}{8}$$

?

$$\text{c) } \frac{6}{21} + \frac{9}{21} = \frac{15}{21}$$

?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.

- HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 4.

- GV cho HS đọc yêu cầu bài

- GV phân tích bài toán

? Bài toán cho biết gì?

? Bài toán hỏi gì?

- GV nêu tóm tắt cho HS

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời

- HS làm bài cá nhân

$$\text{a) } \frac{7}{15} + \frac{3}{15} = \frac{10}{15} \quad \text{b) } \frac{9}{8} + \frac{2}{8} = \frac{11}{8}$$

$$\text{c) } \frac{6}{21} + \frac{9}{21} = \frac{15}{21}$$

21

- HS nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe

- HS đọc yêu cầu bài

- Ngày thứ nhất, Mai đọc được $\frac{2}{7}$ cuốn sách, Ngày thứ hai, Mai đọc được $\frac{3}{7}$ cuốn sách.

- Cả hai ngày Mai đọc được bao nhiêu phần của cuốn sách?

Tóm tắt

Ngày thứ nhất đọc: $\frac{2}{7}$ cuốn sách

Ngày thứ hai đọc: $\frac{3}{7}$ cuốn sách

Cả hai ngày đọc: ... cuốn sách?

- GV yêu cầu HS nêu lại bài toán từ tóm tắt

? Muốn biết được Mai đọc được bao nhiêu phần cuốn sách ta làm thế nào?

- GV yêu cầu HS làm bài.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- HS nhận xét bài bạn

- GV nhận xét và tuyên dương

- HS nêu lại bài toán

- HS trả lời

- HS làm bài vở, 1 HS làm bảng

Bài giải

Mai đọc được số phần của cuốn sách là:

$$\frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{7} \text{ (cuốn sách)}$$

Đáp số: $\frac{5}{7}$ cuốn sách

- HS nhận xét bài bạn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV đưa ví dụ và cho HS chơi trò chơi

$$\frac{4}{8} + \frac{9}{8}; \frac{11}{25} + \frac{8}{25}; \frac{113}{121} + \frac{9}{121}; \frac{81}{67} + \frac{19}{67}$$

- GV cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”

- GV nêu cách chơi, hướng dẫn cách chơi

- HS tham gia chơi

- HS nêu kết quả

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS lắng nghe

- HS tham gia chơi.

- HS chia sẻ kết quả

$$\frac{4}{8} + \frac{9}{8} = \frac{13}{8} \quad \frac{11}{25} + \frac{8}{25} = \frac{19}{25}$$

$$\frac{113}{121} + \frac{9}{121} = \frac{122}{121} \quad \frac{81}{67} + \frac{19}{67} = \frac{100}{67}$$

- HS lớp nhận xét bài bạn

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử và Địa lí

Bài 23: LỄ HỘI CÒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên; Chỉ ra được một hoạt động bản thân ấn tượng nhất và lí giải.
- Nhận biết được những điểm chung về ý nghĩa của cồng chiêng, mục đích sử dụng cồng chiêng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của môn Lịch sử và địa lí.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Tự hào về văn hóa bản địa của vùng đất Tây Nguyên.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị mà cha ông để lại.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

1. Khởi động:

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức cho HS hát múa theo bài: Đi cắt lúa (một bài hát dân ca của Tây Nguyên).

- GV dẫn vào bài mới.

- HS múa, hát.

- HS lắng nghe.

2. Luyện tập:

- Mục tiêu:

+ Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên; Chỉ ra được một hoạt động bản thân ấn tượng nhất và lí giải.

+ Nhận biết được những điểm chung về ý nghĩa của cồng chiêng, mục đích sử dụng cồng chiêng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Hoàn thành Phiếu học tập

- GV tổ chức cho HS theo dõi 1 video ngắn về một lễ hội Cồng chiêng và phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS ghi các hoạt động chính diễn ra trong lễ hội mà qua theo dõi em biết được.

Hoạt động 2: HS chia sẻ quan điểm bản thân.

- GV tổ chức cho HS lựa chọn, chỉ ra một hoạt động trong lễ hội Cồng chiêng (diễn tấu

- HS theo dõi clip và hoàn thiện Phiếu học tập.

- 1 vài HS phát biểu.

<p>công chiêng, hoạt động phục dựng các lễ hội dân gian, các cuộc thi,...) mà HS ấn tượng nhất và nêu lí do.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 vài HS lên phát biểu, chia sẻ. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).
--	--

3. Vận dụng trải nghiệm

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Hoạt động: Phóng viên nhí.

- GV mời 1 HS đại diện làm phóng viên nhí. Phóng viên sẽ phỏng vấn các nhóm (Dựa trên bài đã chuẩn bị trước của các nhóm) giới thiệu về một số dân tộc khác ngoài vùng Tây Nguyên có sử dụng công chiêng, và mục đích sử dụng của họ.

- GV nhận xét, kết luận.

- 1 HS làm Phóng viên nhí.
- 1 vài nhóm giới thiệu về bài mình đã chuẩn bị.
- Các nhóm nhận xét, bổ sung nếu có.
- Phóng viên mời các bạn nêu sự giống và khác nhau về mục đích sử dụng công chiêng qua phần giới thiệu của các nhóm.
- HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ 8: EM VÀ CUỘC SỐNG XANH

BÀI: KẾ HOẠCH SINH HOẠT LỚP (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tự đánh giá các hoạt động trong tuần của bản thân và tham gia đánh giá các hoạt động chung của lớp. Xác định được các việc cần thực hiện trong tuần tiếp theo.
- Hưởng ứng phong trào “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”.

2. Năng lực chung:

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Xác định mục tiêu, lập kế hoạch tham gia phong trào “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức và thực hiện các việc làm phù hợp với lứa tuổi để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và giữ gìn trường lớp xanh, sạch, đẹp.
- Phẩm chất yêu nước: thể hiện ở tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào và ý thức chăm sóc và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của địa phương.
- Phẩm chất trung thực: Phản ánh chính xác kết quả điều tra về thực trạng vệ sinh trường, lớp.
- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động làm sạch, đẹp môi trường trường, lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài giảng điện tử...

2. Học sinh: Giấy A4, bút viết, bút dạ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
Khởi động:	

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>★ Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.</p> <p>★ Cách thực hiện:</p> <p>GV tổ chức cho HS hát (vỗ tay).</p>	<p>- Cả lớp hát.</p>
<p>Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần 28 và phương hướng hoạt động tuần 29</p>	
<p>a. Sơ kết tuần 28:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Từng tổ báo cáo - Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 28. - GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên được phân công báo cáo. - Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung ý kiến. - Lắng nghe cô giáo nhận xét
<p>b. Phương hướng tuần 29</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục ổn định, duy trì nề nếp quy định. - Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra. - Tích cực học tập để nâng cao chất lượng. - Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh trường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt - Thực hiện các hoạt động khác theo phân công 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và bổ sung ý kiến cho tuần sau
<p>Hoạt động 2. Hưởng ứng phong trào “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”</p>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS tập trung đúng vị trí để tọa đàm về chủ đề “Môi trường xanh – Cuộc sống xanh”. - GV yêu cầu HS suy nghĩ và chia sẻ cảm xúc của bản thân sau khi tham gia chương trình. - <i>Gợi ý:</i> <i>Em thấy việc tham dự buổi tọa đàm hôm nay có vui không? Nó có ý nghĩa gì trong việc kêu gọi mọi người chung tay giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tập trung đúng vị trí. - Tham gia suy nghĩ và chia sẻ cảm xúc của bản thân khi tham gia chương trình.
<p>Tổng kết /cam kết hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV cho HS khái quát lại nhiệm vụ rèn luyện của bản thân trong tuần. 	



Mỹ thuật

Chủ đề 7: THẦY CÔ MẾN YÊU

Bài 13: KỈ NIỆM VỀ THẦY CÔ

(Thời lượng 2 tiết – Học tiết 1)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ:

- Nhận biết được yếu tố tạo hình trong thực hiện SPMT về chủ đề nhà trường.
- Thể hiện được tình cảm đối với thầy cô thông qua SPMT.
- Vận dụng được ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể, xây dựng câu chuyện,... bày tỏ tình cảm của bản thân đối với thầy cô thông qua SPMT.

1. Về phẩm chất.

- Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu nước và nhân ái ở HS.

- Biết thể hiện tình cảm, lòng biết ơn kính trọng với thầy cô, bạn bè và nhà trường.
- Xây dựng tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm.
- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng, vật liệu để thực hành sáng tạo.
- Biết chia sẻ thẩn thẩn, chân thực suy nghĩ của mình trong trao đổi, nhận xét sản phẩm.

2. Về năng lực.

2.1. Năng lực đặc thù môn học.

- *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ*: Nhận biết các yếu tố tạo hình thể hiện trong sản phẩm. Cảm nhận được nội dung thông qua SPMT.
- *Sáng tạo vào ứng dụng thẩm mỹ*: Thực hiện được bài thực hành sáng tạo sử dụng các yếu tố tạo hình khác nhau theo đúng nội dung chủ đề.
- *Phân tích đánh giá thẩm mỹ*: Biết trưng bày, nêu tên sản phẩm và thực hiện sản phẩm về chủ đề thầy cô mếm yêu. Biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của cá nhân và nhóm.

2.2. Năng lực chung.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học tập, thực hành, trưng bày, chia sẻ, cảm nhận sản phẩm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết dùng vật liệu và công cụ để thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.

2.3. Năng lực đặc thù của học sinh.

- *Năng lực ngôn ngữ*: Vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, giới thiệu, nhận xét sản phẩm,...

- *Năng lực tính toán*: Vận dụng sự hiểu biết về hình trong không gian hai chiều, ba chiều để áp dụng vào việc sắp xếp khoảng cách, vị trí, bố cục các yếu tố trang trí.

II. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, gợi mở, trực quan, thực hành sáng tạo, thảo luận nhóm, luyện tập đánh giá.

- Hình thức tổ chức: Hướng dẫn thực hành hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

1. Giáo viên.

- Giáo án, Kế hoạch dạy học, máy tính trình chiếu PowerPoint (nếu có).

- SGK, SGV, KHBD

- Một số sản phẩm về chữ và hình có sử dụng trang trí.

- Một số sản phẩm mỹ thuật của HS với chủ đề sáng tạo cùng hình và chữ

2. Học sinh.

- SGK. VBT

- Bút chì, màu vẽ (bút chì màu, màu sáp màu,...), bút vẽ các cỡ, giấy trắng, giấy màu, keo dán, tẩy/ gôm,...

- Suu tầm tranh, ảnh liên quan đến bài học.

IV. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC.

*** HOẠT ĐỘNG 1: Là hoạt động quan sát thực tế, tranh, ảnh sản phẩm mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm nhằm khám phá nhận thức thẩm mỹ.**

Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
* Khởi động. - GV cho HS sinh hoạt đầu giờ. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi.	- HS sinh hoạt.

<p>* Mục tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận biết được yếu tố tạo hình trong các hình ảnh, SPMT. <p>* Nội dung hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV định hướng kiến thức cho HS thông qua các gợi ý trong SGK trang 57. - GV đặt câu hỏi để HS thảo luận và chia sẻ cảm xúc bản thân về thầy cô. <p>* Sản phẩm học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và mô tả được các yếu tố tạo hình trong tranh, ảnh sản phẩm. <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu một số tranh ảnh ở SGK trang 56, 57 hoặc hình ảnh do GV sưu tầm và đặt câu hỏi để HS thảo luận. - GV lồng ghép một số trò chơi cho tiết học thêm sinh động. - GV căn cứ tình hình thực tế của lớp, có thể tổ chức hoạt động nhóm để thảo luận. - GV đưa ra những gợi ý thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> + <i>Thầy cô và các bạn HS đang tham gia những hoạt động nào?</i> + <i>Ý nghĩa của hoạt động đó là gì?</i> + <i>Hình dáng, cử chỉ của thầy cô và các bạn HS như thế nào?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cảm nhận, ghi nhớ và phát huy lĩnh hội. <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát một số hoạt động trong nhà trường thông qua tranh, ảnh trong SGK trang 56, 57 và thảo luận về hình ảnh nhân vật, màu sắc, không gian, cảnh vật xung quanh,... <ul style="list-style-type: none"> - HS xem tranh thảo luận. <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện trò chơi. <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu thảo luận, trả lời câu hỏi. + <i>HS trả lời.</i> + <i>HS trả lời.</i> + <i>HS trả lời.</i>
--	---

<p>+ Màu sắc trong ảnh và màu sắc trong tranh như thế nào?</p> <p>+ Em sẽ chọn ý tưởng nào để thực hiện SPMT?</p> <p>* GV lưu ý: SPMT có ý nghĩa thể hiện tình cảm yêu thương và sự kính trọng của HS dành cho thầy cô.</p> <p>* GV chốt: Vậy là chúng ta đã nhận biết được yếu tố tạo hình trong các hình ảnh, SPMT ở hoạt động 1.</p>	<p>+ HS trả lời.</p> <p>+ HS trả lời.</p> <p>- HS lưu ý.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
---	--

B. LUYỆN TẬP - SÁNG TẠO.

<p>* HOẠT ĐỘNG 2: Là hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hành các bài tập mỹ thuật theo chương trình, giúp học sinh có thể sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ở mỗi chủ đề/ bài học.</p>	
Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
<p>* Khởi động.</p> <p>- GV cho HS sinh hoạt đầu giờ.</p> <p>- Tổ chức cho HS chơi trò chơi.</p> <p>* Mục tiêu.</p> <p>- HS biết được các bước cơ bản để thực hiện một SPMT theo hình thức vẽ, xé, dán, nặn.</p> <p>- HS thực hiện được một SPMT đúng nội dung bài học.</p> <p>* Nội dung hoạt động.</p>	<p>- HS sinh hoạt.</p> <p>- HS cảm nhận, ghi nhớ và phát huy linh hội.</p>

<p>- HS tham khảo các bước tạo SPMT trong SGK trang 58.</p> <p>- HS thực hiện được một SPMT bày tỏ tình cảm với thầy cô.</p> <p>* Sản phẩm học tập.</p> <p>- HS thực hiện được một SPMT bày tỏ tình cảm với thầy cô.</p> <p>* Tổ chức hoạt động.</p> <p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị vật liệu để thực hành.</p> <p>- GV giới thiệu cho HS trao đổi về các bước gợi ý thể hiện sản phẩm trong SGK trang 58.</p> <p>- GV định hướng một số câu hỏi theo gợi ý các bước trong SGK trang 53.</p> <p>+ Bài tập thực hành:</p> <p>- Thực hiện một SPMT bày tỏ tình cảm của em với thầy cô, chất liệu và kích thước, sản phẩm do GV quy định theo điều kiện thực tế tại địa phương.</p> <p>- GV cho HS tham khảo một số SPMT trong SGK trang 59 do GV sưu tầm</p> <p>* GV chốt: <i>Vậy là chúng ta đã biết được các bước cơ bản để thực hiện một SPMT theo hình thức vẽ, xé, dán, nặn, thực hiện được một SPMT đúng nội dung bài học ở hoạt động 2.</i></p> <p>* Cũng cố dặn dò.</p>	<p>- HS tham khảo các bước tạo SPMT.</p> <p>- HS thực hiện được một SPMT.</p> <p>- HS chuẩn bị vật liệu để thực hành.</p> <p>- HS trao đổi về các bước gợi ý thể hiện sản phẩm trong SGK trang 58.</p> <p>- HS ghi nhớ, trả lời.</p> <p>- HS thực hành.</p> <p>- HS tham khảo một số SPMT trong SGK trang 59.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p>- HS ghi nhớ.</p>
--	--

- Chuẩn bị tiết sau.	
----------------------	--

.....

Ôn Toán

BÀI 59: LUYỆN TẬP CHUNG - TRANG 73-74 (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực

- củng cố so sánh phân số
- Giải toán có lời văn liên quan đến so sánh phân số (bổ sung)
- Thông qua hoạt động luyện tập thực hành, vận dụng giải bài toán thực tế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên:* Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. *Học sinh:* Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HD khởi động: (3-5')</p> <p>- GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ:</p>	<p>- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết</p>

+ Câu 1:

+ Câu 2:

- GV Nhận xét, tuyên dương.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 73-74 vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1.(Làm cá nhân) $>$; $<$; $=$?

a) $\frac{32}{37} \square \frac{31}{37}$

$\frac{5}{6} \square \frac{17}{24}$

$\frac{35}{56} \square \frac{5}{8}$

b) $\frac{13}{17} \square \frac{13}{18}$

$\frac{45}{15} \square 3$

$2 \square \frac{15}{7}$

c) $\frac{12}{13} \square 1$

$1 \square \frac{43}{39}$

$\frac{12}{13} \square \frac{43}{39}$

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

- HS lắng nghe.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

-Hs làm bài

Học sinh làm bảng con

- Hs giải thích cách làm

- 1 HS chia sẻ trước lớp, nhận xét bổ sung

a) $\frac{32}{37} > \frac{31}{37}$

$\frac{5}{6} > \frac{17}{24}$

$\frac{35}{56} = \frac{5}{8}$

b) $\frac{13}{17} > \frac{13}{18}$

$\frac{45}{15} = 3$

$2 < \frac{15}{7}$

c) $\frac{12}{13} < 1$

$1 < \frac{43}{39}$

$\frac{12}{13} < \frac{43}{39}$

→ **Củng cố: so sánh phân số cùng tử số, cùng mẫu số, so sánh phân số với 1**

Bài 2. Đ.S ?

Mai có một số viên bi. Mai cho Nam $\frac{1}{2}$ số viên bi và cho Việt $\frac{3}{8}$ số viên bi đó. Như vậy:

a. Việt được Mai cho nhiều bi hơn Nam....

b. Nam được Mai cho nhiều bi hơn Việt...

Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố: cách so sánh phân số .**

Bài 3.

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng, có một cái bánh pi -da. Nam ăn $\frac{1}{2}$ cái bánh, Mai ăn $\frac{1}{5}$ cái bánh Việt ăn $\frac{3}{10}$ cái bánh. Bạn ăn nhiều bánh nhất là :

A. Nam B .Mai C. Việt.

? Bài toán cho biết gì, cần tìm gì? Cần tính như thế nào?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- Hs đi quy đồng mẫu số hai phân số rồi so sánh, trả lời viết vở, nêu miệng nơi tiếp, nhận xét.

- Học sinh trình bày vào vở

- Đối vở soát ,nhận xét

Vì $\frac{1}{2}$ và $\frac{3}{8}$ QĐ được $\frac{4}{8}; \frac{3}{8}$ ta thấy $\frac{4}{8} > \frac{3}{8}$ nên a điền S và b điền Đ

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu, tóm tắt tìm cách giải

- HS trình bày..

Vì $\frac{1}{2}; \frac{1}{5}; \frac{3}{10}$ QĐ được $\frac{5}{10} > \frac{3}{10} > \frac{2}{10}$ nên khoanh vào A, Nam ăn nhiều bánh nhất.

lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

→ **Củng cố:** giải toán liên quan đến tình huống thực tế..

Bài 4: Viết tiếp vào chỗ. Cho thích hợp.

a) Các phân số ở ngoài hàng rào viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

b) Các phân số ở trong hàng rào viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

GV cho HS chơi trò chơi.

- GV cho HS theo dõi

b

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

→ **Củng cố cách so sánh phân số dạng quy đồng có mẫu số lớn nhất chia hết cho các mẫu số còn lại**

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

3, Vận dụng trải nghiệm

Bài 5: Đố em! Quả thanh long, cân nặng $\frac{9}{11}$ kg quả bưởi cân nặng $\frac{7}{6}$ kg. Hỏi quả nào nặng hơn? Viết tiếp vào chỗ. Cho thích hợp : quả..... nặng hơn.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. Bài 60

- HS lắng nghe luật chơi

- HS thực hiện trước lớp

Kết quả

$$a. \frac{5}{19} < \frac{8}{19} < \frac{13}{19}$$

$$b. \frac{9}{4} > \frac{23}{28} > \frac{45}{56} > \frac{4}{7} \text{ vì}$$

$$\frac{126}{56} > \frac{46}{56} > \frac{45}{56} > \frac{32}{56}$$

- HS quy đồng, hay so sánh với 1 để so sánh hai phân số và điền vào ô trống :

quả **bưởi** nặng hơn.

Về ôn bài, chuẩn bị bài tiếp theo

Ngày 7 tháng 3 năm 2024

Khôi trưởng

Handwritten signature in black ink, appearing to be 'ng' with a flourish, underlined.

Nguyễn Thị Ngọc Thuận

Ngày 11 tháng 3 năm 2024

PH. trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hải